

Phụ lục:
THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THỂ GIỚI (WTO)
(Kèm theo công văn số: /SPS-BNNMT, ngày tháng 9 năm 2025)

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
1	G/SPS/N/JPN/1358	CNTY, ANTP	Nhật Bản	17/7/2025	Sửa đổi các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y: Prallethrin.			
						Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại	Ghi chú
						Thịt bò (cơ)	0,01	—	
						Thịt heo (cơ)	0,01	—	
						Mỡ bò	○ 0,02	—	
						Mỡ heo	○ 0,02	—	
						Gan bò	0,01	—	
						Gan heo	0,01	—	
						Thận bò	0,01	—	
						Thận heo	0,01	—	
						Phụ phẩm ăn được của bò ¹	0,01	—	
						Phụ phẩm ăn được của heo	0,01	—	
						Sữa	0,01	—	
						Thịt gà (cơ)	0,01	—	
						Mỡ gà	○ 0,02	—	
						Gan gà	0,01	—	
						Thận gà	0,01	—	
Phụ phẩm ăn được của gà	0,01	—							

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
						Trứng gà	0,01	—	
						○: Các sản phẩm có đề xuất nâng mức MRL. ¹ “Phụ phẩm ăn được” là tất cả các bộ phận có thể ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận.			
2	G/SPS/N/JPN/1357	CNTY, ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	17/7/2025	Sửa đổi các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc bảo vệ thực vật: Spinetoram.			
						Một số sản phẩm tiêu biểu			
						Nhóm sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú
						Gạo lứt	0,02	0,1	●
						Khoai tây	0,02	0,1	●
						Củ cải đường	0,02	0,1	●
						Rau cải nước	3	8	●
						Cải thảo Trung Quốc	0,7	1	●
						Bắp cải	0,3	2	●
						Cải Brussels	1	2	●
						Cải xoăn	10	5	○
						Komatsuna	5	10	●
						Kyona	5	10	●
						Qing-geng-cai	3	10	●
						Cần tây	6	8	●
						Bí ngô	0,1	0,3	●
						Mướp Nhật	0,1	0,3	●
						Cam	0,5	0,7	●
						Bưởi	0,3	0,7	●
						Lê Nhật	0,3	0,5	●
						Mận Mơ Nhật	0,7	0,8	●
						Dâu tây	1	2	●

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
						Các loại quả mọng khác	0,5	0,7	●
						Các loại gia vị khác	2	3	●
						Các loại thảo mộc khác	10	8	○
						Chú thích: ●: Nhóm sản phẩm có đề xuất giảm mức MRL. ○: Nhóm sản phẩm có đề xuất tăng mức MRL. Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê dưới đây.			
3	G/SPS/N/JPN/1356	CNTY, ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	17/7/2025	Sửa đổi các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc bảo vệ thực vật: Etofenprox.			
						Một số sản phẩm tiêu biểu			
						Nhóm sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú
						Ngô (kể cả bắp rang, ngô ngọt)	0,2	0,3	●
						Đậu tương khô	0,08	0,1	●
						Đậu Hà Lan	0,03	0,01	○
						Khoai tây	0,01	0,05	●
						Củ cải đường	0,2	0,3	●
						Củ cải Nhật (phân rễ)	0,1	0,2	●
						Cải thảo Trung Quốc	6	7	●
						Rau diếp	2	3	●
						Các loại rau thuộc họ hoa tán khác	1	2	●
						Dưa hấu	1	2	●

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
						Dưa Makuwauri (sau khi bỏ cuống)	0,1	0,2	●
						Cơ của bò, heo và động vật có vú khác	0,5	0,2	○
						Mỡ của bò, heo và động vật có vú khác	8	6	○
						Gan của bò, heo và động vật có vú khác	0,4	0,3	○
						Thận của bò, heo và động vật có vú khác	0,6	0,4	○
						Phụ phẩm ăn được (trừ cơ, mỡ, gan, thận)	0,6	0,4	○
						Sữa	0,7	0,4	○
						Mỡ gà và gia cầm khác	0,8	1,0	●
						Gan, thận, phụ phẩm ăn được của gà & gia cầm	0,08	0,07	○
						Trứng gà và trứng gia cầm khác	0,07	0,4	●
						Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	—	○
						Chú thích: ●: Nhóm sản phẩm có đề xuất tăng mức MRL. ○: Nhóm sản phẩm có đề xuất giảm mức MRL. Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê dưới đây. Định nghĩa dư lượng: Chỉ tính riêng Etofenprox (không thay đổi).			
4	G/SPS/N/JPN/1355	ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	17/7/2025	Sửa đổi các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:			

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo												
					gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Thuốc bảo vệ thực vật: Butachlor. <table><tr><td>Sản phẩm</td><td>MRL đề xuất</td><td>MRL Hiện tại</td><td>Ghi chú</td></tr><tr><td>Gạo lứt</td><td>0,01</td><td>0,1</td><td>●</td></tr><tr><td>Động vật thủy sinh</td><td>0,2</td><td>0,2</td><td></td></tr></table> Lưu ý: Định nghĩa dư lượng: Chỉ tính riêng Butachlor (không thay đổi). Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê ở trên.	Sản phẩm	MRL đề xuất	MRL Hiện tại	Ghi chú	Gạo lứt	0,01	0,1	●	Động vật thủy sinh	0,2	0,2	
Sản phẩm	MRL đề xuất	MRL Hiện tại	Ghi chú															
Gạo lứt	0,01	0,1	●															
Động vật thủy sinh	0,2	0,2																
5	G/SPS/N/EU/863	CNTY	Liên minh Châu Âu	17/7/2025	Dự thảo Quy định rút khỏi thị trường một số chất phụ gia thức ăn chăn nuôi	Dự thảo quy định rút khỏi thị trường EU một số loại phụ gia thức ăn chăn nuôi do không nộp đơn xin cấp lại giấy phép cho các sản phẩm đã nộp trước thời hạn quy định tại Điều 10(2) của Quy định (EC) số 1831/2003 – hoặc do người nộp đơn rút lại đơn xin cấp lại giấy phép đã nộp.												
6	G/SPS/N/EGY/162	CLCB	Ai Cập	17/7/2025	Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES-1521 về “Cá đóng hộp”	Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES-1521 về “Cá đóng hộp” quy định các yêu cầu cơ bản và các tiêu chí mô tả đối với sản phẩm cá đóng hộp, cùng với các phương pháp kiểm tra và thử nghiệm. Các nhà sản xuất và nhập khẩu sẽ được thông báo về bất kỳ sửa đổi nào trong các Tiêu chuẩn của Ai Cập thông qua việc công bố các lệnh hành chính trên Công báo Chính thức.												
7	G/SPS/N/EGY/161	TTBVTV	Ai Cập	17/7/2025	Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1748 cho "Đậu Hà Lan đông lạnh".	Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1748 quy định các yêu cầu cơ bản và các chỉ tiêu đối với “đậu Hà Lan đông lạnh” được chế biến và sử dụng nhằm tiêu thụ trực tiếp, kể cả cho mục đích chế biến thực phẩm, mà không qua bất kỳ công đoạn chế biến nào khác ngoài việc phân loại kích thước hoặc đóng gói lại khi cần thiết.												

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
8	G/SPS/N/EGY/158	TTBVTV	Ai Cập	17/7/2025	Dự thảo tiêu chuẩn ES 6933 của Ai Cập về "Súp lơ đông lạnh nhanh".	Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 6933 quy định các yêu cầu cơ bản và các tiêu chí mô tả đối với “súp lơ đông lạnh nhanh”, như định nghĩa tại mục (2) của Tiêu chuẩn này, sản phẩm súp lơ đông lạnh nhanh dùng để tiêu thụ trực tiếp, bao gồm cả cho mục đích chế biến thực phẩm, mà không qua bất kỳ công đoạn sản xuất nào khác ngoài việc phân loại kích thước hoặc đóng gói lại khi cần thiết.			
9	G/SPS/N/KOR/824	ATTP	Hàn Quốc	16/7/2025	Tóm tắt Dự thảo sửa đổi quy định về khai báo và kiểm tra sản phẩm thực phẩm nhập khẩu – Thông báo hành chính số 2025-289, ngày 02/7/2025	Dự thảo sửa đổi chính tập trung vào các nội dung sau: A. Cải thiện tiêu chí "Cùng công ty, cùng loại thực phẩm nhập khẩu" đối với sản phẩm thủy sản nhập khẩu. B. Điều chỉnh số lượng thuốc bảo vệ thực vật là chỉ tiêu kiểm nghiệm đối với các sản phẩm nông sản mới nhập khẩu, áp dụng trong kiểm tra theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên (áp dụng toàn bộ danh mục thuốc BVTV trong phương pháp kiểm đa thành phần). C. Loại trừ các chất không được chỉ định là phụ gia thực phẩm tại Hàn Quốc nhưng được sử dụng ở nước ngoài khỏi danh mục chất gây hại. D. Điều chỉnh danh mục các sản phẩm thực phẩm và nông sản được Bộ trưởng Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm công nhận là an toàn, dựa trên kết quả vi phạm trong quá khứ. E. Phân loại tiêu chí hành động cụ thể đối với sản phẩm chăn nuôi không phù hợp dựa trên mức độ nguy hại của chất phát hiện.			
10	G/SPS/N/GBR/105	ATTP, TTBVTV	Vương quốc Anh	16/7/2025	Quy định mới MRL đối với acetamiprid theo luật định GB MRL	Acetamiprid là một hoạt chất được phê duyệt tại Vương quốc Anh, Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe đã nhận được đơn xin thiết lập Mức Dư lượng Tối đa (MRL) mới cho acetamiprid trong dâu tây. Sau khi đánh giá, đề xuất MRL được đưa ra để phù hợp với việc cấp phép mới cho một sản phẩm bảo vệ thực vật tại Anh, cụ thể: <table><tr><td>Sản phẩm</td><td>Mức MRL cũ (mg/kg)</td><td>Mức MRL mới (mg/kg)</td></tr></table>	Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)
Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)							

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Quả dâu tây	0,5	0,7
11	G/SPS/N/GBR/104	ATTP, TTBVT	Vương quốc Anh	16/7/2025	Vương quốc Anh đề xuất mức dư lượng tối đa mới của hoạt chất fenamiphos	Vương quốc Anh đề xuất mức MRL mới của hoạt chất fenamiphos trên các sản phẩm sau:		
						Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)
						Nhóm quả có múi	0,02	0,01
						Nhóm các loại hạt	0,02	0,01
						Táo, chuối	0,02	0,05
						Đào, mơ, mận	0,02	0,01
						Vải, chanh dây, bơ, xoài, đu đủ, ổi, dứa, sầu riêng	0,02	0,01
						Đậu bắp	0,02	0,01
						Gạo	0,02	0,01
12	G/SPS/N/GBR/103	ATTP, TTBVT	Vương quốc Anh	16/7/2025	Mức dư lượng tối đa mới của hoạt chất potassium phosphonates	Vương quốc Anh giới hạn mức MRL mới của hoạt chất potassium phosphonates trên quả xoài, cụ thể:		
						Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)
						Quả xoài	2	100
13	G/SPS/N/EU/862	CNTY	Liên minh Châu Âu	15/7/2025	Quy định (EU) 2025/1254 ngày 25/6/2025 liên quan đến việc cấp phép riboflavin được sản xuất từ Eremothecium ashbyi CCTCCM 2019833, dưới dạng sản phẩm lên men khô bất hoạt, làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Quy định này lần đầu tiên cho phép lưu hành tại Liên minh châu Âu trong thời hạn mười năm đối với chế phẩm riboflavin được sản xuất từ Eremothecium ashbyi CCTCCM 2019833, dưới dạng sản phẩm lên men khô bất hoạt làm phụ gia thức ăn chăn nuôi thuộc nhóm phụ gia "phụ gia dinh dưỡng" và thuộc nhóm chức năng "vitamin, tiền vitamin và các chất được xác định rõ về mặt hóa học có tác dụng tương tự" cho tất cả các loài động vật. Việc cấp phép này dựa trên kết luận thuận lợi từ đánh giá khoa học hồ sơ do Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) thực hiện.		
14	G/SPS/N/EU/861	CNTY	Liên minh Châu Âu	15/7/2025	Quy định về việc từ chối gia hạn giấy phép cho chế phẩm có chứa	Chế phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật này ban đầu cho phép lưu hành trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					chiết xuất hương liệu khối-2b0001 làm phụ gia thức ăn cho chó và mèo và bãi bỏ Quy định (EU) 1076/2014	thức ăn cho mèo và chó, thuộc nhóm phụ gia cảm quan và nhóm chức năng của hợp chất tạo hương vị. Đơn xin gia hạn giấy phép cho chế phẩm này đã được nộp theo Điều 14 của Quy định (EC) số 1831/2003. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) đã tiến hành đánh giá khoa học cho thấy chế phẩm này không đáp ứng các điều kiện gia hạn giấy phép được quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003. Do đó, EFSA từ chối gia hạn giấy phép, bao gồm các giai đoạn chuyển tiếp để các bên liên quan điều chỉnh việc từ chối chế phẩm này.
15	G/SPS/N/PAN/92	TTBVT	Panama	11/7/2025	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Công nghệ Thực phẩm. Cà rốt " Yêu cầu kỹ thuật.	Quy chuẩn kỹ thuật nhằm thiết lập các yêu cầu chung về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm cà rốt (<i>Daucus carota</i>) phải đáp ứng khi tiêu thụ ở trạng thái tươi phục vụ cho mục đích thương mại hoặc làm nguyên liệu thô cho chế biến công nghiệp
16	G/SPS/N/PAN/91	TTBVT	Panama	11/7/2025	Quy chuẩn kỹ thuật "Công nghệ thực phẩm. Cà chua" Yêu cầu kỹ thuật.	Quy chuẩn kỹ thuật nhằm thiết lập các thuật ngữ và yêu cầu về chất lượng mà cà chua phải đáp ứng phục vụ cho mục đích thương mại và tiêu thụ ở trạng thái tươi.
17	G/SPS/N/USA/3519	ATTP, TTBVT	Hoa Kỳ	10/7/2025	Biên nhận Đơn kiến nghị về dư lượng thuốc trừ sâu trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa (Tháng 2-5/2025)	Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận và xin ý kiến đóng góp của công chúng về các đơn kiến nghị đối với việc yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng thuốc trừ sâu trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa
18	G/SPS/N/MDA/31	ATTP, TTBVT	Moldova	08/7/2025	Lệnh của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm Moldova số 56/2025 về việc phê duyệt danh sách các chất đồng phụ gia không được chấp nhận ở cấp Liên minh châu Âu để đưa vào sản phẩm bảo vệ thực vật	Lệnh ban hành nhằm thực hiện Luật số 403/2023 về việc đưa sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường và sửa đổi một số văn bản pháp luật liên quan. Chỉ rõ các yêu cầu tại Phụ lục III của Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 21/10/2009 về việc đưa sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường, đồng thời bãi bỏ các Chỉ thị 79/117/EEC và 91/414/EEC của Hội đồng.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Mục tiêu: Hải hòa quy định quốc gia với tiêu chuẩn của EU, từ đó tạo thuận lợi cho việc lưu hành các sản phẩm bảo vệ thực vật; Thúc đẩy thương mại tự do trong nội khối và quốc tế; Đảm bảo người sản xuất nông nghiệp tiếp cận được các sản phẩm bảo vệ thực vật an toàn, chứa các chất đồng phụ gia được chấp nhận; Bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường và an toàn người tiêu dùng. Danh sách kèm theo lệnh là các chất đồng phụ gia bị cấm sử dụng trong sản phẩm bảo vệ thực vật, phù hợp với quy định của EU giúp tăng tính minh bạch và an toàn trong thương mại quốc tế cũng như hoạt động quản lý trong nước của Moldova.
19	G/SPS/N/MDA/30	ATTP, TTBVTV	Moldova	08/7/2025	Lệnh số 34/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm Moldova về việc phê duyệt danh sách các hoạt chất	Lệnh ban hành nhằm thực hiện Điểm 1, Điều 5 của Luật số 403 ngày 21/12/2023 về việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường và sửa đổi một số văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời, chuyển hóa Quy định thực thi (EU) số 540/2011 ngày 25/5/2011 của Ủy ban châu Âu, được ban hành nhằm thực hiện Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về danh sách các hoạt chất được phê duyệt. Mục tiêu: Hải hòa thủ tục cấp phép đối với sản phẩm bảo vệ thực vật với quy trình cấp phép của EU, thông qua đánh giá rủi ro toàn diện đối với từng hoạt chất và sản phẩm chứa hoạt chất đó trước khi được phép lưu hành và sử dụng; Tăng cường tính minh bạch trong quản lý, tạo sự rõ ràng cho nhà sản xuất và nhà phân phối về các hoạt chất được phép lưu hành trên thị trường; Góp phần nâng cao an toàn thực phẩm, chất lượng môi trường, và hỗ trợ hoạt động xuất khẩu nông sản của Moldova. Danh sách các hoạt chất đi kèm là căn cứ pháp lý cho việc cấp phép các sản phẩm bảo vệ thực vật tại Moldova, đồng thời tạo sự tương thích với hệ thống pháp luật của Liên minh châu Âu.
20	G/SPS/N/JPN/1353	CNTY	Nhật Bản	07/7/2025	Đề xuất sửa đổi Pháp lệnh của Bộ trưởng về Quy chuẩn và Tiêu	Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF) sẽ sửa đổi tiêu chuẩn về phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi nói chung được quy định trong “Pháp lệnh của Bộ trưởng về Quy chuẩn

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					chuẩn đối với Thức ăn chăn nuôi và Phụ gia thức ăn chăn nuôi.	và Tiêu chuẩn đối với Thức ăn và Phụ gia thức ăn chăn nuôi” (Pháp lệnh số 35 ngày 24/7/1976 của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp). Với sửa đổi này, axit benzoic được nhập khẩu vào Nhật Bản dưới dạng phụ gia thức ăn chăn nuôi sẽ được phép sử dụng cho thức ăn dành cho lợn mà không phân biệt theo trọng lượng cơ thể của lợn.
21	G/SPS/N/ARE/298, G/SPS/N/BHR/252, G/SPS/N/KWT/177, G/SPS/N/OMN/147 G/SPS/N/QAT/151, G/SPS/N/SAU/569, G/SPS/N/YEM/92	CNTY	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	07/7/2025	Yêu cầu chung đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi biến đổi gen chưa qua chế biến.	Tiêu chuẩn đề cập đến các yêu cầu chung đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi chưa qua chế biến thu được thông qua một số kỹ thuật biến đổi gen và các sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến có chứa hoặc được sản xuất từ sinh vật biến đổi gen (GMO) nếu GMO được phát hiện lớn hơn 1%.
22	G/SPS/N/ARE/297, G/SPS/N/BHR/251 G/SPS/N/KWT/176, G/SPS/N/OMN/146 G/SPS/N/QAT/150, G/SPS/N/SAU/568 G/SPS/N/YEM/91	CNTY	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	07/7/2025	Yêu cầu chung đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi biến đổi gen đã qua chế biến.	Tiêu chuẩn đề cập đến các yêu cầu chung đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến thu được thông qua một số kỹ thuật biến đổi gen, thực phẩm và thức ăn chăn nuôi chế biến có chứa hoặc được sản xuất từ sinh vật biến đổi gen (GMO) nếu GMO được phát hiện lớn hơn 1% (thành phần được xem xét riêng lẻ hoặc khi sản phẩm chỉ bao gồm một thành phần duy nhất).
23	G/SPS/N/GBR/101	TTBVTV	Vương quốc Anh	04/7/2025	Vương quốc Anh sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072	Những sửa đổi sau đây đang được thực hiện đối với luật tiếp nhận tại Anh, Scotland và Wales (Vương quốc Liên hiệp Anh) theo Quy định (EU) 2019/2072: 1. Chuyển <i>Agilus horni</i> và <i>Heterobasidion occidentale</i> từ danh sách Dịch hại kiểm dịch tạm thời sang danh sách Dịch hại kiểm dịch của Vương quốc Anh; 2. Chuyển <i>Toumeyella parvicornis</i> từ danh sách Dịch hại kiểm dịch tạm thời sang danh sách Dịch hại kiểm dịch của Vương quốc Anh, bao gồm cả yêu cầu phải đáp ứng các quy định nhập khẩu cụ thể;

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						3. Loại bỏ dịch hại <i>Helicoverpa armigera</i> khỏi danh sách Dịch hại kiểm dịch của Vương quốc Anh và hủy bỏ các yêu cầu nhập khẩu cụ thể đối với dịch hại này; 4. Loại bỏ hai loài một vỏ cây <i>Dendroctonus micans</i> và <i>Ips cembrae</i> khỏi danh sách Dịch hại kiểm dịch theo vùng không có dịch. Trước đây đã có các vùng không có dịch đối với hai loài này ở phía Tây Scotland; 5. Bổ sung <i>Homona magnanima</i> vào danh sách Dịch hại kiểm dịch tạm thời của Vương quốc Anh; 6. Cập nhật phạm vi địa lý của yêu cầu nhập khẩu đối với <i>Bursaphelenchus xylophilus</i>, để phản ánh sự lan rộng của dịch hại này sang Armenia; 7. Cập nhật để chỉnh sửa dấu hoa thị đặt sai trong điểm 2, phần B, Phụ lục VII liên quan đến yêu cầu đối với <i>Xylella fastidiosa</i>, nhằm làm rõ yêu cầu cung cấp thông tin về khu vực không có dịch (nếu áp dụng) trên giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật; 8. Thay đổi tên gọi của dịch hại kiểm dịch tạm thời từ <i>Ennomos subsignarius</i> thành <i>Ennomos subsignaria</i>.
24	G/SPS/N/GBR/102	ATTP, TTBVT	Vương quốc Anh	04/7/2025	Các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập, hình thành và lây lan trong lãnh thổ Liên minh châu Âu đối với <i>Curtobacterium flaccumfaciens</i> pv. <i>flaccumfaciens</i> (Hedges) Collins và Jones	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/815 (ngày 5/3/2025) hiện đã được thông qua với tiêu đề: Quy định (EU) 2025/1316 ngày 2/7/ 2025 về các biện pháp tạm thời nhằm ngăn chặn sự xâm nhập, hình thành và lây lan trong lãnh thổ Liên minh của <i>Curtobacterium flaccumfaciens</i> pv. <i>flaccumfaciens</i> (Hedges) Collins và Jones, và sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072.
25	G/SPS/N/TPKM/649	TTBVT	Đài Loan (Trung Quốc)	03/7/2025	Dự thảo sửa đổi "Yêu cầu Kiểm dịch đối với Nhập khẩu Thực vật hoặc Sản phẩm Thực vật"	Dựa trên các tài liệu khoa học quốc tế hiện hành, các tên gọi đồng nghĩa của <i>Compositae</i> (họ Cúc) và <i>Leguminosae</i> (họ Đậu) đã được bổ sung để đảm bảo tính nhất quán trong quản lý quy định.
26	G/SPS/N/KGZ/37	CNTY	Cộng hòa Kyrgyz	03/7/2025	Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Danh mục chung về	Dự thảo sửa đổi Danh mục chung về các hàng hóa thuộc diện giám sát thú y liên quan đến nhóm 3501 trong Danh mục hàng

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					các hàng hóa thuộc diện giám sát thú y.	hóa chung về hoạt động kinh tế đối ngoại của Liên minh Kinh tế Á-Âu.
27	G/SPS/N/CAN/1576/ Add.1	ATTP	Canada	03/7/2025	Cập nhật đề xuất - Lệnh miễn trừ cấp bộ trưởng đối với việc nhập khẩu và bán một số thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt nhằm giảm thiểu tình trạng thiếu hụt	Bộ Y tế Canada đã sửa đổi đề xuất được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/CAN/1576 (ngày 07/10/2024), liên quan đến việc ban hành lệnh miễn trừ cấp bộ trưởng. Nội dung cập nhật được trình bày trong Thông báo (NOI), nhằm sửa đổi đối với đề xuất trước đó về việc cho phép nhập khẩu và lưu hành một cách đặc biệt các sản phẩm sau: - Sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh - Chất tăng cường sữa mẹ - Thực phẩm dạng lỏng đã được pha chế cho chế độ ăn đặc biệt Mục đích của đề xuất là để giảm thiểu nguy cơ thiếu hụt hoặc tình trạng thiếu hụt các sản phẩm nêu trên – vốn rất cần thiết cho các đối tượng có nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt, đặc biệt là trẻ sơ sinh và người bệnh. Các sửa đổi này nhằm đảm bảo tính linh hoạt trong quy định, đồng thời vẫn đảm bảo an toàn và phù hợp với các tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm hiện hành.
28	G/SPS/N/PHL/532	CNTY	Philippines	02/7/2025	Ban hành Thông tư Hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp về cập nhật điều kiện và điều khoản nhập khẩu (ITC) đối với chó và mèo (Năm 2025)	Philippines thông báo về việc ban hành Thông tư Hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp năm 2025, liên quan đến việc cập nhật các điều kiện và điều khoản nhập đối với chó và mèo nhập khẩu vào Philippines. Yêu cầu bắt buộc có Giấy phép nhập khẩu vệ sinh và kiểm dịch (Sanitary Phytosanitary Import Clearance - SPSIC); Phải có Giấy chứng nhận thú y quốc tế (International Veterinary Certificate) chứng minh chó/mèo đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe động vật; Phù hợp với hướng dẫn của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) và các nguyên tắc của Hiệp định SPS của WTO; Đơn giản hóa thủ tục để tạo thuận lợi cho thương mại; Hỗ trợ cải cách hành chính và thúc đẩy thuận lợi hóa kinh doanh; Quy định về việc

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						xem xét lại bắt buộc sau hai năm kể từ ngày có hiệu lực; Bãi bỏ các quy định trước đây trái với nội dung của Thông tư này. Thông tư sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày công bố chính thức.
29	G/SPS/N/BRA/2418	ATTP, TTBVTV	Bra xin	02/7/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1337, ngày 18/6/2025	Dự thảo Nghị quyết 1337, ngày 18/6/2025 - đề xuất đưa hoạt chất M47 - Melaleuca Alternifolia vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
30	G/SPS/N/RUS/324	CNTY	Liên bang Nga	01/7/2025	Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Danh mục chung các hàng hóa thuộc diện giám sát thú y.	Dự thảo sửa đổi danh mục chung về các hàng hóa thuộc diện giám sát thú y đối với nhóm 3501 trong Danh mục hàng hóa chung về hoạt động kinh tế đối ngoại của Liên minh kinh tế Á-Âu.
31	G/SPS/N/RUS/323	CNTY	Liên bang Nga	01/7/2025	Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quy định các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh và kiểm dịch) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát giám sát thú y; và Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y chung cho việc nhập khẩu hàng hóa thuộc diện kiểm soát từ các nước thứ ba vào lãnh thổ hải quan của Liên minh kinh tế Á-Âu.	Các dự thảo quyết định sửa đổi các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh và kiểm dịch) bằng các quy định về điều kiện nhập khẩu hàng hóa được kiểm soát vào lãnh thổ Liên minh kinh tế Á-Âu (EAEU) và sửa đổi các chương cụ thể các yêu cầu liên quan đến động vật sống và các bệnh truyền nhiễm ở động vật. Các dự thảo cũng bao gồm việc cập nhật các văn bản liên quan của Ủy ban như sau: • Sửa đổi về mặt pháp lý và kỹ thuật; • Bổ sung các thuật ngữ và định nghĩa mới được sử dụng trong văn bản; • Thống nhất tên khoa học của các bệnh động vật; • Chuẩn hóa cách diễn đạt đối với một số điều khoản được lặp lại nhiều lần trong văn bản; • Bãi bỏ phần "Điều khoản cuối cùng và chuyển tiếp" của các yêu cầu. Ngoài ra, các dự thảo quyết định còn sửa đổi các giấy chứng nhận kiểm dịch thú y tương ứng.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
32	G/SPS/N/JPN/1352	CNTY	Nhật Bản	01/7/2025	Sửa đổi Pháp lệnh thực thi Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).	Đề xuất bãi bỏ giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp: Chlorobenzilate		
						Sản phẩm (dành cho chăn nuôi)	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)
						Ngô	0,02	-
33	G/SPS/N/JPN/1351	CNTY	Nhật Bản	01/7/2025	Sửa đổi Pháp lệnh thực thi Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).	Đề xuất sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp: Fenitrothion		
						Sản phẩm (dành cho chăn nuôi)	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)
						Yến mạch	1	6
						Lúa mạch	5	6
						Lúa mì	10	15
						Lúa miến	1	6
Lúa mạch đen	1	6						
34	G/SPS/N/JPN/1349	CNTY	Nhật Bản	01/7/2025	Sửa đổi Quy định Thi hành về Tiêu chuẩn Thức ăn Chăn nuôi và Phụ gia Thức ăn – Cyfluthrin	Đề xuất sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp: Cyfluthrin.		
						Sản phẩm (dành cho chăn nuôi)	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)
						Lúa mì	2	0,2
						Ngô	2	0,05
						Milo	2	3,5
						Cỏ khô	3	50
35	G/SPS/N/JPN/1348	CNTY	Nhật Bản	01/7/2025	Sửa đổi Quy định Thi hành về Tiêu chuẩn Thức ăn Chăn nuôi và Phụ gia Thức ăn – Paraquat	Đề xuất sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp: Paraquat		
						Sản phẩm (dành cho chăn nuôi)	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)
						Lúa mì	0,05	1,1
						Milo	0,5	0,05
36	G/SPS/N/IDN/156	TSKN, CLCB	Indonesia	30/6/2025	Quyết định của Giám đốc Cơ quan Kiểm dịch Indonesia về các loại dịch hại và bệnh kiểm dịch ở	Cơ quan Kiểm dịch Indonesia (IQA) quy định các thủ tục về biện pháp kiểm dịch và giám sát tích hợp theo Quyết định số 14 năm 2024 của Giám đốc cơ quan kiểm dịch đã được thông		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					cá, sinh vật gây bệnh, phân nhóm và vật mang bệnh.	báo trong G/SPS/N/IDN/154 ngày 08/01/2025 và G/SPS/N/IDN/154/Corr.1 ngày 21/01/2025, tập trung vào định dạng Giấy chứng nhận kiểm dịch (HC) cho việc xuất khẩu cá và các sản phẩm thủy sản vào Indonesia. Theo định dạng HC, tất cả các nước xuất khẩu phải tuân thủ các yêu cầu nhập khẩu của Indonesia, đặc biệt là việc khai báo không có bệnh động vật thủy sản trong danh sách WOAHC cung cấp và không có bệnh động vật thủy sản thuộc danh mục kiểm dịch, theo quy định của Indonesia. Cơ quan kiểm dịch Indonesia quy định các loại sâu bệnh kiểm dịch của cá, sinh vật gây bệnh, phân nhóm và vật mang bệnh theo Quy định số 677 năm 2025
37	G/SPS/N/CHN/1282/ Add.1	TTBVT	Trung Quốc	30/6/2025	Biện pháp kiểm dịch đối với vật liệu nhân giống thực vật nhập khẩu	Dự thảo sửa đổi “Biện pháp kiểm dịch đối với vật liệu nhân giống thực vật nhập khẩu” nội dung như sau: 1. Nội dung và phạm vi quản lý kiểm dịch đối với vật liệu nhân giống thực vật nhập khẩu do hải quan Trung Quốc thực hiện; 2. Các biện pháp và yêu cầu đối với việc kiểm soát nguồn gốc thực vật nhập khẩu do hải quan Trung Quốc yêu cầu; 3. Yêu cầu, quy trình và điều kiện để được hải quan Trung Quốc phê duyệt kiểm dịch đặc biệt đối với vật liệu nhân giống thực vật; 4. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu trong việc khai báo, quy trình kiểm dịch tại chỗ do hải quan thực hiện, điều kiện và phương thức xử lý khi cần thiết, cũng như điều kiện để được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch; 5. Phạm vi và yêu cầu quản lý của hải quan Trung Quốc trong việc thực hiện kiểm dịch cách ly đối với vật liệu nhân giống thực vật, cũng như biện pháp xử lý khi phát sinh tình huống bất thường; 6. Yêu cầu giám sát kiểm dịch của hải quan đối với vật liệu nhân giống thực vật nhập khẩu, bao gồm nội dung giám sát,

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						trách nhiệm của doanh nghiệp và các biện pháp ứng phó khẩn cấp; 7. Yêu cầu giám sát đối với thực vật được trưng bày, vật liệu thực vật được mang theo hoặc vận chuyển; yêu cầu kiểm dịch đối với giá thể đi kèm vật liệu nhân giống khi nhập cảnh, cũng như các quy định về trách nhiệm pháp lý liên quan.
38	G/SPS/N/KOR/823	ATTP	Hàn Quốc	26/6/2025	Đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn công nhận “Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật tạm thời cho thực phẩm” - Thông báo trước số 2025-277, ngày 18/6/2025.	Hàn Quốc đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn công nhận “Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật tạm thời cho thực phẩm”. Quy định về việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn tạm thời đối với phụ gia thực phẩm mới đã được thay đổi như sau; 1) Báo cáo đánh giá an toàn của Ủy ban chuyên gia chung của FAO/WHO về phụ gia thực phẩm (JECFA) sẽ được chấp nhận làm tài liệu thử nghiệm độc tính khi nộp hồ sơ xin tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật tạm thời về phụ gia thực phẩm; 2) Người nộp đơn phải nộp dữ liệu nghiên cứu độc tính đường uống lặp lại trong 90 ngày và dữ liệu thử nghiệm độc tính gen, nếu có lo ngại về an toàn, sẽ cần bổ sung dữ liệu thử nghiệm độc tính; 3) Thành phần và tỷ lệ phối trộn sẽ được đưa vào phạm vi thay đổi đối với các chất phụ gia thực phẩm đã được công nhận là tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật tạm thời với điều kiện đáp ứng tiêu chuẩn an toàn.
39	G/SPS/N/UKR/246	ATTP	Ucraina	26/6/2025	Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ukraina “Về việc Phê duyệt sửa đổi một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Y tế Ukraina”	Dự thảo Lệnh này được xây dựng nhằm hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh việc sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung và các sản phẩm thực phẩm có bổ sung vitamin và khoáng chất. Dự thảo đề xuất sửa đổi các văn bản sau: - Yêu cầu vệ sinh đối với thực phẩm bổ sung, được phê duyệt theo Lệnh số 1114 ngày 19/12/2013 của Bộ Y tế Ukraina; - Yêu cầu đối với tuyên bố dinh dưỡng và sức khỏe trên sản phẩm thực phẩm, được phê duyệt theo Lệnh số 1145 ngày 15/5/2020 của Bộ Y tế Ukraina;

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định về việc bổ sung vitamin, khoáng chất và một số chất khác vào thực phẩm, được phê duyệt theo Lệnh số 1613 ngày 16/7/2020 của Bộ Y tế Ucraina (được thông báo tại các văn bản G/SPS/N/UKR/147 và G/SPS/N/UKR/147/Add.1).
40	G/SPS/N/TPKM/647	CNTY	Đài Loan (Trung Quốc)	25/6/2025	Dự thảo sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu ong” liên quan đến Điều 10 (Phụ lục 8-2) của “Quy định về nhập khẩu các đối tượng thuộc diện kiểm dịch động vật”	1. Bổ sung chi Bombus và Melipona theo Chương về bệnh do Aethina tumida gây ra (còn gọi là bộ cánh cứng mật ong–SHB) của Bộ Quy tắc Thú y trên cạn của WOA. H. 2. Bán kính khu vực không có SHB được rút ngắn từ 100 km xuống còn 50 km. 3. Các biện pháp kiểm soát rủi ro khi chuyển ong vào thùng vận chuyển được liệt kê cụ thể.
41	G/SPS/N/HND/68	TTBVT	Honduras	25/6/2025	Quy chuẩn kỹ thuật Honduras về bột ngô nixtamal hóa (Zea mays L.) dùng cho tiêu dùng của con người	Quy định được thông báo nhằm thiết lập các đặc tính, yêu cầu và thông số kỹ thuật đối với bột ngô nixtamal hóa dùng cho tiêu dùng của con người được lưu thông trên lãnh thổ quốc gia. Quy định áp dụng đối với tất cả các bên liên quan đến quá trình chế biến, kinh doanh và phân phối loại bột ngô nixtamal hóa nói trên, bao gồm cả sản phẩm nhập khẩu, sản xuất trong nước hoặc được viện trợ.
42	G/SPS/N/BDI/139, G/SPS/N/KEN/342 G/SPS/N/RWA/132, G/SPS/N/TZA/460 G/SPS/N/UGA/450	TTBVT	Burundi	23/6/2025	DEAS 44: 2025, Sản phẩm ngô xay xát — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ sáu.	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột ngô nguyên cám, bột ngô dạng mảnh, bột ngô đã rây, bột ngô xay và bột ngô từ hạt ngô thông thường (Zeamays L.) dùng làm thực phẩm cho con người. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các sản phẩm ngô xay bổ sung dinh dưỡng và bột ngô xay dùng để nấu bia, sản xuất tinh bột và bất kỳ mục đích sử dụng công nghiệp nào khác.
43	G/SPS/N/BDI/138, G/SPS/N/KEN/341 G/SPS/N/RWA/131, G/SPS/N/TZA/459 G/SPS/N/UGA/449	TTBVT	Burundi	23/6/2025	DEAS1273:2025, Bột diêm mạch — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Dự thảo tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột diêm mạch có nguồn gốc từ hạt diêm mạch Chenopodium quinoa dùng cho mục đích tiêu dùng của con người.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
44	G/SPS/N/BDI/137, G/SPS/N/KEN/340 G/SPS/N/RWA/130, G/SPS/N/TZA/458 G/SPS/N/UGA/448	TTBVT	Burundi	23/6/2025	DEAS 282: 2025, Bột mì semolina — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột mì semolina được chế biến từ hỗn hợp lúa mì thông thường (<i>Triticum aestivum</i> L.) hoặc lúa mì thuộc nhóm club (<i>Triticum compactum</i> Host.), hoặc hỗn hợp của các loại lúa mì này kết hợp với lúa mì cứng (<i>Triticum durum</i> Desf.) và bột mì semolina được chế biến từ lúa mì cứng (<i>Triticum durum</i> Desf.), dùng cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho bột mì semolina dùng trong công nghiệp phi thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.
45	G/SPS/N/BDI/136, G/SPS/N/KEN/339 G/SPS/N/RWA/129, G/SPS/N/TZA/457 G/SPS/N/UGA/447	TTBVT	Burundi	23/6/2025	DEAS1272:2025, Hạt diêm mạch — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Bản dự thảo Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt diêm mạch khô (<i>Chenopodium quinoa</i>) dùng làm thực phẩm cho con người.
46	G/SPS/N/BDI/135, G/SPS/N/KEN/338 G/SPS/N/RWA/128, G/SPS/N/TZA/456 G/SPS/N/UGA/446	TTBVT	Burundi	23/6/2025	DEAS 1271:2025, Bột lúa mạch đen — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột lúa mạch đen có nguồn gốc từ hạt lúa mạch đen của các giống (<i>Secale cereale</i> L.) dùng cho mục đích tiêu dùng của con người.
47	G/SPS/N/BDI/134, G/SPS/N/KEN/337 G/SPS/N/RWA/127, G/SPS/N/TZA/455 G/SPS/N/UGA/445	TTBVT	Burundi	23/6/2025	DEAS 1270:2025, Hạt lúa mạch đen — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt lúa mạch đen (<i>Secale cereale</i> L.) dùng làm thực phẩm cho người.
48	G/SPS/N/BDI/133, G/SPS/N/KEN/336 G/SPS/N/RWA/126, G/SPS/N/TZA/454 G/SPS/N/UGA/444	TTBVT	Burundi	23/6/2025	Tiêu chuẩn DEAS 1268:2025, Bột gạo — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột gạo thu được từ quá trình xay xát gạo của các giống lúa trồng từ hạt gạo, <i>Oryza</i> spp. dùng làm thực phẩm cho con người.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
49	G/SPS/N/UKR/245	ATTP	Ucraina	23/6/2025	Sắc lệnh số 725 của Bộ Y tế Ucraina "Về việc sửa đổi Phụ lục 1 của Quy định về Hương liệu thực phẩm có mùi khói (Hương liệu khói)" ngày 25/4/2025.	Sắc lệnh sửa đổi các tiểu mục 1 và 2 của khoản 2 Phụ lục 1 Quy định về Hương liệu thực phẩm có mùi khói (Hương liệu khói), được phê duyệt bởi Sắc lệnh số 338 của Bộ Y tế Ucraina ngày 28/02/2025 (được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/UKR/235/Add.1), bằng cách thay thế thuật ngữ "mg/kg" bằng "µg/kg" (mcg/kg).
50	G/SPS/N/MDA/29	TTBVT	Moldova	23/6/2025	Quyết định số 71/2025 của Chính phủ về việc thiết lập các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập của các sinh vật gây hại vào lãnh thổ Moldova	Quyết định đưa ra các biện pháp kiểm dịch thực vật khẩn cấp nhằm ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của các sinh vật gây hại sau đây vào lãnh thổ Moldova: - <i>Phyllosticta citricarpa</i> (McAlpine) Van der Aa, gây hại đến một số loại trái cây có múi từ Argentina, Braxin, Nam Phi, Uruguay và Zimbabwe; - <i>Aromia bungii</i> (Faldermann), gây hại cho vật liệu gỗ <i>Prunus</i> spp.; - <i>Ralstonia solanacearum</i> (Smith) Yabuuchi và cộng sự, có liên quan đến giống khoai tây có nguồn gốc từ Ai Cập. Các biện pháp này chuyển đổi một phần các văn bản quy định sau của Liên minh châu Âu (EU): - Quy định của Ủy ban (EU) 2022/632; - Quyết định của Ủy ban (EU) 2018/1503; - Quyết định của Ủy ban (EU) 2011/787.
51	G/SPS/N/EU/801 /Corr.1	ATTP, CNTY, TTBVT	Liên minh Châu Âu	23/6/2025	Đính chính đề xuất mức dư lượng tối đa của dimoxystrobin, ethephon và propamocarb trong hoặc trên một số sản phẩm	Bản đính chính này sửa lỗi đánh máy trong Phụ lục II của dự thảo sửa đổi Phụ lục II và Phụ lục V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa của dimoxystrobin, ethephon và propamocarb trong hoặc trên một số sản phẩm được thông báo vào ngày 5/12/2024. Trong Phụ lục II, MRL đối với nhóm các loại hạt cây, ngoại trừ hạt phi và quả óc chó, phải là 0,02*.
52	G/SPS/N/CAN/1595	ATTP, TTBVT	Canada	19/6/2025	Dự thảo Giới hạn Dư lượng Tối đa (MRL): Linuron (PMRL2025-07)	Văn bản thông báo PMRL2025-07 tham vấn về mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất linuron do Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất. Mức MRL đề xuất như sau:

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo							
						MRL (ppm)	Nông sản tươi (RAC) và/hoặc sản phẩm đã qua chế biến						
						0,5	Cần tây						
53	G/SPS/N/CAN/1594	ATTP, TTBVTV	Canada	19/6/2025	Dự thảo Giới hạn Dư lượng Tối đa (MRL): Florylpicoxamid (PMRL2025-08)	Văn bản thông báo PMRL2025-08 tham vấn về các mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất florylpicoxamid do Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất. Các mức MRL đề xuất như sau: <table><tr><td>MRL (ppm)</td><td>Nông sản tươi (RAC) và/hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td></tr><tr><td>0,5</td><td>Xoài</td></tr><tr><td>0,4</td><td>Chuối</td></tr></table>		MRL (ppm)	Nông sản tươi (RAC) và/hoặc sản phẩm đã qua chế biến	0,5	Xoài	0,4	Chuối
MRL (ppm)	Nông sản tươi (RAC) và/hoặc sản phẩm đã qua chế biến												
0,5	Xoài												
0,4	Chuối												
54	G/SPS/N/BRA/2417	ATTP	Bra-xin	19/6/2025	Dự thảo Nghị quyết 1335, ngày 12/6/2025.	Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa 21 hoạt chất a12 - asulam, a60 - axit abscisic, b26 - bifentrin, b55 - emamectin benzoate, c07 - casugamicin, c32 - cletodim, c36 -cyproconazole, d36 - difenoconazole, f69 - flupyradifurone, g01 -glyphosate, g05 - amonium glufosinat, h07 - haloxifope-p methylic, i21 - indoxacarb, i30 - impirfloxam, i32 - isocycloseram, m32 - methoxyfenozide, p34 - pyriproxifem, p50 - picoxystrobin, p69 - pinoxadem, s16 – saflufenacil và s17 - sophora flavescens. vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.							
55	G/SPS/N/BRA/2386 /Add.1	ATTP	Bra-xin	19/6/2025	Dự thảo Nghị quyết 1312, ngày 26/02/2025.	Dự thảo Nghị quyết 1312, ngày 26/02/2025 đã được thông báo số G/SPS/N/BRA/2386 bởi Hướng dẫn Quy định 372, ngày 05/6/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất O22 - ooencyrtus submetallicus vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.							

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
56	G/SPS/N/GBR/99	CNTY, TTBVT	Vương quốc Anh	17/6/2025	Mức dư lượng mới cho hoạt chất cycloxydim	Cycloxydim là một hoạt chất được phê duyệt tại Vương quốc Anh. Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe đã nhận được đơn xin thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) mới cho khoai tây, củ dền, cải ngựa, củ cải vàng, rễ mùi tây, rau mùi tây, củ cải, củ cải trắng, cải bắp và nhiều sản phẩm có nguồn gốc động vật.... Sau khi nhận được đơn đề nghị điều chỉnh MRL, Anh đã tiến hành đánh giá các MRL mới trên rất nhiều mặt hàng và kết luận rằng: Mức dư lượng phát sinh trong các thực phẩm từ các mục đích sử dụng dẫn đến việc người tiêu dùng tiếp xúc với hóa chất này dưới mức tham chiếu độc tính và không gây hại đến sức khỏe con người. Vì các mức MRL mới cao hơn mức hiện hành, nên các MRL mới đang được áp dụng.
57	G/SPS/N/GBR/98	TTBVT	Vương quốc Anh	17/6/2025	Mức dư lượng mới cho hoạt chất acetamiprid	Acetamiprid là chất được phép sử dụng tại Vương quốc Anh. Cơ quan quản lý An toàn và Sức khỏe Anh đã nhận được đơn xin thiết lập MRL mới cho ớt chuông: từ 0,3 lên 0,4 ppm. Mức dư lượng mới này không ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng và cao hơn mức MRL hiện tại nên đang được áp dụng.
58	G/SPS/N/GBR/97	TTBVT	Vương quốc Anh	17/6/2025	Mức dư lượng mới cho hoạt chất mandipropamid	Mandipropamid là chất được phép sử dụng tại Vương quốc Anh. Cơ quan quản lý An toàn và Sức khỏe Anh đã nhận được đơn xin thiết lập MRL mới cho lá củ cải: từ 25 lên 50 ppm. Mức dư lượng mới này không ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng và cao hơn mức MRL hiện tại nên đang được áp dụng. Anh cũng lưu ý rằng, lá củ cải nằm trong nhóm cải xoăn (MS: 0243020) từ ngày 01/01/2025. MRL mới này chỉ áp dụng đối với lá củ cải và phải được thêm vào chú thích trong nhóm cải xoăn trong Sổ đăng ký.
59	G/SPS/N/GBR/96	TTBVT	Vương quốc Anh	17/6/2025	Mức dư lượng tạm thời mới cho hoạt chất mepiquat	Mepiquat là chất được phép sử dụng tại Vương quốc Anh. Cơ quan quản lý An toàn và Sức khỏe Anh đã nhận được đơn xin thiết lập MRL tạm thời mới cho nấm trồng là 0,09 ppm (ngoại trừ nấm sò: từ 0,7 lên 3,0 ppm).

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Mức dư lượng tạm thời mới này không ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng và cao hơn mức MRL hiện tại nên đang được áp dụng. MRL tạm thời này phải được xem xét sau 7 năm, đồng thời các dữ liệu giám sát phải được cập nhật.
60	G/SPS/N/BRA/2416	ATTP	Bra-xin	17/6/2025	Dự thảo Nghị quyết 1336, ngày 12/6/2025.	Dự thảo này loại bỏ nhóm quả có mùi khò I19 – Imazalil trong Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
61	G/SPS/N/CHL/831	TTBVTV	Chi lê	13/6/2025	Sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 2.262 năm 2022, quy định các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu trái dứa (Ananas spp.) tươi vào Chi lê có xuất xứ từ mọi quốc gia.	Biện pháp được thông báo nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động nhập khẩu trái dứa tươi từ các nước. Một số nội dung đáng chú ý của quy định bao gồm: - Loài Diaspis boisduvalli đã được ghi nhận xuất hiện tại Chi lê, do đó loài này đã bị loại khỏi Nghị quyết số 3.080 năm 2003, văn bản quy định các tiêu chí phân vùng đối với sinh vật kiểm dịch trong lãnh thổ Chi lê; - Quy định thời hạn một năm để các cơ quan bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) của các nước sản xuất và xuất khẩu dứa tươi hoàn tất thủ tục xác nhận quy trình chứng nhận kiểm dịch thực vật với Cục Nông nghiệp và Chăn nuôi Chi lê (SAG), với thời hạn cuối là tháng 10/2025; - Cho phép áp dụng biện pháp kiểm dịch thực vật trong trường hợp phát hiện bất kỳ giai đoạn phát triển nào của côn trùng sống thuộc họ Pseudococcidae (rệp sáp) và Diaspididae (rệp vảy) trong quá trình kiểm tra do SAG thực hiện tại các điểm nhập khẩu được chỉ định vào Chi lê.
62	G/SPS/N/NZL/784	TTBVTV	Niu Di-lân	11/6/2025	Tiêu chuẩn Kiểm dịch Nhập khẩu đối với cây có mùi (giống)	Bộ Công nghiệp Cơ bản Niu Di-lân (MPI) đề xuất các sửa đổi sau đối với Tiêu chuẩn kiểm dịch nhập khẩu đối với cây có mùi (giống): - Bổ sung vi-rút Citrus concave gum-associated (CCGaV) vào danh sách sinh vật gây hại kiểm dịch trong yêu cầu nhập khẩu. Vi-rút này được đề xuất kiểm soát thông qua kiểm tra bằng mắt thường và xét nghiệm phân tử tại các cơ sở kiểm dịch được

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						phê duyệt ở nước ngoài, cũng như kiểm dịch sau nhập khẩu, nếu được phát hiện trên cây nhập khẩu.
63	G/SPS/N/CHL/796 /Rev.1	TTBVTV, BCT	Chi lê	11/6/2025	Sửa đổi Nghị quyết số 655 ngày 24/01/2024, quy định các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống thực vật dưới dạng nuôi cấy mô trong ống nghiệm (in vitro) của các chi và loài cây ăn quả, rau, cây công nghiệp, cây cảnh và cây lâm nghiệp, có xuất xứ từ mọi quốc gia vào Chi lê.	Bổ sung các chi và loài thực vật trước đây chưa được đề cập trong Nghị quyết số 655 nhưng có lịch sử thương mại hoặc được người dùng đề nghị sau thời điểm văn bản được ban hành, bao gồm: - Aloe spp., Athyrium spp., Bergenia spp., Eustoma spp., Kniphofia spp., Lavandula spp., Liriope muscari, Monstera spp., Musa spp., Pelargonium spp., Peperomia spp., Prunus munsoniana, Salvia spp., Sambucus nigra, và Vanda spp. - Bổ sung Điều khoản thứ 20 quy định: “Tên khoa học của loài thực vật được xuất khẩu sang Chi lê phải được ghi rõ ràng trong Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, trong trường hợp loài đó thuộc một chi có các loài được quản lý với yêu cầu nhập khẩu khác nhau.”
64	G/SPS/N/UKR/244	BCT	Ucraina	10/6/2025	Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ukraina về việc sửa đổi Lệnh số 157 ngày 13/4/2016	Dự thảo Lệnh này nhằm tích hợp vào pháp luật quốc gia các quy định cấm sử dụng các thuật ngữ như: “sô cô la”, “sô cô la trắng”, “sô cô la sữa”, “sô cô la sữa dùng cho gia đình”, “sô cô la nóng” và “sô cô la nóng dùng cho gia đình” cho các sản phẩm thực phẩm có chứa chất béo thực vật không phù hợp với Yêu cầu đối với sản phẩm cacao và sô cô la, được ban hành kèm theo Lệnh số 157 ngày 13/4/2016 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ukraina. Các thuật ngữ nói trên là tên gọi thương mại đặc thù của sản phẩm thực phẩm và chỉ được phép sử dụng khi đáp ứng đầy đủ các quy định nêu trong Lệnh đã được ban hành. Những thuật ngữ này cũng có thể được sử dụng như một phần trong tên gọi của các sản phẩm khác, với điều kiện không gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng.
65	G/SPS/N/CHN/1327	CNTY, ATTP	Trung Quốc	10/6/2025	Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: Sữa tiệt trùng – Sửa đổi lần thứ 2	Giá trị axit của sữa tiệt trùng được điều chỉnh thành: - Sữa bò: từ 10-18 o T - Sữa dê: từ 8-20 o T

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
66	G/SPS/N/CHN/1326	CNTY, ATTP	Trung Quốc	10/6/2025	Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: Sữa tươi – Sữa đông lần thứ 2	Giá trị axit của sữa tiệt trùng được điều chỉnh thành: - Sữa dê: từ 8-20 o T
67	G/SPS/N/CHN/1325	BCT, CNTY, CLCB, TTBVTV	Trung Quốc	10/6/2025	Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: Giới hạn mầm bệnh đối với thực phẩm ăn liền số lượng lớn – Sữa đông lần thứ 1	Theo yêu cầu của tiêu chuẩn GB 7718-2025, các sản phẩm được đóng gói sẵn nhưng cần cân định lượng trước khi bán được xếp vào danh mục "thực phẩm đóng gói sẵn", và các giải thích liên quan trong tiêu chuẩn GB 31607 bị xóa bỏ. Các yêu cầu về giới hạn tác nhân gây bệnh của chúng vẫn tiếp tục được quy định bởi tiêu chuẩn GB 29921.
68	G/SPS/N/UGA/443	CNTY	Uganda	06/6/2025	DUS 2728:2024, Thạch vát sữa – Tiêu chuẩn kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử đối với sản phẩm thạch vát sữa được sử dụng trên bầu vú/núm vú của động vật với mục đích bôi trơn và dưỡng ẩm, nhằm ngăn ngừa hiện tượng nứt nẻ, khô rát trong quá trình vắt sữa thủ công hoặc bằng máy.
69	G/SPS/N/ARE/295 /Add.1	BCT,	Các tiêu vương quốc Ả Rập thống nhất	05/6/2025	Hướng dẫn quốc gia về đăng ký cơ quan quản lý và cơ sở thực phẩm xuất khẩu sang các Tiêu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Tiếp nối thông báo ngày 22/5/2025 về Hướng dẫn quốc gia về đăng ký các cơ quan quản lý và cơ sở thực phẩm xuất khẩu sang các Tiêu vương quốc Ả Rập Thống nhất. Thông báo thời gian lấy ý kiến và hạn cuối nộp góp ý đã được gia hạn đến hết ngày 31/7/2025
70	G/SPS/N/EU/860	CNTY	Liên minh Châu Âu	05/6/2025	Dự thảo Quy định về việc từ chối gia hạn việc cho phép sử dụng chất Patent Blue V làm chất phụ gia thức ăn chăn nuôi dành cho động vật không dùng để sản xuất thực phẩm và bãi bỏ Quy định (EU) số 643/2013.	Patent Blue V đã từng được cấp phép sử dụng trong thời hạn mười năm như một chất phụ gia thức ăn chăn nuôi cho động vật không dùng để sản xuất thực phẩm, thuộc nhóm “phụ gia cảm quan” và nhóm chức năng “chất tạo màu, các chất bổ sung hoặc khôi phục màu sắc trong thức ăn chăn nuôi”. Một hồ sơ xin gia hạn việc cho phép sử dụng chất này đã được nộp, quy định tại Điều 14 của Quy định (EC) số 1831/2003. Sau khi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) xem xét đánh giá, bên nộp đơn đã không cung cấp thêm thông tin bổ sung để giải quyết các vấn đề phía Cơ quan đặt ra. Do đó, xét thấy chất phụ gia này không đáp ứng các điều kiện cần

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																
						thiết, việc gia hạn đã bị từ chối. Giai đoạn chuyển tiếp sẽ được tiến hành nhằm rút bỏ chất phụ gia này ra khỏi thị trường.																
71	G/SPS/N/DOM/74	ATTP	Cộng hòa Dominica	04/6/2025	Quy định vệ sinh an toàn thực phẩm và đồ uống của Cộng hòa Dominica	Quy định được thông báo thiết lập các điều kiện và quy chuẩn vệ sinh mà các hoạt động sau đây phải tuân thủ: sản xuất, chế biến, xử lý, nhập khẩu, xuất khẩu, đóng gói, bảo quản, phân phối, vận chuyển và buôn bán thực phẩm dùng cho người. Các quy định bắt buộc này áp dụng trên toàn lãnh thổ quốc gia đối với mọi cá nhân và tổ chức có liên quan đối với các hoạt động nêu trên, cũng như các cơ sở và phương tiện vận chuyển, phân phối được sử dụng cùng mục đích, nhằm bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người.																
72	G/SPS/N/USA/3518	ATTP, TTBVTV	Hoa Kỳ	03/6/2025	Sulfentrazone; Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật – Quy định cuối cùng	Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) đang hoàn tất các quy định về mức giới hạn dư lượng mà cơ quan này đã tự đề xuất trước đó theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (FFDCA) đối với dư lượng của hoạt chất sulfentrazone đối với các sản phẩm ngô bông sau: <table><tr><td>Sản phẩm</td><td>MRL (ppm)</td></tr><tr><td>Hạt ngô</td><td>0,15</td></tr><tr><td>Thân lá</td><td>0,3</td></tr></table>	Sản phẩm	MRL (ppm)	Hạt ngô	0,15	Thân lá	0,3										
Sản phẩm	MRL (ppm)																					
Hạt ngô	0,15																					
Thân lá	0,3																					
73	G/SPS/N/USA/3517	ATTP, CNTY, TTBVTV	Hoa Kỳ	03/6/2025	Florylpicoxamid; Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật – Quy định cuối cùng	Quy định này thiết lập mức giới hạn dư lượng tối đa đối với florylpicoxamid còn lại trong hoặc trên nhiều loại nông sản khác nhau. <table><tr><td>Hàng hóa</td><td>MRL</td></tr><tr><td>Lúa mạch, ngũ cốc</td><td>0,03</td></tr><tr><td>Lúa mạch, thân cỏ</td><td>1,5</td></tr><tr><td>Lúa mạch, rơm</td><td>0,5</td></tr><tr><td>Củ cải đường, lá</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Củ cải đường, rễ</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Cải dầu</td><td>0,015</td></tr><tr><td>đậu khô, đã bóc vỏ, trừ đậu nành, nhóm phụ 6-22E</td><td>0,01</td></tr></table>	Hàng hóa	MRL	Lúa mạch, ngũ cốc	0,03	Lúa mạch, thân cỏ	1,5	Lúa mạch, rơm	0,5	Củ cải đường, lá	0,1	Củ cải đường, rễ	0,01	Cải dầu	0,015	đậu khô, đã bóc vỏ, trừ đậu nành, nhóm phụ 6-22E	0,01
Hàng hóa	MRL																					
Lúa mạch, ngũ cốc	0,03																					
Lúa mạch, thân cỏ	1,5																					
Lúa mạch, rơm	0,5																					
Củ cải đường, lá	0,1																					
Củ cải đường, rễ	0,01																					
Cải dầu	0,015																					
đậu khô, đã bóc vỏ, trừ đậu nành, nhóm phụ 6-22E	0,01																					

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																
						<table><tr><td>Đậu Hà Lan, đã bóc vỏ, trừ đậu nành, nhóm phụ 6-22E</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Lúa mì, thức ăn gia súc</td><td>1,5</td></tr><tr><td>Lúa mì, ngũ cốc</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Lúa mì, thân cỏ</td><td>3,0</td></tr><tr><td>Lúa mì, rơm</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Gia súc, dê, lợn, ngựa, gia cầm, cừu (mỡ, thịt, và sản phẩm)</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Trứng</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Sữa</td><td>0,02</td></tr></table>	Đậu Hà Lan, đã bóc vỏ, trừ đậu nành, nhóm phụ 6-22E	0,01	Lúa mì, thức ăn gia súc	1,5	Lúa mì, ngũ cốc	0,01	Lúa mì, thân cỏ	3,0	Lúa mì, rơm	0,05	Gia súc, dê, lợn, ngựa, gia cầm, cừu (mỡ, thịt, và sản phẩm)	0,02	Trứng	0,02	Sữa	0,02
Đậu Hà Lan, đã bóc vỏ, trừ đậu nành, nhóm phụ 6-22E	0,01																					
Lúa mì, thức ăn gia súc	1,5																					
Lúa mì, ngũ cốc	0,01																					
Lúa mì, thân cỏ	3,0																					
Lúa mì, rơm	0,05																					
Gia súc, dê, lợn, ngựa, gia cầm, cừu (mỡ, thịt, và sản phẩm)	0,02																					
Trứng	0,02																					
Sữa	0,02																					
74	G/SPS/N/GBR/95	CNTY, TSKN	Vương quốc Anh	03/6/2025	Giấy chứng nhận kiểm dịch GBHC562 cho thức ăn thô cho thú cưng	1. Giấy chứng nhận kiểm dịch GBHC562 cho thức ăn thô cho thú cưng quy định các điều kiện nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản: Những điều kiện này trước đây đã được quy định trong Quy định thực thi (EU) 2019/626 của Ủy ban liên minh Châu Âu nhưng hiện đã được công bố trên GOV.UK. Do đó, GBHC562 đã được sửa đổi để phản ánh sự thay đổi này. 2. Chứng nhận AH/P801 về việc yêu cầu lấy mẫu ngẫu nhiên cũng sẽ được điều chỉnh để sửa lỗi soạn thảo khi giấy chứng nhận được công bố lần trước. Hiện tại, văn bản như sau: "Cơ quan có thẩm quyền đã kiểm tra ngẫu nhiên một mẫu sản phẩm ngay trước khi xuất khẩu và xác nhận sản phẩm tuân thủ các yêu cầu của Vương quốc Anh đối với Salmonella và Enterobacteriaceae;" Nội dung này sẽ được sửa thành: "Thức ăn cho thú cưng được chứng nhận phải được phân tích bằng cách lấy mẫu ngẫu nhiên ít nhất năm mẫu từ mỗi lô đã chế biến, được lấy trong hoặc sau lưu kho tại cơ sở chế biến và xác nhận tuân thủ các yêu cầu về vi sinh vật của Vương quốc Anh đối với Salmonella và Enterobacteriaceae;"																

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Việc sửa đổi này nhằm đảm bảo văn bản phù hợp với yêu cầu thực tế về nhập khẩu hiện hành của Vương quốc Anh liên quan đến lấy mẫu ngẫu nhiên. Việc công bố điều kiện nhập khẩu trên GOV.UK cho phép thực hiện các sửa đổi mang tính hành chính thay vì phải ban hành văn bản pháp luật chính thức, giúp phản ứng linh hoạt hơn trước những thay đổi về rủi ro. Yêu cầu hiện được trích dẫn trong Chứng nhận AH/P801 là không chính xác và phát sinh từ lỗi đánh máy khi soạn thảo. Bản sửa đổi này làm rõ việc nhập khẩu chính xác yêu cầu. Không có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu.
75	G/SPS/N/BRA/2175 /Add.2/Corr.1	TTBVT	Bra-xin	03/6/2025	Lệnh SDA/MAPA số 1.262, ngày 16/4/2025 – Sửa đổi lệnh SDA/MAPA số 1.237, ngày 28/01/2025, quy định yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống cây Impatiens có xuất xứ bất kỳ	Điều 1 – Lệnh SDA/MAPA số 1.237, ban hành ngày 28/01/2025, được công bố trên Công báo Liên bang (D.O.U.) số 24, Mục 1, trang 1, ngày 04/02/2025, sẽ có hiệu lực với nội dung sửa đổi như sau: "Điều 1 Đoạn duy nhất. Quy định các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với các loài sau đây: Impatiens balsamina, Impatiens flaccida, Impatiens walleriana, Impatiens hawkeri và các giống lai giữa các loài này."
76	G/SPS/N/UKR/243	CNTY	Ucraina	02/6/2025	Dự thảo Nghị quyết của Bộ trưởng Ucraina "Về việc sửa đổi Điều 3 của Nghị quyết số 537 của Bộ trưởng Ucraina ngày 07/5/2022".	Dự thảo Nghị quyết này được xây dựng nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập của các dịch bệnh động vật đặc biệt nguy hiểm vào lãnh thổ Ucraina, đồng thời cải thiện cơ chế kiểm soát thú y đối với hoạt động quá cảnh động vật sản xuất. Dự thảo đề xuất sửa đổi Điều 3 của Nghị quyết số 537 của Bộ trưởng Ucraina ngày 07/5/2022 thay thế nội dung hiện hành bằng văn bản sửa đổi Dự thảo Nghị quyết quy định việc thiết lập căn cứ pháp lý cho lưu thông các sản phẩm có nguồn gốc từ các quốc gia bị hạn chế do bùng phát dịch bệnh nằm danh mục của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH), hoặc các bệnh khác gây nguy hại tới sức

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						khỏe con người và/hoặc động vật, theo quy định của pháp luật Ucraina hoặc luật pháp quốc tế. Ngoài ra, dự thảo cũng đưa ra các quy định liên quan đến việc nhập khẩu lô hàng chứa động vật chăn nuôi và vật liệu sinh sản có nguồn gốc từ các cơ sở không được công nhận là phù hợp với pháp luật Ucraina, các lô hàng này chỉ được phép quá cảnh thông qua các khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia liên quan chính thức công nhận là vùng sạch bệnh đối với các bệnh động vật đặc biệt nguy hiểm. Các đề xuất sửa đổi là cần thiết để đảm bảo việc thực hiện hiệu quả các cơ chế ngăn chặn việc nhập khẩu các sản phẩm động vật có nguy cơ cao, triển khai biện pháp thú y và vệ sinh dịch tễ nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ lãnh thổ của Ucraina khỏi nguy cơ xâm nhiễm hoặc lây lan các bệnh động vật đặc biệt nguy hiểm từ các nước khác.
77	G/SPS/N/USA/3516	CNTY, CLCB	Hoa Kỳ	02/6/2025	Phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong thức ăn và nước uống cho động vật; Selen; Sửa đổi cuối cùng; Ban hành	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đang sửa đổi các quy định về phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong thức ăn và nước uống cho động vật nhằm cho phép sử dụng kẽm L-selenomethionine làm nguồn cung cấp selen trong thức ăn hoàn chỉnh cho gà thịt một cách an toàn. Hành động này là phản hồi đối với đơn kiến nghị về phụ gia thực phẩm do Công ty Zinpro Corp. đệ trình. Lệnh này có hiệu lực từ ngày 19/5/2025.
78	G/SPS/N/EU/859	CNTY	Liên minh Châu Âu	28/5/2025	Dự thảo Quy định về việc rút khỏi thị trường oct-2-enal, dec-2-enal, 2-hexenal, 3,5-octadiene-2-one, dec-2 enoic acid, phenethyl propionate, methyl decanoate, ethyl dec-2 enoate, ethyl dec-4-enoate, butylamine, 3-methylbutane-1-thiol, 2 methylfuran, 2-acetyl-5-	Các chất trên ban đầu được cấp phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó, thuộc nhóm phụ gia cảm quan và nhóm chức năng “hợp chất tạo hương liệu”. Sau đó, các đơn xin tiếp tục cấp phép các chất này đã được nộp theo Điều 10 của Quy định (EC) số 1831/2003. Tuy nhiên, người nộp đơn đã rút đơn trong quá trình đánh giá rủi ro về tính an toàn và hiệu quả của chúng. Do đó, việc cấp phép các chất này làm phụ gia thức ăn chăn nuôi phải bị thu hồi theo quy định. Các giai đoạn chuyển

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					methylyfuran, 2-acetyl-3-methylpyrazine và picoline beta (3-methylpyridine) làm chất phụ gia thức ăn cho mèo và chó	tiếp sẽ được tiến hành để các bên quan tâm điều chỉnh việc thu hồi các chất này.
79	G/SPS/N/BRA/2415	TTBVT	Bra-xin	27/5/2025	Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống các loài Lobelia erinus và Lobelia x speciosa từ mọi nguồn	Dự thảo Sắc lệnh nhằm thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vào Bra-xin vật liệu nhân giống (Loại 4) của các loài Lobelia erinus và Lobelia x speciosa từ mọi nguồn.
80	G/SPS/N/BRA/2412	ATTP	Bra-xin	27/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1333, ngày 20/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1333, ngày 20/5/2025. Quy định đề xuất đưa hoạt chất B73 - betaine vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
81	G/SPS/N/BRA/2411	ATTP	Bra-xin	27/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1334, ngày 20/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1334, ngày 20/5/2025. Quy định đề xuất đưa hoạt chất O23 - ocimum basilicum vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
82	G/SPS/N/BRA/2410	ATTP	Bra-xin	27/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1332, ngày 20/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1332, ngày 20/5/2025. Quy định đề xuất đưa hoạt chất W01 - Willaertia Magna vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
83	G/SPS/N/UKR/242	ATTP, TTBVT	Ucraina	23/5/2025	Nghị định số 583 của Bộ Y tế Ukraina "Về việc phê duyệt sửa đổi Quy chuẩn y tế và vệ sinh quốc gia về sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất nông nghiệp" ngày 04/4/2025	Nghị định này phê duyệt các sửa đổi đối với Tiêu chuẩn y tế và vệ sinh quốc gia về sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất nông nghiệp, được phê duyệt theo Nghị định số 55 của Bộ Y tế Ukraina ngày 02/02/2016 (đã được sửa đổi bởi Nghị định số 1276 của Bộ Y tế Ukraina ngày 28/5/2020). Các sửa đổi này nhằm làm rõ một số mục trong Bảng 6 và bổ sung

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Bảng 7 vào Tiêu chuẩn y tế và vệ sinh quốc gia về sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất nông nghiệp.
84	G/SPS/N/KGZ/36	CNTY	Cộng hòa Kyrgyzstan	23/5/2025	Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quy định chung về các yêu cầu kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật và Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật đối với ong mật, ong vò vẽ, kén ong cắt lá, dế và côn trùng thiên địch xuất khẩu vào Lãnh thổ Hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (Mẫu số 18)	Các dự thảo quyết định này quy định việc bổ sung yêu cầu pháp lý trong khuôn khổ Liên minh Kinh tế Á-Âu về việc xác nhận tình trạng không có bệnh tropylelapsosis khi nhập khẩu và/hoặc vận chuyển ong mật (ong chúa và đàn ong giống).
85	G/SPS/N/EU/858	CNTY	Liên minh Châu Âu	23/5/2025	Dự thảo Quy định về việc cấp phép sử dụng tinh dầu hạt cần tây từ <i>Apium graveolens</i> L. và tinh dầu hạt thìa là từ <i>Carum carvi</i> L. làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật	Dự thảo về việc cấp phép sử dụng tinh dầu hạt cần tây từ loài <i>Apium graveolens</i> L. và tinh dầu hạt thìa là từ loài <i>Carum carvi</i> L. làm “hợp chất tạo hương liệu” trong phạm vi pháp luật EU về phụ gia thức ăn chăn nuôi, Quy định (EC) số 1831/2003. Biện pháp này nhằm mục đích cho phép sử dụng các phụ gia nêu trên đối với: - Gà tây nuôi lấy thịt, gà nuôi lấy thịt và các loài gia cầm ít phổ biến nuôi lấy thịt, - Toàn bộ gia cầm nuôi để đẻ trứng hoặc làm giống, - Chim cảnh, - Lợn nuôi lấy thịt, - Lợn thuộc giống <i>Suidae</i> ít phổ biến nuôi lấy thịt, - Lợn con (còn bú và sau cai sữa) thuộc giống <i>Suidae</i> , - Toàn bộ giống <i>Suidae</i> để sinh sản, - Bê cừu và dê, bò nuôi vỗ béo, các loài nhai lại khác nuôi vỗ béo và toàn bộ các loài nhai lại khác,

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						- Lạc đà nuôi vỗ béo và toàn bộ các loài lạc đà khác, - Ngựa, thỏ, cá hồi, các loài cá nhỏ ít phổ biến, chó. Đồng thời, dự thảo cũng đề xuất rút giấy phép lưu hành các phụ gia này đối với các loài động vật khác. Ngoài ra, đề xuất cũng bao gồm thời gian chuyển tiếp cho các loại thức ăn chăn nuôi sau: - 12 tháng cho các lô hàng hiện có của tinh dầu hạt cần tây và tinh dầu hạt thìa là; - 15 tháng cho các lô hàng hỗn hợp sơ chế (premix) có chứa các phụ gia nêu trên; - 24 tháng cho các loại thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn được sản xuất từ các phụ gia và premix đã đề cập.
86	G/SPS/N/EU/857	CNTY	Liên minh Châu Âu	23/5/2025	Dự thảo Quy định về việc cấp phép sử dụng cò bạch đàn từ cây bạch đàn Eucalyptus globulus Labill. làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật	Dự thảo về việc cấp phép sử dụng cò bạch đàn từ cây Eucalyptus globulus Labill. làm “hợp chất tạo hương” trong phạm vi pháp luật của EU về phụ gia thức ăn chăn nuôi, cụ thể là Quy định (EC) số 1831/2003. Biện pháp này nhằm cấp phép sử dụng phụ gia này cho gà tây nuôi lấy thịt, gà nuôi lấy thịt và gia cầm ít phổ biến nuôi lấy thịt, lợn nuôi lấy thịt, lợn thuộc giống Suidae ít phổ biến nuôi lấy thịt, bê nuôi lấy thịt, cừu và dê nuôi lấy thịt, bò và các loài nhai lại khác nuôi lấy thịt, lạc đà nuôi lấy thịt, thỏ nuôi lấy thịt, cá hồi (trừ cá giống) và các loài cá nhỏ ít phổ biến (trừ cá giống) và rút phép lưu hành phụ gia này đối với các loài động vật còn lại. Dự kiến sẽ áp dụng các giai đoạn chuyển tiếp đối với các loại thức ăn chăn nuôi sau: - 12 tháng đối với lượng tồn kho hiện có của phụ gia cò thuốt từ cây Eucalyptus globulus Labill.; - 15 tháng đối với lượng tồn kho của các hỗn hợp sơ chế (premixture) được sản xuất có chứa phụ gia nêu trên; - 24 tháng đối với thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn được sản xuất từ phụ gia và hỗn hợp sơ chế đã nêu trên.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
87	G/SPS/N/ARE/295	ATTP, CNTY, CLCB, BCT, TSKN	Các tiêu vương quốc Ả Rập thống nhất	22/5/2025	Hướng dẫn quốc gia về đăng ký cơ quan quản lý và cơ sở sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Hướng dẫn này nhằm trình bày các thủ tục và thông lệ thương mại mà các cơ sở sản xuất thực phẩm nước ngoài xuất khẩu sản phẩm thực phẩm vào UAE phải tuân thủ. Các thủ tục được thực hiện thông qua cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm tại quốc gia xuất khẩu. Mục tiêu: - Đảm bảo an toàn và chất lượng thực phẩm xuất khẩu sang UAE; - Đảm bảo thực phẩm nhập khẩu được sản xuất và xử lý trong điều kiện vệ sinh tại các cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn về y tế, thú y và an toàn thực phẩm; - Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu thực phẩm vào UAE; - Tăng cường các biện pháp kiểm soát thực phẩm và xác định các rủi ro an toàn thực phẩm tiềm ẩn trước khi sản phẩm nhập khẩu vào UAE; - Đánh giá việc tuân thủ của các cơ sở nước ngoài với yêu cầu của cơ quan quản lý và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm hiện hành; - Đơn giản hóa thủ tục thông quan đối với thực phẩm nhập khẩu, tạo cơ sở cho các cơ quan chức năng UAE đưa ra quyết định chấp nhận hoặc từ chối có căn cứ; - Đảm bảo thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Luật Liên bang số (10) năm 2015 về an toàn thực phẩm, cũng như các thông số kỹ thuật, quy định kỹ thuật và luật liên quan của UAE.
88	G/SPS/N/EU/856	CNTY	Liên minh Châu Âu	21/5/2025	Quy định (EU) 2025/634 ngày 01/4/2025 về việc cấp phép L- arginine được sản xuất bằng Escherichia coli CGMCC 7.401 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Quy định cấp phép trong thời hạn mười năm đối với L-arginine được sản xuất bằng Escherichia coli CGMCC 7.401 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi, thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng và nhóm chức năng “axit amin, muối và các chất tương tự của chúng”, áp dụng cho tất cả các loài động vật. Việc cấp phép này dựa trên kết luận tích cực từ đánh giá khoa học hồ sơ do bên nộp đơn cung cấp, được thực hiện bởi Cơ

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA). Các điều kiện của việc cấp phép được nêu chi tiết trong Phụ lục thông báo.
89	G/SPS/N/EU/855	CNTY	Liên minh Châu Âu	21/5/2025	Quy định (EU) 2025/756 ngày 16/4/2025 về việc cấp phép L-valine được sản xuất bằng Escherichia coli CGMCC 22721 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Quy định cấp phép trong thời hạn mười năm đối với L-valine được sản xuất bằng Escherichia coli CGMCC 22721 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi, thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng và nhóm chức năng “axit amin, muối và các chất tương tự của chúng”, áp dụng cho tất cả các loài động vật. Việc cấp phép này dựa trên kết luận tích cực từ đánh giá khoa học hồ sơ do bên nộp đơn cung cấp, được thực hiện bởi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA). Các điều kiện của việc cấp phép được nêu chi tiết trong Phụ lục thông báo.
90	G/SPS/N/EU/854	CNTY	Liên minh Châu Âu	21/5/2025	Quy định (EU) 2025/720 ngày 15/4/2025 về việc cấp phép chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> DSM 32651 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loại động vật	Quy định cấp phép trong thời hạn mười năm đối với chế phẩm <i>Lentilactobacillus buchneri</i> DSM 32651 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi, thuộc nhóm phụ gia công nghệ và nhóm chức năng “phụ gia ủ chua”, áp dụng cho tất cả các loài động vật. Việc cấp phép này dựa trên kết luận tích cực từ đánh giá khoa học hồ sơ do bên nộp đơn cung cấp, được thực hiện bởi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA). Các điều kiện của việc cấp phép được nêu chi tiết trong Phụ lục thông báo
91	G/SPS/N/EU/853	CNTY	Liên minh Châu Âu	21/5/2025	Quy định (EU) 2025/708 ngày 11/4/2025 về việc cấp phép natri ferrocyanide và kali ferrocyanide làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định (EC) số 1810/2005	Các chất được đề cập trong văn bản này đã được cấp phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Một hồ sơ đã được nộp xin gia hạn lại việc cấp phép đối với các chất này theo Điều 10 của Quy định (EC) số 1831/2003. Dựa trên kết luận tích cực từ đánh giá khoa học hồ sơ do bên nộp đơn cung cấp, được thực hiện bởi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA), các chất này được gia hạn cấp phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, thuộc nhóm phụ gia công nghệ và nhóm chức năng “chất chống vón”, theo một số điều kiện cụ thể được nêu trong Phụ lục của văn bản này.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Ngoài ra, giai đoạn chuyển tiếp sẽ được tiến hành để các bên liên quan có thể đáp ứng các yêu cầu cấp phép mới.
92	G/SPS/N/ARM/59	CNTY	Armenia	21/5/2025	Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quy định chung về các yêu cầu kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật và Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật đối với ong mật, ong vò vẽ, kén ong cắt lá, dế và côn trùng thiên địch xuất khẩu vào Lãnh thổ Hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (Mẫu số 18)	Các dự thảo quyết định quy định ong mật (ong chúa và ong giống), khi được nhập khẩu vào lãnh thổ Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU) và/hoặc vận chuyển giữa các quốc gia thành viên EAEU, phải có nguồn gốc từ các khu vực không có bệnh tropylepsosis. Các dự thảo cũng đề xuất việc sửa đổi mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch động vật tương ứng.
93	G/SPS/N/JPN/1345	CNTY, TSKN	Nhật Bản	20/5/2025	Đề xuất sửa đổi Nghị định của Bộ trưởng về Quy cách và Tiêu chuẩn Thức ăn chăn nuôi và Phụ gia Thức ăn chăn nuôi	1. Quy cách đối với nguyên liệu, tiêu chuẩn về phương pháp sản xuất, sử dụng và bảo quản, và tiêu chuẩn ghi nhãn đối với thức ăn chăn nuôi Tiêu chuẩn về phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi nói chung: Enzyme Amylase (Số 3) không được sử dụng trong thức ăn (bao gồm cả nguyên liệu hoặc thành phần dùng để sản xuất thức ăn) dành cho đối tượng khác ngoài bò, lợn và gà. Tiêu chuẩn ghi nhãn thức ăn chăn nuôi nói chung: Thức ăn có chứa phụ gia thức ăn mà đã chỉ định động vật mục tiêu thì phải ghi rõ loại động vật mục tiêu trên nhãn. 2. Quy cách đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi A. Hoạt chất (a) Tiêu chuẩn thành phần

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Đơn vị hoạt tính enzyme: Sản phẩm chứa 2000 đơn vị hoạt tính phân giải tinh bột/g trở lên (theo phương pháp thử hoạt tính enzyme). Tính chất vật lý và hóa học: i. Sản phẩm có màu từ nâu nhạt đến nâu đậm ii. Dung dịch hoặc huyền phù nước pha loãng tỉ lệ 1→100 có pH từ 5,0 đến 7,5 iii. Enzyme có hoạt tính cực đại ở pH 5,0 đến 7,0 Thử nghiệm độ tinh khiết: i. Chì: Hàm lượng chì không được vượt quá 20 µg/g theo phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử ii. Asen: Không được vượt quá 2 µg/g theo tiêu chuẩn màu sắc trong thử nghiệm asen iii. Hoạt tính kháng khuẩn: Không có hoạt tính kháng khuẩn iv. Tro sau nung: Không quá 20,0% (1 g) v. Thử nghiệm hoạt tính enzyme: Thử theo phương pháp thử năng lực phân giải tinh bột b) Tiêu chuẩn phương pháp sản xuất Sản xuất bằng cách nuôi cấy vi sinh vật tái tổ hợp sản sinh amylase, có chủng vật chủ thuộc <i>Bacillus licheniformis</i>. Sau khi nuôi, dịch nuôi được lọc hoặc chiết bằng nước, sau đó lọc loại bỏ tế bào vi khuẩn và cô đặc phần lọc được. (c) Tiêu chuẩn phương pháp bảo quản Bảo quản trong bao bì kín, chống ánh sáng. (d) Tiêu chuẩn ghi nhãn Trên bao bì hoặc vỏ bao bì trực tiếp phải ghi giá trị pH có hoạt tính enzyme tối đa (tối một chữ số thập phân). B. Chế phẩm (Số 1) (a) Tiêu chuẩn thành phần Sản phẩm ở dạng miếng, bột hoặc hạt, trong đó hoạt chất Amylase (Số 3) được trộn với natri sulfat và chất độn.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Đơn vị hoạt tính enzyme: Sản phẩm chứa từ 85–170% đơn vị hoạt tính phân giải tinh bột ghi trên nhãn (theo kết quả thử nghiệm enzyme). (b) Tiêu chuẩn bảo quản Áp dụng tương tự như tiêu chuẩn bảo quản của hoạt chất Amylase (Số 3). (c) Tiêu chuẩn ghi nhãn Áp dụng tương tự như tiêu chuẩn ghi nhãn của hoạt chất Amylase (Số 3). C. Chế phẩm (Số 2 dạng lỏng) (a) Tiêu chuẩn thành phần Sản phẩm là dung dịch hòa tan trong nước, trong đó hoạt chất Amylase (Số 3) được trộn với đường sucrose, natri clorua, kali sorbat và nước. Đơn vị hoạt tính enzyme: Từ 85–170% so với lượng ghi nhãn (theo thử nghiệm enzyme). (b) Tiêu chuẩn bảo quản Áp dụng tương tự như tiêu chuẩn bảo quản của hoạt chất Amylase (Số 3). (c) Tiêu chuẩn ghi nhãn Áp dụng tương tự như tiêu chuẩn ghi nhãn của hoạt chất Amylase (Số 3).
94	G/SPS/N/EU/852	CNTY	Liên minh Châu Âu	20/5/2025	Quy định (EU) 2025/752 ngày 16/4/2025 liên quan đến việc gia hạn giấy phép sử dụng L-tyrosine làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định thực hiện (EU) số 101/2014	Dựa trên kết luận thuận lợi của đánh giá khoa học do Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) tiến hành, giấy phép cho chất này làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật trong danh mục 'phụ gia dinh dưỡng' và trong nhóm chức năng 'axit amin, muối và chất tương tự của chúng' được gia hạn theo một số điều kiện được nêu chi tiết trong Phụ lục của Đạo luật, bao gồm giai đoạn chuyển tiếp để các bên quan tâm đáp ứng các yêu cầu cấp phép mới.
95	G/SPS/N/RUS/315	CNTY	Nga	19/5/2025	Dự thảo Quyết định của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Kinh tế Á – Âu	Dự thảo các Quyết định quy định rằng ong mật (bao gồm ong chúa và tổ ong đóng gói) nhập khẩu vào lãnh thổ Liên minh

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																					
					về việc sửa đổi các yêu cầu thú y chung (vệ sinh và thú y) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thú y và Dự thảo Quyết định về việc sửa đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y đối với ong mật, ong vò vẽ, kén ong cắt lá cây linh lăng, dế và côn trùng thiên địch xuất khẩu vào lãnh thổ hải quan Liên minh Kinh tế Á – Âu (Mẫu số 18)	Kinh tế Á – Âu (EAEU) và/hoặc vận chuyển giữa các quốc gia thành viên EAEU phải có nguồn gốc từ các khu vực không có bệnh tropilaelapsosis. Đồng thời, dự thảo cũng đề xuất sửa đổi nội dung tương ứng đối với mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y liên quan. Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y đang lưu hành sẽ hết hạn ngày 01/3/2026.																					
96	G/SPS/N/KOR/822	ATTP, BCT, CNTY, TTBVTV, CLCB	Hàn Quốc	19/5/2025	Dự thảo sửa đổi “Luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu”	Nhằm bảo vệ an toàn cho người tiêu dùng, dự thảo sửa đổi yêu cầu các thiết bị, dụng cụ và bao bì nhập khẩu làm từ nguyên liệu tái tạo (được hiểu là nguyên liệu đã qua xử lý nhằm tái sử dụng) phải được Bộ trưởng Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm công nhận đối với nguyên liệu sử dụng theo quy định tại Điều 9-2 của Luật An toàn thực phẩm.																					
97	G/SPS/N/JPN/1344	ATTP, CLCB, CNTY	Nhật Bản	19/5/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).	<table><tr><td colspan="3">Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y: Norgestomet.</td></tr><tr><td>Loại hàng hóa (hiện hành)</td><td>Giá trị MRL đề xuất (ppm)</td><td>Giá trị MRL hiện tại (ppm)</td></tr><tr><td>Thịt bò, cơ</td><td>0,0001</td><td>0,0001</td></tr><tr><td>Thịt lợn, cơ</td><td>0,0001</td><td>0,0001</td></tr><tr><td>Động vật có vú trên cạn khác¹, cơ</td><td>0,0001</td><td>0,0001</td></tr><tr><td>Thịt bò, mỡ</td><td>0,0001</td><td>0,0001</td></tr><tr><td>Thịt lợn, mỡ</td><td>0,0001</td><td>0,0001</td></tr></table>	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y: Norgestomet.			Loại hàng hóa (hiện hành)	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)	Thịt bò, cơ	0,0001	0,0001	Thịt lợn, cơ	0,0001	0,0001	Động vật có vú trên cạn khác ¹ , cơ	0,0001	0,0001	Thịt bò, mỡ	0,0001	0,0001	Thịt lợn, mỡ	0,0001	0,0001
Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y: Norgestomet.																											
Loại hàng hóa (hiện hành)	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)																									
Thịt bò, cơ	0,0001	0,0001																									
Thịt lợn, cơ	0,0001	0,0001																									
Động vật có vú trên cạn khác ¹ , cơ	0,0001	0,0001																									
Thịt bò, mỡ	0,0001	0,0001																									
Thịt lợn, mỡ	0,0001	0,0001																									

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Động vật có vú trên cạn khác, mỡ	0,0001	0,0001
						Gan bò	0,0001	0,0001
						Gan lợn	0,0001	0,0001
						Gan động vật có vú trên cạn khác	0,0001	0,0001
						Thận bò	0,0001	0,0001
						Thận lợn	0,0001	0,0001
						Thận động vật có vú trên cạn khác	0,0001	0,0001
						Phụ phẩm ăn được của bò ²	0,0001	0,0001
						Phụ phẩm ăn được của lợn	0,0001	0,0001
						Phụ phẩm ăn được của động vật có vú trên cạn khác	0,0001	0,0001
						Sữa	0,0001	0,0001
						Thịt gà, cơ	0,0001	0,0001
						Các loại gia cầm khác ³ , cơ	0,0001	0,0001
						Thịt gà, mỡ	0,0001	0,0001
						Các loại gia cầm khác, mỡ	0,0001	0,0001
						Gan gà	0,0001	0,0001
						Gan các loại gia cầm khác	0,0001	0,0001
						Thận gà	0,0001	0,0001
						Thận các loại gia cầm khác	0,0001	0,0001
						Phụ phẩm ăn được của gà	0,0001	0,0001
						Phụ phẩm ăn được của các loại gia cầm khác	0,0001	0,0001
						Trứng gà	0,0001	0,0001

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Trứng của các loại gia cầm khác	0,0001	0,0001
						Động vật thủy sinh (chỉ Salmoniformes)	0,0001	0,0001
						Động vật thủy sinh (chỉ Anguilliformes)	0,0001	0,0001
						Động vật thủy sinh (chỉ Perciformes)	0,0001	0,0001
						Động vật thủy sinh (các loài cá khác) ⁴	0,0001	0,0001
						Động vật thủy sinh (chỉ nhuyễn thể có vỏ)	0,0001	0,0001
						Động vật thủy sinh (chỉ giáp xác)	0,0001	0,0001
						Các động vật thủy sinh khác ⁵	0,0001	0,0001
						Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0,0001	0,0001
						* Giá trị tô bóng là các MRL tạm thời. Định nghĩa dư lượng: chỉ bao gồm Norgestomet. Định nghĩa dư lượng sẽ không thay đổi 1. “Động vật có vú trên cạn khác”: Tất cả động vật có vú trên cạn, trừ bò và lợn. 2. “Phụ phẩm ăn được”: Tất cả các phần ăn được trừ cơ, mỡ, gan và thận. 3. “Các loại gia cầm khác”: Tất cả gia cầm, trừ gà. 4. “Các loài cá khác”: Tất cả cá, trừ Salmoniformes, Anguilliformes và Perciformes. 5. “Các động vật thủy sinh khác”: Tất cả động vật thủy sinh, trừ cá, nhuyễn thể có vỏ và giáp xác.		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
98	G/SPS/N/JPN/1343	ATTP, CNTY	Nhật Bản	19/5/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc thú y: Dibutyl Succinate		
						Loại hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)
						Thịt lợn, cơ	0,09	0,09
						Thịt lợn, mỡ	0,09	0,09
						Gan lợn	0,09	0,09
						Thận lợn	0,09	0,09
						Phụ phẩm ăn được của lợn ¹	0,09	0,09
						Sữa	0,04	0,04
						Thịt gà, cơ	0,05	0,05
						Thịt gà, mỡ	0,05	0,05
						Gan gà	0,1	0,1
						Thận gà	0,05	0,05
						Phụ phẩm ăn được từ gà	0,2	0,2
						Trứng gà	0,1	0,1
						* Các giá trị tô bóng là MRL tạm thời. Định nghĩa dư lượng: chỉ bao gồm Dibutyl Succinate. Định nghĩa dư lượng sẽ không thay đổi. Chú thích: • 1. “Phụ phẩm ăn được”: Bao gồm tất cả các phần ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận.		
99	G/SPS/N/JPN/1342	ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	19/5/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu/Thuốc thú y: Broflanilide.		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
					các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Loại hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)
						Lúa mì	●0,001	
						Lúa mạch đen	●0,001	
						Ngô	0,01	0,01
						Kiêu mạch	●0,001	
						Các loại ngũ cốc khác	●0,001	
						Cải Brussel	○0,07	
						Súp lơ	●1	2
						Bông cải xanh	●1	2
						Cải cúc	○15	
						Hành	0,01	
						Hành tây (tỏi tây)	●2	3
						Tỏi	○0,05	
						Hẹ	○4	
						Các rau họ hành khác: Trừ hành, hành lá, tỏi, nira, măng tây...	○ 0,5	
						Ớt ngọt	○ 0,4	
						Rau chân vịt	○ 15	
								
						●: Những loại hàng hóa có MRL được đề xuất giảm. ○: Những loại hàng hóa có MRL được đề xuất tăng.		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Các hàng hóa không được liệt kê sẽ áp dụng giới hạn đồng nhất 0,01 ppm. Định nghĩa dư lượng: - Sản phẩm nông nghiệp và mật ong: chỉ gồm Broflanilide. - Sản phẩm động vật: tổng của Broflanilide và chất chuyển hóa B, biểu thị theo Broflanilide. Định nghĩa này sẽ không thay đổi. Chú thích thêm về nhóm thực phẩm 1. Ngũ cốc khác: Trừ gạo lứt, lúa mì, đại mạch, lúa mạch đen, ngô và kiều mạch. 2. Đậu khô: Bao gồm đậu bơ, đậu đỏ, đậu lăng, đậu tây, đậu lima, đậu trắng... 3. Các loại đậu khác: Trừ đậu tương, đậu khô, đậu Hà Lan, đậu tằm, lạc khô và gia vị. 4. Các loại khoai khác: Trừ khoai tây, khoai môn, khoai lang, củ từ và khoai nua. 5. Các rau họ cải khác: Trừ củ cải, cải củ, cải thảo, bắp cải, cải xoăn, su hào... 6. Các rau thuộc họ cúc khác: Trừ rau diếp, chicory, endive, shungiku... 7. Các rau họ hành khác: Trừ hành, hành lá, tỏi, nira, măng tây... 8. Các rau họ bầu bí khác: Trừ dưa chuột, bí đỏ, dưa lê, dưa hấu... 9. Các loại rau khác: Trừ khoai, mía, rau cải, rau họ cúc, rau họ hành, cần tây, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau dền, đậu non, măng, đậu bắp, nấm, gia vị và thảo mộc. 10. Trái cây họ cam quýt khác: Trừ cam, quýt, chanh, bưởi, vỏ chanh/cam và gia vị. 11. Các loại hạt có dầu khác: Trừ hạt hướng dương, mè, rum, bông, cải dầu và gia vị. 12. Gia vị khác: Trừ cải ngựa, wasabi, tỏi, ớt, gừng, vỏ cam chanh, mè...

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																		
						13. Thảo mộc khác: Trừ rau cải nước, nira, cần tây, ngò rí... 14. Động vật có vú trên cạn khác: Trừ bò và lợn. 15. Phụ phẩm ăn được: Bao gồm tất cả phần ăn được, trừ cơ, mỡ, gan, thận. 16. Gia cầm khác: Trừ gà.																		
100	G/SPS/N/JPN/1341	ATTP, TTBVTV, CLCB	Nhật Bản	19/5/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu: Thifluzamide Các loại rau khác bao gồm ngoại trừ khoai tây, củ cải đường, mía, rau họ cải, rau hỗn hợp, rau họ tán, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau bina, măng, đậu bắp, gừng, đậu Hà Lan (có vỏ, non), đậu thận (có vỏ, non), đậu nành xanh, nấm, gia vị và thảo mộc sẽ được điều chỉnh giảm, mức quy định cũ là 1ppm Các loại hoàng hóa khác vẫn theo quy định cũ hoặc thống nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê																		
101	G/SPS/N/JPN/1340	ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	19/5/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).	<table><tr><td colspan="3">Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu: Pyraziflumid.</td></tr><tr><td>Loại hàng hoá</td><td>Giá trị MRL đề xuất (ppm)</td><td>Giá trị MRL hiện tại (ppm)</td></tr><tr><td>Dưa chuột (bao gồm dưa chuột muối)</td><td>0,9</td><td>0,9</td></tr><tr><td>Bí ngô (bao gồm bí đao)</td><td>0,9</td><td>1</td></tr><tr><td>Dưa hấu (cả quả sau bỏ cuống)</td><td>0,9</td><td>0,8</td></tr><tr><td>Dưa lưới (cả quả sau bỏ cuống)</td><td>● 0,9</td><td>1</td></tr></table>	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu: Pyraziflumid.			Loại hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)	Dưa chuột (bao gồm dưa chuột muối)	0,9	0,9	Bí ngô (bao gồm bí đao)	0,9	1	Dưa hấu (cả quả sau bỏ cuống)	0,9	0,8	Dưa lưới (cả quả sau bỏ cuống)	● 0,9	1
Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu: Pyraziflumid.																								
Loại hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)																						
Dưa chuột (bao gồm dưa chuột muối)	0,9	0,9																						
Bí ngô (bao gồm bí đao)	0,9	1																						
Dưa hấu (cả quả sau bỏ cuống)	0,9	0,8																						
Dưa lưới (cả quả sau bỏ cuống)	● 0,9	1																						

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Dưa lưới Makuwauri (cả quả sau bỏ cuống)	● 0,9	1
						Các loại rau họ bầu khác	● 0,9	1
						Đậu bắp	○ 2	
						Gùng	○ 0,06	
						Táo	○ 2	1
						Đào Nhật	○ 2	1
						Đào	○ 2	1
						Hồng Nhật	○ 2	0,8
						● Hàng hoá MRL giảm ○ Hàng hoá MRL tăng		
102	G/SPS/N/JPN/1339	ATTP, CNTY, TTBVTV	Nhật Bản	19/5/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu: Hợp chất Polyoxin.		
						Loại hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)
						Cam Unshu	● 0,5	0,7
						Các loại rau khác, ngoại trừ ngoại trừ cải xoong, nira, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây.	○ 10	-
						Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	○ 0,05	-
						Các loại hàng hóa khác vẫn theo quy định cũ hoặc thống nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						● Hàng hoá MRL giảm ○ Hàng hoá MRL tăng		
103	G/SPS/N/JPN/1338	ATTP, TTBVT	Nhật Bản	19/5/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu: Isofetamid.		
						Hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)
						Ốt ngọt	○ 7	-
						Dưa muối	○ 1	-
						Dưa hấu (cả quả sau khi bỏ cuống)	● 1	2
						Các loại rau họ bầu bí khác bao gồm tất cả các loại rau họ bầu bí, ngoại trừ dưa chuột (bao gồm cả dưa chuột muối), bí ngô (bao gồm cả bí đao), dưa muối phương Đông (rau), dưa hấu, dưa gang và dưa makuwauri	○ 2	-
						Hạt vùng	● 0,01	0,02
						Hạt cải	● 0,01	0,02
						Hạt cải có dầu khác bao gồm tất cả các loại hạt có dầu, ngoại trừ hạt hướng dương,	● 0,01	0,02

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						hạt vừng, hạt cây rum, hạt bông, hạt cải dầu và gia vị.		
						“Các loại rau khác đề cập đến tất cả các loại thảo mộc, ngoại trừ cải xoong, nira, thân và lá mùi tây, thân cần tây	● 0,01	0,02
						Dầu hạt cải, thô	○ 0,03	-
						Các loại hoàng hóa khác vẫn theo quy định cũ hoặc thống nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê		
						● Hàng hoá MRL giảm ○ Hàng hoá MRL tăng		
104	G/SPS/N/JPN/1337	ATTP, CNTY, TTBVT	Nhật Bản	19/5/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu: Fluxametamide		
						Hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)
						Củ cải Nhật Bản, rễ (bao gồm cả củ cải)	○ 0,2	0,07
						Củ cải Nhật Bản, lá (bao gồm cả củ cải)	○ 15	7
						Cải thảo	○ 0,09	0,8
						Bắp cải	● 0,9	1
						Cải Brussels	○ 0,09	-
						Cải cúc	○ 15	-

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Hành tây (gồm cả tỏi tây)	● 1	2
						Cà rốt	○ 0,1	-
						Ớt ngọt	● 1	2
								
						Các loại hoàng hóa khác vẫn theo quy định cũ hoặc thống nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê ● Hàng hoá MRL giảm ○ Hàng hoá MRL tăng		
105	G/SPS/N/JPN/1336	ATTP, CNTY, TTBVT	Nhật Bản	19/5/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu: Dimpropridaz		
						Hàng hoá	Giá trị MRL đề xuất (ppm)	Giá trị MRL hiện tại (ppm)
						Đậu nành, khô	0,01	-
						Khoai tây	0,01	-
						Củ cải đường	0,01	-
						Cải thảo	○ 1	-
						Bắp cải	○ 1	-
						Bông cải xanh	○ 3	-
						Rau diếp xoăn thông thường	○ 20	-
						Rau diếp xoăn	○ 20	-
						Rau diếp	○ 20	-
						Các loại rau khác các loại rau tổng hợp,	○ 20	-

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						ngoại trừ cây ngưu bàng, cây cần tây, atisô, rau diếp xoăn, rau diếp xoăn, cải cúc, rau diếp và các loại thảo mộc		
						Cà chua	o 1	-
						Ớt ngọt	o 2	-
						Cà tím	o 0,6	-
						Dưa chuột (bao gồm dưa chuột muối)	o 0,6	-
						Dưa hấu (cả quả sau khi bỏ cuống)	o 0,1	-
						Táo	o 0,4	-
						Lê Nhật	o 0,4	-
						Lê	o 0,4	-
						Đào	o 0,1	-
						Anh đào	o 3	-
						Dâu tây	o 5	-
						Nho	o 2	-
						Trà	o 30	-
						Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	o 0,05	-
						Các loại hoàng hóa khác thống nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê o : Những hàng hoá mà MRL sẽ được nâng lên.		
106	G/SPS/N/EU/851	TTBVT	Liên minh Châu Âu	19/5/2025	Dự thảo sửa đổi Quy (EU) 2019/2072 về danh mục và các biện pháp xử lý đối với các loài	Dự thảo sửa đổi các Phụ lục IV và V của Quy định (EU) 2019/2072 như sau: - Thay đổi tên khoa học của các loài sinh vật gây hại;		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					gây hại không phải kiểm dịch được quản lý	- Thay đổi định dạng của Phụ lục V thành dạng bảng cho tất cả các Phần, nhằm cho phép các nước thứ ba ghi rõ biện pháp xử lý phù hợp đã được áp dụng trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, phù hợp với Điều 71(2) của Quy định (EU) 2016/2031, được sửa đổi bởi Quy định (EU) 2024/3115; - Bổ sung trong Phụ lục V tùy chọn cho việc đưa cây trồng vào Liên minh châu Âu, không chỉ di chuyển trong nội bộ Liên minh, đối với các sinh vật sau: <i>Xanthomonas arboricola</i> pv. <i>pruni</i> (Smith) Vauterin et al. trong Phần C; <i>Dothistroma pini</i> Hulbary, <i>Dothistroma septosporum</i> (Dorogin) Morelet, <i>Lecanosticta acicola</i> (von Thümen) Sydow và <i>Phytophthora ramorum</i> (chủng EU) Werres, De Cock & Man in't Veld trong Phần C và D; <i>Puccinia horiana</i> P. Hennings, <i>Aculops fuchsiae</i> Keifer, <i>Opogona sacchari</i> Bojer, <i>Rhynchophorus ferrugineus</i> (Olivier), <i>Impatiens necrotic spot tospovirus</i> và <i>Tomato spotted wilt tospovirus</i> trong Phần C; <i>Cryphonectria parasitica</i> (Murrill) Barr. trong Phần D; <i>Fusarium</i> Link (chi vô tính), ngoại trừ <i>Fusarium oxysporum</i> sp. <i>albedinis</i> (Kill. & Maire) W.L. Gordon và <i>Fusarium circinatum</i> Nirenberg & O'Donnell; <i>Helicobasidium brebissoni</i> (Desm.) Donk, <i>Stromatinia cepivora</i> Berk. và <i>Tomato spotted wilt tospovirus</i> trong Phần H; - Bổ sung trong Phụ lục V tùy chọn vùng không có sinh vật gây hại (area free) đối với: <i>Ditylenchus dipsaci</i> (Kuehn) Filipjev trong các Phần A, C, E và H; <i>Candidatus Phytoplasma solani</i> Quaglino et al., <i>Chrysanthemum stunt viroid</i> và <i>Potato spindle tuber viroid</i> trong Phần C; <i>Verticillium dahliae</i> Kleb trong Phần H và J; <i>Verticillium nonalfalfae</i> Inderbitzin, H.W. Platt, Bostock, R.M. Davis & K.V. Subbarao trong Phần J.
107	G/SPS/N/UKR/241	TTBVT	Ucraina	15/5/2025	Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng Ucraina số 540 “Về việc	Nghị định sửa đổi Khoản 2 của Nghị định số 1229 ngày 25/10/2024 của Hội đồng Bộ trưởng Ucraina “về việc sửa đổi Quy trình kiểm tra, khảo sát, kiểm dịch thực vật, giám sát, theo

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					sửa đổi Khoản 2 của Nghị định số 1229 ngày 25/10/2024”	đổi, khử trùng các đối tượng kiểm dịch, cấp Giấy chứng nhận theo Luật Ucraina về Kiểm dịch Thực vật, kiểm soát việc lấy mẫu và Kiểm soát chọn lọc trong kiểm dịch thực vật” như sau: - Các mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch tính đến ngày nghị định có hiệu lực có thể được sử dụng trong vòng ba tháng kể từ ngày có hiệu lực. - Các mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận tái xuất khẩu thực vật tính đến ngày nghị định có hiệu lực sẽ được sử dụng đến hết ngày 31/10/2025 cho việc xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu các đối tượng kiểm dịch sang các quốc gia không sử dụng hệ thống trao đổi giấy chứng nhận qua ePhyto HUB.
108	G/SPS/N/BDI/100/Rev.1 G/SPS/N/KEN/275/Rev.1 G/SPS/N/RWA/93/Rev.1 G/SPS/N/TZA/349/Rev.1 G/SPS/N/UGA/327/Rev.1	BCT, TTBVTV	Burundi	15/5/2025	DEAS 44: 2024, Sản phẩm ngô xay— Yêu cầu kỹ thuật, Ấn bản thứ Sáu.	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột ngô nguyên hạt, bột ngô dạng hạt, bột ngô đã sàng, hạt ngô xay và bột ngô từ hạt ngô thông thường (<i>Zea mays</i> L.) dùng cho người tiêu dùng. Dự thảo Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các sản phẩm dùng cho mục đích sản xuất bia, sản xuất tinh bột và bất kỳ mục đích công nghiệp nào khác.
109	G/SPS/N/BDI/99/Rev.1, G/SPS/N/KEN/274/Rev.1, G/SPS/N/RWA/92/Rev.1, G/SPS/N/TZA/348/Rev.1, G/SPS/N/UGA/326/Rev.1	BCT, TTBVTV	Burundi	15/5/2025	DEAS 282:2024, Bột mì semolina – Yêu cầu kỹ thuật, Ấn bản thứ hai	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột mì semolina được chế biến từ lúa mì thông thường (<i>Triticum aestivum</i> L.) hoặc lúa mì mềm dạng chùm (club wheat) (<i>Triticum compactum</i> Host.) hoặc hỗn hợp của 2 loại này, hoặc kết hợp với lúa mì cứng (<i>Triticum durum</i> Desf.) và bột mì semolina chế biến từ lúa mì cứng (<i>Triticum durum</i> Desf.), dành cho người tiêu dùng. Dự thảo Tiêu chuẩn này không áp dụng cho mục đích công nghiệp phi thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
110	G/SPS/N/BDI/53 /Rev.1, G/SPS/N/KEN/209 /Rev.1, G/SPS/N/RWA/46 /Rev.1, G/SPS/N/TZA/275 /Rev.1, G/SPS/N/UGA/250 /Rev.1	BCT	Burundi	15/5/2025	DEAS 173:2023, Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi cho các sản phẩm mì ống	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các sản phẩm mì ống được làm từ bột mì (<i>Triticum Durum</i> , <i>Triticum Aestivum</i> , <i>Triticum Compactum</i>) hoặc các loại bột thích hợp khác cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn áp dụng cho các sản phẩm mì ống như: nui (macaroni), mì sợi dài (spaghetti), mì chỉ (vermicelli), mì sợi (noodles), mì ống dạng ngắn (short-cut pasta), lasagna, mì ống tăng cường vi chất (fortified pasta) và các sản phẩm tương tự khác
111	G/SPS/N/EU/850	CNTY	Liên minh Châu Âu	13/5/2025	Quy định (EU) 2025/714 ngày 10/4/2025 về việc cấp phép sử dụng indigo carmine làm phụ gia thức ăn cho mèo, chó và cá cảnh	Dựa trên kết luận thuận lợi của đánh giá khoa học về hồ sơ do Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) tiến hành, chất này được tái ủy quyền làm phụ gia thức ăn cho mèo, chó và cá cảnh trong danh mục 'phụ gia cảm quan' và trong nhóm chức năng 'chất tạo màu: chất bổ sung hoặc phục hồi màu trong thức ăn chăn nuôi', theo một số điều kiện được nêu chi tiết trong Phụ lục của Đạo luật, bao gồm giai đoạn chuyển tiếp để các bên quan tâm đáp ứng các yêu cầu cấp phép mới.
112	G/SPS/N/EU/849	CNTY	Liên minh Châu Âu	13/5/2025	Quy định (EU) 2025/757 ngày 16/4/2025 về việc cấp phép sử dụng sepiolite làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Dựa trên các kết luận thuận lợi của đánh giá khoa học về hồ sơ do Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) tiến hành, sepiolite được tái ủy quyền làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật trong danh mục “phụ gia công nghệ” và trong các nhóm chức năng “chất kết dính” và “chất chống đông bánh”, theo một số điều kiện được nêu chi tiết trong Phụ lục của Đạo luật, bao gồm giai đoạn chuyển tiếp để các bên quan tâm đáp ứng các yêu cầu cấp phép mới.
113	G/SPS/N/BDI/132, G/SPS/N/KEN/335, G/SPS/N/RWA/125, G/SPS/N/TZA/453, G/SPS/N/UGA/442	TTBVT	Burundi	13/5/2025	DEAS 1265: 2025, Hạt đậu Hà Lan — Yêu cầu chứng nhận, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận đối với việc sản xuất hạt đậu Hà Lan (<i>Pisum sativum</i>) các cấp: tiền cơ bản, cơ bản, đã chứng nhận và tiêu chuẩn. tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu về giống đủ điều kiện, tiêu chuẩn canh tác, kiểm tra đồng ruộng, lấy mẫu hạt giống, yêu cầu

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						phòng thí nghiệm, cấp giấy chứng nhận, đóng gói, ghi nhãn và kiểm tra hậu kiểm.
114	G/SPS/N/AUS/502 /Add.20	TTBVT	Úc	13/5/2025	Thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một cứng đột (Khapra)	Theo thông báo trong G/SPS/N/AUS/502/Add.19, Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc đang thực hiện những thay đổi đối với các yêu cầu về xử lý một cứng đột trước biên giới và chứng nhận kiểm dịch thực vật. Những thay đổi sẽ có hiệu lực vào ngày 28 tháng 5 năm 2025. Sẽ có ba thay đổi chính: 1. Sửa đổi nội dung với tuyên bố bổ sung về bao bì thẩm khí 2. Yêu cầu giám sát NPPO mới và tuyên bố bổ sung đối với một số nhà cung cấp 3. Tháo ống lấy mẫu nồng độ thứ tư để xử lý xông hơi container Thời điểm bắt đầu có những thay đổi: Những yêu cầu đã sửa đổi sẽ có hiệu lực vào ngày 28 tháng 5 năm 2025. Chúng sẽ chỉ áp dụng cho các lô hàng có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được cấp vào hoặc sau ngày 28 tháng 5 năm 2025, bất kể ngày lô hàng đến Úc. Đối với bất kỳ giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nào được cấp trước ngày 28 tháng 5 năm 2025, các biện pháp hiện hành sẽ tiếp tục được áp dụng. Một thời gian chuyển tiếp sẽ được cung cấp để tạo điều kiện tuân thủ. Trong thời gian này, các biện pháp xử lý đáp ứng các yêu cầu cũ vẫn sẽ được chấp nhận. Khi thời gian chuyển tiếp kết thúc, tất cả các biện pháp xử lý trước biên giới và các giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật liên quan phải tuân thủ các yêu cầu đã cập nhật. Ngày cho thời gian chuyển tiếp vẫn chưa được hoàn thiện nhưng sẽ được công bố trên trang web của chúng tôi sau khi xác nhận.
115	G/SPS/N/URY/97	ATTP, BCT	Uruguay	12/5/2025	Dự thảo Nghị quyết GMC số 01/25 - Sửa đổi các Nghị quyết GMC số 50/97, 53/98, 51/00,	Văn bản được thông báo cập nhật danh mục phụ gia thực phẩm và mức giới hạn tối đa của chúng đối với các nhóm thực phẩm sau: nhóm 5 (bánh kẹo), nhóm 6 (ngũ cốc và sản phẩm từ ngũ

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																					
					08/06 và 09/07 về Phụ gia thực phẩm	cốc), nhóm 7 (bánh mì và bánh quy), nhóm 13 (nước sốt và gia vị) và nhóm 21 (sản phẩm ẩm thực công nghiệp).																					
116	G/SPS/N/TZA/451	BCT	Tanzania	12/5/2025	TBSI AFDC 13 (3649) DTZS, Rượu mạnh không thuộc tiêu chuẩn cụ thể - Yêu cầu kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các loại rượu mạnh không thuộc tiêu chuẩn cụ thể cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn không áp dụng cho gin, rum, rượu mạnh uống được, vodka, whisky, liqueurus, brandy.																					
117	G/SPS/N/BDI/131, G/SPS/N/KEN/334, G/SPS/N/RWA/124, G/SPS/N/TZA/452, G/SPS/N/UGA/441	TTBVTV	Burundi	12/5/2025	DEAS 1264:2025, Hạt giống rau — Yêu cầu chứng nhận: Phần 1 —nhóm cây họ Bầu bí, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống tiền cơ bản, cơ bản và đã chứng nhận của các loại rau thuộc họ bầu, bí. Tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu về giống đủ điều kiện, tiêu chuẩn canh tác, kiểm tra đồng ruộng, lấy mẫu hạt giống, tiêu chuẩn phòng thí nghiệm, chứng nhận, đóng gói, ghi nhãn và kiểm tra hậu kiểm.																					
118	G/SPS/N/BDI/130, G/SPS/N/KEN/333, G/SPS/N/RWA/123, G/SPS/N/TZA/450, G/SPS/N/UGA/440	TTBVTV	Burundi	12/5/2025	DEAS 1263:2025, Hạt giống khoai lang — Yêu cầu chứng nhận, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống khoai lang (Ipomoea batatas (L) Lam) tiền cơ bản, cơ bản và đã chứng nhận. Tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu về giống đủ điều kiện, hồ sơ đăng ký chứng nhận, yêu cầu canh tác, kiểm tra đồng ruộng, kiểm tra nơi bảo quản, phân loại kích cỡ và chất lượng, đóng gói và ghi nhãn.																					
119	G/SPS/N/GBR/94	ATTP, CNTY, TTBVTV	Vương quốc Anh	09/5/2025	Đề xuất mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất emamectin	Mức dư lượng tối đa đề xuất đối với hoạt chất emamectin thay đổi trên những sản phẩm sau: <table><tr><th>Sản phẩm</th><th>Mức MRL cũ (mg/kg)</th><th>Mức MRL đề xuất (mg/kg)</th></tr><tr><td>Cải thảo</td><td>0,03</td><td>0,2</td></tr><tr><td>Rau cải ăn lá</td><td>0,03</td><td>0,2</td></tr><tr><td>Rau diếp</td><td>1</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Rau cải bó xôi</td><td>0,01</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Chè</td><td>0,02</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Gan, thận và nội tạng ăn được từ lợn</td><td>0,08</td><td>0,1</td></tr></table>	Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL đề xuất (mg/kg)	Cải thảo	0,03	0,2	Rau cải ăn lá	0,03	0,2	Rau diếp	1	0,01	Rau cải bó xôi	0,01	0,05	Chè	0,02	0,1	Gan, thận và nội tạng ăn được từ lợn	0,08	0,1
Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL đề xuất (mg/kg)																									
Cải thảo	0,03	0,2																									
Rau cải ăn lá	0,03	0,2																									
Rau diếp	1	0,01																									
Rau cải bó xôi	0,01	0,05																									
Chè	0,02	0,1																									
Gan, thận và nội tạng ăn được từ lợn	0,08	0,1																									

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Gan, thận và nội tạng ăn được từ trâu/bò	0,08	0,1
						Sữa	0,01	0,003
120	G/SPS/N/GBR/93	ATTP, CNTY, TTBVT	Vương quốc Anh	09/5/2025	Đề xuất mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất thiabendazole	Mức dư lượng tối đa đề xuất đối với hoạt chất thiabendazole thay đổi trên những sản phẩm sau:		
						Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL đề xuất (mg/kg)
						Khoai lang	0,01	3
						Rau diếp xoăn	0,05	0,15
						Xoài	0,01	7
						Trứng gà, trứng vịt, trứng cút	2	0,1
121	G/SPS/N/GBR/92	CNTY	Vương quốc Anh	08/5/2025	Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe GBHC093X dành cho thức ăn thô cho vật nuôi từ các nước ngoài EU; Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe GBHC434 dành cho nguyên liệu collagen hoặc gelatin thô hoặc đã xử lý dùng để quá cảnh hoặc lưu trữ; Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe GBHC440 dành cho các sản phẩm tổng hợp; Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe GBHC501 dành cho các sản phẩm máu từ loài ngựa (Equidae).	Các điều kiện nhập khẩu đối với các sản phẩm liên quan trước đây được quy định trong Quy định (EU) 2019/626 và trong Bảng 1 và 2 của Phụ lục XIV Quy định (EU) số 142/2011 của Ủy ban, hiện đã được công bố trên trang GOV.UK. 04 mẫu Giấy chứng nhận sức khỏe trên đã được sửa đổi để phù hợp với các thay đổi này. Ngoài ra, mẫu giấy GBHC440 có chưa dòng giải thích để xác nhận rằng một thanh tra phụ trách có thể ký giấy chứng nhận trong trường hợp sản phẩm tổng hợp chỉ chứa trứng hoặc sản phẩm thủy sản. Các sửa đổi trên được đưa ra dưới hình thức hành chính thay vì thông qua quy trình lập pháp, hỗ trợ tạo điều kiện phản ứng linh hoạt hơn trước các thay đổi về rủi ro. Những sửa đổi hành chính này không làm thay đổi các yêu cầu nhập khẩu liên quan. Thời gian chuyển tiếp kéo dài sáu tháng (kết thúc vào ngày 31/10/2025), trong đó cả mẫu giấy chứng nhận trước đây và mẫu hiện tại đều được chấp nhận.		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo					
122	G/SPS/N/GBR/91	CNTY	Vương quốc Anh	08/5/2025	GBHC691 v1.2 – Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe dành cho gà con mới nở, ngoại trừ đà điểu (ratites).	Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe mới nhất dành cho việc nhập khẩu gà con mới nở, trừ đà điểu, đã bổ sung tùy chọn cho phép vận chuyển trong các thùng chứa đã được làm sạch và khử trùng trước khi xếp gà con lên, phù hợp với hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ xuất xứ. Thời gian chuyển tiếp kéo dài sáu tháng (kết thúc vào ngày 31/10/2025), trong đó cả mẫu giấy chứng nhận trước đây và mẫu hiện tại đều được chấp nhận.					
123	G/SPS/N/TPKM/646	ATTP, BCT,TTBV TV, CNTY, CLCB	Đài Loan	07/5/2025	Dự thảo sửa đổi Quy định về kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan	Đài Loan (Trung Quốc) dự thảo sửa đổi Quy định về kiểm tra thực phẩm và sản phẩm liên quan nhập khẩu theo Mục 3, Điều 33 của Đạo luật Quản lý An toàn và Vệ sinh Thực phẩm (thông báo kèm theo), nội dung sửa đổi như sau: 1. Sửa đổi thủ tục nộp đơn xin kiểm tra nhập khẩu sản phẩm và bổ sung các điều khoản; 2. Sửa đổi phạm vi phải kiểm tra sản phẩm theo từng lô hàng; 3. Sửa đổi các điều kiện áp dụng ưu đãi cho doanh nghiệp xuất sắc; 4. Cập nhật các thủ tục kiểm tra và chi phí phát sinh kiểm tra sẽ do người nộp đơn xin kiểm tra bắt buộc chịu; 5. Điều chỉnh các điều kiện cấp phép giải tỏa lô hàng có bảo lãnh cũng như các điều kiện và phương thức thanh toán tiền đặt cọc và đưa ra các điều khoản về việc tái sử dụng theo chu kỳ tiền đặt cọc bảo lãnh; 6. Sửa đổi các thủ tục xử lý đối với lô hàng tuân thủ hoặc không tuân thủ các quy định; 7. Hỗ trợ các hoạt động điện tử bằng cách thiết lập cơ sở pháp lý cho việc sử dụng Hệ thống Thông tin thực phẩm nhập khẩu;					
124	G/SPS/N/GBR/90	ATTP, TTBVTV	Vương quốc Anh	06/5/2025	Mức dư lượng tối đa mới đối với hoạt chất propamocarb	Mức dư lượng tối đa đề xuất đối với hoạt chất propamocarb thay đổi trên những sản phẩm sau: <table><tr><th>Sản phẩm</th><th>Mức MRL cũ (mg/kg)</th><th>Mức MRL đề xuất (mg/kg)</th></tr></table>			Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL đề xuất (mg/kg)
Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL đề xuất (mg/kg)									

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Rau diếp cừu	20	30
						Rau diếp xoăn	20	30
						Cải xoong và các loại rau mầm khác	20	30
125	G/SPS/N/GBR/89	ATTP, TTBVT	Vương quốc Anh	06/5/2025	Mức dư lượng tối đa mới đối với hoạt chất fluopicolide	Mức dư lượng tối đa đề xuất đối với hoạt chất fluopicolide thay đổi trên sản phẩm sau:		
						Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL đề xuất (mg/kg)
						Rau diếp xoăn	1,5	4
126	G/SPS/N/DOM/73	ATTP, CT	Cộng hòa Dominica	06/5/2025	Nhãn cảnh báo dinh dưỡng mặt trước bao bì (EFAN) của Cộng hòa Dominica	Quy định về việc gắn nhãn cảnh báo dinh dưỡng mặt trước bao bì, phạm vi áp dụng và các trường hợp miễn trừ đối với sản phẩm thực phẩm có liên quan đến chất béo dùng trong sản xuất, chế biến và thương mại hóa thực phẩm.		
127	G/SPS/N/BRA/2409	TTBVT	Bra-xin	06/5/2025	Dự thảo – Quy định yêu cầu kiểm dịch thực vật	Dự thảo Thông tư nhằm thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vào Bra-xin vật liệu nhân giống (Loại 4) của loài Elaeis spp.		
128	G/SPS/N/BRA/2408	TTBVT	Bra-xin	06/5/2025	Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt thì là từ bất kỳ nguồn gốc nào	Dự thảo Pháp lệnh nhằm thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt thì là (Cuminum cyminum, Loại 4) từ bất kỳ nguồn gốc nào vào Bra-xin.		
129	G/SPS/N/BRA/2407	ATTP	Bra-xin	06/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1329, ngày 25 tháng 4 năm 2025	Dự thảo nghị quyết này sửa đổi Hướng dẫn Quy phạm - IN số 211, ngày 1 tháng 3 năm 2023, trong đó quy định các chức năng công nghệ, giới hạn tối đa và điều kiện sử dụng các chất phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ công nghệ được phép sử dụng trong thực phẩm tại Bra-xin		
130	G/SPS/N/BRA/2406	ATTP, TTBVT	Bra-xin	06/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1328, ngày 23/4/2025	Dự thảo nghị quyết đề xuất bổ sung hoạt chất T84 - thymus vulgaris vào Danh mục Chuyên khảo các Hoạt chất dùng trong Thuốc trừ sâu, Sản phẩm tẩy rửa gia dụng và Chất bảo quản gỗ, được ban hành theo Hướng dẫn Quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Liên bang Bra-xin.		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
131	G/SPS/N/BRA/2405	ATTP, TTBVT	Bra-xin	06/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1327, ngày 23/4/2025	Dự thảo nghị quyết đề xuất bổ sung hoạt chất P77 - paenibacillus ottowii vào Danh mục Chuyên khảo các Hoạt chất dùng trong Thuốc trừ sâu, Sản phẩm tẩy rửa gia dụng và Chất bảo quản gỗ, được ban hành theo Hướng dẫn Quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Liên bang Bra-xin.
132	G/SPS/N/BRA/2404	ATTP	Bra-xin	06/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1324, ngày 17/4/2025	Dự thảo nghị quyết thiết lập các thông số kỹ thuật về danh tính, độ tinh khiết và thành phần của các thành phần được phép sử dụng trong thực phẩm.
133	G/SPS/N/TZA/449	BCT	Tanzania	02/5/2025	CD-ARS 2171:2025, Trà đá - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trà đá dành cho người tiêu dùng.
134	G/SPS/N/TZA/448	BCT	Tanzania	02/5/2025	CD-ARS 1816:2025, Sô cô la và các sản phẩm từ sô cô la - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên.	Tiêu chuẩn Châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sô cô la và các sản phẩm từ sô cô la dành cho người tiêu dùng.
135	G/SPS/N/EU/848	CNTY	Liên minh Châu Âu	02/5/2025	Quy định (EU) 2025/636 ngày 25/3/2025 sửa đổi Phụ lục III và V của Quy định (EU) 2020/2235 liên quan đến mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, mẫu giấy chứng nhận chính thức, mẫu giấy chứng nhận tư nhân, để nhập vào Liên minh hoặc quá cảnh qua Liên minh đến một quốc gia thứ ba đối với các lô hàng thuộc một số loại động vật và hàng hóa dành cho người tiêu dùng	Quy định sửa đổi các mẫu chứng thư và mẫu bản cam kết tự nhân liên quan đến việc nhập khẩu và quá cảnh qua Liên minh một số loại động vật và hàng hóa nhất định dùng cho tiêu dùng của con người, nhằm phản ánh các yêu cầu mới đối với việc nhập khẩu vào Liên minh một số sản phẩm thịt và mật ong và các sản phẩm nuôi ong khác dùng cho tiêu dùng của con người được đưa ra theo các Quy định (EU) 2023/2652 và (EU) 2025/637; và thống nhất một số yêu cầu khác trong các mẫu chứng thư và bản cam kết tự nhân liên quan đến việc nhập khẩu và quá cảnh qua Liên minh đối với một số loại động vật và hàng hóa dùng cho tiêu dùng của con người.
136	G/SPS/N/USA/3463 /Add.3	CNTY	Hoa Kỳ	30/4/2025	Kiểm Soát Salmonella đối với Sản phẩm Gia cầm Sống	Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, Cơ quan an toàn Thực phẩm và Kiểm tra (FSIS) đang rút lại dự thảo quy định và kết luận dự kiến có tiêu đề “Khung kiểm soát Salmonella đối với sản phẩm gia cầm sống”. Đề xuất này nhằm giảm các ca bệnh do

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Salmonella từ sản phẩm gia cầm như gà nguyên con, các phần thịt gà, và thịt gà xay. Sau khi nhận hơn 7.000 ý kiến đóng góp từ các bên liên quan (doanh nghiệp, tổ chức người tiêu dùng, chuyên gia, chính phủ...), FSIS nhận thấy cần đánh giá lại các vấn đề kỹ thuật, pháp lý và kinh tế mà đề xuất đặt ra – đặc biệt là tác động đến các nhà sản xuất nhỏ. FSIS sẽ tiếp tục nghiên cứu để xây dựng phương án kiểm soát Salmonella hiệu quả và phù hợp hơn.
137	G/SPS/N/AUS/614	TTBVT	Úc	30/4/2025	Báo cáo cuối cùng Yêu cầu nhập khẩu an toàn sinh học của quả bưởi tươi từ Việt Nam	Báo cáo Phân tích Rủi ro Nhập khẩu Quả Bưởi Tươi từ Việt Nam, cụ thể như sau: 1. Trái bưởi tươi của Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu các biện pháp quản lý rủi ro an toàn sinh học đối với 19 loài sinh vật gây hại, bao gồm: (1) rầy cam quýt châu Á (<i>Diaphorina citri</i>), (2) nhện giả (<i>Brevipalpus phoenicis</i>), (3) ruồi đục quả khế (<i>Bactrocera carambolae</i>), (4) ruồi đục quả ổi (<i>Bactrocera correcta</i>), (5) ruồi đục quả phượng Đông (<i>Bactrocera dorsalis</i>), (6) ruồi đục quả đào (<i>Bactrocera zonata</i>), (7) ruồi dưa (<i>Zeugodacus cucurbitae</i>), (8) ruồi đục quả bí ngô (<i>Zeugodacus tau</i>), (9) rệp sáp bột ca cao (<i>Exallomochlus hispidus</i>), (10) rệp sáp bột cà phê (<i>Planococcus lilacinus</i>), (11) rệp sáp (<i>Rastrococcus pentagona</i>), (12) rệp sáp (<i>Parlatoria cinerea</i>), (13) rệp sáp vảy da giáp (<i>Parlatoria ziziphi</i>), (14) rệp sáp vảy dầu tằm (<i>Pseudaulacaspis pentagona</i>), (15) nhện đỏ cam quýt (<i>Panonychus citri</i>), (16) nhện Kanzawa (<i>Tetranychus kanzawai</i>), (17) bọ trĩ ớt (<i>Scirtothrips dorsalis</i>), (18) bọ trĩ hành (<i>Thrips tabaci</i>); (19) vi khuẩn bệnh thối nhũn trên cây có múi (<i>Xanthomonas citri</i> subsp. <i>citri</i>). 2. Các biện pháp nhằm giảm nguy cơ các loài sâu bệnh gây hại, cụ thể: - Đối với các loài rầy: vùng trồng, cơ sở đóng gói hoặc địa điểm sản xuất phải không nhiễm dịch hại; phải có phương

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						pháp tiếp cận hệ thống có hiệu quả trong việc giảm thiểu rủi ro do loài rầy này gây ra trên quả bưởi và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; có biện pháp xử lý quả bưởi tươi để chống rầy, khử trùng bằng methyl bromide; - Đối với các loài ruồi: vùng trồng, cơ sở đóng gói hoặc địa điểm sản xuất phải không nhiễm dịch hại; có biện pháp xử lý quả bưởi tươi để chống ruồi đục quả như chiếu xạ; - Đối với các loài nhện giả, rệp sáp, côn trùng có vảy, nhện đỏ và bọ trĩ: yêu cầu kiểm tra trực quan trước khi xuất khẩu và nếu phát hiện phải có biện pháp khắc phục; - Đối với bệnh thối nhũn trên cây có múi: phải có phương pháp tiếp cận hệ thống có hiệu quả trong việc giảm thiểu nguy cơ mầm bệnh gây ra trên quả bưởi và được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt. 3. Trên cơ sở xem xét các ý kiến từ các bên liên quan và rà soát tài liệu khoa học mới, chúng tôi đã thực hiện các cập nhật một số thông tin bổ sung trong báo cáo cuối cùng như sau: - Chương 2: Thực hành sản xuất thương mại • Sản xuất cây giống không mang mầm bệnh. • Biện pháp quản lý bệnh vàng lá gân xanh trên cây có múi (Huanglongbing). • Việc áp dụng các chương trình thực hành nông nghiệp (GAP). - Chương 3: Đánh giá rủi ro dịch hại • Điều chỉnh đánh giá đối với ruồi đục quả (Mục 3.6) nhằm làm rõ mối liên hệ qua đường vận chuyển. • Cập nhật đánh giá đối với nhện đỏ (Mục 3.9), bao gồm kết quả từ Báo cáo cuối cùng về đánh giá rủi ro dịch hại của nhện đỏ công bố tháng 6 năm 2024. - Chương 4: Quản lý rủi ro dịch hại • Cập nhật Mục 4.1.1 với dữ liệu mới về việc chặn phát hiện dịch hại.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
138	G/SPS/N/EU/847	CNTY, CLCB, TSKN	Liên minh Châu Âu	29/4/2025	Sửa đổi Quy định (EU) số 37/2010 liên quan đến việc phân loại hoạt chất fluralaner và mức giới hạn dư lượng tối đa của hoạt chất đó trong thực phẩm có nguồn gốc động vật.	Dự thảo thiết lập mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với chất hoạt tính được lý fluralaner, được dùng trong các sản phẩm thuốc thú y dành cho động vật sản xuất thực phẩm, cụ thể như sau:			
						Loại động vật	Mức MRL thiết lập (µg/kg)	Bộ phận áp dụng	Phân loại điều trị
						Gia cầm	65	Cơ	Thuốc chống ký sinh trùng (bao gồm cả nội ký sinh và ngoại ký sinh)
							650	Da và mỡ tính theo tỷ lệ tự nhiên	
							650	Gan	
							420	Thận	
						1300	Trứng		
Cá có vây	65	Cơ và da tính theo tỷ lệ tự nhiên							
139	G/SPS/N/JPN/1334	CNTY	Nhật Bản	25/4/2025	Sửa đổi mẫu đơn áp dụng cho việc xác nhận an toàn và sự phù hợp với tiêu chuẩn sản xuất	MAFF sẽ sửa đổi mẫu đơn đính kèm đối với việc xác nhận an toàn và sự phù hợp với tiêu chuẩn sản xuất đối với thức ăn và phụ gia thức ăn biến đổi gen trong "Các vấn đề cần nêu về thủ tục đánh giá an toàn đối với thức ăn và phụ gia thức ăn sử dụng công nghệ DNA tái tổ hợp theo quy định của Nghị định Bộ trưởng về Đặc điểm và Tiêu chuẩn của Thức ăn và Phụ gia Thức ăn" (Thông báo Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản số 1780 ngày 26/11/2002) và "Các vấn đề cần nêu về tiêu chuẩn sản xuất đối với thức ăn và phụ gia thức ăn sử dụng công nghệ DNA tái tổ hợp theo quy định của Nghị định Bộ trưởng về Đặc điểm và Tiêu chuẩn của Thức ăn và Phụ gia Thức ăn" (Thông báo Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản số 1782 ngày 26/11/2002).			
140	G/SPS/N/EU/846	CNTY	Liên minh Châu Âu	25/4/2025	Quy định (EU) 2025/544 ngày 25/3/2025 sửa đổi Quy định	Quy định phản ánh việc tham chiếu đến danh sách các nước thứ ba hoặc khu vực được phép nhập cảnh vào Liên minh châu			

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					(EU) 2021/403 liên quan đến mẫu giấy chứng nhận thú y và mẫu giấy chứng nhận chính thức để nhập vào Liên minh các lô hàng của một số loại động vật trên cạn và các sản phẩm phối của chúng	Âu đối với một số loại động vật và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật dùng làm thực phẩm cho con người theo Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu; phản ánh các yêu cầu mới của Chương E và H của Phụ lục IX đối với Quy định (EC) 999/2001 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng ban hành theo Quy định (EU) 2024/887 của Ủy ban liên quan đến động vật họ dê có khả năng kháng bệnh sán dây cổ điển về mặt di truyền; thay thế các tham chiếu trong Nghị định thư về Ireland/Bắc Ireland bằng "Khung Windsor"; làm rõ và thống nhất một số yêu cầu khác trong các mẫu giấy chứng nhận có liên quan để đưa các lô hàng thuộc một số loại động vật trên cạn và các sản phẩm phối của chúng.
141	G/SPS/N/TUR/152	CLCB, CNTY, TSKN	Thổ Nhĩ Kỳ	24/4/2025	Quy định của Tiêu chuẩn thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về phương pháp lấy mẫu và phân tích phục vụ kiểm soát chính thức các chất Perfluoroalkyl trong một số loại thực phẩm	Quy định bao gồm các phương pháp lấy mẫu và phân tích phục vụ kiểm soát chính thức các chất perfluoroalkyl (gồm axit perfluorooctane sulfonic – PFOS, axit perfluorooctanoic – PFOA, axit perfluorononanoic – PFNA và axit perfluorohexane sulfonic – PFHxS) trong một số loại thực phẩm nhất định. Dư lượng tối đa đối với các chất perfluoroalkyl trong các sản phẩm thực phẩm như thịt và nội tạng ăn được, sản phẩm thủy sản và nhuyển thể hai mảnh vỏ, trứng được quy định tại Phụ lục 1 của Quy định về chất gây ô nhiễm thuộc Tiêu chuẩn thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ, được công bố trên Công báo Chính thức ngày 05/11/2023, số 32360, Xác lập các tiêu chí đối với các loại thực phẩm đã được quy định dư lượng tối đa theo Tiêu chuẩn thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ. Quy định được xây dựng phù hợp với Quy định (EU) 2022/1428 của Ủy ban châu Âu.
142	G/SPS/N/TPKM/645	TTBVT	Đài Loan	24/4/2025	Dự thảo sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thực vật hoặc sản phẩm thực vật”	Dự thảo sửa đổi quy định các yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thực vật và sản phẩm thực vật. Dựa trên kết quả đánh giá rủi ro, dự thảo xác định rằng hoa quả tươi của các loài Helleborus, Ruscus, Eucalyptus và Nigella không phải là ký

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						chủ của ruồi đục quả Địa Trung Hải (<i>Ceratitis capitata</i>). Ngoài ra, rệp sáp sung (Rệp thân mềm) (<i>Ceroplastes rusci</i>) đã được bổ sung vào danh sách sinh vật gây hại cần quan tâm.
143	G/SPS/N/TPKM/644	TTBVT	Đài Loan	24/4/2025	Dự thảo Quy định về Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với bột nấm (<i>Agaricus bisporus</i>) xử lý bằng tia UV dùng làm thành phần thực phẩm	Dự thảo quy định nêu rõ các hạn chế trong việc sử dụng cũng như yêu cầu ghi nhãn đối với bột nấm <i>Agaricus bisporus</i> đã qua xử lý bằng tia UV khi sử dụng làm thành phần trong thực phẩm. Thông số kỹ thuật của bột nấm được xử lý bằng tia UV: - Hàm lượng vitamin D2: 1.000–1.300 µg/g bột nấm - Độ ẩm: ≤ 10% - Tro: ≤ 13,5% - Asen: ≤ 0,3 ppm - Chì: ≤ 0,5 ppm - Cadmium: ≤ 0,5 ppm - Thủy ngân: ≤ 0,1 ppm
144	G/SPS/N/EU/845	CNTY	Liên minh Châu Âu	24/4/2025	Quy định (EU) 2025/630 ngày 31/3.2025 liên quan đến việc cấp phép tinh dầu hoa phong lữ từ <i>Pelargonium graveolens</i> L'Hér., tinh dầu khuynh diệp từ <i>Eucalyptus globulus</i> Labill. và tinh dầu sả từ <i>Cymbopogon flexuosus</i> (Nees ex Steud.) Will. Watson làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Dựa trên các kết luận thuận lợi của đánh giá khoa học do Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA) tiến hành, các chất này được tái ủy quyền làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật trong danh mục "Phụ gia cảm quan" và trong nhóm chức năng "Hợp chất tạo hương vị", theo một số điều kiện được nêu chi tiết trong Phụ lục của Đạo luật bao gồm giai đoạn chuyển tiếp để các bên quan tâm đáp ứng các yêu cầu của ủy quyền mới.
145	G/SPS/N/BRA/2403	ATTP, TTBVT	Bra-xin	24/4/2025	Dự thảo Nghị quyết 1322, ngày 10/4/2025	Dự thảo nghị quyết này đề xuất cập nhật chuyên khảo đối với hoạt chất a04 - axit giberellic; a66 - axit indolacetic, a71 - axit aminocyclopropane carboxylic, b26 - bifenthrin, c32 - cletodim, c63 - lambda-cyhalothrin, d36 - difenoconazole, d44 - diflufenicam, f40 - formetanate (chlorhydrate), f40 - formetanate, f46 - flumioxazine, f47 - fluzinam, f82 - fluoxastrobin, g05 - amonium glufosinate, h07 - methylic

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						haloxifope-p, i22 - natri methylic iodosulfurom, l05 - lufenurum, m14 - metidationa, m14 - metidationa m19 - metribuzim, p50 - picoxistrobine, r03 - reynoutria sachalinensis, s13 - s-metolaclopro, s17 - sophora flavescens và s20 - saccharomyces cerevisiae vào Danh mục chuyên khảo về hoạt chất sử dụng trong thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo Hướng dẫn Quy phạm số 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin
146	G/SPS/N/BRA/2402	CNTY	Bra-xin	24/4/2025	Yêu cầu kiểm dịch động vật đối với việc nhập khẩu côn trùng làm thức ăn chăn nuôi	Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch động vật cần thiết đối với việc nhập khẩu côn trùng làm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia nào sang Bra-xin
147	G/SPS/N/BRA/2401	TTBVT	Bra-xin	24/4/2025	Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống cần sa Sativa vào Bra-xin từ bất kỳ nguồn gốc nào	Dự thảo lấy ý kiến thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống cần sa Sativa vào Bra-xin từ bất kỳ nguồn gốc nào
148	G/SPS/N/BRA/2400	TTBVT	Bra-xin	24/4/2025	Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống Verbena x hybrida (Loại 4) có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia nào	Dự thảo lấy ý kiến thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống Verbena x hybrida (Loại 4) vào Bra-xin từ bất kỳ quốc gia nào
149	G/SPS/N/CHL/829	TTBVT	Chi lê	23/4/2025	Nghị quyết miễn trừ số 2700/2005 sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 146/2022 thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật quản lý việc nhập khẩu chuối tươi (Musa spp.) vào Chile	Nghị quyết miễn trừ số 2700/2025 sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 146/2022, nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu chuối từ bất kỳ nguồn gốc nào, xét đến sự hiện diện được báo cáo của loài gây hại Diaspis boisduvalii
150	G/SPS/N/USA/3514	ATTP, TTBVT	Hoa Kỳ	22/4/2025	Thông báo về Việc Nhận Đơn Xin Cấp Phép Thuốc Trừ Sâu cho Dư Lượng Thuốc Trừ Sâu	Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) thông báo đã tiếp nhận các đơn kiến nghị mới liên quan đến việc thiết lập hoặc sửa đổi quy định về dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					trên Các Sản Phẩm Thực Phẩm – Tháng 1, 2025	trên nhiều loại nông sản. EPA hiện đang mời công chúng gửi ý kiến góp ý cho các kiến nghị này, cụ thể như sau: 1. Sửa đổi dư lượng thuốc diệt cỏ Saflufenacil - Đơn vị kiến nghị: BASF Corporation (North Carolina) - Áp dụng trên: Các loại ngũ cốc như cỏ khô, rom, thân cây, trừ các loại ngô (ngô hạt, ngô nỏ, ngô ngọt) - Mức dư lượng đề xuất giữ nguyên: 0,1 (ppm) - Phương pháp kiểm tra: LC/MS/MS (sắc ký lỏng kết hợp khối phổ) - Liên hệ chuyên môn: RD – RD@epa.gov 2. Miễn trừ dư lượng đối với giống ngô biến đổi gen - Đơn vị kiến nghị: Syngenta Seeds, LLC - Hoạt chất: Protein eCry1Gb.1Ig (từ vi khuẩn <i>Bacillus thuringiensis</i>) tích hợp trong giống ngô biến đổi gen MZIR260 - Đề nghị: Miễn trừ yêu cầu về dư lượng (không giới hạn định lượng) - Liên hệ chuyên môn: BPPD – BPPD@epa.gov Để nhận được hướng dẫn gửi ý kiến phản hồi, yêu cầu truy cập: https://www.regulations.gov để tìm theo mã hồ sơ được nêu trong mục II của văn bản gốc. Tuyệt đối không gửi thông tin mật qua hệ thống này 3. Thông tin pháp lý liên quan: Các kiến nghị được nộp theo Mục 408 của Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (FFDCA). EPA sẽ xem xét ý kiến công chúng trước khi đưa ra quyết định cuối cùng.
151	G/SPS/N/USA/3513	ATTP, TTBVT	Hoa Kỳ	22/4/2025	Mức dư lượng thuốc trừ sâu tiafenacil; Quy tắc cuối Cùng	Quy định này thiết lập mức dư lượng cho tiafenacil trên hoặc trong nhiều loại sản phẩm nông sản nhằm xác định mức tối đa dư lượng của tiafenacil được phép có mặt trên các sản phẩm thực phẩm, đảm bảo rằng khi thuốc trừ sâu này được sử dụng, mức dư lượng của nó không vượt quá mức an toàn cho sức khỏe cộng đồng.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Công ty ISK Biosciences đã yêu cầu các mức dư lượng này theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (FFDCA). Các mốc thời gian quan trọng: Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 07/4/2025. Các phản đối và yêu cầu xét xử phải được gửi trước ngày 6/6/2025, và phải tuân thủ theo hướng dẫn trong 40 CFR phần 178. Để biết thêm chi tiết hoặc gửi phản đối, bạn có thể truy cập vào hồ sơ trực tuyến tại https://www.regulations.gov bằng cách sử dụng ID hồ sơ EPA-HQ-OPP-2023-0246.
152	G/SPS/N/UKR/240	CNTY	Ucraina	22/4/2025	Dự thảo Quy định của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina về việc sửa đổi Quy định số 1329 ngày 14/7/2020 của Bộ Phát triển Kinh tế, Thương mại và Nông nghiệp Ucraina	Dự thảo Quy định đề xuất sửa đổi Quy định số 1329 ngày 14/7/2020 của Bộ Phát triển Kinh tế, Thương mại và Nông nghiệp Ucraina về việc phê duyệt các mẫu chứng thư quốc tế (G/SPS/N/UKR/138/Add.3), cụ thể như sau: - Bổ sung mẫu mới của Chứng thư quốc tế dành cho việc nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan Ucraina đối với protein động vật đã qua xử lý có nguồn gốc từ côn trùng nuôi bao gồm hỗn hợp và sản phẩm (trừ thức ăn cho thú cưng), không dành cho con người tiêu dùng; - Ban hành mẫu mới của Chứng thư quốc tế dành cho việc nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan Ucraina đối với protein động vật đã qua xử lý (không có nguồn gốc từ côn trùng nuôi), bao gồm hỗn hợp và sản phẩm (trừ thức ăn cho thú cưng), không dành cho con người tiêu dùng. Mẫu này thay thế cho Chứng thư được ban hành kèm theo Quyết định số 1329.
153	G/SPS/N/UKR/239	ATTP	Ucraina	22/4/2025	Dự thảo Quy định của Bộ Y tế Ucraina về việc sửa đổi Quy định số 1084 ngày 26/6/2022 của Bộ Y tế Ucraina	Quy định số 1084 của Bộ Y tế Ucraina ban hành ngày 23/6/2022 về việc “Phê duyệt các yêu cầu an toàn và một số chỉ tiêu chất lượng đối với thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh” (G/SPS/N/UKR/166, G/SPS/N/UKR/166/Add.1) quy định các yêu cầu về an toàn và chất lượng đối với thực phẩm trẻ

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						sơ sinh, đồng thời thiết lập giai đoạn chuyển tiếp ba năm kể từ ngày Quy định có hiệu lực (ngày 29/10/2022) đối với cho các sản phẩm phù hợp với quy định cũ nhưng chưa đáp ứng yêu cầu mới. Các sản phẩm này được phép lưu thông đến khi hết hạn sử dụng. Do ảnh hưởng của chiến tranh với Liên bang Nga, các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn trong việc nâng cấp công nghệ, đặc biệt là tuân thủ chỉ tiêu về axit docosahexaenoic. Vì vậy, dự thảo sửa đổi Quyết định 1084 đề xuất gia hạn giai đoạn chuyển tiếp. Các sửa đổi cũng áp dụng đối với Phụ lục 1 (Khoản 2 Mục II) và Phụ lục 3 (Khoản 3 Mục II) của Yêu cầu về an toàn và một số chỉ tiêu chất lượng đối với thực phẩm trẻ sơ sinh, cụ thể là liên quan đến quy định về hàm lượng protein đối với Nhóm C và D.
154	G/SPS/N/MAR/113	BCT	MAROC	22/4/2025	Dự thảo nghị định sửa đổi và bổ sung Nghị định số 2-75-321 quy định việc sản xuất rượu vang, bảo quản, lưu thông và thương mại.	Thông báo G/SPS/N/MAR/113, với tiêu đề “Dự thảo nghị định sửa đổi và bổ sung Nghị định số 2-75-321 ngày 25 Chaabane 1397 (12/8/1977) quy định việc sản xuất rượu vang, bảo quản, lưu thông và thương mại” đã bị ban hành nhằm vào ngày 22/4/2025 vì vậy không có giá trị hiệu lực.
155	G/SPS/N/AUS/613	TTBVTV	Úc	22/4/2025	Phương pháp Fumigation Methyl Bromide Phiên bản 3.0	Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp Australia sẽ thay thế Phương pháp Fumigation Methyl Bromide Phiên bản 2.0 hiện tại bằng Phiên bản 3.0 của Phương pháp Fumigation Methyl Bromide vào ngày 01/5/2025. Phương pháp này đưa ra các yêu cầu tối thiểu đối với các nhà cung cấp dịch vụ xử lý thực hiện fumigation methyl bromide đối với hàng hóa và/hoặc bao bì liên quan phù hợp với các phương pháp này cho mục đích kiểm. Các nhà cung cấp dịch vụ hun trùng hàng hóa bằng methyl bromide đề xuất khẩu sang Úc cần tuân thủ phương pháp này theo các điều kiện nhập khẩu. Tài liệu đã được công bố từ ngày 05/8/2024 trên trang Phương pháp fumigation methyl bromide – Chuẩn bị ngay cho cập nhật

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						năm 2025. Phương pháp mới sẽ có hiệu lực từ ngày 01/5/2025. Có sự thay đổi về yêu cầu tài liệu đối với cả hồ sơ fumigation và chứng chỉ hun trùng. Để đảm bảo chuyển đổi suôn sẻ sang các yêu cầu mới, Úc sẽ tiếp tục chấp nhận các chứng chỉ hun trùng được cấp theo yêu cầu của phiên bản 2.0 cho đến ngày 30/6/2025. Sau ngày này, chứng chỉ hun trùng phải tuân thủ yêu cầu của Phiên bản 3.0 của Phương pháp Fumigation Methyl Bromide.
156	G/SPS/N/MYS/65	TTBVT, CNT, CLCB	Malaysia	16/4/2025	Dự thảo sửa đổi Phụ lục V của Quy định về chiếu xạ thực phẩm 2011 (P.U. (A) 143/2011): Vật liệu đóng gói được phép sử dụng cho thực phẩm chiếu xạ	Dự thảo sửa đổi Phụ lục V của Quy định về chiếu xạ thực phẩm 2011 (P.U. (A) 143/2011) nhằm bổ sung 4 loại vật liệu đóng gói mới sử dụng cho thực phẩm chiếu xạ ở cùng cùng liều lượng chiếu xạ tối đa được phép (kGy). Tiêu chuẩn Codex đưa ra hướng dẫn chung về chiếu xạ thực phẩm nhưng không quy định cụ thể các loại vật liệu đóng gói được phép. Trong khi đó, Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ đã ban hành các quy định chi tiết và danh mục vật liệu đóng gói được phê duyệt để sử dụng trong quá trình chiếu xạ thực phẩm đóng gói sẵn. Do đó, bản Dự thảo sửa đổi này sẽ được điều chỉnh phù hợp với FDA 21 CFR Phần 179, Mục 179.
157	G/SPS/N/KEN/332	TTBVTV	Kenya	16/4/2025	DKS 1758-2:2025 Ngành công nghiệp làm vườn — Bộ quy tắc thực hành, Phần 2: Trái cây và rau củ	Dự thảo Tiêu chuẩn Kenya quy định các yêu cầu về thực hành tốt trong sản xuất và xử lý trái cây, rau củ quả tươi, thảo mộc và gia vị. Tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả các đối tượng trong ngành, nhưng không giới hạn ở: người trồng, người nhân giống, đơn vị gom hàng và đơn vị vận chuyển.
158	G/SPS/N/KEN/331	TTBVTV	Kenya	16/4/2025	DKS 3034: 2025, Đậu lupin — Đặc điểm kỹ thuật	Tiêu chuẩn Kenya quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đậu lupin khô (Lupinus. albus, Lupinus. mutabilis và Lupinus. angustifolius) dùng làm thực phẩm cho con người.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
159	G/SPS/N/KEN/330	TTBVTV	Kenya	16/4/2025	DKS 2431: 2025, Tỏi xay nhuyễn — Đặc điểm kỹ thuật	Dự thảo Tiêu chuẩn Kenya quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nước tỏi cô đặc và tỏi tươi xay nhuyễn.		
160	G/SPS/N/KEN/329	TTBVTV	Kenya	16/4/2025	DKS 2430:2025, Gừng xay nhuyễn – Đặc điểm kỹ thuật.	Dự thảo Tiêu chuẩn Kenya quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử đối với sản phẩm gừng cô đặc và gừng tươi xay nhuyễn.		
161	G/SPS/N/IND/330	ATTP, CNTY, TTBVTV, BCT, CLCB	Ấn Độ	16/4/2025	Dự thảo sửa đổi Quy định về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn (phòng thử nghiệm và phân tích mẫu) năm 2025	Dự thảo sửa đổi Quy định về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn (phòng thử nghiệm và phân tích mẫu) năm 2025 đề cập đến thời hạn phân tích mẫu, phương pháp phân tích và định dạng báo cáo kết quả thử nghiệm, nhằm đảm bảo phù hợp với Luật, Quy tắc và Quy định quốc gia về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn thực phẩm.		
162	G/SPS/N/IND/329	CNTY	Ấn Độ	16/4/2025	Quy định kiểm soát chất lượng và thành phần thức ăn chăn nuôi năm 2024	Quy định nhằm đảm bảo sự phù hợp về chất lượng của các thành phần thức ăn chăn nuôi (bao gồm hỗn hợp khoáng bổ sung cho thức ăn chăn nuôi, bã hạt bông ép, bã cái dầu/mù tạt ép, dicalci phosphat dùng trong thức ăn chăn nuôi, muối ăn và đá liếm bổ sung khoáng cho gia súc) theo Tiêu chuẩn Ấn Độ hiện hành, được cập nhật định kỳ trong Bảng đính kèm.		
						Sản phẩm	Tiêu chuẩn	Tên Tiêu chuẩn
						Hỗn hợp khoáng bổ sung cho thức ăn gia súc	IS 1664	Hỗn hợp khoáng bổ sung cho thức ăn gia súc – Yêu cầu kỹ thuật
						Bã hạt bông ép dùng làm thành phần thức ăn chăn nuôi	IS 1712	Bã hạt bông ép dùng làm thành phần thức ăn chăn nuôi – Yêu cầu kỹ thuật
		Bã cái dầu và mù tạt ép dùng làm thành phần thức ăn chăn nuôi	IS 1932	Bã cái dầu và mù tạt ép dùng làm thành phần thức ăn chăn nuôi – Yêu cầu kỹ thuật				

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Dicalci phosphat dùng trong thức ăn chăn nuôi	IS 5470	Dicalci phosphat dùng trong thức ăn chăn nuôi – Yêu cầu kỹ thuật
						Muối ăn thông thường và đá liếm bổ sung khoáng dành cho động vật	IS 920	Tiêu chuẩn về muối ăn thông thường và đá liếm bổ sung khoáng dành cho động vật
163	G/SPS/N/ARE/176/Add.1, G/SPS/N/BHR/199/Add.1, G/SPS/N/KWT/50/Add.1, G/SPS/N/OMN/96/Add.1, G/SPS/N/QAT/100/Add.1, G/SPS/N/SAU/394/Add.1, G/SPS/N/YEM/41/Add.1	ATTP, TTBVTV	Các quốc gia Ả Rập	16/4/2025	Các quốc gia Ả Rập đề xuất bổ sung mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật	Các quốc gia: Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Vương quốc Bahrain, Cộng hòa Kuwait, Vương quốc Hồi giáo Oman, Qatar, Vương quốc Ả Rập Xê Út, Cộng hòa Yemen đề xuất bổ sung 988 mức giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với 97 hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. (Chi tiết MRLs bổ sung tại Phụ lục V kèm theo)		
164	G/SPS/N/BRA/2398	ATTP, TTBVTV	Bra-xin	15/4/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1319, ngày 09/4/2025	Cơ quan Quản lý Y tế Bra-xin đề xuất đưa B72 - Baculovirus plutella xylostella granulovirus vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ.		
165	G/SPS/N/TZA/447	CNTY	Tanzania	14/4/2025	TBS/ AFDC 9 (2942) DTZS, Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cô đặc cho gia cầm— Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cô đặc được sử dụng để sản xuất thức ăn hỗn hợp cho gia cầm. Tiêu chuẩn này áp dụng cho cho nhóm gia cầm sau: a) Gà con và gà tây con; b) Gà/gà tây giai đoạn sinh trưởng; c) Gà nuôi lấy thịt — giai đoạn đầu và xuất chuồng; d) Gà đẻ;		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						e) Gà làm giống.
166	G/SPS/N/TZA/446	CNTY	Tanzania	14/4/2025	TBS/ AFDC 9 (2944) DTZS, Thức ăn hỗn hợp cho gà bản địa — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho gà bản địa, dùng làm thức ăn bổ sung cho gà lấy thịt giai đoạn tăng trưởng, xuất chuồng và gà đẻ. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các loại gia cầm bản địa khác đã được thuần hoá.
167	G/SPS/N/TZA/445	CNTY	Tanzania	14/4/2025	TBS/ AFDC 9 (2943) DTZS, Thức ăn hỗn hợp cho lợn — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử nghiệm đối với nguyên liệu cô đặc được sử dụng để sản xuất thức ăn hỗn hợp cho lợn. Tiêu chuẩn áp dụng cho lợn sau đây: a) thức ăn cho lợn con; b) thức ăn cho lợn đang lớn; c) thức ăn cho lợn xuất chuồng; d) thức ăn cho lợn nái đang cho con bú; và e) thức ăn cho lợn nái đang mang thai.
168	G/SPS/N/TZA/444	BCT	Tanzania	14/4/2025	TBS/AFDC 12 (3540) DTZS, Đồ uống ngũ cốc lên men (không còn) — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử đối với đồ uống ngũ cốc lên men (không còn).
169	G/SPS/N/TZA/443	BCT	Tanzania	14/4/2025	TBS/AFDC 7 (3519) DTZS, Mayonnaise — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sốt mayonnaise dùng làm thực phẩm cho con người.
170	G/SPS/N/TZA/442	TTBVTV	Tanzania	14/4/2025	TBS/ AFDC 7 (3516) DTZS, Hạt tiêu đen và trắng (nguyên hạt hoặc xay) — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản thứ tư	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng thuộc loài Piper nigrum L. ở dạng nguyên hạt và dạng xay.
171	G/SPS/N/TZA/441	BCT	Tanzania	14/4/2025	TBS/AFDC 4(1709) DTZS, Bơ từ các loại hạt — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bơ từ có nguồn gốc từ các loại hạt khác nhau dùng làm thực phẩm cho con người.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																																	
172	G/SPS/N/TZA/440	BCT	Tanzania	14/4/2025	TBS/ AFDC 4(2896)DTSS, Dầu thực phẩm từ hạt phi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu thực phẩm có nguồn gốc từ nhân quả phi (Corylus avellana L.) dành cho mục đích tiêu dùng của con người.																																	
173	G/SPS/N/TZA/439	BCT	Tanzania	14/4/2025	TBS/ AFDC 4(2896)DTSS, Dầu thực phẩm từ hạt nho - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu thực phẩm có nguồn gốc từ hạt nho (Vitis vinifera L.) dành cho mục đích tiêu dùng của con người.																																	
174	G/SPS/N/GBR/88	ATTP, CNTY, TTBVTV	Vương quốc Anh	14/4/2025	Vương quốc Anh đề xuất mức dư lượng tối đa của flupyradifurone và chất chuyển hóa DFA	Vương quốc Anh đã phê duyệt hoạt chất flupyradifurone được phép sử dụng trong thành phần thuốc bảo vệ thực vật. Cơ quan Y tế và An toàn đã nhận được đơn xin thiết lập MRL mới cho nhiều mặt hàng khác nhau. Sau khi đánh giá, các MRLs mới đã được đưa ra để phù hợp với các giấy phép mới tại Vương quốc Anh. Mức dư lượng tối đa (MRLs) của flupyradifurone và chất chuyển hóa DFA thay đổi trên những nhóm sản phẩm sau:																																	
						<table><tr><th>Hoạt chất</th><th>Sản phẩm</th><th>Mức MRL cũ (mg/kg)</th><th>Mức MRL mới (mg/kg)</th></tr><tr><td rowspan="4">flupyradifurone</td><td>Đậu nguyên vỏ</td><td>0,01</td><td>1,5</td></tr><tr><td>Đậu tách vỏ</td><td>0,01</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Đậu Hà Lan</td><td>0,01</td><td>3</td></tr><tr><td>Mật ong</td><td>0,05</td><td>2</td></tr><tr><td rowspan="5">chất chuyển hóa DFA</td><td>Đậu nguyên vỏ</td><td>0,4</td><td>3</td></tr><tr><td>Đậu tách vỏ</td><td>0,4</td><td>2</td></tr><tr><td>Đậu Hà Lan</td><td>0,4</td><td>3</td></tr><tr><td>Thận và các phụ phẩm ăn được của lợn</td><td>0,15</td><td>3</td></tr><tr><td>Sữa bò</td><td>0,03</td><td>0,04</td></tr></table>	Hoạt chất	Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)	flupyradifurone	Đậu nguyên vỏ	0,01	1,5	Đậu tách vỏ	0,01	0,02	Đậu Hà Lan	0,01	3	Mật ong	0,05	2	chất chuyển hóa DFA	Đậu nguyên vỏ	0,4	3	Đậu tách vỏ	0,4	2	Đậu Hà Lan	0,4	3	Thận và các phụ phẩm ăn được của lợn	0,15	3	Sữa bò	0,03	0,04
						Hoạt chất	Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)																														
						flupyradifurone	Đậu nguyên vỏ	0,01	1,5																														
							Đậu tách vỏ	0,01	0,02																														
							Đậu Hà Lan	0,01	3																														
							Mật ong	0,05	2																														
						chất chuyển hóa DFA	Đậu nguyên vỏ	0,4	3																														
							Đậu tách vỏ	0,4	2																														
							Đậu Hà Lan	0,4	3																														
Thận và các phụ phẩm ăn được của lợn	0,15	3																																					
Sữa bò	0,03	0,04																																					

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
							Trứng gà	0,03	0,06
175	G/SPS/N/BRA/2397	TTBVTV	Bra xin	09/4/2025	Sắc lệnh SDA/Mapa số 1.261, ngày 25/3/2025 thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu cây kim tiền	Các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu cành giâm và cây nuôi cấy mô (Loại 4) của cây kim tiền (Zamioculcas zamiifolia)			
176	G/SPS/N/USA/3512	ATTP, TTBVTV	Hoa Kỳ	08/4/2025	Dùng sai thuốc bảo vệ thực vật: Pyridate	Quy định này thiết lập giới hạn dư lượng cho hoạt chất pyridate trong hoặc trên các sản phẩm sau:			
						Sản phẩm			Mức dư lượng (ppm)
						Đậu Hà Lan (dùng làm thức ăn chăn nuôi)			2
						Đậu Hà Lan khô			5
						Đậu nành (dùng làm thức ăn chăn nuôi)			0,4
						Đậu nành khô			0,8
						Hạt đậu nành			0,05
Nhóm rau họ đậu dạng hạt khô đã bóc vỏ - nhóm 6-22F			0,05						
177	G/SPS/N/MDA/27	CNTY	Moldova	08/4/2025	Dự thảo sửa đổi các yêu cầu về chất lượng đối với chế phẩm thịt và sản phẩm từ thịt đã được Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 624/2020	Dự thảo quy định mới nhằm cập nhật chất lượng các chế phẩm và sản phẩm từ thịt, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng và hội nhập quốc tế. Trước áp lực cạnh tranh, chi phí sản xuất tăng và sản phẩm nhập khẩu giá rẻ, dự thảo giúp thiết lập tiêu chuẩn rõ ràng, tạo điều kiện kiểm soát hiệu quả mà không gây áp lực tài chính cho nhà sản xuất hay nhập khẩu.			
178	G/SPS/N/JPN/1332	CNTY	Nhật Bản	08/4/2025	Dự sửa đổi Sắc lệnh về Quy cách và tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF) chỉ định thêm dầu ép từ vỏ hạt điều làm phụ gia thức ăn chăn nuôi và đồng thời thiết lập các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi trong “Sắc lệnh số 35 ngày 24/7/1976 của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp về Quy cách và tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi”.			

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
179	G/SPS/N/AUS/502 /Add.19	TTBVTV	Úc	07/4/2025	Thông báo về biện pháp khẩn cấp đối với một cứng đốt (Khapra)	Úc hiện đang áp dụng các biện pháp khẩn cấp nhằm kiểm soát nguy cơ xâm nhập của một cứng đốt (Trogoderma granarium) vào nước này. Các biện pháp bao gồm yêu cầu xử lý bắt buộc trước khi hàng đến biên giới đối với các sản phẩm thực vật có nguy cơ nhiễm cao, cũng như một số container đường biển được đóng hàng tại các quốc gia có nguy cơ cao liên quan đến một cứng đốt. Kể từ ngày 28/5/2025, Úc sẽ áp dụng một số thay đổi đối với chính sách và yêu cầu chứng nhận kiểm dịch thực vật liên quan đến việc xử lý một cứng đốt trước khi hàng đến biên giới, cụ thể gồm các điểm sau: - Điều chỉnh nội dung tuyên bố chứng nhận kiểm dịch thực vật hiện tại, nhằm làm rõ yêu cầu về tính thẩm thấu khí trong các phương pháp xử lý một cứng đốt cụ thể. - Áp dụng yêu cầu giám sát bắt buộc bởi Tổ chức Bảo vệ thực vật Quốc gia (NPPO) của nước xuất khẩu đối với một số phương pháp xử lý một cứng đốt. Chứng nhận kiểm dịch thực vật mới sẽ được yêu cầu để xác nhận việc tuân thủ quy định này. - Bãi bỏ yêu cầu sử dụng ống lấy mẫu nồng độ thứ tư đối với xử lý khử trùng bằng methyl bromide trong các container đường biển. Thông tin chi tiết các thay đổi tại: http://www.spsvietnam.gov.vn/Data/File/Notice/10368/NAUS502A19.pdf		
180	G/SPS/N/CAN/1593	ATTP, TTBVTV	Canada	04/4/2025	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Metaldehyd (PMRL2025-06)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với metaldehyde do Cơ quan quản lý dịch hại (PMRA) của Bộ Y tế Canada đề xuất như sau: <table><tr><td>MRL (ppm¹)</td><td>Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến</td></tr></table>	MRL (ppm¹)	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến
MRL (ppm¹)	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến							

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo	
						0,15	Quả việt quất bụi (nhóm cây trồng 13-07B, ngoại trừ quả quả nam việt quất Bắc Âu và quả việt quất bụi thấp ²)
						1 ppm = phần triệu 2 Quả nam việt quất Bắc Âu và quả việt quất bụi thấp không bao gồm trong nhóm cây trồng này vì chúng thuộc nhóm cây trồng 13-07G (quả mọng mọc thấp) và hiện đã có đăng ký sử dụng metaldehyde đối với nhóm cây trồng 13-07G. MRL hiện được thiết lập ở mức 0,15 ppm trong/trên quả nam việt quất Bắc Âu và quả việt quất bụi thấp.	
181	G/SPS/N/TZA/437	BCT	Tanzania	03/4/2025	TBS/AFDC 12 (3035) DTZS, Đồ uống từ mạch nha — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử đối với đồ uống mạch nha dùng để tiêu thụ trực tiếp cho con người.	
182	G/SPS/N/AUS/376 /Add.7	TTBVTV	Úc	03/4/2025	Biện pháp khẩn cấp kiểm soát Xylella fastidiosa và các loài Xylella liên quan	Úc đã thông báo về việc thực hiện các biện pháp khẩn cấp đối với việc nhập khẩu cây giống, nuôi cấy mô, giâm cành, chồi, cây đã ra rễ, củ và củ nhằm chống lại sự xâm nhập của vi khuẩn Xylella fastidiosa và các loài Xylella liên quan, các thông báo bao gồm: G/SPS/N/AUS/376, G/SPS/N/AUS/376/Add.1, G/SPS/N/AUS/376/Add.2, G/SPS/N/AUS/376/Add.3, G/SPS/N/AUS/376/Add.4, G/SPS/N/AUS/538, G/SPS/N/AUS/557, G/SPS/N/AUS/376/Add.5 và G/SPS/N/AUS/376/Add.6. Ngày 23/5/2025, Úc sẽ chuyển đổi phương pháp kiểm soát Xylella fastidiosa và các loài Xylella liên quan ở cấp độ hộ thực vật sang cấp độ chi thực vật từ tất cả các nước xuất khẩu. Chính phủ Úc đánh giá rằng việc kiểm soát ở cấp chi thực vật đảm bảo mức độ bảo vệ phù hợp (ALOP) mà vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế. Danh sách các chi thực vật của Xylella hiện có tại: https://www.agriculture.gov.au/biosecurity-trade/import/goods/plantproducts/how-to-import-plants/xylella	

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo				
183	G/SPS/N/PER/1082	TTBVTV	Peru	01/4/2025	Dự thảo Nghị quyết về việc thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật bắt buộc đối với việc nhập khẩu vật liệu từ thực vật trong trạng thái bảo quản lạnh, nhằm mục đích bảo tồn.	Dự thảo nghị quyết thông báo cho phép Trung tâm Khoai tây Quốc tế được nhập khẩu vật liệu thực vật bảo quản lạnh có nguồn gốc từ các trung tâm nghiên cứu quốc tế, phòng thí nghiệm hoặc ngân hàng gen, nhằm mục đích bảo tồn.				
184	G/SPS/N/BRA/2394	ATTP, TTBVTV	Bra xin	01/4/2025	Dự thảo Nghị quyết 1314, ngày 27/3/2025	Dự thảo đề xuất đưa B71 - bacillus inaquosorum vào Danh mục thành phần hoạt chất của thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ				
185	G/SPS/N/BRA/2393	ATTP, TTBVTV	Bra xin	01/4/2025	Dự thảo Nghị quyết 1315, ngày 27/3/2025	Dự thảo đề xuất đưa S25 - streptomyces griseoviridis vào Danh mục thành phần hoạt chất của thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ				
186	G/SPS/N/USA/3511	ATTP, TTBVTV	Hoa Kỳ	25/3/2025	Tiếp nhận đơn kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật liên quan đến dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa khác nhau (tháng 12/2024)	Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA) tiếp nhận đơn kiến nghị yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định liên quan đến dư lượng thuốc thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. EPA sẽ xem xét kiến nghị việc sử dụng thuốc thuốc bảo vệ thực vật trên một loại cây trồng mà có thể thiết lập mức dư lượng tối đa trong hoặc trên các sản phẩm liên quan đến loại nông sản đó như thế nào (ví dụ: đối với việc sử dụng thuốc trên củ cải đường mà có yêu cầu thiết lập mức dư lượng cho phần củ thì cũng cần thiết lập mức dư lượng cho phần lá củ cải hay không; hoặc việc sử dụng trên ngũ cốc mà có yêu cầu mức dư lượng cho hạt thì có cần thiết lập mức dư lượng cho các sản phẩm phụ dùng làm thức ăn chăn nuôi từ loại ngũ cốc đó hay không).				
187	G/SPS/N/USA/3510	ATTP, TTBVTV	Hoa Kỳ	25/3/2025	Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Metamitron	Quy định này thiết lập mức giới hạn dư lượng đối với hoạt chất metamitron trong hoặc trên táo và lê. <table><tr><td>MRL (ppm)</td><td>Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến</td></tr><tr><td>0,01</td><td>Táo</td></tr></table>	MRL (ppm)	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến	0,01	Táo
MRL (ppm)	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến									
0,01	Táo									

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo	
						0,01	Lê
188	G/SPS/N/EU/844	CLCB, TSKN, CNTY	Liên minh Châu Âu	25/3/2025	Dự thảo sửa đổi Phụ lục III của Quy định (EC) số 853/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến các quy tắc vệ sinh đối với: (i) cơ sở giết mổ động vật móng guốc, (ii) cá ngừ đông lạnh trong nước muối và (iii) các sản phẩm chế biến sâu	Liên minh châu Âu sửa đổi Phụ lục III của Quy định (EC) số 853/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến các quy tắc vệ sinh đối với lò mổ các loài động vật móng guốc, cá ngừ đông lạnh trong nước muối và các sản phẩm tinh chế cao, một số điểm đáng lưu ý như sau: (1) Thay thế điểm 5 chương 6 của Mục I bằng nội dung “5. Thông tin về chuỗi thực phẩm được yêu cầu theo Mục III của Phụ lục II phải đi kèm với động vật bị giết mổ đến lò mổ” (2) Bổ sung điểm 8 phần II về yêu cầu vệ sinh đối với các tàu đông lạnh vận chuyển và quy trình đông lạnh cá ngừ trong nước muối, cụ thể: - Các tàu đông lạnh phải trang bị hệ thống giám sát liên tục theo thời gian thực và ghi lại nhiệt độ của nước muối trên tàu bằng các thiết bị đo nhiệt độ điện tử. - Cho phép nhà điều hành giám sát từ xa nhiệt độ nước muối theo thời gian thực. - Nhà kinh doanh thực phẩm phải cung cấp quyền truy cập dữ liệu nhiệt độ của nước muối khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. - Nhà kinh doanh thực phẩm phải xây dựng kế hoạch năng lực cấp đông của các tàu. - Cơ quan có thẩm quyền phải kiểm tra kế hoạch cấp đông và xác định công suất cấp đông của các tàu đông lạnh. - Cá ngừ nguyên con (thuộc chi <i>Thunnus</i> và <i>Katsuwonus</i>) có thể được đông lạnh trong nước muối ở nhiệt độ lõi -18°C trên các tàu đông lạnh với quá trình được thực hiện liên tục và tuân thủ một số điều kiện như thời gian cấp đông, làm sạch bằng nước biển, nồng độ muối trong nước, nhiệt độ ở vị trí đông lạnh sau cùng. (3) Ngày dự kiến ban hành: Quý 4 năm 2025; (4) Ngày dự kiến quy định có hiệu lực: Quý 4 năm 2025.	

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
189	G/SPS/N/EU/843	CNTY, TTBVTV, ATTP	Liên minh Châu Âu	25/3/2025	Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa (MRL) đối với các hoạt chất benfluralin, benthiavalicarb và penflufen trong hoặc trên một số sản phẩm	Liên minh châu Âu đề xuất sửa đổi mức dư lượng giới hạn tối đa (MRLs) đối với các hoạt chất benfluralin, benthiavalicarb và penflufen trong thực phẩm, cụ thể: (1) Sửa đổi Quy định (EU) số 1146/2014 đối với hoạt chất benfluralin - Nhóm rau, quả, các loại hạt, ngũ cốc (rau ăn lá, cà rốt, đậu Hà Lan, quả có múi, súp lơ, thanh long, ớt chuông, dưa chuột, dưa hấu, hạt điều, gạo.v.v.): điều chỉnh giảm từ mức 0,02 ppm xuống 0,01 ppm; - Trà, cà phê, cacao, hạt tiêu, cây gia vị, quế: điều chỉnh giảm từ mức 0,1 ppm xuống 0,05 ppm; - Sản phẩm nguồn gốc động vật (lợn, bò, cừu, dê, gia súc,...): điều chỉnh giảm từ mức 0,02 ppm xuống 0,01 ppm. (2) Sửa đổi Quy định (EU) No 398/2014 đối với hoạt chất benthiavalicarb-isopropyl - Các quả, loại hạt, ngũ cốc, cây gia vị (khoai tây, cây họ đậu, hành, tỏi, dưa, vừng, hạt điều, gạo.v.v.): điều chỉnh giảm từ mức 0,02 ppm xuống 0,01 ppm; - Cà chua: điều chỉnh giảm từ mức 0,3 ppm xuống 0,01 ppm. (3) Hoạt chất penflufen Không có sự điều chỉnh. Tuy nhiên, tại Quy định (EU) số 2021/644 đã thiết lập các mức dư lượng giới hạn tối đa hoạt chất này ở mức rất thấp 0,01 ppm ở hầu hết các loại hàng hóa. (Chi tiết các mức MRLs đề xuất tại Phụ lục VI kèm theo) - Ngày dự kiến công bố: 24/10/2025 - Ngày dự kiến ban hành: 24/11/2025
190	G/SPS/N/USA/3509	ATTP	Hoa Kỳ	19/3/2025	Impossible Foods, Inc.; nộp đơn kiến nghị về phụ gia màu	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) thông báo tiếp nhận đơn kiến nghị do Impossible Foods, Inc. đệ trình, đề xuất sửa đổi các quy định về phụ gia màu để mở rộng việc sử dụng leghemoglobin đậu nành làm phụ gia màu trong các sản phẩm chay.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																									
191	G/SPS/N/NZL/783	ATTP, TTBVTV, CNTY	Niu Di-lân	19/3/2025	Đề xuất sửa đổi thông báo về thực phẩm của Niu Di-lân: Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp	Bộ Các ngành Công nghiệp cơ bản đề xuất các sửa đổi sau đây: a) Sửa đổi Phụ lục 1: Mức dư lượng tối đa đối với hợp chất nông nghiệp, đối với các hợp chất và hàng hóa sau: • Acephate: thay đổi định nghĩa về dư lượng và MRL, trong đó bao gồm cả chất chuyển hóa methamidophos từ acephate; • Methamidophos: loại bỏ các mức MRL cụ thể theo loại hàng hóa và tham chiếu đến mục acephate. Mặc dù methamidophos không còn được sử dụng trong các hợp chất nông nghiệp ở Niu Di-lân, nhưng nó vẫn có thể được phát hiện do việc sử dụng acephate; • Các hợp chất khác: <table><tr><th>Hợp chất</th><th>Sản phẩm</th><th>Mức MRL (mg/kg)</th></tr><tr><td rowspan="3">Decoquinate</td><td>Mỡ, thận và gan của gia súc, dê và cừu</td><td>1</td></tr><tr><td>Thịt gia súc, dê và cừu</td><td>0,5</td></tr><tr><td>Gan và da/mỡ của gia cầm</td><td>0,8</td></tr><tr><td>Fenamiphos (hay nói cách khác, chất này bị cấm sử dụng ở NZL)</td><td>Tất cả các loại thực phẩm</td><td>0,01 (*)</td></tr><tr><td rowspan="2">Glyphosate</td><td>Lúa mì, lúa mạch và yến mạch</td><td>10</td></tr><tr><td>Đậu Hà Lan (khô)</td><td>6</td></tr><tr><td rowspan="3">Haloxypop</td><td>Thịt và mỡ của động vật có vú</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Nội tạng của động vật có vú</td><td>0,5</td></tr><tr><td>Sữa</td><td>0,002 (*)</td></tr></table>	Hợp chất	Sản phẩm	Mức MRL (mg/kg)	Decoquinate	Mỡ, thận và gan của gia súc, dê và cừu	1	Thịt gia súc, dê và cừu	0,5	Gan và da/mỡ của gia cầm	0,8	Fenamiphos (hay nói cách khác, chất này bị cấm sử dụng ở NZL)	Tất cả các loại thực phẩm	0,01 (*)	Glyphosate	Lúa mì, lúa mạch và yến mạch	10	Đậu Hà Lan (khô)	6	Haloxypop	Thịt và mỡ của động vật có vú	0,02	Nội tạng của động vật có vú	0,5	Sữa	0,002 (*)
Hợp chất	Sản phẩm	Mức MRL (mg/kg)																													
Decoquinate	Mỡ, thận và gan của gia súc, dê và cừu	1																													
	Thịt gia súc, dê và cừu	0,5																													
	Gan và da/mỡ của gia cầm	0,8																													
Fenamiphos (hay nói cách khác, chất này bị cấm sử dụng ở NZL)	Tất cả các loại thực phẩm	0,01 (*)																													
Glyphosate	Lúa mì, lúa mạch và yến mạch	10																													
	Đậu Hà Lan (khô)	6																													
Haloxypop	Thịt và mỡ của động vật có vú	0,02																													
	Nội tạng của động vật có vú	0,5																													
	Sữa	0,002 (*)																													

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Maduramicin	Thận, da/mỡ và thịt gia cầm	0,1
						Monensin	Sữa	0,002 (*)
							Mỡ và gan gia súc, dê và cừu	0,05
							Thận và thịt gia súc, dê và cừu	0,01 (*)
							Thận, gan và da/mỡ gia cầm	0,1
							Thịt gia cầm	0,05
						Narasin	Thận và thịt gia cầm	0,015
							Gan và da/mỡ gia cầm	0,05
						Oxathiapiprolin	Khoai tây	0,01(*)
						Salinomycin	Mỡ, thận, gan và thịt lợn	0,1
							Thận, da/mỡ và thịt gia cầm	0,1
						Semduramicin	Thận, da/mỡ và thịt gia cầm	0,1
						b) Bổ sung thêm hai mục mới vào Biểu 1 cho các hợp chất và hàng hóa sau:		
						Hợp chất	Sản phẩm	Mức MRL (mg/kg)
						Acetochlor	Trứng, mỡ, thịt, nội tạng của động vật có vú; sữa; mỡ, thịt và nội tạng gia cầm	0,02 (*)
							Ngô; ngô ngọt	0,04(*)
						Flupyradifurone	Thịt và mỡ của động vật có vú	0,1

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																																										
							Nội tạng của động vật có vú	0,4																																								
							Sữa	0,05																																								
						Lưu ý: (*) cho biết rằng mức dư lượng tối đa đã được thiết lập ở mức hoặc xấp xỉ giới hạn định lượng phân tích.																																										
192	G/SPS/N/KOR/212 /Add.22	TTBVTV	Hàn Quốc	19/3/2025	Bổ sung danh sách sinh vật gây hại kiểm dịch	Cơ quan Kiểm dịch Động thực vật (APQA), Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn (MAFRA) Hàn Quốc sửa đổi danh mục dịch hại kiểm dịch dựa trên kết quả phân tích rủi ro dịch hại (PRA) và các quy định tại Điều 4 và Điều 6 của Sắc lệnh Bộ trưởng về Luật Bảo vệ Thực vật. APQA đề xuất sẽ bổ sung thêm 21 loài dịch hại kiểm dịch từ tháng 8 năm 2025, cụ thể: <table><tr><th>STT</th><th>Tên khoa học</th><th>Nhóm</th><th>Loại</th></tr><tr><td>1</td><td><i>Bactrocera kandiensis</i></td><td>Hai cánh</td><td>Sinh vật gây hại bị cấm</td></tr><tr><td>2</td><td><i>Alternaria rosae</i></td><td>Nấm</td><td>Sinh vật gây hại được kiểm soát</td></tr><tr><td>3</td><td><i>Ceratocystis ficicola</i></td><td>Nấm</td><td>Sinh vật gây hại được kiểm soát</td></tr><tr><td>4</td><td><i>Colletotrichum chrysophilum</i></td><td>Nấm</td><td>Sinh vật gây hại được kiểm soát</td></tr><tr><td>5</td><td><i>Dothiorella dominicana</i></td><td>Nấm</td><td>Sinh vật gây hại được kiểm soát</td></tr><tr><td>6</td><td><i>Fusariella concinna</i></td><td>Nấm</td><td>Sinh vật gây hại được kiểm soát</td></tr><tr><td>7</td><td><i>Phomopsis mangiferae</i></td><td>Nấm</td><td>Sinh vật gây hại được kiểm soát</td></tr><tr><td>8</td><td><i>Phytophthora inundata</i></td><td>Nấm</td><td>Sinh vật gây hại được kiểm soát</td></tr><tr><td>9</td><td><i>Phytophthora occultans</i></td><td>Nấm</td><td>Sinh vật gây hại được kiểm soát</td></tr></table>			STT	Tên khoa học	Nhóm	Loại	1	<i>Bactrocera kandiensis</i>	Hai cánh	Sinh vật gây hại bị cấm	2	<i>Alternaria rosae</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát	3	<i>Ceratocystis ficicola</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát	4	<i>Colletotrichum chrysophilum</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát	5	<i>Dothiorella dominicana</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát	6	<i>Fusariella concinna</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát	7	<i>Phomopsis mangiferae</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát	8	<i>Phytophthora inundata</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát	9	<i>Phytophthora occultans</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
STT	Tên khoa học	Nhóm	Loại																																													
1	<i>Bactrocera kandiensis</i>	Hai cánh	Sinh vật gây hại bị cấm																																													
2	<i>Alternaria rosae</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát																																													
3	<i>Ceratocystis ficicola</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát																																													
4	<i>Colletotrichum chrysophilum</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát																																													
5	<i>Dothiorella dominicana</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát																																													
6	<i>Fusariella concinna</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát																																													
7	<i>Phomopsis mangiferae</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát																																													
8	<i>Phytophthora inundata</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát																																													
9	<i>Phytophthora occultans</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát																																													

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
						10	<i>Phytophthora quercina</i>	Nấm	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						11	<i>Sugarcane white leaf phytoplasma</i>	Vi khuẩn	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						12	<i>Begomovirus chillicapsici</i>	Vi rút	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						13	<i>Begomovirus momordicae</i>	Vi rút	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						14	<i>Orthospovirus arachianuli</i>	Vi rút	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						15	<i>Umbravirus pisi</i>	Vi rút	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						16	<i>Cryphalus dilutus</i>	Cánh cứng	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						17	<i>Marchalina hellenica</i>	Cánh nửa	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						18	<i>Ripersiella hibisci</i>	Cánh nửa	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						19	<i>Meghimatium pictum</i>	Ốc sên	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						20	<i>Tanychlamys indica</i>	Ốc sên	Sinh vật gây hại được kiểm soát
						21	<i>Solanum rostratum Dunal</i>	Cỏ	Sinh vật gây hại được kiểm soát
193	G/SPS/N/EU/842	TTBVT	Liên minh châu Âu	19/3/2025	Quy định (EU) sửa đổi Phụ lục VII, VIII, XI và XIII Quy định (EU) 2019/2072 liên quan đến các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của <i>Anoplophora glabripennis</i> (Motschulsky) và <i>Anoplophora chinensis</i> (Forster)	Dự thảo sửa đổi và hợp nhất các biện pháp của EU về yêu cầu nhập khẩu và di chuyển nội bộ đối với <i>Anoplophora glabripennis</i> (Motschulsky) và <i>Anoplophora chinensis</i> (Forster), được quy định trong các Phụ lục của Quy định (EU) 2019/2072. Các sửa đổi bao gồm: - Mở rộng phạm vi các loại cây chủ bị áp dụng biện pháp kiểm soát.			

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					trong lãnh thổ Liên minh Châu Âu.	- Thiết lập danh sách các quốc gia có sự xuất hiện của loài dịch hại này.
194	G/SPS/N/EU/841	CNTY	Liên minh châu Âu	19/3/2025	Quy định (EU) 2024/2414 ngày 13/9/2024 về việc cho phép sử dụng tinh dầu và cón thuốc từ cây bách xù (<i>Juniperus communis</i> L.) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Các chất trong Quy định được tái ủy quyền làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật sau khi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đánh giá an toàn để sử dụng. Các chất nằm trong danh mục “phụ gia cảm quan” và trong nhóm chức năng “hợp chất tạo hương vị” trong một số điều kiện nhất định. Quy định cũng bao gồm thời gian chuyển đổi để các bên liên quan đáp ứng yêu cầu ủy quyền mới. Bản sửa đổi 2024/90622 đối với Quy định (EU) 2024/2414 được công bố vào ngày 11/10/2024 và đính kèm thông báo này.
195	G/SPS/N/EU/840	CNTY	Liên minh châu Âu	19/3/2025	Quy định (EU) 2024/2464 ngày 12/9/2024 về việc cho phép sử dụng tinh dầu thông trắng từ <i>Pinus pinaster</i> Aiton làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Các chất trong Quy định được tái ủy quyền làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, sau khi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đánh giá an toàn để sử dụng. Các chất nằm trong danh mục “phụ gia cảm quan” và trong nhóm chức năng “hợp chất tạo hương vị” trong một số điều kiện nhất định. Quy định cũng bao gồm thời gian chuyển đổi để các bên liên quan đáp ứng yêu cầu ủy quyền mới. Bản sửa đổi 2024/90622 đối với Quy định (EU) 2024/2414 được công bố vào ngày 11/10/2024 và đính kèm thông báo này.
196	G/SPS/N/TZA/436	CNTY	Tanzania	18/3/2025	DARS 1841: 2024, Thức ăn ủ chua — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm thức ăn ủ chua để làm thức ăn cho động vật nhai lại.
197	G/SPS/N/TZA/435	CNTY	Tanzania	18/3/2025	DARS 1839: 2024, Bột cây Prosopis dùng trong thức ăn chăn nuôi cho động vật — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo tiêu chuẩn Châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột cây Prosopis dùng trong thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho động vật.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
198	G/SPS/N/TZA/434	CNTY	Tanzania	18/3/2025	DARS 1835: 2024, Thức ăn cho chó — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn cho chó.
199	G/SPS/N/KOR/819	ATTP, TTBVTV, CNTY, CBCL, BCT	Hàn Quốc	18/3/2025	Đề xuất sửa đổi "Quy tắc thực hành Luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu"	Bản sửa đổi này nhằm: - Mở rộng phạm vi áp dụng đối với thay đổi mục đích sử dụng nguyên liệu thô, cho phép nhà nhập khẩu nộp đơn xin thay đổi mục đích sử dụng khi được một nhà sản xuất trong nước yêu cầu cung cấp nguyên liệu thô do không thể tự đảm bảo được nguồn cung vì các biến động quốc tế như chiến tranh, dịch bệnh truyền nhiễm hoặc thiên tai; - Thiết lập cơ sở pháp lý để cấp giấy chứng nhận y tế xuất khẩu không chỉ dưới dạng giấy mà còn dưới dạng điện tử cho các sản phẩm thực phẩm, v.v.
200	G/SPS/N/JPN/1327	TTBVTV	Nhật Bản	18/3/2025	Đề xuất sửa đổi Sắc lệnh thi hành Luật bảo vệ thực vật, các thông báo liên quan và các quy định chi tiết	MAFF sẽ sửa đổi các bảng 1, 1-2, 2 và 2-2 kèm theo Sắc lệnh thi hành Luật bảo vệ thực vật và danh mục dịch hại không cần kiểm dịch theo các bằng chứng khoa học mới nhất, cụ thể: - Phụ lục 1: Tóm tắt các nội dung sửa đổi được đề xuất tại; - Phụ lục 2: Đề xuất sửa đổi bảng 1 của Sắc lệnh thi hành Luật bảo vệ thực vật về danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật; - Phụ lục 3: Đề xuất sửa đổi bảng 1-2 của Sắc lệnh thi hành Luật bảo vệ thực vật về danh mục thực vật và các đối tượng khác phải áp dụng biện pháp kiểm dịch thực vật cụ thể tại nước xuất khẩu tại; - Phụ lục 4: Đề xuất sửa đổi bảng 2 của Sắc lệnh thi hành Luật bảo vệ thực vật về danh mục thực vật cấm nhập khẩu; - Phụ lục 5: Đề xuất sửa đổi bảng 2-2 của Sắc lệnh thi hành Luật bảo vệ thực vật về danh mục thực vật cấm nhập khẩu (trừ thực vật đáp ứng yêu cầu); - Phụ lục 6: Đề xuất sửa đổi danh mục dịch hại không phải kiểm dịch.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
						Các thông báo sau đây sẽ được thu hồi sau khi sửa đổi này có hiệu lực: G/SPS/N/JPN/1261, G/SPS/N/JPN/1272, G/SPS/N/JPN/1275 và G/SPS/N/JPN/1276			
201	G/SPS/N/GBR/87	ATTP, TTBVTV	Vương quốc Anh	18/3/2025	Vương quốc Anh đề xuất mức dư lượng tối đa (MRLs) mới đối với cyflumetofen	Mức dư lượng tối đa (MRLs) mới được đề xuất như sau:			
						Sản phẩm	MRLs hiện tại (mg/kg)	MRLs mới (mg/kg)	
						Nhóm quả có múi (cam, quýt, chanh, bưởi)	0,3	0,5	
						Quả mơ	0,01	0,3	
						Đào	0,01	0,3	
						Cà chua	0,3	0,4	
						Cà tím	0,01	0,4	
						Dưa chuột	0,01	0,5	
						Hoa bia	0,05	15	
202	G/SPS/N/GBR/86	ATTP, TTBVTV, CNTY	Vương quốc Anh	18/3/2025	Vương quốc Anh sửa mức giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) theo khuyến nghị của Ủy ban Codex về dư lượng thuốc trừ sâu (CCPR) lần thứ 55 (2024)	Đề xuất thông qua các mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của Codex (CXLs) đã được phê duyệt là tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế mới tại kỳ họp lần thứ 47 của Ủy ban Codex Alimentarius. Các hoạt chất áp dụng MRLs mới cho nhiều loại sản phẩm nông sản được điều chỉnh tăng, cụ thể như sau:			
						Hoạt chất	Sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL mới (mg/kg)
						1,4-dimethylnaphthalene	Gan, thận và các phụ phẩm ăn được của lợn	0,3	0,5
							Gan và các phụ phẩm	0,15	0,2

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
							ăn được của gia cầm		
							Thận gia cầm	0,03	0,2
						Acetamiprid	Đậu nành	0,01	0,01
						Boscalid	Quả lựu	0,01	2
						Clothianidin	Cà chua	0,04	0,05
							Kỳ tử	0,04	0,06
							Ớt chuông, cà tím	0,04	0,05
							Đậu bắp	0,01	0,05
						cyantranilipro le	Quả bơ	0,01	0,4
							Đậu nành	0,4	0,6
							Chè	0,05	50
						Cyflumetofen	Quả cherry	0,01	0,4
						Imazapyr	Đậu lăng	0,05	0,8
						Isocycloseram	Bưởi	-	0,3
							Nhóm các loại hạt	-	0,01
							Chuối, xoài, đu đủ, sầu riêng	-	0,01
							Gạo	-	0,01
							Mật ong	-	0,05
						Isoflucypram	Lúa mạch	0,06	0,1
							Lúa mì	0,015	0,05
						Isotianil	Chanh	0,4	0,5
							Quất	0,01	0,5
						Mepiquat chloride	Nho	0,02	6
							Hạt cotton	0,05	6
						Oxathiapiprolin	Quả tầm xuân	0,01	0,5

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo			
							Quả bơ	0,01	0,07
							Hoa bia	0,05	5
						Tetraniliprole	Quýt	1	1,5
						Thiamethoxa m	Hành tây	0,01	0,02
							Cà chua	0,2	0,7
							Cà tím	0,2	0,7
						Tricyclazole	Gạo	0,09	0,3
							Sản phẩm khác có nguồn gốc từ động vật	0,01	0,1
									
						<i>*Các MRL này áp dụng ngay sau khi ban hành.</i>			
203	G/SPS/N/ALB/213	CNTY	Albania	18/3/2025	Quy tắc chi tiết về chăn nuôi hữu cơ, bao gồm quy định về quá trình chuyển đổi	Quy định các quy tắc chi tiết về chăn nuôi hữu cơ, bao gồm các quy tắc chung về sản xuất đối với động vật và quy tắc chi tiết đối với các loài: bò, ngựa, nai, lợn, cừu, dê, gia cầm, thỏ và ong. Dự thảo hướng dẫn "Các quy tắc chi tiết về chăn nuôi hữu cơ" được xây dựng dựa trên Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 30/5/2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ.			
204	G/SPS/N/TZA/433	CNTY	Tanzania	17/3/2025	DARS 1834: 2024, Thức ăn hỗn hợp cho lợn — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho lợn.			
205	G/SPS/N/TZA/432	CNTY	Tanzania	17/3/2025	DARS 1829: 2024, Thức ăn cho mèo — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn cho mèo.			
206	G/SPS/N/TZA/431	CNTY	Tanzania	17/3/2025	DARS 1827: 2024, Thức ăn hỗn hợp cho gia súc — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho gia súc.			

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
207	G/SPS/N/TZA/430	CNTY, TSKN	Tanzania	17/3/2025	DARS 1120: 2024, Thức ăn hỗn hợp cho cá — Đặc điểm kỹ thuật — Phần 1: Cá rô phi và cá da trơn, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho cá. Tiêu chuẩn này áp dụng cho thức ăn cá rô phi và cá da trơn.
208	G/SPS/N/SGP/88	CNTY	Singapore	14/3/2025	Quy định về nhập khẩu thịt lợn và sản phẩm từ thịt lợn	Singapore đã hoàn tất việc xem xét các quy định nhập khẩu thịt lợn đông lạnh và sẽ thực hiện điều chỉnh tạo thuận lợi thương mại, nhằm cho phép nhập khẩu loại thịt này: 1. Động vật từ khu vực có nguy cơ nhiễm trichinella không nghiêm trọng theo Điều 8.18.5 của Bộ luật An toàn kiểm dịch động vật trên cạn của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH); 2. Động vật từ khu vực đã được xét nghiệm dựa trên phương pháp được chấp thuận và không có ấu trùng Trichinella; 3. Đã được xử lý để vô hiệu hóa ấu trùng Trichinella theo Hướng dẫn của Codex về kiểm soát các loài Trichinella trong thịt lợn (CAC/CL 86-2015). Những điều kiện tuân theo các khuyến nghị tại Điều 8.18.6 của Bộ luật An toàn kiểm dịch động vật trên cạn WOAH và sẽ thay thế các điều kiện hiện hành, trong đó quốc gia xuất xứ của động vật phải được chứng nhận không có ấu trùng Trichinosis hoặc xác động vật lấy thịt phải được xét nghiệm và không có ấu trùng Trichinosis. Các điều kiện khác đối với việc nhập khẩu thịt lợn đông lạnh vẫn được áp dụng.
209	G/SPS/N/AUS/561 /Add.2	TTTP, BCT, CNTY	Úc	14/3/2025	Dự thảo báo cáo đánh giá rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa dành cho người tiêu dùng	Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc công bố báo cáo cuối cùng về đánh giá rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm từ sữa dùng cho con người. Dự thảo thông báo đầu tiên về đánh giá rủi ro đã được gửi đến các Thành viên WTO vào ngày 9/2/2023 (G/SPS/N/AUS/561) và đăng trên trang web của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc vào ngày 31/1/2023. Sau đó, bản dự thảo báo cáo thứ hai, có cập nhật theo ý kiến phản hồi, được thông báo vào ngày 22/4/2024 (G/SPS/N/AUS/561/Add.1), với thời gian góp ý kéo dài 60 ngày, kết thúc vào ngày 17/6/2024.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
210	G/SPS/N/UKR/238	CNTY, CLCB, TSKN, BCT, TTBVTV	Ucraina	13/3/2025	Dự thảo sửa đổi Lệnh số 159 ngày 26/3/2018 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ucraina	Dự thảo Lệnh được xây dựng nhằm điều chỉnh các quy định số 159 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ucraina, tiêu đề "Phê duyệt Danh mục sản phẩm thuộc diện kiểm soát nhà nước tại các trạm kiểm tra được chỉ định" (được thông báo trong G/SPS/N/UKR/128). Nhằm bảo đảm tính nhất quán với các quy định tại Nghị quyết số 960 của Chính phủ Ucraina ngày 24/10/2018, về "Một số vấn đề về kiểm soát chính thức đối với hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan Ucraina (bao gồm cả hàng quá cảnh)" (được thông báo trong G/SPS/N/UKR/130, G/SPS/N/UKR/230 và G/SPS/N/UKR/230/Corr.1): Danh mục sản phẩm thuộc diện kiểm soát nhà nước tại các trạm kiểm tra được chỉ định theo quy định số 159 sẽ được xem xét lại và ban hành phiên bản mới.
211	G/SPS/N/EU/839	CNTY	Liên minh châu Âu	13/3/2025	Quy định (EU) 2024/3167 ngày 18/12/2024 về việc cho phép sử dụng cyanocobalamin (vitamin B12) được sản xuất bằng <i>Ensifer adhaerens</i> CGMCC 19596 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Quy định này cho phép sử dụng cyanocobalamin (vitamin B12) được sản xuất bằng <i>Ensifer adhaerens</i> CGMCC 19596 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong vòng 10 năm, thuộc danh mục “phụ gia dinh dưỡng” và nhóm chức năng “vitamin, tiền vitamin và các chất có cấu trúc hóa học xác định có tác dụng tương tự” cho tất cả các loài động vật. Việc cấp phép này dựa trên kết luận tích cực từ đánh giá khoa học được thực hiện bởi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA). Các điều khoản cụ thể của giấy phép được nêu chi tiết trong Phụ lục của văn bản này.
212	G/SPS/N/EU/838	CNTY	Liên minh châu Âu	13/3/2025	Quy định (EU) 2024/3168 ngày 18/12/2024 về việc cho phép sử dụng chế phẩm zinc-L-selenomethionine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Quy định này cho phép sử dụng chế phẩm zinc-L-selenomethionine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong vòng 10 năm, thuộc danh mục “phụ gia dinh dưỡng” và nhóm chức năng “hợp chất của các nguyên tố vi lượng” cho tất cả các loài động vật. Việc cấp phép này dựa trên kết luận tích cực từ đánh giá khoa học được thực hiện bởi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						(EFSA). Các điều khoản cụ thể của giấy phép được nêu chi tiết trong Phụ lục của văn bản này.
213	G/SPS/N/EU/837	CNTY	Liên minh châu Âu	13/3/2025	Quy định 2024/2179 (EU) ngày 02/9/2024 sửa đổi Quy định (EU) 2022/1452 về hàm lượng tối đa được khuyến nghị của 4-hydroxy– 2,5-dimethylfuran-3(2H)-one cho mèo và chó	4-hydroxy– 2,5-dimethylfuran-3(2H)-one đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó theo Quy định (EU) 2022/1452 trong thời hạn 10 năm. Quy định (EU) 2024/2179 sửa đổi hàm lượng khuyến nghị tối đa, tăng 5 mg/kg lên 25 mg/kg đối với thức ăn hoàn chỉnh cho chó và từ 5 mg/kg lên 18 mg/kg đối với thức ăn hoàn chỉnh cho mèo.
214	G/SPS/N/EU/836	CNTY	Liên minh châu Âu	12/3/2025	Quy định (EU) 2024/2385 ngày 09/09/2024 về việc cấp phép sử dụng 4-methyl-5-vinylthiazole làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	4-methyl-5-vinylthiazole được cho cấp phép sử dụng theo điều 10 của Quy định (EC) số 1831/2003. Sau khi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đánh giá tích cực, hoạt chất này được tiếp tục cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, trong danh mục “phụ gia cảm quan” và trong nhóm chức năng “hợp chất tạo hương vị” trong một số điều kiện nhất định.
215	G/SPS/N/EU/835	CNTY	Liên minh châu Âu	12/3/2025	Quy định (EU) số 2024/2184 ngày 03/9/2024 về việc cấp phép chế phẩm fumonisin esterase được sản xuất bằng <i>Komagataella phaffii</i> NCAIM (P) Y001485 làm phụ gia thức ăn cho lợn con và lợn giống của tất cả các loài thuộc Họ <i>Suidae</i>	Quy định (EU) số 2024/2184 cho phép chế phẩm fumonisin esterase được sản xuất bằng <i>Komagataella phaffii</i> NCAIM (P) Y001485 làm phụ gia thức ăn dành cho lợn con và lợn giống của tất cả các loài thuộc họ <i>Suidae</i> , thuộc danh mục “phụ gia công nghệ” và trong nhóm chức năng “chất giúp giảm ô nhiễm thức ăn bởi độc tố nấm mốc”.
216	G/SPS/N/EU/834	CNTY	Liên minh châu Âu	12/3/2025	Quy định (EU) 2024/1989 ngày 22/7/2024 về việc cấp phép undec-10-enal, terpineol acetate, d,l-borneol, l-carvone, d-camphor, d,l-isobornyl acetate, 3-propylidenephthalide, axit phenylacetic, methyl salicylate, thymol, carvacrol,	Theo đánh giá tích cực của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu, các chất này được tiếp tục cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, trong danh mục “phụ gia cảm quan” và trong nhóm chức năng “hợp chất tạo hương vị”, trong một số điều kiện nhất định.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					benzothiazole, terpinolene, d,l-isoborneol, trans-menthone, d,l-bornyl acetate, 3-butyridenephthalide, phenylacetaldehyde, phenethyl acetate, phenethyl phenylacetate, methyl phenylacetate, ethyl phenylacetate, isobutyl phenylacetate, 3-methylbutyl phenylacetate, 2-methoxyphenol, 2-methoxy-4-methylphenol, 4-ethylguaiacol, 2-methoxy-4-vinylphenol, 4-ethylphenol, 2-methylphenol, 4-methylphenol, 2,6-dimethoxyphenol, phenol, 2,6-dimethylphenol, 2-isopropylphenol, benzene-1,3-diol, alpha-phellandrene, alpha-terpinene, gamma-terpinene và llimonene làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) 2018/245 liên quan đến các điều khoản ủy quyền của d,l-isomenthone làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật.	
217	G/SPS/N/THA/216 /Add.3	TTBVT	Thái Lan	11/3/2025	Tiêu chuẩn Nông nghiệp Thái Lan về "đậu phộng: Giới hạn tối đa của Aflatoxin"	Thông báo B.E. 2559 (2016) về "Nhân đậu phộng: Giới hạn tối đa của Aflatoxin", được công bố trên Công báo Chính thức ngày 07/01/2016, (hoặc G/SPS/N/THA/216/Add.1 ngày 03/02/2016).

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						ACFS ban hành dự thảo Thông báo về các biện pháp an toàn thực phẩm (SPS) đối với việc nhập khẩu nhân đậu phộng từ nước ngoài. Các biện pháp kiểm tra đối với nhân đậu phộng nhập khẩu được chia thành ba cấp độ như sau: 1. Kiểm tra giám sát: Áp dụng cho đậu phộng nhập khẩu từ các quốc gia không có nguy cơ vi phạm tiêu chuẩn hoặc từ các nhà xuất khẩu đã được kiểm soát theo kế hoạch của ACFS. 2. Kiểm tra giám sát tăng cường: Áp dụng đối với đậu phộng nhập khẩu từ các quốc gia có tỷ lệ vi phạm tiêu chuẩn cao hơn đáng kể so với kết quả giám sát (cấp 1) trong lịch sử nhập khẩu năm trước, gây nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Tỷ lệ kiểm tra 30%. 3. Kiểm tra 100%: - Áp dụng đối với đậu phộng nhập khẩu từ các quốc gia có tỷ lệ vi phạm nghiêm trọng hơn so với tỷ lệ kiểm tra giám sát tăng cường (cấp 2) trong lịch sử nhập khẩu năm trước, có nguy cơ cao ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. - ACFS đã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu nhưng chưa nhận được báo cáo khắc phục về hệ thống kiểm soát tiêu chuẩn, tỷ lệ kiểm tra sẽ là 100%. - Khi đó, lô hàng sẽ bị tạm giữ để lấy mẫu gửi đến phòng thí nghiệm được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 để kiểm tra hàm lượng aflatoxin. Kết quả phân tích phải được trình lên cơ quan có thẩm quyền để xem xét.
218	G/SPS/N/EU/833	TSKN	Liên minh châu Âu	11/3/2025	Quy định (EU) 2025/181 ngày 31/01/2025 sửa đổi Quy định (EU) 2024/2393 về việc bãi bỏ Quy định (EU) 2015/1416	Quy định (EU) 2024/2393 đã bãi bỏ sai Quy định (EU) 2015/1416, vì sử dụng hoạt chất natri bisulfat vẫn được cấp phép cho đến ngày 10/09/2025 đối với động vật thủy sinh trong nhóm chức năng “chất bảo quản” và đối với động vật thủy sinh sản xuất thực phẩm trong nhóm chức năng “chất điều chỉnh độ axit”. Điều này được sửa đổi bởi Quy định (EU) 2025/181, trong đó sửa đổi Quy định về việc chỉ định việc sử dụng natri bisulfat

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						vẫn được cấp phép cho đến ngày 10/09/2025. Bản sửa đổi này có hiệu lực kể từ ngày có hiệu lực của Quy định (EU) 2024/2393.
219	G/SPS/N/EU/832	CNTY	Liên minh châu Âu	11/3/2025	Quy định (EU) 2025/182 ngày 31/01/2025 sửa đổi Quy định (EU) 2019/901 về việc sửa đổi công thức hóa học của muối riboflavin 5'-phosphate monosodium	Muối riboflavin 5'-phosphate monosodium đã được Ủy ban EU chấp thuận là phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật không phải là động vật thủy sinh theo Quy định (EU) 2019/901 trong thời hạn 10 năm. Quy định (EU) 2025/182 hiện hành đang sửa công thức hóa học của hoạt chất được nêu trong Quy định (EU) 2019/901 để đảm bảo chính xác.
220	G/SPS/N/EU/831	CNTY	Liên minh châu Âu	11/3/2025	Quy định (EU) 2025/187 ngày 31/01/2025 sửa đổi Quy định (EU) 2022/415 về việc cấp phép axit malic, axit citric do <i>Aspergillus niger</i> sản xuất DSM 25794 hoặc CGMCC 4513/CGMCC 5751 hoặc CICC 40347/CGMCC 5343, axit sorbic và kali sorbat, axit axetic, natri diacetate và canxi axetat, axit propionic, natri propionate, canxi propionate và amoni propionate, axit formic, natri format, canxi format và amoni format, và axit lactic do <i>Bacillus coagulans</i> (LMG S-26145 hoặc DSM 23965), hoặc <i>Bacillus smithii</i> (LMG S-27890) hoặc <i>Bacillus subtilis</i> (LMG S-27889) và canxi lactat làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật	Quy định (EU) 2025/181 sửa một số điều khoản sai trong Quy định (EU) 2022/415: - Axit axetic, Natri diacetate và Canxi axetat: chỉ được phép sử dụng cho động vật nhai lại, không quy định mức giới hạn tối đa; - Natri diacetate và Canxi axetat: loại bỏ mục liên quan đến chất không bay hơi trong đặc tính của các hoạt chất này; - Natri diacetate: chỉnh sửa các thông tin liên quan đến thành phần phụ gia và đặc tính của hoạt chất; - Axit lactic: Điều chỉnh tiêu đề của cột 'Hàm lượng tối đa', để chỉ mức hoạt chất, thay vì của phụ gia.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
221	G/SPS/N/NPL/47	TTBVT	Nepal	10/3/2025	Dự thảo Tiêu chuẩn Chất lượng và An toàn cho Yên Mạch Cán Dệt	Bộ Công nghệ Thực phẩm và Kiểm soát Chất lượng, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Chăn nuôi Nepal, đã đề xuất tiêu chuẩn chất lượng và an toàn đối với yên mạch cán dệt nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, kiểm soát chất lượng và an toàn sản phẩm, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại an toàn.
222	G/SPS/N/EU/830	CNTY	Liên minh châu Âu	10/3/2025	Quy định (EU) 2025/168 ngày 30/01/2025 về việc gia hạn giấy phép chế phẩm <i>Limosilactobacillus fermentum</i> NCIMB 30169 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) số 399/2014	Chế phẩm <i>Limosilactobacillus fermentum</i> NCIMB 30169 ban đầu được cấp phép trong thời hạn 10 năm như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật trong danh mục “chất phụ gia công nghệ” và trong nhóm chức năng “chất phụ gia ủ chua”. Sau khi Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu hoàn tất tái đánh giá, chế phẩm được cấp phép gia hạn sử dụng, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định.
223	G/SPS/N/EU/829	CNTY	Liên minh châu Âu	10/3/2025	Quy định (EU) 2025/278 ngày 12/02/2025 về việc cấp phép tinh dầu gỗ tuyết tùng Texas từ <i>Juniperus deppeana</i> Steud. làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Tinh dầu gỗ tuyết tùng Texas được đề cập trong Đạo luật đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, thuộc danh mục “phụ gia cảm quan” và trong nhóm chức năng “hợp chất tạo hương vị”, trong các điều kiện cụ thể.
224	G/SPS/N/EU/827	CNTY	Liên minh châu Âu	10/3/2025	Quy định (EU) 2025/276 ngày 12/02/2025 về việc cấp phép sử dụng cón đinh hương từ <i>Syzygium aromaticum</i> (L.) Merr. & L.M. Perry làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật	<i>Syzygium aromaticum</i> (L.) Merr. & L.M. Perry được phê duyệt làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, thuộc danh mục “phụ gia cảm quan” và nhóm chức năng “hợp chất tạo hương vị”, với một số điều kiện nhất định.
225	G/SPS/N/EU/826	CNTY	Liên minh châu Âu	10/3/2025	Quy định (EU) 2025/157 ngày 29/01/2025 về việc cấp phép cho cellulose vi tinh thể, methyl cellulose, ethyl cellulose, hydroxypropyl cellulose, hydroxypropyl methyl cellulose và natri carboxymethyl cellulose đã được phê duyệt làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, thuộc danh mục	

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					hydroxypropyl cellulose, hydroxypropyl methyl cellulose và natri carboxymethyl cellulose làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật	“phụ gia công nghệ” và phân loại theo các nhóm chức năng “chất nhũ hóa”, “chất ổn định”, “chất làm đặc”, “chất tạo gel” và “chất kết dính”, với một số điều kiện nhất định.
226	G/SPS/N/BRA/2391	TTBVT	Bra-xin	10/3/2025	Dự thảo Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu vật liệu nhân giống <i>Liatris</i> spp. (Loại 4)	Dự thảo Quy định nhằm thiết lập yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vào Bra-xin vật liệu nhân giống (Loại 4) của <i>Liatris</i> spp.
227	G/SPS/N/EU/825	TSKN, CLCB	Liên minh châu Âu	07/3/2025	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) số 2023/915 liên quan đến mức tối đa của asen vô cơ trong cá và các loại thủy sản khác	Liên minh châu Âu (EU) dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy định (EU) số 2023/915 thiết lập mức dư lượng tối đa (MRLs) asen vô cơ trong cá và các loại thủy sản khác, cụ thể: - Bổ sung mức dư lượng tối đa (MRLs) asen vô cơ trong cá và các loại thủy sản khác từ: 0,05 – 1,5 ppm . - Tại Điều 1: Cho phép tiếp tục lưu hành đối với một số loại sản phẩm trên thị trường cho đến ngày hết hạn sử dụng; - Tại Điều 2: Quy định thời gian có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu: Ngày dự kiến ban hành: Tháng 7/2025; Ngày dự kiến quy định có hiệu lực: Tháng 7/2025. (Tài liệu Dự thảo tại Tiểu mục I kèm theo)
228	G/SPS/N/CHL/828	CNTY	Chi lê	07/3/2025	Sửa đổi Nghị quyết Exenta 8.443/2022 về yêu cầu kiểm dịch đối với nhập khẩu vỏ xúc xích từ lòng heo (Swine casings) vào Chi lê	Dự thảo sửa đổi Nghị quyết Exenta 8.443/2022 nhằm bổ sung một điều khoản về nguồn nguyên liệu, mở rộng lựa đóng gói, đồng thời cập nhật tên viết tắt của Tổ chức Thú y Thế giới. Bổ sung quy định về nguyên liệu thô: Nguyên liệu thô dùng để sản xuất sản phẩm phải có xuất xứ từ quốc gia hoặc khu vực xuất khẩu, hoặc phải được nhập khẩu theo các yêu cầu kiểm dịch do Chi lê quy định. Mở rộng lựa chọn về bao bì và đóng gói: Yêu cầu bao bì đóng gói vỏ xúc xích từ lòng heo phải là sản phẩm mới, nếu tái sử dụng thì phải được rửa và khử trùng.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
229	G/SPS/N/BRA/2386	ATTP, TTBVTV	Bra-xin	07/3/2025	Dự thảo Nghị quyết 1312, ngày 26/02/2025.	Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất O22 - Ooencyrtus Submetallicus vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.		
230	G/SPS/N/BRA/2385	ATTP, TTBVTV	Bra-xin	07/3/2025	Dự thảo Nghị quyết 1311, ngày 25/02/2025.	Dự thảo nghị quyết này quy định mức giới hạn tối đa cho phép (LMT) của các chất gây ô nhiễm trong thực phẩm nhằm duy trì sự hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể:		
						Thực phẩm	aflatoxin	Giới hạn tối đa (LMT)
						Sữa tươi	M1	0,5 mcg/kg
						Sữa bột	M1	5,0 mcg/kg
						Ngô hạt (nguyên hạt, vỡ, nghiền, bóc vỏ) dùng để chế biến tiếp	B1+B2+G1+G2	15,0 mcg/kg
						Bột ngô	B1+B2+G1+G2	10,0 mcg/kg
						Đậu phộng (bao gồm đậu phộng dùng để chế biến tiếp)	B1+B2+G1+G2	15,0 mcg/kg
231	G/SPS/N/UGA/439	CNTY	Uganda	06/3/2025	DUS DARS 1104:2025, Trang trại chăn nuôi bò sữa — Thực hành sản xuất tốt, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các tiêu chí cho thực hành sản xuất tốt tại các trang trại chăn nuôi bò sữa. Tiêu chuẩn bao gồm các giai đoạn từ chăn nuôi bò sữa tại các trang trại đến vận chuyển sữa thô đến trung tâm thu gom hoặc nhà máy chế biến. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các động vật sữa khác.		
232	G/SPS/N/UGA/438	CNTY	Uganda	06/3/2025	DUS DARS 1105:2025, Trang trại chăn nuôi gia cầm — Thực	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các thực hành nông nghiệp tốt nhằm đảm bảo sản xuất bền vững, chất lượng cao, khỏe mạnh và an toàn trong chăn nuôi gia cầm		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					hành nông nghiệp tốt, ấn bản đầu tiên	
233	G/SPS/N/UGA/437	CNTY	Uganda	06/3/2025	DUS DARS 1108:2025, Trang trại sản xuất bò thịt — Thực hành sản xuất tốt, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các thực hành chăn nuôi tốt nhằm đảm bảo chất lượng, an toàn và bền vững trong trang trại sản xuất bò thịt. Các yêu cầu này phải được tuân thủ trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ khi sinh ra hoặc từ nguồn cung ứng đến khi giết mổ dành cho mục đích làm thực phẩm cho con người.
234	G/SPS/N/UGA/436	CNTY	Uganda	06/3/2025	DUS DARS 1229:2025, Vận chuyển gia cầm — Bộ quy tắc thực hành, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu đối với việc vận chuyển gia cầm bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy và đường hàng không.
235	G/SPS/N/UGA/435	CNTY	Uganda	06/3/2025	DUS DARS 1272:2025, Cơ sở giết mổ — Các yêu cầu cơ bản, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu cơ bản đối với cơ sở giết mổ nhằm đảm bảo an toàn và chất lượng thịt cũng như các sản phẩm từ thịt. Việc kiểm tra và lập hồ sơ phải đảm bảo bảo vệ sức khỏe con người và động vật khỏi các mối nguy hiểm trực tiếp và gián tiếp, đặc biệt là: - Bảo vệ người tiêu dùng khỏi các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, nhiễm trùng xương thịt, ngộ độc và các mối nguy hiểm liên quan đến việc xử lý hoặc tiếp xúc lại của động vật sau khi giết mổ; - Bảo vệ người chế biến thịt khỏi các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người trong môi trường làm việc; - Bảo vệ vật nuôi khỏi bệnh truyền nhiễm, ngộ độc và các bệnh khác, có thể phát hiện được khi kiểm tra thịt và phù hợp với các quy định về sức khỏe động vật có liên quan; - Đảm bảo phúc lợi động vật - Giảm thiểu tác động đến môi trường.
236	G/SPS/N/KEN/328	TTBVT	Kenya	06/3/2025	DKS 3035:2025, Hạt lanh để chiết xuất dầu — Đặc điểm kỹ thuật.	Dự thảo Tiêu chuẩn Kenya nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt lanh (<i>Linum usitatissimum</i>) dùng để chiết xuất dầu.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
237	G/SPS/N/EU/824	CNTY	Liên minh châu Âu	06/3/2025	Quy định (EU) số 2025/279 ngày 12/02/2025 liên quan đến việc cấp phép sử dụng tinh dầu trầm từ <i>Melaleuca cajuputi</i> Maton & Sm. ex R. Powell và <i>Melaleuca leucadendra</i> (L.) L. làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Tinh dầu trầm từ <i>Melaleuca cajuputi</i> Maton & Sm. ex R. Powell và <i>Melaleuca leucadendra</i> (L.) L đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, thuộc danh mục “phụ gia cảm quan” và trong nhóm chức năng “hợp chất tạo hương vị”, với điều kiện cụ thể.
238	G/SPS/N/EU/823	CNTY	Liên minh châu Âu	06/3/2025	Quy định (EU) 2025/281 ngày 12/02/2025 liên quan đến việc cấp phép sử dụng propyl gallate làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Propyl gallate đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, thuộc danh mục “phụ gia công nghệ” và trong nhóm chức năng “chất chống oxy hóa”, với điều kiện cụ thể.
239	G/SPS/N/EU/822	CNTY	Liên minh châu Âu	06/3/2025	Quy định (EU) 2025/152 ngày 29/01/2025 liên quan đến việc cấp phép còn omicha từ <i>Schisandra chinensis</i> (Turcz.) Baill. và còn nhân sâm từ <i>Panax ginseng</i> CAMEy. làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật	Omicha tincture từ <i>chinensis</i> (Turcz.) Baill. và còn nhân sâm từ <i>Panax ginseng</i> CAMEy đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, thuộc danh mục “phụ gia cảm quan” và trong nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị', với điều kiện cụ thể.
240	G/SPS/N/EU/821	CNTY	Liên minh châu Âu	06/3/2025	Quy định (EU) 2025/353 ngày 21/02/2025 liên quan đến việc gia hạn giấy phép chế phẩm <i>Levilactobacillus brevis</i> DSM 16680 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) số 399/2014	Chế phẩm <i>Levilactobacillus brevis</i> DSM 16680 được cấp phép làm chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật thuộc danh mục “phụ gia công nghệ” và trong nhóm chức năng “phụ gia ủ chua”, tùy vào điều kiện nhất định.
241	G/SPS/N/EU/820	CNTY	Liên minh châu Âu	06/3/2025	Quy định (EU) số 2025/159 ngày 29/01/2025 liên quan đến việc gia hạn giấy phép chế phẩm <i>Pediococcus pentosaceus</i> DSM	Chế phẩm <i>Pediococcus pentosaceus</i> DSM 14021 được cấp phép làm chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật thuộc danh mục “phụ gia công nghệ” và trong nhóm chức năng “phụ gia ủ chua”,tùy thuộc vào điều kiện nhất định.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					14021 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định (EU) số 84/2014.	
242	G/SPS/N/EU/819	CNTY	Liên minh châu Âu	06/3/2025	Quy định (EU) 2025/151 ngày 29/01/2025 về việc gia hạn giấy phép chế phẩm <i>Levilactobacillus brevis</i> DSM 21982 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định (EU) số 838/2012	Chế phẩm <i>Levilactobacillus brevis</i> DSM 21982 ban đầu được cấp phép trong 10 năm làm chất phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, thuộc danh mục "phụ gia công nghệ" và nhóm chức năng "phụ gia ủ chua". Sau khi Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu kiểm tra và đánh giá, chế phẩm đã được gia hạn, kèm theo một số điều kiện: bao gồm giai đoạn chuyển tiếp để các bên liên quan áp dụng yêu cầu cấp phép mới.
243	G/SPS/N/EU/818	CNTY	Liên minh châu Âu	06/3/2025	Quy định (EU) số 2025/272 của Ủy ban ngày 12/02/2025 liên quan đến việc gia hạn giấy phép sử dụng L-cystine làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định thực hiện (EU) số 1006/2013	L-cystine được cấp phép làm chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật thuộc danh mục "phụ gia dinh dưỡng" và trong nhóm chức năng "axit amin, muối của chúng và các chất tương tự", tùy thuộc vào điều kiện nhất định.
244	G/SPS/N/USA/3508	ATTP, TTBVTV	Hoa Kỳ	05/3/2025	Dung sai thuốc trừ sâu cyprodinil	Dự thảo thiết lập mức dung sai đối với dư lượng cyprodinil trong hoặc trên quả nam việt quất mức (0,4 ppm)
245	G/SPS/N/USA/3507	ATTP, TTBVTV	Hoa Kỳ	05/3/2025	Dung sai thuốc trừ sâu Fludioxonil	Dự thảo thiết lập mức dung sai đối với dư lượng fludioxonil trong hoặc trên quả nam việt quất (0,04 ppm)
246	G/SPS/N/GBR/85	ATTP, TTBVTV, CNTY	Vương quốc Anh	05/3/2025	Đề xuất sửa đổi giới hạn mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất haloxyfop-P trên các nhóm thực phẩm	Vương quốc Anh đề xuất sửa đổi giới hạn mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hoạt chất haloxyfop-P đối với các nhóm thực phẩm, cụ thể như sau: - Điều chỉnh MRLs tăng: Nhóm quả có múi (bưởi, cam, chanh, quýt), táo, mơ, đào, mận, nho, hồng xiêm, chuối, đậu (có vỏ), Đậu Hà Lan (có vỏ), đậu nành.v.v.; - Điều chỉnh MRLs giảm: Cà rốt, rễ mùi tây, họ, hạt hướng dương, sản phẩm có nguồn gốc động vật.v.v.; - Các sản phẩm không liệt kê trong dự thảo sẽ được áp dụng giá trị mặc định mức 0,01 ppm.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						(Chi tiết dự thảo mức MRLs tại Tiểu mục II kèm theo) - Ngày dự kiến ban hành: 20/6/2025; - Ngày dự kiến quy định có hiệu lực: 19/12/2025.
247	G/SPS/N/EU/817	CNTY	Liên minh châu Âu	05/3/2025	Quy định (EU) 2025/359 ngày 21/02/2025 về việc cấp phép chế phẩm <i>Lactococcus lactis</i> DSM 34262 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Quy định (EU) 2025/359 cho phép chế phẩm <i>Lactococcus lactis</i> DSM 34262 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, thuộc nhóm "phụ gia công nghệ" và nhóm chức năng "phụ gia ủ chua".
248	G/SPS/N/EU/816	CNTY	Liên minh châu Âu	05/3/2025	Quy định (EU) 2025/277 ngày 12/02/2025 về việc cấp phép chế phẩm <i>Loigolactobacillus coryniformis</i> DSM 34345 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Quy định (EU) 2025/277 cho phép chế phẩm <i>Loigolactobacillus coryniformis</i> DSM 34345 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, thuộc nhóm 'phụ gia công nghệ' và nhóm chức năng 'phụ gia ủ chua'.
249	G/SPS/N/EU/815	TTBVT	Liên minh châu Âu	05/3/2025	Dự thảo Quy định về các biện pháp tạm thời nhằm ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong lãnh thổ Liên minh châu Âu vi khuẩn <i>Curtobacterium flaccumfaciens</i> pv. <i>flaccumfaciens</i> (Hedges) Collins và Jones, và sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072.	Dự thảo quy định các biện pháp nhập khẩu mới đối với hàng hóa là vật chủ của sinh vật kiểm dịch <i>Curtobacterium flaccumfaciens</i> pv. <i>flaccumfaciens</i> của Liên minh châu Âu và các yêu cầu về khảo sát trong lãnh thổ EU.
250	G/SPS/N/EU/814	CNTY	Liên minh châu Âu	05/3/2025	Quy định (EU) 2025/160 ngày 29/01/2025 về việc cấp phép L-threonine được sản xuất bằng <i>Escherichia coli</i> CGMCC 7.455 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Quy định (EU) 2025/160 cho phép L-threonine được sản xuất bằng <i>Escherichia coli</i> CGMCC 7.455 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, thuộc nhóm 'phụ gia dinh dưỡng' và nhóm chức năng 'axit amin, muối của chúng và các chất tương tự'.
251	G/SPS/N/EU/813	CNTY	Liên minh châu Âu	05/3/2025	Quy định (EU) 2025/143 ngày 29/01/2025 về việc cấp phép L-	Quy định (EU) 2025/143 cho phép L-isoleucine được sản xuất bằng <i>Corynebacterium glutamicum</i> CGMCC 20437 làm phụ

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					isoleucine được sản xuất bằng <i>Corynebacterium glutamicum</i> CGMCC 20437 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, thuộc nhóm "phụ gia dinh dưỡng" và trong nhóm chức năng "axit amin, muối của chúng và các chất tương tự".
252	G/SPS/N/EU/812	CNTY	Liên minh châu Âu	05/3/2025	Quy định (EU) 2025/188 ngày 31/01/2025 về việc cấp phép L-tryptophan được sản xuất bằng <i>Escherichia coli</i> CGMCC 7.460 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Quy định (EU) 2025/188 cho phép L-tryptophan được sản xuất bằng <i>Escherichia coli</i> CGMCC 7.460 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, thuộc nhóm 'phụ gia dinh dưỡng' và nhóm chức năng 'axit amin, muối của chúng và các chất tương tự'.
253	G/SPS/N/EU/811	CNTY	Liên minh châu Âu	05/3/2025	Quy định (EU) 2025/183 ngày 31/01/2025 sửa đổi Quy định (EU) 2017/53 liên quan đến hàm lượng tối đa được khuyến nghị của hoạt chất phụ gia thức ăn chăn nuôi bao gồm axit nonanoic cho một số loài lợn và gia cầm	Các hoạt chất có trong Đạo luật đã được Quy định (EU) 2017/53 cho phép làm phụ gia thức ăn cho một số loại lợn và gia cầm trong thời hạn 10 năm, tính đến ngày 06/02/2027. Quy định (EU) 2025/183 sửa đổi các điều khoản hiện tại bằng cách tăng mức hàm lượng tối đa của phụ gia thức ăn bao gồm axit nonanoic từ 5 lên 100 mg/kg, dành cho tất cả các loài gia cầm vỗ béo, hoặc được nuôi lấy giống, tất cả các lợn vỗ béo và lợn con đang bú và cai sữa của tất cả các loài lợn thuộc họ <i>Suidae</i> .
254	G/SPS/N/MYS/64	CNTY	Malaysia	04/3/2025	Sửa đổi Phụ lục Quy định về Thức ăn chăn nuôi (Danh mục kháng sinh, hormone và các hóa chất bị cấm) năm 2023 theo Đạo luật Thức ăn chăn nuôi năm 2009	Danh mục kháng sinh bị cấm sử dụng làm chất kích thích tăng trưởng và phòng bệnh trong chăn nuôi tại Malaysia theo Đạo luật Thức ăn chăn nuôi năm 2009, các kháng sinh bị cấm bao gồm: Chlortetracycline, Oxytetracycline, Amoxicillin, Ampicillin, Neomycin, Cefalexin, Benzylpenicillin, Florfenicol, Norfloxacin, Tilmicosin, Tylvalosin, Spectinomycin, Sulfamonomethoxine, Sulfadiazine, Lincomycin, Enramycin, Bacitracin Methylene Disalicylate (BMD), Apramycin, Tiamulin, Zn Bacitracin, Trimethoprim và Virginiamycin.
255	G/SPS/N/USA/3498 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Vương quốc Anh	28/02/2025	Đề xuất đổi thu hồi dung sai đối với chlorpyrifos	Để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, EPA sẽ mở lại thời gian nhận ý kiến thêm 30 ngày để các bên liên quan có thêm

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						thời gian xem xét tài liệu và chuẩn bị ý kiến trước ngày 24/3/2025.		
256	G/SPS/N/URY/96	ATTP, CNTY	Uruguay	28/02/2025	Dự thảo Nghị quyết số 04/24 - Sửa đổi Nghị quyết GMC số 63/18 – Tiêu chuẩn kỹ thuật MERCOSUR về việc sử dụng phụ gia và giới hạn tối đa đối với nhóm thực phẩm: Nhóm 8 - Thịt và các sản phẩm từ thịt	Dự thảo Nghị quyết đề xuất đưa axit axetic (INS 260) vào danh mục thực phẩm có tính axit, với nồng độ 2g/100g và ghi chú "chỉ dùng để xử lý vỏ xúc xích tự nhiên" đối với danh mục thực phẩm 8: Thịt và các sản phẩm từ thịt, các tiểu danh mục 8.2.1.2 Xúc xích hun khói và 8.2.1.3 Xúc xích nấu chín, được quản lý theo Nghị quyết số 63/18 của GMC		
257	G/SPS/N/URY/95	ATTP, BCT	Uruguay	28/02/2025	Dự thảo Nghị quyết số 06/24 - Quy định Kỹ thuật MERCOSUR về việc sử dụng phosphat trong món tráng miệng từ sữa.	Tài liệu được đưa ra lấy ý kiến việc sử dụng 29 loại phosphat khác nhau cùng với giới hạn nồng độ tối đa 0,15g/100g, đóng vai trò là phụ gia có chức năng ổn định trong các món tráng miệng từ sữa.		
258	G/SPS/N/URY/94	ATTP, BCT, TTBBTV	Uruguay	28/02/2025	Dự thảo Nghị quyết số 05/24 - Sửa đổi Nghị quyết GMC số 25/02 - Quy chuẩn kỹ thuật MERCOSUR về giới hạn tối đa cho phép của Aflatoxin trong sữa, đậu phộng và ngô	Dự thảo đề xuất thay thế mục 3 của Phụ lục Nghị quyết GMC số 25/02 GMC, sửa đổi giới hạn tối đa áp dụng đối với aflatoxin trong đậu phộng và ngô, dựa trên việc xem xét lại các ngưỡng này trong phạm vi Codex Alimentarius.		
						Thực phẩm	aflatoxin	Giới hạn tối đa
						Sữa tươi	M1	0,5 µg/L
						Sữa bột	M1	5,0 µg/L
						Ngô hạt (nguyên hạt, vỡ, nghiền, bóc vỏ) dùng để chế biến tiếp	B1+B2+G1+G2	15,0 µg/L
						Bột ngô	B1+B2+G1+G2	10,0 µg/L
						Đậu phộng (bao gồm đậu phộng dùng để chế biến tiếp)	B1+B2+G1+G2	15,0 µg/L
259	G/SPS/N/URY/93	ATTP, BCT	Uruguay	28/02/2025	Dự thảo Nghị quyết số 03/23 Sửa đổi lần 1 - Sửa đổi Nghị quyết	Dự thảo đề xuất bổ sung beta-carotene từ <i>Blakeslea trispora</i> , INS 160a(iii), có chức năng tạo màu và quy định giới hạn nồng		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					GMC số 53/98, 54/98, 07/06 và 08/06 GMC về Phụ gia thực phẩm	độ tối đa nhất định, như một chất phụ gia thực phẩm cho các loại thực phẩm sau: Nhóm 3. Kem ăn được Nhóm 5. Bánh kẹo (Kẹo cứng, Kẹo dẻo, viên ngậm, Kẹo cao su, kẹo Nougat, Ca cao và các sản phẩm có chứa ca cao, Sôcôla, Praline, lớp phủ và các sản phẩm tương tự khác) Nhóm 13. Nước sốt và gia vị Nhóm 19. Món tráng miệng. Việc phân bổ các chất phụ gia và nồng độ tối đa của chúng cho các loại thực phẩm này được quy định trong các Nghị quyết GMC số 53/98, 54/98, 07/06 và 08/06.
260	G/SPS/N/UGA/433	CNTY	Uganda	28/02/2025	DUS DARS 1356:2025, Phân loại gia súc— Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu về phân loại gia súc sống dựa trên tình trạng cơ thể, cấu trúc, cân nặng, độ tuổi và giới tính để buôn bán thịt.
261	G/SPS/N/UGA/432	CNTY	Uganda	28/02/2025	DUS DARS 1858:2025, Phúc lợi động vật trong trang trại — Gà đẻ trứng, ấn bản đầu tiên	Bản dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu đối với gà đẻ trứng bao gồm gà mái nuôi để sản xuất trứng thương mại phục vụ nhu cầu tiêu dùng của con người và gà mái tơ từ khi nở cho đến khi trưởng thành. Tiêu chuẩn này đề cập đến các khía cạnh phúc lợi của gà mái đẻ thương mại, bao gồm hệ thống nuôi nhốt và không nuôi nhốt trong lồng, cũng như hệ thống trong nhà và ngoài trời.
262	G/SPS/N/UGA/431	CNTY	Uganda	28/02/2025	DUS DARS 1853:2025, Bộ quy tắc thực hành về xử lý và chăm sóc bò sữa - Ấn bản đầu tiên	Dự thảo của Uganda quy định các biện pháp thực hành tốt nhất được khuyến nghị trong chăn nuôi, chăm sóc và xử lý bò sữa để đảm bảo an toàn, chất lượng, tính phù hợp của sữa và các sản phẩm từ sữa Sữa phải được sản xuất từ động vật khỏe mạnh bằng cách áp dụng các biện pháp quản lý bền vững theo góc độ phúc lợi động vật, xã hội, kinh tế và môi trường để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại. Để đạt được mục tiêu này, cần áp dụng các biện pháp thực hành tốt trong các lĩnh vực: sức khỏe động vật, dinh dưỡng (thức ăn

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																		
						và nước), phúc lợi động vật, môi trường, vệ sinh khi vắt sữa và quản lý kinh tế xã hội.																		
263	G/SPS/N/UGA/429	CNTY	Uganda	28/02/2025	DUS DARS 1845:2025, Phân loại dê — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu về phân loại dê dựa trên tình trạng cơ thể, cấu trúc, cân nặng, độ tuổi và giới tính để buôn bán thịt.																		
264	G/SPS/N/UGA/428	CNTY	Uganda	28/02/2025	DUS DARS 1846:2025, Phân loại cừu — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Bản thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu về phân loại cừu dựa trên tình trạng cơ thể, cấu trúc, cân nặng, độ tuổi và giới tính để buôn bán thịt.																		
265	G/SPS/N/EU/810	CNTY, TTBVTV, CLCB	Liên minh Châu Âu	28/02/2025	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) số 2016/1141 cập nhật danh sách các loài ngoại lai xâm lấn đáng quan ngại của Liên minh châu Âu	Dự thảo quy định là một văn bản luật mới nhằm cập nhật danh sách các loài ngoại lai xâm lấn gây quan ngại cho Liên minh châu Âu, theo quy định (EU) số 1143/2014 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về việc ngăn chặn và kiểm soát sự xâm nhập, lây lan của các loài này. Danh sách ban đầu được thiết lập theo Quy định (EU) số 2016/1141 của Ủy ban châu Âu và đã được cập nhật qua các quy định thi hành vào các năm 2017, 2019 và 2022. Dự thảo quy định lần này bổ sung thêm một số loài vào danh sách trên. <table><tr><th>Loài</th><th>Mã phân loại đối với mẫu vật sống</th><th>Mã phân loại với các bộ phận được sản xuất từ vật chủ</th></tr><tr><td><i>Acacia mearnsii</i></td><td>ex 0602 90 48</td><td>ex 1209 99 99 (hạt giống)</td></tr><tr><td><i>Acridotheres cristatellus</i></td><td>ex 0106 39 80</td><td>ex 0407 19 90 (trứng đã được thụ tinh để ấp)</td></tr><tr><td><i>Asterias amurensis</i></td><td>ex 0308 90 10</td><td>-</td></tr><tr><td><i>Bipalium kewense</i></td><td>ex 0106 90 00</td><td>-</td></tr><tr><td><i>Brachyponera chinensis</i></td><td>ex 0106 49 00</td><td>-</td></tr></table>	Loài	Mã phân loại đối với mẫu vật sống	Mã phân loại với các bộ phận được sản xuất từ vật chủ	<i>Acacia mearnsii</i>	ex 0602 90 48	ex 1209 99 99 (hạt giống)	<i>Acridotheres cristatellus</i>	ex 0106 39 80	ex 0407 19 90 (trứng đã được thụ tinh để ấp)	<i>Asterias amurensis</i>	ex 0308 90 10	-	<i>Bipalium kewense</i>	ex 0106 90 00	-	<i>Brachyponera chinensis</i>	ex 0106 49 00	-
Loài	Mã phân loại đối với mẫu vật sống	Mã phân loại với các bộ phận được sản xuất từ vật chủ																						
<i>Acacia mearnsii</i>	ex 0602 90 48	ex 1209 99 99 (hạt giống)																						
<i>Acridotheres cristatellus</i>	ex 0106 39 80	ex 0407 19 90 (trứng đã được thụ tinh để ấp)																						
<i>Asterias amurensis</i>	ex 0308 90 10	-																						
<i>Bipalium kewense</i>	ex 0106 90 00	-																						
<i>Brachyponera chinensis</i>	ex 0106 49 00	-																						

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						<i>Broussonetia papyrifera</i> (L.)	ex 0602 90 48	ex 1209 99 99 (hạt giống)
						<i>Castor canadensis</i>	ex 0106 19 00	-
						<i>Cervus nippon</i>	ex 0106 19 00	-
						<i>Cherax destructor</i>	ex 0306 39 10	-
						<i>Cipangopaludina chinensis</i>	ex 0307 91 00	-
						<i>Crassula helmsii</i>	ex 0602 90 50	ex 1209 99 99 (hạt giống)
						<i>Delairea odorata</i> Lem.	ex 0602 90 50	ex 1209 99 99 (hạt giống)
						<i>Faxonius immunis</i>	ex 0306 39 10	-
						<i>Marisa cornuarietis</i>	ex 0307 91 00	-
						<i>Misgurnus anguillicaudatus</i>	ex 0301 99 17	ex 0407 19 90 (trứng cá có thể nở)
						<i>Misgurnus bipartitus</i>	ex 0301 99 17	ex 0407 19 90 (trứng cá có thể nở)
						<i>Mulinia lateralis</i>	ex 0307 91 00	-
						<i>Nanozosterajaponica</i>	ex 1212 29 00	-
						<i>Neogalevison</i>	ex 0106 19 00	-
						<i>Obama nungara</i>	ex 0106 90 00	-
						<i>Platydemus manokwari</i>	ex 0106 90 00	-
						<i>Pycnonotus jocosus</i>	ex 0106 39 80	ex 0407 19 90 (trứng đã được thụ tinh để ấp)
						<i>Reynoutria japonica</i>	ex 0602 90 50	ex 1209 99 99 (hạt giống)

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						<i>Reynoutriasachalinensis</i>	ex 0602 90 50	ex 1209 99 99 (hạt giống)
						<i>Reynoutria×bohemica</i>	ex 0602 90 50	ex 1209 99 99 (hạt giống)
						<i>Vespa mandarinia</i>	ex 0106 49 00	-
266	G/SPS/N/CAN/1590	ATTP, TTBVTV	Canada	28/02/2025	Đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa đối với pendimethalin (PMRL2025-05)	Thông báo PMRL2025-05 đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của Cơ quan quản lý dịch hại (PMRA) của Bộ Y tế Canada đối với pendimethalin.		
						MRL (ppm)	Hàng hoá thô hoặc đã qua chế biến	
						0,1	Hoa hướng dương (nhóm cây trồng phụ 20B)	
						1 ppm = 1 phần triệu		
267	G/SPS/N/CAN/1589	ATTP, TTBVTV	Canada	28/02/2025	Đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa đối với ethalfluralin (PMRL2025-04)	Thông báo PMRL2025-04 đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của Cơ quan quản lý dịch hại (PMRA) của Bộ Y tế Canada đối với đối với ethalfluralin.		
						MRL (ppm)	Hàng hoá thô hoặc đã qua chế biến	
						0,15	Rễ cây cần tây	
						1 ppm = 1 phần triệu		
268	G/SPS/N/JPN/1325	ATTP	Nhật Bản	26/02/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật cho nước khoáng tiệt trùng hoặc lọc tiệt trùng	Nhật Bản sẽ sửa đổi thông số kỹ thuật về thành phần của nước khoáng.		
						Tên chất	Giới hạn tối đa (hiện tại)	Giới hạn tối đa (dự thảo)
						- Perfluorooctane sulfonat (PFOS) - Axit perfluorooctanoic (PFOA)	Chưa được thiết lập	0,00005 mg/l
269	G/SPS/N/IDN/155	ATTP, TTBVTV,	Indonesia	25/02/2025	Quy định của Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Indonesia số 19 năm 2024 về Kiểm soát	Quy định sửa đổi, bổ sung của Quy định số 6 năm 2018 của FDA Indonesia về kiểm soát các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen sẽ thay thế quy định cũ ngay khi có hiệu lực. Quy định sửa		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
		CNTY, CLCB			Sản phẩm Thực phẩm Biến đổi gen	đổi, bổ sung nêu rõ các điều khoản chung, yêu cầu và tiêu chí phê duyệt an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen, dán nhãn thực phẩm biến đổi gen, kiểm soát an toàn thực phẩm, quản lý các tác động tiêu cực tiềm ẩn của các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen đối với sức khỏe con người kèm phụ lục quy định các hướng dẫn để tiến hành đánh giá an toàn thực phẩm biến đổi gen. Nội dung sửa đổi bao gồm: - Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen có yếu tố đơn lẻ; - Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm biến đổi gen có đưa nhiều gen vào trong quá trình chuyển đổi hoặc thông qua lai tạo nhiều gen - Hướng dẫn đánh giá an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm tinh chế cao được sản xuất bởi các vi sinh vật biến đổi gen.
270	G/SPS/N/CAN/1588	ATTP	Canada	25/02/2025	Sửa đổi Danh mục các loại Enzym thực phẩm được phép sử dụng lipase từ nguồn mới	Ban Thực phẩm và Dinh dưỡng của Bộ Y tế Canada đã hoàn tất các đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với một đơn xin cấp phép sử dụng lipase từ <i>Komagataella phaffii</i> LALL-LI2 trong bánh mì, bột mì trắng, bột mì nguyên cám và các sản phẩm bánh mì chưa chuẩn hóa. Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường thể hiện tính an toàn của lipase từ <i>K. phaffii</i> LALL-LI2 cho mục đích sử dụng. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng như đã mô tả trong tài liệu được tham chiếu bằng việc sửa đổi Danh sách các loại enzyme thực phẩm được phép, Quy định có hiệu lực từ ngày 18/2/2025.
271	G/SPS/N/CAN/1587	ATTP, BCT	Canada	25/02/2025	Đề xuất chuyển mức tối đa cho etyl carbamat trong đồ uống có cồn vào danh mục các chất gây ô nhiễm và các chất pha trộn khác trong thực phẩm	Bộ Y tế Canada đang đề xuất mức tối đa cho etyl carbamate trong đồ uống có cồn từ danh sách hành chính về mức tối đa cho chất gây ô nhiễm hóa học trong thực phẩm sang Phần 2 của Danh sách quản lý về chất gây ô nhiễm và các chất pha trộn khác trong thực phẩm, duy trì giá trị hiện tại của mức tối đa nhưng sửa đổi một số danh mục sản phẩm để phản ánh tốt

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						hơn thị trường đồ uống có cồn. Đánh giá về quản lý rủi ro đối với etyl carbamate được công bố vào tháng 5/2022 đã xác nhận rằng mức tối đa cho etyl carbamate trong đồ uống có cồn hiện có trong danh sách mức tối đa cho nhiều loại chất gây ô nhiễm hóa học vẫn có tác dụng bảo vệ sức khỏe. Kết quả phân tích cho thấy rằng đối với phần lớn các loại đồ uống có cồn được xem xét, nồng độ ethyl carbamate đạt yêu cầu (tức là thấp hơn) mức tối đa áp dụng của chúng.
272	G/SPS/N/BRA/2380	ATTP	Bra-xin	25/02/2025	Dự thảo Nghị quyết 1310, ngày 14/02/2025	Dự thảo nghị quyết đề xuất cập nhật các thành phần hoạt chất trong Danh mục chuyên khảo về thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn số 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Braxin bao gồm: A14 - Atrazine, A66 - Axit Indolacetic, B26 - Bifenthrin, C03 - Carbaryl, C35 - Clomazone, C40 - Chlorfenapyr, C70 - Chlorantraniliprole, C88 - Cyclobutirfluram, D21 - Diquate, E25 - Spirodiclofen, F28 - Fenprothrin, F36 - Flutriafol, F37 - Fenpyroximate, F42 - Fluroxypir Meptylic, F46 - Flumioxazine, I12 - Imazapyr, I18 - Isoxaflutol, M02 - Mancozeb, M17 - Methomil, M32 - Methoxyphenozide, M40 - Mesotrione, M45 - Mandipropamide, N08 - Nicosulfurom, O21 - Oxathiapiprolin, P13 - Profenophos, P61 - Pyroxasulfone, P65 - Pidiflumetophem, S09 - Sulfentrazone T71 - Methylic tiencarbazone
273	G/SPS/N/BRA/2379	CNTY	Bra-xin	25/02/2025	Nghị định MAPA số 771 ngày 11/02/2025	Bổ sung vào khuôn khổ pháp lý của Bra-xin tiêu chí chung của các quốc gia thành viên MERCOSUR để đánh giá và công nhận tình trạng vệ sinh của các quốc gia xuất khẩu, được phê duyệt theo MERCOSUR/GMC/RES số 05/24.
274	G/SPS/N/EU/809	TTBVT, ATTP, CNTY	Liên minh châu Âu	20/02/2025	Sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng đối với mức dư lượng tối đa của	Sửa đổi điều chỉnh mức dư lượng tối đa (MRL) đối với fluxapyroxad trong quả hồng Nhật bản, nấm trồng, lambda-cyhalothrin trong quả bơ, gia cầm (cơ, mỡ, gan, thận) và trứng

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																							
					fluxapyroxad, lambda-cyhalothrin, metalaxyl và nicotine trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	chim, metalaxyl trong nhân sâm và dứa, và nicotine trong hạt cà phê, cụ thể: <table><tr><th>Hoạt chất</th><th>Sản phẩm</th><th>Mức dư lượng tối đa (mg/kg)</th></tr><tr><td rowspan="2">fluxapyroxad</td><td>Quả hồng</td><td>0,2</td></tr><tr><td>Nấm nuôi trồng</td><td>0,3</td></tr><tr><td rowspan="3">lambda-cyhalothrin</td><td>Quả bơ</td><td>0,15</td></tr><tr><td>Nhóm thực phẩm có nguồn gốc từ gia cầm (cơ, mỡ, gan, thận)</td><td>0,03</td></tr><tr><td>Trứng gia cầm</td><td>0,02 (+)</td></tr><tr><td rowspan="2">metalaxyl</td><td>Dứa</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Sâm</td><td>0,06</td></tr><tr><td>nicotine</td><td>Hạt cà phê</td><td>0,05</td></tr></table> Chi tiết dự thảo xem tại địa chỉ: https://members.wto.org/crattachments/2025/SPS/EEC/25_01541_00_e.pdf	Hoạt chất	Sản phẩm	Mức dư lượng tối đa (mg/kg)	fluxapyroxad	Quả hồng	0,2	Nấm nuôi trồng	0,3	lambda-cyhalothrin	Quả bơ	0,15	Nhóm thực phẩm có nguồn gốc từ gia cầm (cơ, mỡ, gan, thận)	0,03	Trứng gia cầm	0,02 (+)	metalaxyl	Dứa	0,1	Sâm	0,06	nicotine	Hạt cà phê	0,05
Hoạt chất	Sản phẩm	Mức dư lượng tối đa (mg/kg)																											
fluxapyroxad	Quả hồng	0,2																											
	Nấm nuôi trồng	0,3																											
lambda-cyhalothrin	Quả bơ	0,15																											
	Nhóm thực phẩm có nguồn gốc từ gia cầm (cơ, mỡ, gan, thận)	0,03																											
	Trứng gia cầm	0,02 (+)																											
metalaxyl	Dứa	0,1																											
	Sâm	0,06																											
nicotine	Hạt cà phê	0,05																											
275	G/SPS/N/TZA/429	CNTY	Tanzania	18/02/2025	DARS 1837:2024, Hỗn hợp thức ăn gia cầm — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hỗn hợp thức ăn gia cầm (hỗn hợp vitamin và khoáng vi lượng). Tiêu chuẩn áp dụng cho các loài gia cầm cụ thể như sau: gà, gà tây, vịt, ngỗng, chim cút và đà điểu.																							
276	G/SPS/N/TZA/428	CNTY	Tanzania	18/02/2025	DARS 1836:2024, Thức ăn gia cầm — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn chăn nuôi cho gia cầm. Tiêu chuẩn áp dụng cho thức ăn chăn nuôi dùng cho các loại gia cầm sau: Gà, gà tây, ngỗng, vịt, đà điểu, gà lôi, chim cút.																							
277	G/SPS/N/TZA/427	CNTY	Tanzania	18/02/2025	DARS 1833: 2024, Thức ăn hỗn hợp cho lợn — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho lợn.																							

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
278	G/SPS/N/TZA/426	CNTY	Tanzania	18/02/2025	DARS 1831:2024, Thức ăn cho thỏ — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn cho thỏ.
279	G/SPS/N/TZA/425	CNTY	Tanzania	18/02/2025	DARS 1832: 2024, Thức ăn hỗn hợp cho ngựa — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo tiêu chuẩn Châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thức ăn hỗn hợp cho ngựa.
280	G/SPS/N/BRA/2378	TTBVTV	Bra-xin	18/02/2025	Thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống họ <i>Exacum</i> spp.	Dự thảo quy định về việc thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống họ <i>Exacum</i> spp. vào Braxin.
281	G/SPS/N/BRA/2377	TTBVTV	Bra-xin	18/02/2025	Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống và cây giống trong ống nghiệm (in vitro) của <i>Fragaria</i> spp.	Dự thảo quy định về việc thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống và cây giống trong ống nghiệm (in vitro) của họ <i>Fragaria</i> spp. vào Braxin.
282	G/SPS/N/GBR/84	ATTP, TTBVTV, CNTY	Vương quốc Anh	17/02/2025	Cập nhật, thay đổi Quy định về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi năm 2025.	Cơ quan An toàn Thực phẩm Vương quốc Anh thông báo về dự kiến ban hành luật mới với các thay đổi sau: - Bỏ yêu cầu gia hạn định kỳ đối với giấy phép sử dụng thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi có chứa hoặc bao gồm sinh vật biến đổi gen (GMO). - Thông qua giấy phép có hiệu lực sau khi có quyết định của Bộ trưởng tại Anh, Wales và Scotland, sau đó được công bố trên sổ đăng ký hoặc danh sách chính thức do Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm (FSA) và Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Scotland (FSS), thay vì ban hành thông qua văn bản pháp lý riêng. Những thay đổi này áp dụng cho các quy định liên quan đến sản phẩm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi được quản lý, bao gồm: - Phụ gia thức ăn chăn nuôi - Phụ gia thực phẩm, enzyme và hương liệu - Vật liệu tiếp xúc với thực phẩm (FCMs)

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						- Thực phẩm, thức ăn chăn nuôi có chứa hoặc sản xuất từ sản phẩm biến đổi gen (GMO) - Thực phẩm mới (novel foods) - Hương liệu hun khói.
283	G/SPS/N/GBR/83	CNTY	Vương quốc Anh	17/02/2025	Việc áp dụng các biện pháp kiểm soát nhập khẩu dựa trên rủi ro đối với lông và len được sản xuất từ các loài động vật (ngoại trừ loài thuộc họ lợn) do nguy cơ lây nhiễm các bệnh có thể lây truyền qua lông và len chưa qua xử lý.	Tất cả các lô hàng chứa lông và len chưa qua xử lý từ động vật (ngoại trừ loài thuộc họ lợn) sẽ được phân loại là có rủi ro trung bình theo quy định BTOM (Mô hình kiểm soát biên giới). Theo đó, tất cả các lô hàng này sẽ phải trải qua kiểm tra định kỳ tại biên giới đối với hàng hóa có rủi ro trung bình. Tuy nhiên, sẽ không có yêu cầu mới về hồ sơ nhập khẩu. Các lô hàng vẫn cần có hồ sơ thương mại hoặc bản khai của nhà nhập khẩu theo quy định nhập khẩu được quy định trong Quy định (EU) 142/2011. Ngoài ra, lô hàng vẫn phải được thông báo trước trên hệ thống IPAFFS. Lưu ý rằng lông của loài thuộc họ lợn đã được phân loại là có rủi ro trung bình theo BTOM từ trước, và các yêu cầu nhập khẩu đối với các sản phẩm liên quan vẫn tiếp tục được áp dụng như hiện tại.
284	G/SPS/N/UKR/214/Rev.1	BCT, ATTP	Ucraina	13/02/2025	Dự thảo Luật của Ukraine "Về việc đưa ra thị trường và sử dụng các sản phẩm diệt khuẩn"	Dự thảo Luật nhằm mục đích điều chỉnh việc phê duyệt các hoạt chất của các sản phẩm diệt khuẩn, đăng ký quốc gia, quy trình sản xuất, đưa ra thị trường, lưu thông và sử dụng an toàn các sản phẩm diệt khuẩn và các sản phẩm đã qua xử lý nhằm bảo vệ sức khỏe con người, động vật, và môi trường. Đồng thời, dự thảo cũng xác định các quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan và cá nhân cùng với thẩm quyền liên quan. Dự thảo Luật này được xây dựng theo Quy định (EU) số 528/2012 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 22/5/2012 liên quan đến việc đưa ra thị trường và sử dụng các sản phẩm diệt khuẩn.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
285	G/SPS/N/UGA/424	BCT	Uganda	13/02/2025	DUS DARS 841:2024, Bột hỗn hợp — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột hỗn hợp dành cho mục đích tiêu dùng của con người.
286	G/SPS/N/UGA/423	BCT	Uganda	13/02/2025	DUS DARS 840:2024, Bột sản chất lượng cao — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột sản chất lượng cao, được chế biến từ củ sắn (<i>Manihot esculenta</i> Crantz), dành cho mục đích tiêu dùng của con người.
287	G/SPS/N/UGA/422	BCT	Uganda	13/02/2025	DUS DARS 839:2024, Sản khô — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sản khô dành cho mục đích tiêu dùng của con người.
288	G/SPS/N/UGA/421	BCT	Uganda	13/02/2025	DUS DARS 838:2024, Bột sản — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột sản, thu được từ quá trình chế biến củ sắn (<i>Manihot esculenta</i> Crantz) dành cho mục đích tiêu dùng của con người.
289	G/SPS/N/UGA/420	TTBVT	Uganda	13/02/2025	DUS DARS 837:2024, Lá sản tươi — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với lá sản tươi (<i>Manihot esculenta</i> Crantz), dành cho mục đích tiêu dùng của con người.
290	G/SPS/N/UGA/419	TTBVT	Uganda	13/02/2025	DUS DARS 836:2024, Sản đắng tươi — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các giống sản đắng tươi thuộc loài <i>Manihot esculenta</i> Crantz, thuộc họ <i>Euphorbiaceae</i> , dùng làm thực phẩm cho con người. Tiêu chuẩn này không dụng cho củ sản dùng trong chế biến công nghiệp.
291	G/SPS/N/UGA/418	TTBVT	Uganda	13/02/2025	DUS DARS 835:2024, Sản ngọt tươi — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các giống sản ngọt tươi thuộc loài <i>Manihot esculenta</i> Crantz, thuộc họ <i>Euphorbiaceae</i> dùng làm thực phẩm cho con người. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho sản được sử dụng trong chế biến công nghiệp.
292	G/SPS/N/UGA/417	BCT	Uganda	13/02/2025	DUS DARS 853:2024, Bánh sản — Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên	Bản dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bánh làm từ sản, dành cho mục đích tiêu dùng của con người.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
293	G/SPS/N/NPL/46	TTBVTV	Nepal	13/02/2025	Danh sách sâu bệnh kiểm dịch của Nepal	Trung tâm Kiểm dịch thực vật và Quản lý thuốc Bảo vệ thực vật, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Chăn nuôi Nepal, đã xác định trên 28 loài dịch hại kiểm dịch và sẽ triển khai các biện pháp kiểm dịch thực vật cần thiết nhằm ngăn chặn sự xâm nhập, lây lan và phát triển của các loài dịch hại này. Chi tiết Danh sách các loài dịch hại tại: https://members.wto.org/cnattachments/2025/SPS/NPL/25_01337_00_e.pdf
294	G/SPS/N/UKR/236	TTBVTV, CNTY	Ucraina	12/02/2025	Dự thảo sửa đổi Luật xác định thẩm quyền của Cơ quan hành pháp Trung ương trong quản lý các loài ngoại lai xâm lấn, thực hiện các biện pháp kiểm soát và ngăn chặn sự lây lan của chúng	Dự thảo sửa đổi Luật được xây dựng nhằm xác định thẩm quyền của các cơ quan hành pháp trung ương trong việc hoạch định và thực thi chính sách quốc gia về quản lý các loài thực vật, động vật ngoại lai xâm lấn, đồng thời quy định việc sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau. Dự thảo thiết lập khung pháp lý về quản lý loài ngoại lai, bao gồm các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn và hạn chế sự lây lan của chúng; phòng ngừa, khắc phục hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực của loài ngoại lai xâm lấn đối với môi trường, hệ sinh thái địa phương, đa dạng sinh học, nền kinh tế và sức khỏe con người. Ngoài ra, dự thảo còn hướng tới việc thực hiện các nghĩa vụ quốc tế và tăng cường hợp tác với Liên minh châu Âu và các cơ quan chức năng quốc tế trong vấn đề này. Theo dự thảo, các loài ngoại lai xâm lấn được liệt kê trong danh mục chính thức của Ucraina và/hoặc Liên minh châu Âu sẽ chịu sự kiểm soát chặt chẽ về nhập khẩu, xuất khẩu và tái xuất nhằm hạn chế sự di chuyển của chúng trong lãnh thổ Ucraina. Các loài này sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Kiểm dịch Thực vật và Luật Thú y của Ucraina. Việc nhập khẩu (kể cả trung chuyển), xuất khẩu các loài ngoại lai xâm lấn sang Liên minh Châu Âu, cũng như thuần hóa, du nhập, nuôi trồng, thả vào môi trường tự nhiên, duy trì và nhân giống trong các hệ thống mở bị nghiêm cấm.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
295	G/SPS/N/SAU/561	ATTP, BCT, TTBVTV, CLCB	Vương quốc Ả Rập Saudi	12/02/2025	Yêu cầu đối với sản xuất và xử lý thực phẩm đóng hộp có hàm lượng axit thấp và thực phẩm axit thấp đã axit hoá, thực phẩm có hàm lượng axit thấp được chế biến và đóng gói vô trùng	Dự thảo quy định kỹ thuật này nhằm làm rõ các yêu cầu phải tuân thủ trong quá trình sản xuất thực phẩm đóng hộp có hàm lượng axit thấp, thực phẩm axit hoá, thực phẩm có hàm lượng axit thấp được xử lý nhiệt. Quy định này không áp dụng cho các sản phẩm thực phẩm đông lạnh và lạnh, đồ uống có ga, nước, đồ uống có tính axit, thực phẩm có tính axit, mứt, thạch, giấm, các sản phẩm từ sữa lên men, thực phẩm có tính axit chứa một lượng nhỏ thực phẩm axit thấp hoặc thực phẩm có bằng chứng khoa học chứng minh rằng sản phẩm không hỗ trợ sự phát triển của <i>Clostridium botulinum</i>
296	G/SPS/N/ARE/294 /Corr.1, G/SPS/N/BHR/250 /Corr.1, G/SPS/N/KWT/170 /Corr.1, G/SPS/N/OMN/145 /Corr.1, G/SPS/N/QAT/149 /Corr.1, G/SPS/N/SAU/560 /Corr.1, G/SPS/N/YEM/90 /Corr.1	BCT	Các quốc gia Ả Rập	12/02/2025	Yêu cầu đối với sản xuất và xử lý thực phẩm đóng hộp có hàm lượng axit thấp và thực phẩm axit hoá, thực phẩm có hàm lượng axit thấp được chế biến và đóng gói vô trùng	Thu hồi thông báo G/SPS/N/ARE/294, G/SPS/N/BHR/250, G/SPS/N/KWT/170, G/SPS/N/OMN/145, G/SPS/N/QAT/149, G/SPS/N/SAU/560, G/SPS/N/YEM/90, có tiêu đề "Yêu cầu đối với sản xuất và xử lý thực phẩm đóng hộp có hàm lượng axit thấp và thực phẩm axit hoá, thực phẩm có hàm lượng axit thấp được chế biến và đóng gói vô trùng" ngày 10/02/2025
297	G/SPS/N/RUS/306	CNTY	Liên bang Nga	11/02/2025	Công văn của Cơ quan Liên bang Nga về Giám sát thú y và Kiểm dịch thực vật số FS-KS-7/1223 ngày 24/01/2025.	Hạn chế tạm thời đối với việc nhập khẩu vào Liên bang Nga và trung chuyển qua lãnh thổ Nga các loài động vật có nguy cơ nhiễm virus lở mồm long móng, nếu chúng được vận chuyển qua lãnh thổ Đức do sự bùng phát dịch bệnh tại quốc gia này.
298	G/SPS/N/CAN/1586	ATTP, CNTY	Canada	11/02/2025	Đề xuất sửa đổi Danh mục mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL)	Thông báo này là thông báo tiếp theo của G/SPS/N/CAN/597/Add.2, trong đó Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					đối với thuốc thú y trong thực phẩm (MRL đề xuất 2025-1)	hành Quy định "Ủy quyền tiếp thị (MA) đối với mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của thuốc thú y trong thực phẩm" theo mục 30.3(1) và 30.5(1) của Đạo luật Thực phẩm và Dược phẩm. Các đánh giá an toàn nghiêm ngặt đã được tiến hành để đưa ra các MRL này. Việc tuân thủ dư lượng đối với MRL được đề xuất đã được Cơ quan Kiểm tra Thực phẩm Canada (CFIA) theo dõi và xác nhận hoặc sẽ được đưa vào các chương trình giám sát trong tương lai. Chi tiết dự thảo xem tại: https://www.canada.ca/en/health-canada/services/drugs-health-products/veterinary-drugs/maximum-residue-limits-mrls/list-maximum-residue-limits-mrls-veterinary-drugs-foods.html
299	G/SPS/N/KEN/327	BCT	Kenya	10/02/2025	DKS 551: 2025, Nước sốt nhũ tương — Đặc điểm kỹ thuật.	Dự thảo Tiêu chuẩn Kenya đưa ra các yêu cầu và phương pháp kiểm tra đối với nước sốt nhũ tương dùng trực tiếp trong thực phẩm.
300	G/SPS/N/ARE/294, G/SPS/N/BHR/250, G/SPS/N/KWT/170, G/SPS/N/OMN/145, G/SPS/N/QAT/149, G/SPS/N/SAU/560, G/SPS/N/YEM/90	BCT	Các quốc gia Ả Rập	10/02/2025	Quy chuẩn kỹ thuật về sản xuất và xử lý thực phẩm đóng hộp ít axit, thực phẩm ít axit và thực phẩm axit hóa được chế biến và đóng gói vô trùng	Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật làm rõ các yêu cầu cần tuân thủ trong quá trình sản xuất thực phẩm đóng hộp ít axit, thực phẩm axit hóa, thực phẩm ít axit được xử lý nhiệt và thực phẩm axit hóa. Quy định này không áp dụng đối với thực phẩm đông lạnh và thực phẩm bảo quản lạnh, đồ uống có ga, nước uống, đồ uống có tính axit, thực phẩm có tính axit, mứt, thạch, giấm, sản phẩm sữa lên men, thực phẩm có tính axit nhưng chứa một lượng nhỏ thực phẩm ít axit, hoặc thực phẩm đã được chứng minh bằng bằng chứng khoa học rằng chúng không tạo điều kiện cho vi khuẩn <i>Clostridium botulinum</i> phát triển.
301	G/SPS/N/SAU/557 /Corr.1	ATTP	Vương quốc Ả Rập Saudi	05/02/2025	Quy định vệ sinh đối với cơ sở chế biến thực phẩm và nhân viên	Cập nhật tài liệu liên quan đến thông báo G/SPS/N/SAU/557 ban hành ngày 04/02/2025 về Quy định vệ sinh đối với cơ sở thực phẩm và nhân sự

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo					
302	G/SPS/N/MYS/62	ATTP, TTBVTV, CNTY, CLCB, BCT	Malaysia	05/02/2025	Sửa đổi Quy định thực phẩm 1985 [P.U.(A) 437/1985] – PHẦN IIB: Chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu	Bộ Y tế Malaysia thông báo lấy ý kiến cho việc “Thêm nội dung mới đối với Quy định Thực phẩm năm 1985 [P.U.(A) 437/1985] – Phần IIB: Chương trình Đảm bảo an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu”, <i>cụ thể</i>: - Yêu cầu thực phẩm nhập khẩu vào Malaysia phải được sản xuất tại các cơ sở thực hiện áp dụng Chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm được Bộ Y tế Malaysia công nhận. Các chương trình này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn: Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (FSSM), Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP) hoặc Thực hành sản xuất tốt (GMP); - Malaysia có quyền kiểm tra các cơ sở thực phẩm để đảm bảo tuân thủ quy định, việc kiểm tra có thể thông qua sự phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu hoặc cơ sở sản xuất thực phẩm ở nước ngoài; - Nhà nhập khẩu có trách nhiệm cung cấp hoặc lưu trữ hồ sơ chứng minh cơ sở sản xuất tuân thủ một chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm được công nhận. Nếu vi phạm quy định trên có thể bị áp dụng các biện pháp xử lý hoặc từ chối nhập khẩu thực phẩm; - Yêu cầu này phù hợp với Quy định vệ sinh thực phẩm Malaysia năm 2009, trong đó quy định các nhà sản xuất trong nước phải cung cấp và triển khai các chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm tại các cơ sở thực phẩm.					
303	G/SPS/N/CAN/1585	ATTP, CNTY	Canada	05/02/2025	Mức giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Lambda-cyhalothrin (PMRL2025-03)	Thông báo PMRL2025-03 đối với lambda-cyhalothrin tham khảo ý kiến về việc đề xuất thu hồi MRL đối với táo và đào, cũng như đề xuất MRL mới đối với một số mặt hàng chăn nuôi như đã xác định <table><tr><td rowspan="2">Lambda-cyhalothrin</td><td>MRL đề xuất (ppm)</td><td>Sản phẩm</td></tr><tr><td>0,03</td><td>Mỡ của dê, lợn, ngựa và cừu</td></tr></table>	Lambda-cyhalothrin	MRL đề xuất (ppm)	Sản phẩm	0,03	Mỡ của dê, lợn, ngựa và cừu
Lambda-cyhalothrin	MRL đề xuất (ppm)	Sản phẩm									
	0,03	Mỡ của dê, lợn, ngựa và cừu									

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
							0,01	Trứng; thịt và các sản phẩm phụ từ thịt của dê, lợn, ngựa và cừu; mỡ, thịt và các sản phẩm phụ từ thịt của gia cầm; sữa
						¹ ppm= một phần triệu		
304	G/SPS/N/THA/786	ATTP	Thái Lan	04/02/2025	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 V/v: Đá dùng cho người tiêu dùng.	Để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng khỏi các tác nhân gây bệnh và chất gây ô nhiễm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dán nhãn cho đá đóng gói, dự thảo thông báo này của MOPH quy định: - Tiêu chuẩn chất lượng vật lý, vi sinh và hóa học, bao gồm mức độ chất gây ô nhiễm tối đa phải tuân thủ theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 Re: Nước uống trong hộp kín (nước đóng chai/đóng gói); - Chi tiết về yêu cầu dán nhãn cho đá đóng gói: ngoài các yêu cầu được nêu trong thông báo của MOPH về dán nhãn thực phẩm đóng gói sẵn, trên nhãn phải ghi rõ "đá để tiêu dùng"; - Các đơn vị sản xuất, nhập khẩu nước đá dùng cho người sử dụng đã được cấp phép lưu hành trước khi dự thảo thông báo này có hiệu lực phải tuân thủ các yêu cầu mới trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thông báo này có hiệu lực.		
305	G/SPS/N/THA/785	ATTP	Thái Lan	04/02/2025	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), ban hành theo Đạo luật Thực phẩm BE 2522 V/v: Đồ uống trong bao bì kín (Số 3)	Bản dự thảo thông báo của Bộ Y tế được ban hành theo Luật Thực phẩm B.E. 2522 liên quan đến nước soda hoặc nước có ga, đã sửa đổi định nghĩa trong thông báo của Bộ Y Tế (Số 356) B.E. 2556 (2013), từ năm nhóm thành bốn nhóm theo hệ thống phân loại thực phẩm của Codex. Các nhà sản xuất hoặc nhập khẩu nước đóng chai đã được chấp thuận phải tuân thủ các yêu cầu mới trong vòng hai năm kể từ ngày hiệu lực của thông báo này.		
306	G/SPS/N/THA/784	ATTP	Thái Lan	04/02/2025	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), ban hành	Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái chế dễ dàng các chai nhựa, giảm thiểu ô nhiễm hóa chất từ mực, keo và mảnh nhân nhựa.		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					theo Đạo luật Thực phẩm BE 2522 V/v: Nước khoáng (Số 2)	Việc dán nhãn trên các chai nước khoáng sẽ được phép áp dụng kỹ thuật không cần nhãn (ví dụ: in nổi, khắc) và dán nhãn kỹ thuật số (ví dụ: mã QR) nhằm cung cấp thông tin về thực phẩm cho người tiêu dùng. Yêu cầu trên nhãn: tên sản phẩm, nhãn hiệu, ký hiệu, tên thương hiệu, số sê-ri sản phẩm và thể tích, ngày sản xuất và hạn sử dụng. Các thông khác như: tên và địa chỉ của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc trụ sở chính, thành phần hóa học, nguồn gốc và thông tin về xử lý hoặc sửa đổi, chỉ được cung cấp qua nhãn kỹ thuật số.
307	G/SPS/N/THA/783	ATTP	Thái Lan	04/02/2025	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), ban hành theo Đạo luật Thực phẩm BE 2522 V/v: Nước uống trong bình kín (nước đóng chai/đóng gói)	Thông báo của Bộ Y tế (MOPH) (Số 61) BE 2524 (1981) V/v: Nước uống trong bao bì kín và các phiên bản đã sửa đổi sẽ bị bãi bỏ theo dự thảo thông báo của MOPH V/v: Nước uống trong bao bì kín (nước đóng chai). Dự thảo thông báo quy định: • Định nghĩa về “nước uống trong bao bì kín” bao gồm “nước được xác định dựa vào nguồn gốc” (ví dụ, nước suối) và “nước có ga”; • Xử lý nước dựa vào nguồn nước; • Tiêu chuẩn chất lượng vật lý, vi sinh và hóa học, bao gồm mức giới hạn ô nhiễm tối đa; • Việc bổ sung phụ gia thực phẩm (cacbon dioxit) theo thông báo của Bộ Y tế về Phụ gia thực phẩm; • Chi tiết về yêu cầu ghi nhãn phải tuân thủ theo thông báo của MOPH về ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn. Tuy nhiên, đối với nước đóng chai, nhà sản xuất có thể tự áp dụng các kỹ thuật không cần nhãn (dập nổi, khắc,...) kết hợp với nhãn kỹ thuật số (mã QR,...) để cung cấp thông tin cho người tiêu dùng. Cụ thể, tên sản phẩm, nhãn hiệu, biểu tượng hoặc tên thương hiệu, số sê-ri sản phẩm và thể tích ghi trên chai bằng kỹ thuật không cần nhãn, kèm theo nhãn kỹ thuật số trên nắp. Ngày sản xuất và hạn sử dụng phải được hiển thị rõ trên từng chai. Các thông khác như: tên và địa chỉ của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, thành

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						phân hóa học, nguồn gốc, thông tin về xử lý hoặc sửa đổi chỉ ghi trên nhãn kỹ thuật số.
308	G/SPS/N/THA/782	ATTP	Thái Lan	04/02/2025	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm BE 2522 về việc "Quy định nguyên tắc, điều kiện, phương pháp và tỷ lệ phụ gia thực phẩm (Số 4)".	Bộ Y tế (MOPH) thông báo cần sửa đổi chi tiết về lượng phụ gia thực phẩm tối đa được phép sử dụng như sau: - Phụ lục I và Phụ lục II của thông báo (Số 444) BE 2566 ban hành theo Luật thực phẩm BE 2522 V/v: Quy định nguyên tắc, điều kiện, phương pháp và tỷ lệ phụ gia thực phẩm (Số 3), ngày 14 tháng 11 BE 2566 (2023) sẽ bị bãi bỏ và thay thế bằng Phụ lục I và Phụ lục II của thông báo. – Nhà sản xuất hoặc nhập khẩu thực phẩm để bán, bao gồm phụ gia có trong thực phẩm đã được phê duyệt trước khi thông báo này có hiệu lực có thể tiếp tục bán các sản phẩm hiện có không quá hai năm kể từ ngày có hiệu lực của thông báo. - Quy định này có hiệu lực sau ngày đăng Công báo Chính phủ.
309	G/SPS/N/SAU/559	BCT	Vương quốc Ả Rập Saudi	04/02/2025	Quy chuẩn kỹ thuật về nước sốt salad	Quy định kỹ thuật áp dụng cho nước sốt trộn salad.
310	G/SPS/N/SAU/558	TTBVT	Vương quốc Ả Rập Saudi	04/02/2025	Quy chuẩn kỹ thuật về trái cây hỗn hợp đóng hộp	Quy chuẩn kỹ thuật quy định các yêu cầu đối với sản phẩm trái cây hỗn hợp đóng hộp.
311	G/SPS/N/SAU/557	ATTP, TTBVT, CNTY, CLCB	Vương quốc Ả Rập Saudi	04/02/2025	Quy chuẩn vệ sinh đối với cơ sở chế biến thực phẩm và nhân sự	Quy chuẩn kỹ thuật đặt ra các yêu cầu về điều kiện vệ sinh đối với cơ sở chế biến thực phẩm (nhà máy và kho bãi), cơ sở vật chất, nhân viên, cũng như các quy định về bảo quản và vận chuyển thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu.
312	G/SPS/N/SAU/556	CLCB	Vương quốc Ả Rập Saudi	04/02/2025	Cá cơm muối khô đã luộc	Quy định kỹ thuật này áp dụng cho cá cơm muối khô đã luộc
313	G/SPS/N/SAU/555	CLCB	Vương quốc Ả Rập Saudi	04/02/2025	Cá ướp muối, cá khô	Quy định kỹ thuật này áp dụng cho cá ướp muối, cá khô
314	G/SPS/N/SAU/554	CLCB	Vương quốc Ả Rập Saudi	04/02/2025	Cá hun khói, Cá có hương liệu hun khói và Cá hun khói khô	Quy định kỹ thuật này áp dụng cho cá hun khói, cá có hương liệu hun khói và cá hun khói khô

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
315	G/SPS/N/MYS/61	CNTY	Malaysia	04/02/2025	Dự luật Y tế Công cộng Thú y 202x	Cục Thú y, Malaysia đề xuất Dự luật Y tế Công cộng Thú y 202x. Đạo luật này nhằm hợp nhất các luật về Y tế Công cộng Thú y trong Bán đảo Malaysia và Lãnh thổ Liên bang Labuan để kiểm soát và phòng ngừa bệnh truyền qua thực phẩm từ động vật và chất gây ô nhiễm trên thực phẩm có nguồn gốc từ động vật nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm; điều chỉnh các hoạt động gây ô nhiễm trong các lò giết mổ, trang trại chăn nuôi và nhà máy chế biến. Mục tiêu và phạm vi thực hiện Dự luật Y tế Công cộng Thú y bao gồm: 1. Mở rộng phạm vi và chức năng thanh tra thú y đảm bảo rằng các sản phẩm và thực phẩm có nguồn gốc từ động vật luôn sạch sẽ và an toàn để tiêu dùng; 2. Thực hiện thanh tra thú y toàn diện và hiệu quả hơn, Thanh tra 90% các trang trại chăn nuôi, lò giết mổ, lò mổ và cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi trong vòng năm năm; 3. Kiểm tra tại tất cả các lò giết mổ tư nhân và nhà nước được cấp phép, lò giết mổ gia cầm và cơ sở giết mổ gia cầm quy mô vừa và nhỏ vào năm 2030; 4. Giảm 20% các trường hợp ngộ độc thực phẩm có nguồn gốc từ sản phẩm động vật, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, hàng năm; 5. Tăng tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm động vật lên 5% trong vòng năm năm, tăng cường cơ hội thương mại toàn cầu và khả năng cạnh tranh thông qua sự công nhận quốc tế; 6. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm từ động vật bằng cách đạt được ít nhất 80% sự tuân thủ tại các cơ sở vào năm 2030.
316	G/SPS/N/EU/808	ATTP, CNTY	Liên minh Châu Âu	04/02/2025	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) số 37/2010 về việc phân loại chất ketoprofen theo giới hạn mức dư lượng tối đa của chất này trong	Thiết lập mức MRL của ketoprofen cho các loài bò và lợn và mở rộng mức MRL của ketoprofen cho tất cả các loài động vật nhai lại và ngựa.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
					thực phẩm có nguồn gốc động vật	Sản phẩm	Mức MRL (µg/kg)	
						Động vật nhai lại và ngựa	Cơ, thận	50
							Mỡ, gan, sữa	20
						Gia cầm (không áp dụng với động vật để trứng dùng làm thực phẩm cho con người)	Mỡ	30
							Cơ, gan, thận	10
317	G/SPS/N/URY/92	ATTP, TTBVTV	Uruguay	03/02/2025	Dự thảo Nghị quyết "Hạn chế sử dụng Clorpirifos".	Việc sử dụng hoạt chất Chlorpyrifos bị cấm trên một số loại cây trồng được liệt kê trong tiêu chuẩn, bao gồm: việt quất, hành tây, mận, đào, hướng dương, chanh, quýt, táo, lê, bưởi, lúa miến và cà chua, nhằm giảm thiểu rủi ro đối với sức khỏe con người cũng như các sinh vật không phải là mục tiêu của việc phun thuốc.		
318	G/SPS/N/URY/91	CNTY	Uruguay	03/02/2025	Các điều kiện cách ly động vật phải đáp ứng tại quốc gia xuất xứ để tuân thủ quy định về kiểm dịch động vật" (Bãi bỏ Nghị quyết số 21/97 của GMC)	Dự thảo Nghị định nêu rõ các điều kiện cách ly động vật tại quốc gia xuất xứ để xuất khẩu sang Uruguay nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập của các bệnh động vật.		
319	G/SPS/N/URY/90	CNTY	Uruguay	03/02/2025	Dự thảo Nghị định "Các yêu cầu về kiểm dịch động vật của các quốc gia thành viên MERCOSUR đối với việc nhập khẩu tinh trâu và bò đông lạnh (Bãi bỏ Nghị quyết GMC số 49/14 và 42/18).	Dự thảo Nghị định thông qua các yêu cầu kiểm dịch động vật được thống nhất giữa các quốc gia thành viên MERCOSUR nhằm quản lý việc nhập khẩu tinh trâu và bò đông lạnh vào Uruguay. Ngoài ra Nghị định cũng bao gồm mẫu Giấy chứng nhận thú y quốc tế.		
320	G/SPS/N/EU/807	ATTP	Liên minh châu Âu	03/02/2025	Quy định (EU) 2025/140 ngày 29/01/2025 sửa đổi Phụ lục I của Quy định (EC) số 1334/2008 về việc đưa (E)-3-benzo[1,3]dioxol-5-yl-N,N-	Sau khi đánh giá được thông qua vào ngày 18/5/2022, EFSA (Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu) kết luận rằng chất E)-3-benzo[1,3]dioxol-5-yl-N,N-diphenyl-2-propenamide an toàn theo các điều kiện sử dụng được đề xuất. Chất tạo hương FL. Số 16.135 chỉ có thể được sử dụng trong		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					diphenyl-2-propenamide vào danh sách hương liệu của Liên minh châu Âu	các danh mục thực phẩm được liệt kê trong Phụ lục của quy định và chỉ ở mức tối đa đã chỉ định (không vượt quá 250 mg/kg đối với tiêu chí số 5; không vượt quá 500 mg/kg đối với tiêu chí số 5.3 và không vượt quá 150 mg/kg đối với tiêu chí số 5.4)
321	G/SPS/N/BRA/2374	ATTP, TTBVT	Bra-xin	03/02/2025	Dự thảo Nghị quyết 1309, ngày 24/01/2025	Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa hoạt chất T78 - trichoderma viride vào Danh mục thành phần hoạt chất trong thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm số 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin.
322	G/SPS/N/BRA/2373	ATTP, TTBVT	Bra-xin	03/02/2025	Dự thảo Nghị quyết 1308, ngày 24/01/2025	Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa hoạt chất P76 - pseudomonas glycinis vào Danh mục thành phần hoạt chất trong thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm số 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin
323	G/SPS/N/BRA/2371	ATTP, TTBVT	Bra-xin	03/02/2025	Dự thảo Nghị quyết 1306, ngày 24/01/2025	Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa hoạt chất F82 - fluoxastrobin vào Danh mục hoạt chất trong thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin.
324	G/SPS/N/ARE/293, G/SPS/N/BHR/249, G/SPS/N/KWT/169, G/SPS/N/OMN/144, G/SPS/N/QAT/148, G/SPS/N/SAU/553, G/SPS/N/YEM/89	ATTP	Các quốc gia Ả Rập	03/02/2025	Thực phẩm bổ sung thể thao	Các sản phẩm cho mục đích thể thao bao gồm thực phẩm và đồ uống thể thao (ví dụ như bột, chất lỏng, viên nhai hoặc viên sủi bọt và thanh dinh dưỡng), chủ yếu chứa carbohydrate, chất béo, protein hoặc axit amin và có thể bao gồm một hoặc nhiều thành phần: axit amin, vitamin, khoáng chất, chiết xuất thực vật trong quá trình chế biến. Những sản phẩm này không được sử dụng để giảm cân hoặc dùng trong phương pháp điều trị y tế.
325	G/SPS/N/GBR/82	CNTY, CLCB	Vương quốc Anh	31/01/2025	Loại bỏ mẫu giấy chứng nhận sức khỏe GBHC672	Vương quốc Anh sẽ ngừng sử dụng mẫu giấy chứng nhận sức khỏe (GBHC672) dành cho việc vận chuyển hoặc lưu trữ động vật nuôi trồng thủy sản sống, trứng cá và cá chưa moi ruột với mục đích tiêu thụ cho con người.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Việc loại bỏ chứng nhận này nhằm đảm bảo rõ ràng trong thủ tục hành chính cho các đối tác thương mại và giảm nguy cơ rủi ro sinh học nếu chứng nhận này tiếp tục được lưu hành và bị sử dụng sai mục đích để chứng nhận động vật thủy sản sống quá cảnh qua Vương quốc Anh. Vương quốc Anh không dự báo bất kỳ tác động tiêu cực nào đến thương mại từ việc loại bỏ GBHC672, vì hiện tại không có đối tác thương mại nào đang sử dụng chứng nhận này. Các lô hàng quá cảnh liên quan nên được chứng nhận bằng giấy chứng nhận nhập khẩu tương ứng với loại hàng hóa đó, có thể tìm thấy tại liên kết dưới đây: https://www.gov.uk/government/collections/health-certificates-for-animal-and-animal-product-imports-to-great-britain
326	G/SPS/N/EU/806	TTBVT	Liên minh châu Âu	31/01/2025	Quy định (EU) 2025/153 ngày 29/01/2025 cho phép sử dụng <i>Lemna minor</i> và <i>Lemna</i> như một loại thực phẩm mới và sửa đổi Quy định (EU) 2017/2470	Thông báo này liên quan đến việc cho phép sử dụng cây <i>Lemna minor</i> và cây <i>Lemna gibba</i> làm thực phẩm mới.
327	G/SPS/N/CHL/820 /Add.1	TTBVT	Chi lê	31/01/2025	Sửa đổi các nghị quyết thiết lập yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với hạt giống, kết hợp các yêu cầu kiểm dịch thực vật để kiểm soát cỏ dại.	Chile thông báo thời hạn nộp ý kiến góp ý về thông báo G/SPS/N/CHL/820 đã được gia hạn đến ngày 11/4/2025.
328	G/SPS/N/CAN/1584	ATTP, TTBVT	Canada	30/01/2025	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Tebuconazole (PMRL2025-02)	Thông báo PMRL2025-02 tham khảo ý kiến về đề xuất thu hồi MRL đối với tebuconazole trên nho như đã xác định trong đề xuất mức dư lượng tối đa (PMRL). Chi tiết xem tại: https://www.canada.ca/en/health-canada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/consultations/proposed-maximum-residue-limit/2025/tebuconazole.html

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
329	G/SPS/N/AUS/376 /Add.6	TTBVT	Úc	28/01/2025	Các biện pháp khẩn cấp cho nhân giống và nuôi cấy mô chống lại <i>Xylella fastidiosa</i> và các loài <i>Xylella</i> liên quan	Ngày 09/11/2015, Úc đã thông báo về việc thực hiện các biện pháp khẩn cấp đối với việc nhập khẩu cây giống, nuôi cấy mô, giâm cành, chồi, cây đã ra rễ, củ và củ chống lại <i>Xylella fastidiosa</i> và các loài <i>Xylella</i> liên quan. Tiếp theo các thông báo: G/SPS/N/AUS/376; G/SPS/N/AUS/376/Add.1; G/SPS/N/AUS/376/Add.2; G/SPS/N/AUS/376/Add.3; G/SPS/N/AUS/376/Add.4; G/SPS/N/AUS/538; G/SPS/N/AUS/557; G/SPS/N/AUS/376/Add.5 dựa trên thông tin mới công bố về sự hiện diện của <i>X. fastidiosa</i> ở Trung Quốc, Úc hiện coi Trung Quốc là quốc gia có nguy cơ cao đối với <i>X. fastidiosa</i> và các loài <i>Xylella</i> liên quan. Các biện pháp quản lý tăng cường đang được áp dụng đối với giống cây chủ nhập khẩu từ Trung Quốc để đảm bảo rằng các điều kiện nhập khẩu của Úc tiếp tục có hiệu quả trong việc giảm nguy cơ <i>X. fastidiosa</i> và các loài <i>Xylella</i> liên quan. Quy mô của các sửa đổi, những thay đổi này sẽ được thực hiện theo hai giai đoạn: • Giai đoạn 1: Áp dụng các quy định nhập khẩu đối với vật liệu từ giống cây chủ từ Trung Quốc từ ngày 31/1/2025. Các biện pháp yêu cầu vật liệu từ Trung Quốc phải trải qua quá trình thử nghiệm, xử lý và chứng nhận trước khi xuất khẩu; • Giai đoạn 2: Các quy định sẽ chuyển từ cấp họ sang cấp chi đối với tất cả các quốc gia xuất khẩu khác vào cuối năm 2025. Các điều kiện nhập khẩu hiện tại sẽ được áp dụng cho đến khi chúng được cập nhật.
330	G/SPS/N/KOR/818	CNTY	Hàn Quốc	23/01/2025	Dự thảo sửa đổi một phần yêu cầu kiểm dịch nhập khẩu đối với da khô (chưa qua xử lý) và da từ động vật móng chẻ.	Dự thảo sửa đổi quy định chi tiết về kiểm dịch đối với việc nhập khẩu da khô (chưa qua xử lý) và da từ động vật móng chẻ phù hợp với những thay đổi trong điều kiện vệ sinh chăn nuôi. Cụ thể, phạm vi được điều chỉnh như sau: - Phạm vi sửa đổi: loại trừ da tươi, nội mạc (endothelium) có nguy cơ lây truyền bệnh truyền nhiễm ở động vật;

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo				
						Bổ sung bốn loại bệnh (bệnh viêm da nổi cục, dịch tả lợn, đậu cừu (sheep pox) và bệnh nhiễm trùng vi-rút ở dê (peste des petits ruminants)) vào danh sách các yêu cầu về tình trạng không có bệnh và xóa bỏ một bệnh đã được loại trừ trên toàn cầu (dịch tả trâu bò).				
331	G/SPS/N/BRA/2368	CLCB	Bra-xin	23/01/2025	Nghị định SDA/MAPA số 1.213, ngày 10/12/2024 về Dự thảo Phân tích rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm từ cá rô phi dùng làm thực phẩm cho con người.	Dự thảo Phân tích rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm từ cá rô phi dùng làm thực phẩm cho con người. Thông tin chi tiết tại: https://www.in.gov.br/web/dou/-/portaria-sda/mapa-n-1.213-de-10-de-dezembro-de-2024-601425221				
332	G/SPS/N/CAN/1583	ATTP, TTBVTV	Canada	22/01/2025	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Benzovindiflupyr (PMRL2025-01)	Cơ quan quản lý dịch hại (PMRA) của Bộ Y tế Canada đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với benzovindiflupyr, cụ thể: <table><tr><td>MRL (ppm)¹</td><td>Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến</td></tr><tr><td>2.0</td><td>Quả việt quất bụi thấp</td></tr></table> ¹ ppm = phần triệu	MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến	2.0	Quả việt quất bụi thấp
MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến									
2.0	Quả việt quất bụi thấp									
333	G/SPS/N/THA/781	ATTP, TTBVTV, CNTY	Thái Lan	21/01/2025	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng Thái Lan thiết lập mức dư lượng tối đa (MRLs) của thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.	Bộ Y tế Công cộng Thái Lan về việc Dự thảo thiết lập mức dư lượng tối đa (MRLs) hóa chất nông nghiệp trong thực phẩm, cụ thể: - Phụ lục 2: Quy định mức dư lượng tối đa (MRLs) của 88 hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật và động vật. - Phụ lục 3: Bảng 1: Quy định giá trị mặc định từ mức 0,1-0,005 ppm đối với 17 loại hóa chất tồn dư trong các sản phẩm có nguồn gốc thực vật. Bảng 2: Quy định giá trị mặc định từ mức 0,02-0,05 ppm đối với 04 loại hóa chất tồn dư trong các sản phẩm có nguồn gốc động vật.				

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						- Phụ lục 4: Quy định mức dư lượng tối đa 6 hoạt chất độc hại từ môi trường, không do sử dụng trực tiếp (EMRLs) tồn dư trong trái cây, rau, ngũ cốc, họ đậu, hạt cây, thảo mộc, trà, trứng, gia cầm và động vật. - Các MRL không được quy định trong Phụ lục 2, Phụ lục 4 sẽ tuân theo tiêu chuẩn Codex, nếu không có quy định từ Codex sẽ áp dụng tiêu chuẩn của ASEAN.
334	G/SPS/N/NZL/781	CNTY	Niu Di-lân	21/01/2025	Sửa đổi Tiêu chuẩn y tế nhập khẩu đối với nguồn gen Bò	Niu Di-lân đã sửa đổi Tiêu chuẩn y tế nhập khẩu đối với nguồn gen bò , bao gồm tinh dịch và phôi trong ống nghiệm (in vivo) để mở rộng phạm vi các yêu cầu an toàn sinh học mới đối với phôi trong ống nghiệm. Đáng chú ý là những thay đổi đối với bệnh campylobacteriosis trong tinh dịch bò và bệnh viêm da nổi cục (Lumpy Skin Disease) ở phôi trong ống nghiệm.
335	G/SPS/N/IDN/154 /Corr.1	CLCB, CNTY	Indonesia	21/01/2025	Nghị định của Trưởng cơ quan kiểm dịch Indonesia về các thủ tục kiểm dịch và các biện pháp giám sát tích hợp.	Trong Mục 6 của tài liệu G/SPS/N/IDN/154, đoạn đầu: Cơ quan kiểm dịch Indonesia (IQA) là cơ quan có thẩm quyền biên giới chính thức của Indonesia theo thông báo trong WTO G/SPS/N/IDN/148, quy định các thủ tục về biện pháp kiểm dịch và giám sát tích hợp theo Nghị định của Chủ tịch Cơ quan kiểm dịch Indonesia Số 14/ 2014 . Được sửa như sau: Cơ quan kiểm dịch Indonesia (IQA) là cơ quan có thẩm quyền biên giới chính thức của Indonesia theo thông báo trong WTO G/SPS/N/IDN/148, quy định các thủ tục về biện pháp kiểm dịch và giám sát tích hợp theo Nghị định của Chủ tịch Cơ quan Kiểm dịch Indonesia Số 14/ 2024 .

2. Danh sách quy định có hiệu lực

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/TPKM/645 /Add.1	TTBVT	Đài Loan (Trung Quốc)	16/7/2025	Ban hành sửa đổi "Yêu cầu kiểm dịch đối với nhập khẩu thực vật hoặc sản phẩm thực vật"	Đài Loan thông báo về dự thảo sửa đổi "Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thực vật hoặc sản phẩm thực vật" vào ngày 24/4/2025 (thông báo G/SPS/N/TPKM/645). Quy định sửa đổi đã được công bố và chính thức có hiệu lực từ ngày 09/7/2025. Văn bản quy định mới có thể được truy cập tại: https://www.aphia.gov.tw/en/files/aphia/web_structure/21729/A01_11.pdf
2	G/SPS/N/USA/3257 /Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	16/7/2025	Danh sách các chất phụ gia màu được miễn chứng nhận; Chất tạo màu xanh (Genipin).	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) sửa đổi các quy định về phụ gia màu để đảm bảo việc sử dụng an toàn chất tạo màu xanh genipin trong nhiều loại thực phẩm khác nhau, ở mức độ phù hợp với Thực hành sản xuất tốt (GMP). FDA thực hiện quy định này để đáp lại đơn kiến nghị về phụ gia màu (CAP) do Exponent, Inc., Quy định này có hiệu lực từ ngày 29/8/2025
3	G/SPS/N/BRA/2407 /Add.1	ATTP	Bra xin	09/7/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1329, ngày 25/4/2025	Dự thảo Nghị quyết 1329, ngày 25/4/2025 - trước đây đã được thông báo qua G/SPS/N/BRA/2407 - dưới dạng Hướng dẫn Quy phạm 380, ngày 03/7/2025. Quy định này sửa đổi Hướng dẫn Quy phạm - IN số 211, ngày 01/3/2023, quy định chức năng công nghệ, giới hạn tối đa và điều kiện sử dụng đối với phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ công nghệ được phép sử dụng trong thực phẩm.
4	G/SPS/N/EU/815/ Add.1	TTBVT	Liên minh Châu Âu	04/7/2025	Các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập, hình thành và lây lan trong lãnh thổ Liên minh châu Âu đối với <i>Curtobacterium flaccumfaciens</i> pv. <i>flaccumfaciens</i> (Hedges) Collins và Jones	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/815 (ngày 5/3/2025) hiện đã được thông qua với tiêu đề: Quy định (EU) 2025/1316 ngày 2/7/2025 về các biện pháp tạm thời nhằm ngăn chặn sự xâm nhập, hình thành và lây lan trong lãnh thổ Liên minh châu Âu đối với <i>Curtobacterium flaccumfaciens</i> pv. <i>flaccumfaciens</i> (Hedges) Collins và Jones, và sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072.
5	G/SPS/N/BRA/2393 /Add.1	ATTP, TTBVT	Bra xin	04/7/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1315, ngày 27/3/2025	Dự thảo Nghị quyết 1315, ngày 27/3/2025 - trước đó đã được thông báo G/SPS/N/BRA/2393 bởi Hướng dẫn Quy phạm 379, ngày

						01/7/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất S25 - STREPTOMYCES GRISEOVIRIDIS vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.																												
6	G/SPS/N/JPN/1315 /Add.1	CNTY, ATTP, CLCB	Nhật Bản	03/7/2025	Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng).	Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với Dibutylhydroxytoluene được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1315 (ngày 08/11/2024) công bố vào ngày 27/02/2025. Dibutylhydroxytoluene <table><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL đề xuất (ppm)</th><th>MRL hiện tại (ppm)</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>Mỡ bò</td><td>0,2</td><td>0,04</td><td>○</td></tr><tr><td>Phụ phẩm ăn được từ gà (trừ cơ, mỡ, gan...)</td><td>0,2</td><td>3</td><td>●</td></tr><tr><td>Động vật thủy sản (chỉ <i>Salmoniformes</i>)</td><td>100</td><td>10</td><td>○</td></tr><tr><td>Động vật thủy sản (chỉ <i>Anguilliformes</i>)</td><td>100</td><td>10</td><td>○</td></tr><tr><td>Động vật thủy sản (chỉ <i>Perciformes</i>)</td><td>100</td><td>10</td><td>○</td></tr><tr><td>Động vật thủy sản (các loài cá khác)</td><td>100</td><td>10</td><td>○</td></tr></table> Chú thích: ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê bên dưới. Định nghĩa dư lượng: Chỉ bao gồm Dibutylhydroxytoluene	Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú	Mỡ bò	0,2	0,04	○	Phụ phẩm ăn được từ gà (trừ cơ, mỡ, gan...)	0,2	3	●	Động vật thủy sản (chỉ <i>Salmoniformes</i>)	100	10	○	Động vật thủy sản (chỉ <i>Anguilliformes</i>)	100	10	○	Động vật thủy sản (chỉ <i>Perciformes</i>)	100	10	○	Động vật thủy sản (các loài cá khác)	100	10	○
Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú																															
Mỡ bò	0,2	0,04	○																															
Phụ phẩm ăn được từ gà (trừ cơ, mỡ, gan...)	0,2	3	●																															
Động vật thủy sản (chỉ <i>Salmoniformes</i>)	100	10	○																															
Động vật thủy sản (chỉ <i>Anguilliformes</i>)	100	10	○																															
Động vật thủy sản (chỉ <i>Perciformes</i>)	100	10	○																															
Động vật thủy sản (các loài cá khác)	100	10	○																															
7	G/SPS/N/JPN/1304 /Add.1	CNTY, ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	03/7/2025	Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn	Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với 1-Naphthaleneacetic axit được thông báo trong tài liệu																												

					Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng). G/SPS/N/JPN/1304 (ngày 04/10/2024 và công bố vào ngày 27/02/2025). 1-Naphthaleneacetic axit <table><tr><th colspan="4">Một số sản phẩm tiêu biểu</th></tr><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL đề xuất (ppm)</th><th>MRL hiện tại (ppm)</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>Bưởi</td><td>4</td><td>5</td><td>●</td></tr><tr><td>Quince</td><td>—</td><td>0,3</td><td>●</td></tr><tr><td>Cherry</td><td>—</td><td>0,1</td><td>●</td></tr><tr><td>Bơ</td><td>0,05</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Các loại trái cây khác²</td><td>0,7</td><td>0,1</td><td>○</td></tr><tr><td>Trà</td><td>60</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)</td><td>0,05</td><td>—</td><td>○</td></tr></table> Chú thích: ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê. Định nghĩa dư lượng: Bao gồm 1-Naphthaleneacetic axit và các dạng liên hợp của nó.	Một số sản phẩm tiêu biểu				Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú	Bưởi	4	5	●	Quince	—	0,3	●	Cherry	—	0,1	●	Bơ	0,05	—	○	Các loại trái cây khác ²	0,7	0,1	○	Trà	60	—	○	Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	—	○
Một số sản phẩm tiêu biểu																																									
Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú																																						
Bưởi	4	5	●																																						
Quince	—	0,3	●																																						
Cherry	—	0,1	●																																						
Bơ	0,05	—	○																																						
Các loại trái cây khác ²	0,7	0,1	○																																						
Trà	60	—	○																																						
Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	—	○																																						
8	G/SPS/N/JPN/1302 /Add.1	CNTY, ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	03/7/2025	Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng). Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với Imicyafos được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1302 (ngày 04/10/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 27/02/2025. Imicyafos <table><tr><th colspan="4">Một số sản phẩm tiêu biểu</th></tr><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL đề xuất (ppm)</th><th>MRL hiện tại (ppm)</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>Củ cải Nhật (phần rễ)</td><td>0,3</td><td>0,03</td><td>○</td></tr><tr><td>Ngưu bàng</td><td>—</td><td>0,02</td><td>●</td></tr></table>	Một số sản phẩm tiêu biểu				Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú	Củ cải Nhật (phần rễ)	0,3	0,03	○	Ngưu bàng	—	0,02	●																				
Một số sản phẩm tiêu biểu																																									
Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú																																						
Củ cải Nhật (phần rễ)	0,3	0,03	○																																						
Ngưu bàng	—	0,02	●																																						

						<table><tr><td>Các loại rau thuộc họ hành khác¹</td><td>0,09</td><td>0,02</td><td>○</td></tr><tr><td>Cà rốt</td><td>0,09</td><td>0,03</td><td>○</td></tr><tr><td>Cà tím</td><td>0,2</td><td>0,3</td><td>●</td></tr><tr><td>Dưa hấu (toàn quả sau khi bỏ cuống)</td><td>—</td><td>0,1</td><td></td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)</td><td>0,05</td><td>--</td><td>○</td></tr><tr><td colspan="4">Chú thích: ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê.</td></tr></table>	Các loại rau thuộc họ hành khác ¹	0,09	0,02	○	Cà rốt	0,09	0,03	○	Cà tím	0,2	0,3	●	Dưa hấu (toàn quả sau khi bỏ cuống)	—	0,1		Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	--	○	Chú thích: ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê.																							
Các loại rau thuộc họ hành khác ¹	0,09	0,02	○																																															
Cà rốt	0,09	0,03	○																																															
Cà tím	0,2	0,3	●																																															
Dưa hấu (toàn quả sau khi bỏ cuống)	—	0,1																																																
Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	--	○																																															
Chú thích: ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê.																																																		
9	G/SPS/N/JPN/1301 /Add.1	CNTY, ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	03/7/2025	Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng).	Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với Fluopyram được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1301 (ngày 04/10/2024 và công bố vào ngày 27/02/2025). Fluopyram— <table><tr><th colspan="4">Một số sản phẩm tiêu biểu</th></tr><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL đề xuất</th><th>MRL hiện tại</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>Gạo lứt</td><td>2</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Lúa mì</td><td>0,2</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Ngô</td><td>0,02</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Đậu tương khô</td><td>0,3</td><td>2</td><td>●</td></tr><tr><td>Đậu Hà Lan</td><td>0,7</td><td>2</td><td>●</td></tr><tr><td>Củ cải Nhật (phần rễ)</td><td>0,03</td><td>0,3</td><td>●</td></tr><tr><td>Củ cải Nhật (lá)</td><td>0,07</td><td>30</td><td>●</td></tr><tr><td>Cải bắp</td><td>3</td><td>4</td><td>●</td></tr><tr><td>Cà tím</td><td>0,5</td><td>4</td><td>●</td></tr></table>	Một số sản phẩm tiêu biểu				Sản phẩm	MRL đề xuất	MRL hiện tại	Ghi chú	Gạo lứt	2	—	○	Lúa mì	0,2	—	○	Ngô	0,02	—	○	Đậu tương khô	0,3	2	●	Đậu Hà Lan	0,7	2	●	Củ cải Nhật (phần rễ)	0,03	0,3	●	Củ cải Nhật (lá)	0,07	30	●	Cải bắp	3	4	●	Cà tím	0,5	4	●
Một số sản phẩm tiêu biểu																																																		
Sản phẩm	MRL đề xuất	MRL hiện tại	Ghi chú																																															
Gạo lứt	2	—	○																																															
Lúa mì	0,2	—	○																																															
Ngô	0,02	—	○																																															
Đậu tương khô	0,3	2	●																																															
Đậu Hà Lan	0,7	2	●																																															
Củ cải Nhật (phần rễ)	0,03	0,3	●																																															
Củ cải Nhật (lá)	0,07	30	●																																															
Cải bắp	3	4	●																																															
Cà tím	0,5	4	●																																															

						<table><tr><td>Dưa leo</td><td>0,5</td><td>0,6</td><td>●</td></tr><tr><td>Dưa hấu (toàn quả sau khi bỏ cuống)</td><td>0,8</td><td>—</td><td>thiết lập mới</td></tr><tr><td>Dâu tây</td><td>0,4</td><td>5</td><td>●</td></tr><tr><td>Nho</td><td>2</td><td>5</td><td>●</td></tr><tr><td>Chuối</td><td>0,8</td><td>1</td><td>●</td></tr><tr><td>Dầu mè</td><td>0,3</td><td>5</td><td>●</td></tr><tr><td>Sữa bò</td><td>2</td><td>0,6</td><td>○</td></tr><tr><td>Thịt gà (cơ)</td><td>0,07</td><td>0,5</td><td>●</td></tr><tr><td>Gan gà</td><td>0,3</td><td>2</td><td>●</td></tr><tr><td>Trứng gà</td><td>0,2</td><td>1</td><td>●</td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)</td><td>0,05</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Nho khô (raisin)</td><td>5</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td colspan="4">Chú thích: ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê.</td></tr></table>	Dưa leo	0,5	0,6	●	Dưa hấu (toàn quả sau khi bỏ cuống)	0,8	—	thiết lập mới	Dâu tây	0,4	5	●	Nho	2	5	●	Chuối	0,8	1	●	Dầu mè	0,3	5	●	Sữa bò	2	0,6	○	Thịt gà (cơ)	0,07	0,5	●	Gan gà	0,3	2	●	Trứng gà	0,2	1	●	Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0,05	—	○	Nho khô (raisin)	5	—	○	Chú thích: ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê.			
Dưa leo	0,5	0,6	●																																																							
Dưa hấu (toàn quả sau khi bỏ cuống)	0,8	—	thiết lập mới																																																							
Dâu tây	0,4	5	●																																																							
Nho	2	5	●																																																							
Chuối	0,8	1	●																																																							
Dầu mè	0,3	5	●																																																							
Sữa bò	2	0,6	○																																																							
Thịt gà (cơ)	0,07	0,5	●																																																							
Gan gà	0,3	2	●																																																							
Trứng gà	0,2	1	●																																																							
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0,05	—	○																																																							
Nho khô (raisin)	5	—	○																																																							
Chú thích: ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê.																																																										
10	G/SPS/N/JPN/1300 /Add.1	CNTY, ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	03/7/2025	Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng).	Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với Fenpropidin được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1300 (ngày 04/10/2024 và công bố vào ngày 27/02/2025). Fenpropidin <table><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL đề xuất (ppm)</th><th>MRL hiện tại (ppm)</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>Chuối</td><td>10</td><td>-</td><td>○</td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)</td><td>0,05</td><td>-</td><td>○</td></tr></table> ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Lưu ý: Định nghĩa dư lượng: Chỉ bao gồm Fenpropidin.	Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú	Chuối	10	-	○	Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	-	○																																								
Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú																																																							
Chuối	10	-	○																																																							
Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	-	○																																																							

						Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê ở trên.																																												
11	G/SPS/N/JPN/1299 /Add.1	CNTY, ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	03/7/2025	Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng).	Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với Chinomethionat được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1299 (ngày 04/10/2024 và công bố vào ngày 27/02/2025). <table><tr><th colspan="4">Một số sản phẩm tiêu biểu</th></tr><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL đề xuất (ppm)</th><th>MRL hiện tại (ppm)</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>Dưa leo</td><td>0,4</td><td>0,5</td><td>●</td></tr><tr><td>Bí đỏ</td><td>0,3</td><td>0,05</td><td>○</td></tr><tr><td>Dưa hấu</td><td>0,08</td><td>—</td><td>thiết lập mới</td></tr><tr><td>Dưa</td><td>0,7</td><td>—</td><td>thiết lập mới</td></tr><tr><td>Cam Unshu</td><td>1</td><td>—</td><td>thiết lập mới</td></tr><tr><td>Chanh</td><td>0,2</td><td>0,7</td><td>●</td></tr><tr><td>Chanh lá cam</td><td>0,2</td><td>0,7</td><td>●</td></tr><tr><td>Các loại gia vị khác</td><td>6</td><td>5</td><td>○</td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)</td><td>0,05</td><td>—</td><td>○</td></tr></table> Chú thích: ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê.	Một số sản phẩm tiêu biểu				Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú	Dưa leo	0,4	0,5	●	Bí đỏ	0,3	0,05	○	Dưa hấu	0,08	—	thiết lập mới	Dưa	0,7	—	thiết lập mới	Cam Unshu	1	—	thiết lập mới	Chanh	0,2	0,7	●	Chanh lá cam	0,2	0,7	●	Các loại gia vị khác	6	5	○	Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	—	○
Một số sản phẩm tiêu biểu																																																		
Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú																																															
Dưa leo	0,4	0,5	●																																															
Bí đỏ	0,3	0,05	○																																															
Dưa hấu	0,08	—	thiết lập mới																																															
Dưa	0,7	—	thiết lập mới																																															
Cam Unshu	1	—	thiết lập mới																																															
Chanh	0,2	0,7	●																																															
Chanh lá cam	0,2	0,7	●																																															
Các loại gia vị khác	6	5	○																																															
Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	—	○																																															
12	G/SPS/N/JPN/1298 /Add.1	CNTY, ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	03/7/2025	Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về	Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với Cartap, Thiocyclam và Bensultap được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1298 (ngày 04/10/2024 và công bố vào ngày 27/02/2025). Cartap, Thiocyclam và Bensultap																																												

					dur lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng). <table><tr><th colspan="4">Một số sản phẩm tiêu biểu</th></tr><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL đề xuất (ppm)</th><th>MRL hiện tại (ppm)</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>Cải bắp</td><td>0,5</td><td>0,7</td><td>●</td></tr><tr><td>Cúc Shungiku</td><td>0,7</td><td>0,8</td><td>●</td></tr><tr><td>Đậu Hà Lan non</td><td>2</td><td>3</td><td>●</td></tr><tr><td>Củ cải Thụy Điển</td><td>0,7</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Lá củ cải Thụy Điển</td><td>20</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Mận Nhật</td><td>0,5</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Cherry</td><td>10</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Nho</td><td>2</td><td>5</td><td>●</td></tr><tr><td>Hồng Nhật</td><td>0,3</td><td>0,4</td><td>●</td></tr><tr><td>Mật ong</td><td>0,05</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Các loại gia vị khác</td><td>5</td><td>—</td><td>○</td></tr><tr><td>Các loại thảo mộc khác</td><td>5</td><td>1</td><td>○</td></tr></table> Chú thích: ○: Mức MRL được tăng, có hiệu lực từ 27/02/2025 ●: Mức MRL được giảm, có hiệu lực từ 27/02/2026 Giới hạn đồng nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các sản phẩm không được liệt kê.	Một số sản phẩm tiêu biểu				Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú	Cải bắp	0,5	0,7	●	Cúc Shungiku	0,7	0,8	●	Đậu Hà Lan non	2	3	●	Củ cải Thụy Điển	0,7	—	○	Lá củ cải Thụy Điển	20	—	○	Mận Nhật	0,5	—	○	Cherry	10	—	○	Nho	2	5	●	Hồng Nhật	0,3	0,4	●	Mật ong	0,05	—	○	Các loại gia vị khác	5	—	○	Các loại thảo mộc khác	5	1	○
Một số sản phẩm tiêu biểu																																																													
Sản phẩm	MRL đề xuất (ppm)	MRL hiện tại (ppm)	Ghi chú																																																										
Cải bắp	0,5	0,7	●																																																										
Cúc Shungiku	0,7	0,8	●																																																										
Đậu Hà Lan non	2	3	●																																																										
Củ cải Thụy Điển	0,7	—	○																																																										
Lá củ cải Thụy Điển	20	—	○																																																										
Mận Nhật	0,5	—	○																																																										
Cherry	10	—	○																																																										
Nho	2	5	●																																																										
Hồng Nhật	0,3	0,4	●																																																										
Mật ong	0,05	—	○																																																										
Các loại gia vị khác	5	—	○																																																										
Các loại thảo mộc khác	5	1	○																																																										
13	G/SPS/N/JPN/1297 /Add.1	CNTY, TSKN	Nhật Bản	03/7/2025	Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng). Việc đề xuất chỉ định Anacardic axit – một chất được sử dụng làm thành phần trong thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất khác – là “chất có trong thực phẩm không gây ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe”, theo thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1297 (ngày 04/10/2024), đã được thông qua và công bố vào ngày 27/02/2024. Chỉ định các chất được sử dụng làm thành phần trong thuốc bảo vệ thực vật được quy định là “chất có trong thực phẩm không gây ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe” Tại Nhật Bản, Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm trao quyền cho Cơ quan Các vấn đề Tiêu dùng (CAA) thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y (gọi chung là “hóa chất nông nghiệp”) có thể tồn dư trong thực phẩm. Bất kỳ loại thực phẩm nào có quy định																																																								

						tiêu chuẩn theo luật này sẽ không được phép lưu hành tại Nhật Bản nếu không tuân thủ các tiêu chuẩn đã thiết lập. Gần đây, Ủy ban An toàn Thực phẩm Nhật Bản (FSC) đã tiến hành đánh giá rủi ro đối với sản phẩm chứa Anacardic axit, và kết luận rằng chất này không gây rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe nếu được sử dụng đúng hướng dẫn. Dựa trên kết luận của FSC, CAA đã quyết định chỉ định “Anacardic axit” là một chất trong nhóm hóa chất nông nghiệp được quy định là “chất có trong thực phẩm không gây ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe”.																																								
14	G/SPS/N/JPN/1293 /Add.1	CNTY, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng).	Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với Sulfaquinoxaline được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1293 (ngày 09/9/2024) và công bố vào ngày 10/02/2025. Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc đưa quy định vào hiệu lực. <table><tr><th colspan="4">Một số sản phẩm tiêu biểu</th></tr><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL hiện tại (ppm)</th><th>MRL sau sửa đổi (ppm)</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>Thịt (cơ), mỡ, gan, thận, bò</td><td>0,1</td><td>0,1</td><td>—</td></tr><tr><td>Phụ phẩm ăn được từ bò (trừ cơ, mỡ, gan, thận)</td><td>0,1</td><td>0,1</td><td>—</td></tr><tr><td>Sữa</td><td>0,01</td><td>0,01</td><td>—</td></tr><tr><td>Thịt (cơ), mỡ, gan, thận, gà (</td><td>0,05</td><td>0,05</td><td>—</td></tr><tr><td>Phụ phẩm ăn được từ gà</td><td>0,05</td><td>0,05</td><td>—</td></tr><tr><td>Trứng gà</td><td>0,01</td><td>0,01</td><td>—</td></tr><tr><td>Các loài động vật có vú khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td><td>—</td></tr><tr><td>Gia cầm khác (không phải gà)</td><td>0,1 (cơ, mỡ, gan...)</td><td>0,1</td><td>—</td></tr></table>	Một số sản phẩm tiêu biểu				Sản phẩm	MRL hiện tại (ppm)	MRL sau sửa đổi (ppm)	Ghi chú	Thịt (cơ), mỡ, gan, thận, bò	0,1	0,1	—	Phụ phẩm ăn được từ bò (trừ cơ, mỡ, gan, thận)	0,1	0,1	—	Sữa	0,01	0,01	—	Thịt (cơ), mỡ, gan, thận, gà (	0,05	0,05	—	Phụ phẩm ăn được từ gà	0,05	0,05	—	Trứng gà	0,01	0,01	—	Các loài động vật có vú khác	0,1	0,1	—	Gia cầm khác (không phải gà)	0,1 (cơ, mỡ, gan...)	0,1	—
Một số sản phẩm tiêu biểu																																														
Sản phẩm	MRL hiện tại (ppm)	MRL sau sửa đổi (ppm)	Ghi chú																																											
Thịt (cơ), mỡ, gan, thận, bò	0,1	0,1	—																																											
Phụ phẩm ăn được từ bò (trừ cơ, mỡ, gan, thận)	0,1	0,1	—																																											
Sữa	0,01	0,01	—																																											
Thịt (cơ), mỡ, gan, thận, gà (	0,05	0,05	—																																											
Phụ phẩm ăn được từ gà	0,05	0,05	—																																											
Trứng gà	0,01	0,01	—																																											
Các loài động vật có vú khác	0,1	0,1	—																																											
Gia cầm khác (không phải gà)	0,1 (cơ, mỡ, gan...)	0,1	—																																											

						<table><tr><td>Trứng của gia cầm khác</td><td>0,01</td><td>0,01</td><td>—</td></tr></table> Lưu ý: Không áp dụng giới hạn đồng nhất 0,01 ppm cho các sản phẩm không liệt kê ở trên. Thay vào đó, các sản phẩm không có MRL cụ thể phải tuân thủ quy định cấm tồn dư kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp, vì Sulfaquinoxaline được coi là một chất kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.	Trứng của gia cầm khác	0,01	0,01	—					
Trứng của gia cầm khác	0,01	0,01	—												
15	G/SPS/N/JPN/1292 /Add.1	CNTY, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Tylosin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1292 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định. Nội dung bảng cập nhật MRL đối với chất Tylosin áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)</td><td>0,7</td><td>0,9</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,7	0,9			
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)													
Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,7	0,9													
16	G/SPS/N/JPN/1291 /Add.1	TSKN, CLCB, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfisozole được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1291 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định. Nội dung MRL đối với chất Sulfisozole áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá hồi – <i>Salmoniformes</i>)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá vược – <i>Perciformes</i>)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá hồi – <i>Salmoniformes</i>)	0,1	0,1	Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá vược – <i>Perciformes</i>)	0,1	0,1
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)													
Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá hồi – <i>Salmoniformes</i>)	0,1	0,1													
Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá vược – <i>Perciformes</i>)	0,1	0,1													

						<table><tr><td>Động vật thủy sinh (giới hạn ở các loài cá khác)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr></table> Ghi chú: “Các loài cá khác” ở đây có nghĩa là tất cả các loài cá ngoại trừ các loài thuộc bộ Salmoniformes (cá hồi), Anguilliformes (cá chình) và Perciformes (cá vược). Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.	Động vật thủy sinh (giới hạn ở các loài cá khác)	0,1	0,1						
Động vật thủy sinh (giới hạn ở các loài cá khác)	0,1	0,1													
17	G/SPS/N/JPN/1290 /Add.1	CNTY, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfamoyldapsone được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1290 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL đối với chất Sulfamoyldapsone áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Thịt (cơ), mỡ, gan, thận heo</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của heo</td><td>0,3</td><td>0,3</td></tr></table> Ghi chú: - “Nội tạng ăn được” được hiểu là tất cả các phần ăn được, ngoại trừ: cơ, mỡ, gan và thận. - Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Thịt (cơ), mỡ, gan, thận heo	0,1	0,1	Nội tạng ăn được của heo	0,3	0,3
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)													
Thịt (cơ), mỡ, gan, thận heo	0,1	0,1													
Nội tạng ăn được của heo	0,3	0,3													
18	G/SPS/N/JPN/1289 /Add.1	CNTY, TSKN, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfamonomethoxine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1289 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL đối với chất Sulfamonomethoxine áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Thịt heo (phần cơ)</td><td>0,01</td><td>0,01</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Thịt heo (phần cơ)	0,01	0,01			
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)													
Thịt heo (phần cơ)	0,01	0,01													

							Thịt bò (phần cơ)	0,02	0,02
							Phần cơ động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1
							Mỡ heo	0,05	0,05
							Mỡ bò	0,05	0,05
							Mỡ động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1
							Gan bò	0,05	0,05
							Gan heo	0,05	0,05
							Gan động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1
							Thận bò	0,05	0,05
							Thận heo	0,05	0,05
							Thận động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1
							Nội tạng ăn được của heo	0,1	0,1
							Nội tạng ăn được của bò	0,05	0,05
							Nội tạng ăn được của động vật có vú khác	0,1	0,1
							Cơ gà	0,1	0,1
							Mỡ gà	0,1	0,1
							Gan gà	0,1	0,1
							Thận gà	0,1	0,1
							Nội tạng ăn được của gà	0,1	0,1
							Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá hồi – <i>Salmoniformes</i>)	0,1	0,1
							Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá vược – <i>Perciformes</i>)	0,1	0,1

						<table><tr><td>Động vật thủy sinh (giới hạn ở các loài cá khác)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr></table> Ghi chú: 1. “Nội tạng ăn được” được hiểu là tất cả các phần ăn được, ngoại trừ: cơ, mỡ, gan và thận. 2. “Động vật có vú trên cạn khác” là tất cả các loài trừ bò và heo. 3. “Các loài cá khác” ở đây có nghĩa là tất cả các loài cá ngoại trừ các loài thuộc bộ Salmoniformes (cá hồi), Anguilliformes (cá chình) và Perciformes (cá vược). 4. Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.	Động vật thủy sinh (giới hạn ở các loài cá khác)	0,1	0,1																		
Động vật thủy sinh (giới hạn ở các loài cá khác)	0,1	0,1																									
19	G/SPS/N/JPN/1288 /Add.1	CNTY, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfamethoxazole được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1288 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL đối với chất Sulfamethoxazole áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Thịt heo (phần cơ), mỡ thận</td><td>0,02</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Gan heo</td><td>0,05</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của heo</td><td>0,02</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Thịt (Cơ), gan, thận gà</td><td>0,02</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Mỡ gà</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của gà</td><td>0,02</td><td>0,02</td></tr></table> Ghi chú: 1. “Nội tạng ăn được” được hiểu là tất cả các phần ăn được, ngoại trừ: cơ, mỡ, gan và thận.	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Thịt heo (phần cơ), mỡ thận	0,02	0,02	Gan heo	0,05	0,02	Nội tạng ăn được của heo	0,02	0,02	Thịt (Cơ), gan, thận gà	0,02	0,02	Mỡ gà	0,05	0,05	Nội tạng ăn được của gà	0,02	0,02
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																									
Thịt heo (phần cơ), mỡ thận	0,02	0,02																									
Gan heo	0,05	0,02																									
Nội tạng ăn được của heo	0,02	0,02																									
Thịt (Cơ), gan, thận gà	0,02	0,02																									
Mỡ gà	0,05	0,05																									
Nội tạng ăn được của gà	0,02	0,02																									

						2. Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.																																																			
20	G/SPS/N/JPN/1287 /Add.1	CNTY, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfadoxine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1287 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL đối với chất Sulfadoxine áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><th>Loại sản phẩm</th><th>MRL cũ (ppm)</th><th>MRL mới (ppm)</th></tr><tr><td>Thịt heo (phần cơ)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Thịt bò (phần cơ)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Phần cơ động vật có vú trên cạn khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Mỡ heo</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Mỡ bò</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Mỡ động vật có vú trên cạn khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Gan bò</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Gan heo</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Gan động vật có vú trên cạn khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Thận bò</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Thận heo</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Thận động vật có vú trên cạn khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của heo</td><td>0,02</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của bò</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của động vật có vú khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Sữa</td><td>0,06</td><td>0,06</td></tr></table> Ghi chú:	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Thịt heo (phần cơ)	0,1	0,1	Thịt bò (phần cơ)	0,1	0,1	Phần cơ động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1	Mỡ heo	0,1	0,1	Mỡ bò	0,1	0,1	Mỡ động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1	Gan bò	0,1	0,1	Gan heo	0,1	0,1	Gan động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1	Thận bò	0,1	0,1	Thận heo	0,1	0,1	Thận động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1	Nội tạng ăn được của heo	0,02	0,02	Nội tạng ăn được của bò	0,1	0,1	Nội tạng ăn được của động vật có vú khác	0,1	0,1	Sữa	0,06	0,06
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																																																							
Thịt heo (phần cơ)	0,1	0,1																																																							
Thịt bò (phần cơ)	0,1	0,1																																																							
Phần cơ động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1																																																							
Mỡ heo	0,1	0,1																																																							
Mỡ bò	0,1	0,1																																																							
Mỡ động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1																																																							
Gan bò	0,1	0,1																																																							
Gan heo	0,1	0,1																																																							
Gan động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1																																																							
Thận bò	0,1	0,1																																																							
Thận heo	0,1	0,1																																																							
Thận động vật có vú trên cạn khác	0,1	0,1																																																							
Nội tạng ăn được của heo	0,02	0,02																																																							
Nội tạng ăn được của bò	0,1	0,1																																																							
Nội tạng ăn được của động vật có vú khác	0,1	0,1																																																							
Sữa	0,06	0,06																																																							

						1. “Nội tạng ăn được” được hiểu là tất cả các phần ăn được, ngoại trừ: cơ, mỡ, gan và thận. 2. “Động vật có vú trên cạn khác” là tất cả các loài trừ bò và heo. 3. Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.																											
21	G/SPS/N/JPN/1286 /Add.1	CNTY, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfadimidine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1286 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL đối với chất Sulfadimidine áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><th>Loại sản phẩm</th><th>MRL cũ (ppm)</th><th>MRL mới (ppm)</th></tr><tr><td>Heo, bò, cừu, ngựa (phần cơ)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Phần cơ động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Mỡ heo, bò, cừu, ngựa</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Mỡ động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Gan bò, heo, cừu, ngựa</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Gan động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Thận bò, heo, cừu, ngựa</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Thận động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Heo, bò, cừu, ngựa (phần cơ)	0,1	0,1	Phần cơ động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1	Mỡ heo, bò, cừu, ngựa	0,1	0,1	Mỡ động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1	Gan bò, heo, cừu, ngựa	0,1	0,1	Gan động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1	Thận bò, heo, cừu, ngựa	0,1	0,1	Thận động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																															
Heo, bò, cừu, ngựa (phần cơ)	0,1	0,1																															
Phần cơ động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1																															
Mỡ heo, bò, cừu, ngựa	0,1	0,1																															
Mỡ động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1																															
Gan bò, heo, cừu, ngựa	0,1	0,1																															
Gan động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1																															
Thận bò, heo, cừu, ngựa	0,1	0,1																															
Thận động vật có vú trên cạn khác (trừ cừu và ngựa)	0,1	0,1																															

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

22	G/SPS/N/JPN/1285 /Add.1	CNTY, TSKN, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfadimethoxine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1285 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL đối với chất Sulfadimethoxine áp dụng từ ngày 10/02/2025:																																																											
						Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Bò (phần cơ)	0,05	0,05	Heo (phần cơ)	0,2	0,2	Phần cơ động vật có vú (trừ bò và heo)	0,05	0,05	Mỡ heo, bò, động vật có vú khác	0,05	0,05	Gan bò	0,05	0,05	Gan heo	0,2	0,2	Gan động vật có vú khác	0,05	0,05	Thận bò	0,05	0,05	Thận heo	0,1	0,1	Thận động vật có vú khác	0,05	0,05	Nội tạng ăn được của bò	0,05	0,05	Nội tạng ăn được của heo	0,1	0,1	Nội tạng ăn được động vật có vú khác	0,05	0,05	Sữa	0,02	0,02	Gà (phần cơ)	0,05	0,05	Phần cơ các loài gia cầm khác	0,	0,1	Mỡ gà	0,05	0,05	Mỡ các loài gia cầm khác	0,1	0,1	Gan gà	0,05	0,05
						Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																																																									
						Bò (phần cơ)	0,05	0,05																																																									
						Heo (phần cơ)	0,2	0,2																																																									
						Phần cơ động vật có vú (trừ bò và heo)	0,05	0,05																																																									
						Mỡ heo, bò, động vật có vú khác	0,05	0,05																																																									
						Gan bò	0,05	0,05																																																									
						Gan heo	0,2	0,2																																																									
						Gan động vật có vú khác	0,05	0,05																																																									
						Thận bò	0,05	0,05																																																									
						Thận heo	0,1	0,1																																																									
						Thận động vật có vú khác	0,05	0,05																																																									
						Nội tạng ăn được của bò	0,05	0,05																																																									
						Nội tạng ăn được của heo	0,1	0,1																																																									
						Nội tạng ăn được động vật có vú khác	0,05	0,05																																																									
						Sữa	0,02	0,02																																																									
						Gà (phần cơ)	0,05	0,05																																																									
						Phần cơ các loài gia cầm khác	0,	0,1																																																									
						Mỡ gà	0,05	0,05																																																									
						Mỡ các loài gia cầm khác	0,1	0,1																																																									
						Gan gà	0,05	0,05																																																									

						<table><tr><td>Gan các loài gia cầm khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Thận gà</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Thận các loài gia cầm khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của gà</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của các gia cầm khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Trứng gà</td><td>1,0</td><td>1,0</td></tr><tr><td>Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá hồi – <i>Salmoniformes</i>)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Động vật thủy sinh (giới hạn ở các loài cá khác</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr></table> Ghi chú: 1. “Nội tạng ăn được” được hiểu là tất cả các phần ăn được, ngoại trừ: cơ, mỡ, gan và thận. 2. “Động vật có vú khác” là tất cả các loài trừ bò và heo. 3. Gia cầm khác: tất cả các loài gia cầm trừ gà 4. Các loài cá khác: tất cả trừ cá hồi, cá chình và cá vược (<i>Salmoniformes</i>, <i>Anguilliformes</i>, <i>Perciformes</i>). 4. Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.	Gan các loài gia cầm khác	0,1	0,1	Thận gà	0,05	0,05	Thận các loài gia cầm khác	0,1	0,1	Nội tạng ăn được của gà	0,05	0,05	Nội tạng ăn được của các gia cầm khác	0,1	0,1	Trứng gà	1,0	1,0	Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá hồi – <i>Salmoniformes</i>)	0,1	0,1	Động vật thủy sinh (giới hạn ở các loài cá khác	0,1	0,1
Gan các loài gia cầm khác	0,1	0,1																												
Thận gà	0,05	0,05																												
Thận các loài gia cầm khác	0,1	0,1																												
Nội tạng ăn được của gà	0,05	0,05																												
Nội tạng ăn được của các gia cầm khác	0,1	0,1																												
Trứng gà	1,0	1,0																												
Động vật thủy sinh (chỉ giới hạn ở bộ cá hồi – <i>Salmoniformes</i>)	0,1	0,1																												
Động vật thủy sinh (giới hạn ở các loài cá khác	0,1	0,1																												
23	G/SPS/N/JPN/1284 /Add.1	CNTY, TSKN, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfadiazine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1284 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL đối với chất Sulfadiazine áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Heo, bò (phần cơ)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Heo, bò (phần cơ)	0,1	0,1																		
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																												
Heo, bò (phần cơ)	0,1	0,1																												

						2. “Động vật có vú trên cạn khác” là tất cả các loài trừ bò và heo. 3. Gia cầm khác: tất cả các loài gia cầm trừ gà 4. Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.																																	
24	G/SPS/N/JPN/1283 /Add.1	CNTY, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Sulfachlorpyridazine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1283 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL đối với chất Sulfachlorpyridazine áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Heo (phần cơ)</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Bò (Phần cơ)</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Mỡ heo</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Mỡ bò</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Gan bò</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Gan heo</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Thận bò</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Thận heo</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của bò</td><td>0,1</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của heo</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr></table> Ghi chú: 1. “Nội tạng ăn được” được hiểu là tất cả các phần ăn được, ngoại trừ: cơ, mỡ, gan và thận. 2. Đối với các sản phẩm không có MRL trong danh sách, áp dụng quy định: thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp.	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Heo (phần cơ)	0,1	0,1	Bò (Phần cơ)	0,05	0,05	Mỡ heo	0,05	0,05	Mỡ bò	0,1	0,1	Gan bò	0,1	0,1	Gan heo	0,05	0,05	Thận bò	0,1	0,1	Thận heo	0,05	0,05	Nội tạng ăn được của bò	0,1	0,1	Nội tạng ăn được của heo	0,05	0,05
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																																					
Heo (phần cơ)	0,1	0,1																																					
Bò (Phần cơ)	0,05	0,05																																					
Mỡ heo	0,05	0,05																																					
Mỡ bò	0,1	0,1																																					
Gan bò	0,1	0,1																																					
Gan heo	0,05	0,05																																					
Thận bò	0,1	0,1																																					
Thận heo	0,05	0,05																																					
Nội tạng ăn được của bò	0,1	0,1																																					
Nội tạng ăn được của heo	0,05	0,05																																					
25	G/SPS/N/JPN/1282 /Add.1	CNTY, ATTP, TTBVT	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Fenitrothion được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1282 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025.																																	

					(Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Nội dung MRL thay đổi đối với chất Fenitrothion áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><th>Loại sản phẩm</th><th>MRL cũ (ppm)</th><th>MRL mới (ppm)</th></tr><tr><td>Ngô</td><td>0,2</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Đậu Hà Lan</td><td>0,3</td><td>0,2</td></tr><tr><td>Khoai tây</td><td>0,05</td><td>0,03</td></tr><tr><td>Củ cải đường</td><td>0</td><td>0,04</td></tr><tr><td>Nguru bàng</td><td>0,03</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Các loại rau khác</td><td>0,01</td><td>0</td></tr><tr><td>Rau Nira</td><td>0</td><td>2</td></tr><tr><td>Cà tím</td><td>0,5</td><td>0,3</td></tr><tr><td>Rau chân vịt</td><td>0,1</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Dâu tây</td><td>5</td><td>6</td></tr><tr><td>Bưởi</td><td>10</td><td>3</td></tr><tr><td>Dưa hấu</td><td>0,01</td><td>0</td></tr><tr><td>Dưa hấu cả quả sau khi bỏ cuống</td><td>0</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Dưa gang</td><td>0,02</td><td>0</td></tr><tr><td>Dưa gang cả quả sau khi bỏ cuống</td><td>0</td><td>3</td></tr><tr><td>Cam Unshu (múi)</td><td>0,05</td><td>0</td></tr><tr><td>Cam Unshu (cả quả)</td><td>0</td><td>7</td></tr><tr><td>Cam (bao gồm cả cam navel)</td><td>10</td><td>7</td></tr><tr><td>Trái cây họ cam quýt khác (trừ quýt ponkan)</td><td>0</td><td>10</td></tr><tr><td>Trái cây họ cam quýt khác (riêng quýt ponkan)</td><td>0</td><td>7</td></tr><tr><td>Đào</td><td>0,2</td><td>0</td></tr><tr><td>Đào sau khi bỏ cuống và hạt</td><td>0</td><td>4</td></tr><tr><td>Quả anh đào</td><td>0,3</td><td>0,2</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Ngô	0,2	0,1	Đậu Hà Lan	0,3	0,2	Khoai tây	0,05	0,03	Củ cải đường	0	0,04	Nguru bàng	0,03	0,02	Các loại rau khác	0,01	0	Rau Nira	0	2	Cà tím	0,5	0,3	Rau chân vịt	0,1	0,05	Dâu tây	5	6	Bưởi	10	3	Dưa hấu	0,01	0	Dưa hấu cả quả sau khi bỏ cuống	0	0,1	Dưa gang	0,02	0	Dưa gang cả quả sau khi bỏ cuống	0	3	Cam Unshu (múi)	0,05	0	Cam Unshu (cả quả)	0	7	Cam (bao gồm cả cam navel)	10	7	Trái cây họ cam quýt khác (trừ quýt ponkan)	0	10	Trái cây họ cam quýt khác (riêng quýt ponkan)	0	7	Đào	0,2	0	Đào sau khi bỏ cuống và hạt	0	4	Quả anh đào	0,3	0,2
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																																																																												
Ngô	0,2	0,1																																																																												
Đậu Hà Lan	0,3	0,2																																																																												
Khoai tây	0,05	0,03																																																																												
Củ cải đường	0	0,04																																																																												
Nguru bàng	0,03	0,02																																																																												
Các loại rau khác	0,01	0																																																																												
Rau Nira	0	2																																																																												
Cà tím	0,5	0,3																																																																												
Rau chân vịt	0,1	0,05																																																																												
Dâu tây	5	6																																																																												
Bưởi	10	3																																																																												
Dưa hấu	0,01	0																																																																												
Dưa hấu cả quả sau khi bỏ cuống	0	0,1																																																																												
Dưa gang	0,02	0																																																																												
Dưa gang cả quả sau khi bỏ cuống	0	3																																																																												
Cam Unshu (múi)	0,05	0																																																																												
Cam Unshu (cả quả)	0	7																																																																												
Cam (bao gồm cả cam navel)	10	7																																																																												
Trái cây họ cam quýt khác (trừ quýt ponkan)	0	10																																																																												
Trái cây họ cam quýt khác (riêng quýt ponkan)	0	7																																																																												
Đào	0,2	0																																																																												
Đào sau khi bỏ cuống và hạt	0	4																																																																												
Quả anh đào	0,3	0,2																																																																												

						<table><tr><td>Nho</td><td>0,2</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Hồng Nhật</td><td>0,8</td><td>0,7</td></tr><tr><td>Hạt dẻ</td><td>0,03</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Các loại gia vị khác (trừ thân rễ wasabi, tỏi, ớt, ớt bột, gừng, vỏ chanh, vỏ cam, vỏ yuzu và hạt mè)</td><td>25</td><td>40</td></tr><tr><td>Mật ong</td><td>0</td><td>0,05</td></tr></table>	Nho	0,2	0,1	Hồng Nhật	0,8	0,7	Hạt dẻ	0,03	0,02	Các loại gia vị khác (trừ thân rễ wasabi, tỏi, ớt, ớt bột, gừng, vỏ chanh, vỏ cam, vỏ yuzu và hạt mè)	25	40	Mật ong	0	0,05																											
Nho	0,2	0,1																																														
Hồng Nhật	0,8	0,7																																														
Hạt dẻ	0,03	0,02																																														
Các loại gia vị khác (trừ thân rễ wasabi, tỏi, ớt, ớt bột, gừng, vỏ chanh, vỏ cam, vỏ yuzu và hạt mè)	25	40																																														
Mật ong	0	0,05																																														
26	G/SPS/N/JPN/1281 /Add.1	CNTY, TSKN, ATTP	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Quinofumelin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1281 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL thay đổi đối với chất Quinofumelin áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Gạo</td><td>0</td><td>0,5</td></tr><tr><td>Các loại đậu khô</td><td>0</td><td>0,4</td></tr><tr><td>Đậu Hà Lan</td><td>0</td><td>0,2</td></tr><tr><td>Bắp cải</td><td>0</td><td>1</td></tr><tr><td>Bông cải trắng, xanh</td><td>0</td><td>3</td></tr><tr><td>Các loại rau họ cải khác</td><td>0</td><td>3</td></tr><tr><td>Rau diếp, rau diếp xoăn</td><td>0</td><td>20</td></tr><tr><td>Hành tây, tỏi</td><td>0</td><td>0,04</td></tr><tr><td>Các loại rau họ hành khác</td><td>0</td><td>0,04</td></tr><tr><td>Măng tây</td><td>0</td><td>2</td></tr><tr><td>Cà chua, cà tím</td><td>0</td><td>1</td></tr><tr><td>ớt chuông ngọt</td><td>0</td><td>2</td></tr><tr><td>Dưa leo</td><td>0</td><td>0,4</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Gạo	0	0,5	Các loại đậu khô	0	0,4	Đậu Hà Lan	0	0,2	Bắp cải	0	1	Bông cải trắng, xanh	0	3	Các loại rau họ cải khác	0	3	Rau diếp, rau diếp xoăn	0	20	Hành tây, tỏi	0	0,04	Các loại rau họ hành khác	0	0,04	Măng tây	0	2	Cà chua, cà tím	0	1	ớt chuông ngọt	0	2	Dưa leo	0	0,4
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																																														
Gạo	0	0,5																																														
Các loại đậu khô	0	0,4																																														
Đậu Hà Lan	0	0,2																																														
Bắp cải	0	1																																														
Bông cải trắng, xanh	0	3																																														
Các loại rau họ cải khác	0	3																																														
Rau diếp, rau diếp xoăn	0	20																																														
Hành tây, tỏi	0	0,04																																														
Các loại rau họ hành khác	0	0,04																																														
Măng tây	0	2																																														
Cà chua, cà tím	0	1																																														
ớt chuông ngọt	0	2																																														
Dưa leo	0	0,4																																														

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

						<table><tr><td>Mỡ gà, các loài gia cầm khác</td><td>0</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Gan gà, các loài gia cầm khác</td><td>0</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Thận gà, các loài gia cầm khác</td><td>0</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của gà, các loài gia cầm khác</td><td>0</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Trứng gà và trứng gia cầm khác</td><td>0</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Động vật thủy sinh</td><td>0</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)</td><td>0</td><td>0,05</td></tr></table> Ghi chú: 1. Mức giới hạn đồng nhất 0,01 ppm được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê ở trên 1. “Nội tạng ăn được” được hiểu là tất cả các phần ăn được, ngoại trừ: cơ, mỡ, gan và thận. 2. “Động vật có vú trên cạn khác” là tất cả các loài trừ bò và heo. 3. Gia cầm khác: tất cả các loài gia cầm trừ gà	Mỡ gà, các loài gia cầm khác	0	0,01	Gan gà, các loài gia cầm khác	0	0,01	Thận gà, các loài gia cầm khác	0	0,01	Nội tạng ăn được của gà, các loài gia cầm khác	0	0,01	Trứng gà và trứng gia cầm khác	0	0,01	Động vật thủy sinh	0	0,1	Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0	0,05
Mỡ gà, các loài gia cầm khác	0	0,01																									
Gan gà, các loài gia cầm khác	0	0,01																									
Thận gà, các loài gia cầm khác	0	0,01																									
Nội tạng ăn được của gà, các loài gia cầm khác	0	0,01																									
Trứng gà và trứng gia cầm khác	0	0,01																									
Động vật thủy sinh	0	0,1																									
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0	0,05																									
27	G/SPS/N/JPN/1280 /Add.1	CNTY, ATTP, TTBVT	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Pyribencarb được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1280 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL thay đổi đối với chất Pyribencarb áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>đậu tương khô</td><td>0,7</td><td>0,5</td></tr><tr><td>Cam Amanatsu</td><td>5</td><td>4</td></tr><tr><td>Bưởi</td><td>5</td><td>4</td></tr><tr><td>Đào</td><td>3</td><td>2</td></tr><tr><td>Việt quất</td><td>0</td><td>1</td></tr><tr><td>Lê, lê Nhật</td><td>3</td><td>2</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	đậu tương khô	0,7	0,5	Cam Amanatsu	5	4	Bưởi	5	4	Đào	3	2	Việt quất	0	1	Lê, lê Nhật	3	2
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																									
đậu tương khô	0,7	0,5																									
Cam Amanatsu	5	4																									
Bưởi	5	4																									
Đào	3	2																									
Việt quất	0	1																									
Lê, lê Nhật	3	2																									

						<table><tr><td>Các loại rau thơm khác (trừ cải xoong, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây)</td><td>0</td><td>30</td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)</td><td>0</td><td>0,05</td></tr></table>	Các loại rau thơm khác (trừ cải xoong, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây)	0	30	Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0	0,05																																													
Các loại rau thơm khác (trừ cải xoong, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây)	0	30																																																							
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0	0,05																																																							
28	G/SPS/N/JPN/1279 /Add.1	CNTY, ATTP, TTBVT	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Flometoquin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1278 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL thay đổi đối với chất Flometoquin áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><td>Loại sản phẩm</td><td>MRL cũ (ppm)</td><td>MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Cải xoăn</td><td>0</td><td>5</td></tr><tr><td>Cải bó xôi Nhật</td><td>0</td><td>5</td></tr><tr><td>Cải kyona</td><td>0</td><td>5</td></tr><tr><td>Cải thìa</td><td>0</td><td>5</td></tr><tr><td>Các loại rau họ cải khác</td><td>0</td><td>5</td></tr><tr><td>Rau diếp xoăn, rau endive</td><td>0</td><td>3</td></tr><tr><td>Xà lách</td><td>0</td><td>4</td></tr><tr><td>Đậu đỏ non có vỏ</td><td>0</td><td>1</td></tr><tr><td>Các loại rau khác</td><td>0</td><td>0,02</td></tr><tr><td>Chanh</td><td>1</td><td>0,3</td></tr><tr><td>Cam (bao gồm cam navel)</td><td>1</td><td>0,7</td></tr><tr><td>Đào</td><td>0</td><td>0,6</td></tr><tr><td>Nho</td><td>0</td><td>1</td></tr><tr><td>Trà</td><td>5</td><td>40</td></tr><tr><td>Các loại rau thơm khác</td><td>0</td><td>30</td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)</td><td>0</td><td>0,05</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Cải xoăn	0	5	Cải bó xôi Nhật	0	5	Cải kyona	0	5	Cải thìa	0	5	Các loại rau họ cải khác	0	5	Rau diếp xoăn, rau endive	0	3	Xà lách	0	4	Đậu đỏ non có vỏ	0	1	Các loại rau khác	0	0,02	Chanh	1	0,3	Cam (bao gồm cam navel)	1	0,7	Đào	0	0,6	Nho	0	1	Trà	5	40	Các loại rau thơm khác	0	30	Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0	0,05
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																																																							
Cải xoăn	0	5																																																							
Cải bó xôi Nhật	0	5																																																							
Cải kyona	0	5																																																							
Cải thìa	0	5																																																							
Các loại rau họ cải khác	0	5																																																							
Rau diếp xoăn, rau endive	0	3																																																							
Xà lách	0	4																																																							
Đậu đỏ non có vỏ	0	1																																																							
Các loại rau khác	0	0,02																																																							
Chanh	1	0,3																																																							
Cam (bao gồm cam navel)	1	0,7																																																							
Đào	0	0,6																																																							
Nho	0	1																																																							
Trà	5	40																																																							
Các loại rau thơm khác	0	30																																																							
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0	0,05																																																							

29	G/SPS/N/JPN/1278 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với Cyflumetofen được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1292 (ngày 09/9/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025. Nội dung MRL thay đổi đối với chất Cyflumetofen áp dụng từ ngày 10/02/2025: <table><tr><th>Loại sản phẩm</th><th>MRL cũ (ppm)</th><th>MRL mới (ppm)</th></tr><tr><td>Cần tây</td><td>0</td><td>40</td></tr><tr><td>Cà tím</td><td>1</td><td>2</td></tr><tr><td>Cam Unshu</td><td>3</td><td>5</td></tr><tr><td>Cam (bao gồm cam navel)</td><td>3</td><td>10</td></tr><tr><td>Bưởi</td><td>5</td><td>10</td></tr><tr><td>Quả sơn trà</td><td>0,3</td><td>0</td></tr><tr><td>Quả sơn trà sau khi bỏ cuống</td><td>0</td><td>5</td></tr><tr><td>Quả anh đào</td><td>10</td><td>5</td></tr><tr><td>Trà</td><td>40</td><td>150</td></tr><tr><td>Các loại gia vị khác (trừ rễ wasabi, tỏi, ớt, ớt bột, gừng, vỏ chanh, vỏ cam, vỏ yuzu và hạt mè)</td><td>20</td><td>15</td></tr></table>	Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)	Cần tây	0	40	Cà tím	1	2	Cam Unshu	3	5	Cam (bao gồm cam navel)	3	10	Bưởi	5	10	Quả sơn trà	0,3	0	Quả sơn trà sau khi bỏ cuống	0	5	Quả anh đào	10	5	Trà	40	150	Các loại gia vị khác (trừ rễ wasabi, tỏi, ớt, ớt bột, gừng, vỏ chanh, vỏ cam, vỏ yuzu và hạt mè)	20	15
Loại sản phẩm	MRL cũ (ppm)	MRL mới (ppm)																																					
Cần tây	0	40																																					
Cà tím	1	2																																					
Cam Unshu	3	5																																					
Cam (bao gồm cam navel)	3	10																																					
Bưởi	5	10																																					
Quả sơn trà	0,3	0																																					
Quả sơn trà sau khi bỏ cuống	0	5																																					
Quả anh đào	10	5																																					
Trà	40	150																																					
Các loại gia vị khác (trừ rễ wasabi, tỏi, ớt, ớt bột, gừng, vỏ chanh, vỏ cam, vỏ yuzu và hạt mè)	20	15																																					
30	G/SPS/N/JPN/1277 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	03/7/2025	Quy định về Tiêu chuẩn và Quy cách đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng)	Nhật Bản đã thông qua và công bố vào ngày 10/02/2025 quy định cuối cùng liên quan đến việc sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp. Cụ thể, chất BLAD, một thành phần được sử dụng trong thuốc bảo vệ thực vật, đã được chính thức chỉ định là "chất không gây ảnh hưởng có hại đến sức khỏe người dùng khi tồn dư trong thực phẩm" (theo quy định tại thông báo G/SPS/N/JPN/1277 ngày 09/9/2024). Việc chỉ định này đồng nghĩa với việc thiết lập hoặc cập nhật giới hạn dư lượng cho BLAD trong thực phẩm, nhằm đảm bảo mức độ an toàn cho người tiêu dùng và phù hợp với các quy định khoa học về vệ sinh thực phẩm tại Nhật Bản.																																	

31	G/SPS/N/CAN/1590 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Canada	30/6/2025	Thiết lập Giới hạn dư lượng tối đa (MRL): Pendimethalin	Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với hoạt chất pendimethalin, được thông báo trong văn bản G/SPS/N/CAN/1590 (ngày 28/02/2025), đã được thông qua vào ngày 25/6/2025. MRL được thiết lập thông qua việc đưa vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được trình bày cụ thể như sau: - Hướng dương (nhóm cây trồng phụ 20B): 0,1ppm		
32	G/SPS/N/CAN/1589 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Canada	30/6/2025	Thiết lập Giới hạn dư lượng tối đa (MRL): Ethalfluralin	Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với hoạt chất Ethalfluralin, được thông báo trong văn bản G/SPS/N/CAN/1589 (ngày 28/02/2025), đã được thông qua vào ngày 25/6/2025. MRL được thiết lập thông qua việc đưa vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được trình bày cụ thể như sau: - Rễ cây củ cải: 0,15ppm		
33	G/SPS/N/TPKM/643 /Add.1	CNTY	Đài Loan (Trung Quốc)	25/6/2025	Dự thảo bãi bỏ “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu các đối tượng thuộc diện kiểm dịch liên quan đến Vi-rút Decapod Iridescent Vi-rút 1”	Dự kiến bãi bỏ văn bản “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu các đối tượng thuộc diện kiểm dịch liên quan đến Vi-rút Decapod Iridescent Vi-rút 1”. Lý do: Các yêu cầu kiểm dịch liên quan đến Vi-rút Decapod Iridescent Vi-rút 1 đã được tích hợp vào văn bản “Yêu cầu kiểm dịch nhập khẩu đối với động vật giáp xác và động vật thân mềm sống” (G/SPS/N/TPKM/635/Add.1). Do đó, tài liệu này (G/SPS/N/TPKM/643/Add.1) được đề xuất bãi bỏ từ ngày 08/4/2025.		
34	G/SPS/N/THA /216 /Add.4	ATTP, TTBVTV	Thái Lan	25/6/2025	Tiêu chuẩn Nông nghiệp Thái Lan "Hạt lạc: Dư lượng tối đa aflatoxin"	Dự thảo thông báo về các biện pháp SPS đối với hạt lạc nhập khẩu được thông báo trong G/SPS/N/THA/216/Add.3 (ngày 11/3/2025) đã được công bố trên Công báo chính thức vào ngày 17/6/2025. Ngày có hiệu lực: 18/6/2025		
35	G/SPS/N/CAN/1528 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Canada	24/6/2025	Thiết lập Giới hạn dư lượng tối đa (MRL): Mefentrifluconazole	Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với hoạt chất pendimethalin, được thông báo trong văn bản G/SPS/N/CAN/1528 (ngày 12/08/2023), đã được thông qua vào ngày 20/6/2025. MRL được thiết lập thông qua việc đưa vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được trình bày cụ thể như sau: <table><tr><td>MRL (ppm)¹</td><td>Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã qua chế biến</td></tr></table>	MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã qua chế biến
MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã qua chế biến							

						30	Rau ăn lá (nhóm 4-13, trừ rau diếp)
						20	Lá các loại rau củ ăn củ (làm thức ăn cho người hoặc thức ăn chăn nuôi) (nhóm cây 2)
						5,0	Cây bụi (nhóm cây trồng phụ 13-07B, ngoại trừ cây lý gai2); xà lách
						4,0	Hành lá (phân nhóm cây trồng 3-07B); cà chua khô
						2,0	Quả mọng mọc thấp (nhóm cây trồng 13-07G)
						1,5	Quả chuối; mía
						0,9	Rau ăn quả (nhóm cây 8-09)
						0,7	Rau củ (trừ củ cải đường) (phân nhóm cây 1B)
						0,5	Quả dưa (phụ nhóm cây trồng 9A); cà phê hạt
						0,2	Củ hành (phân nhóm cây trồng 3-07A); bí/dưa chuột (phân nhóm cây trồng 9B); hạt bông
						0,15	Hương dương (nhóm cây trồng 20B, sửa đổi)

36	G/SPS/N/JPN/1327 /Add.1	TTBVT	Nhật Bản	23/6/2025	Đề xuất sửa đổi Pháp lệnh thi hành Luật Bảo vệ thực vật, các thông báo liên quan và các quy định chi tiết	Việc sửa đổi Pháp lệnh thi hành Luật Bảo vệ thực vật và Danh mục dịch hại không thuộc diện kiểm dịch (được thông báo theo mã G/SPS/N/JPN/1327 ngày 18/3/2025) đã được công bố trên Công báo chính thức của Nhật Bản vào ngày 23/6/2025. Những sửa đổi và yêu cầu này sẽ có hiệu lực từ ngày 23/12/2025, ngoại trừ việc xóa một quốc gia khỏi Mục 37 của Bảng Phụ lục 2-2 và sửa đổi Danh mục dịch hại không thuộc diện kiểm dịch, cả hai nội dung này sẽ có hiệu lực từ ngày 24/6/2025. Các Bảng Phụ lục 1, 1-2, 2 và 2-2 của Sắc lệnh thi hành Luật Bảo vệ Thực vật, cũng như Danh mục dịch hại không thuộc diện kiểm dịch sau khi sửa đổi,
37	G/SPS/N/BRA/2380 /Add.1	ATTP	Bra-xin	19/6/2025	Dự thảo Nghị quyết 1310, ngày 14/02/2025.	Dự thảo Nghị quyết 1310, ngày 14/02/2025 đã được thông báo số G/SPS/N/BRA/2380 bởi Hướng dẫn Quy định 371, ngày 05/6/2025. Quy định này đề xuất đưa các hoạt chất a14 - atrazine, a66 - indolacetic acid, b26 - bifenthrin, c03 - carbaryl, c35 - clomazone, c40 - chlorfenapyr, c70 - chlorantraniliprole, c88 - cyclobutirfluram, d21 - diquat, e25 - spirodiclofen, f28 - fenpropathrin, f36 - flutriafol, f37 - fenpyroximate, f42 - fluroxypir meptylic, f46 - flumioxazine, i12 - imazapyr, i18 - isoxaflutol, m02 - mancozeb, m17 - methomil, m32 - methoxyphenozide, m40 - mesotrione, m45 - mandipropamide, n08 - nicosulfuron, o21 - oxathiapiprotin, p13 - profenophos, p61 - pyrooxasulfone, p65 - pyridifluthrin, s09 - sulfentrazone and t71 - methylnicarbazon vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
38	G/SPS/N/BRA/2267 /Add.1	ATTP	Bra-xin	19/6/2025	Dự thảo Nghị quyết 1243, ngày 20/3/2024.	Dự thảo Nghị quyết 1243, ngày 20/3/2024 đã được thông báo số G/SPS/N/BRA/2267 bởi Hướng dẫn Quy định 367, ngày 05/6/2025. Quy định này thiết lập yêu cầu về thành phần và chất lượng, các công bố về nội dung và dinh dưỡng, cùng với danh mục các thành phần được phép sử dụng đối với các sản phẩm sau: Sữa công thức cho trẻ sơ sinh; Thực phẩm chuyên tiếp và thực phẩm từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; Công thức dinh

						đường qua đường tiêu hóa (enteral nutrition); Công thức chế độ ăn uống phục vụ điều trị các rối loạn chuyển hóa bẩm sinh.						
39	G/SPS/N/CAN/1559 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Canada	17/6/2025	Thiết lập Giới hạn Dư lượng Tối đa (MRL): Bromoxynil	Văn bản đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với bromoxynil, đã được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/CAN/1559 (ngày 21/6/2024), được thông qua vào ngày 13/6/2025. Các MRL đề xuất đã được chính thức thiết lập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về Giới hạn Dư lượng Tối đa (MRL), với các mức cụ thể như sau: <table><tr><td>MRL (ppm)</td><td>Nông sản tươi (RAC) và/hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td></tr><tr><td>0,02</td><td>Hành lá, củ hành tím</td></tr><tr><td>0,01</td><td>Tỏi tây</td></tr></table>	MRL (ppm)	Nông sản tươi (RAC) và/hoặc sản phẩm đã qua chế biến	0,02	Hành lá, củ hành tím	0,01	Tỏi tây
MRL (ppm)	Nông sản tươi (RAC) và/hoặc sản phẩm đã qua chế biến											
0,02	Hành lá, củ hành tím											
0,01	Tỏi tây											
40	G/SPS/N/ZAF/83/Add.1	CLCB	Nam Phi	12/6/2025	Tiêu chuẩn bắt buộc đối với bào ngư khô – VC 9108	Tiêu chuẩn bắt buộc đối với bào ngư khô (VC9108) đã được công bố và sẽ có hiệu lực sáu tháng sau kể từ ngày ban hành.						
41	G/SPS/N/UKR/237 /Add.1	ATTP, CLCB	Ucraina	12/6/2025	Dự thảo Quyết định của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu vệ sinh đối với Casein và Caseinat dùng làm thực phẩm"	Ucraina thông báo về việc thông qua Quyết định số 1534 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt vệ sinh Yêu cầu đối với Casein và Caseinates dùng làm thực phẩm" ngày 27/3/2025. Quyết định được công bố vào ngày 03/6/2025 và sẽ có hiệu lực vào ngày 03/12/2025.						
42	G/SPS/N/JPN/1345 /Add.1	CNTY	Nhật Bản	11/6/2025	Dự thảo sửa đổi Pháp lệnh Bộ trưởng về Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thức ăn chăn nuôi và Phụ gia thức ăn chăn nuôi	Quy định thiết lập tiêu chuẩn và quy chuẩn đối với enzym amylase (số 3) sử dụng trong thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi, đã được thông báo trong văn bản G/SPS/N/JPN/1345 (ngày 20/5/2025), đã chính thức có hiệu lực từ ngày 10/6/2025.						
43	G/SPS/N/EU/808 /Add.1	ATTP, CNTY	Liên minh Châu Âu	04/6/2025	Phân loại chất ketoprofen mức dư lượng tối đa trong thực phẩm có nguồn gốc động vật	Thông báo G/SPS/N/EU/808 (ngày 04/02/2025) đã thông qua Quy định (EU) 2025/1105 ngày 03/6/2025 về việc sửa đổi Quy định (EU) số 37/2010 liên quan đến việc mức dư lượng tối đa chất ketoprofen trong thực phẩm có nguồn gốc động vật. Quy định có hiệu lực từ ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên Công báo của Liên minh Châu Âu.						

44	G/SPS/N/TPKM/642 /Add.1	CNTY, BCT	Đài Loan (Trung Quốc)	04/6/2025	Sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến”	Đài Loan thông báo Dự thảo sửa đổi "Yêu cầu kiểm dịch về việc nhập khẩu thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến" liên quan đến Điều 17 (Phụ lục 15-2) của “Quy định về nhập khẩu các đối tượng thuộc diện kiểm dịch động vật" ngày 11/3/2025 (G/SPS/N/TPKM/642). Nội dung sửa đổi đã được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 12/5/2025.
45	G/SPS/N/CHL/828 /Add.1	CNTY	Chi lê	03/6/2025	Nghị quyết miễn trừ số 3.605 năm 2025 sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 8.443/2022 quy định yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu ruột heo vào Chi lê	Chi lê thông báo rằng Nghị quyết miễn trừ số 3.605 năm 2025, với nội dung “Sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 8.443/2022 quy định các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu ruột heo vào Chi lê”, đã được công bố trên Công báo Nhà nước vào ngày 28/5/2025 và có hiệu lực kể từ ngày công bố.
46	G/SPS/N/USA/3310 /Add.2	ATTP, CNTY	Hoa Kỳ	02/6/2025	Danh mục các chất tạo màu; Myoglobin; Xác nhận ngày có hiệu lực	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) xác nhận ngày 19/02/2025 là ngày có hiệu lực của lệnh cuối cùng đã được công bố trên Công báo Liên bang. Quy định này sửa đổi các quy định về myoglobin như một chất tạo màu an toàn màu trong các sản phẩm thịt xay và sản phẩm thay thế thịt gia cầm xay.
47	G/SPS/N/UKR/233 /Add.1	TTBVTV	Ucraina	28/5/2025	Dự thảo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ucraina "Về việc phê duyệt một số điều luật của Nội các Bộ trưởng Ucraina quy định về đăng ký quốc gia đối với sinh vật biến đổi gen"	Ucraina thông báo việc thông qua dự thảo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ucraina "Về việc phê duyệt một số điều luật của Nội các Bộ trưởng Ucraina quy định đăng ký quốc gia đối với sinh vật biến đổi gen" như Nghị quyết số 584 của Nội các Bộ trưởng Ucraina "Một số vấn đề của đăng ký quốc gia về sinh vật biến đổi gen" ngày 21/5/2025. Nghị quyết được công bố ngày 24/5/2025 và sẽ có hiệu lực đồng thời với Luật Ucraina số 3339 IX “Về quản lý nhà nước đối với hoạt động công nghệ gen và kiểm soát nhà nước việc đưa GMO và sản phẩm có chứa GMO ra thị trường" ngày 23/8/2023, tức là kể từ ngày 16/9/2026.
48	G/SPS/N/GBR/78 /Add.2	TTBVTV	Vương quốc Anh	23/5/2025	Sửa đổi Quy định Thi hành của Ủy ban châu Âu (EU) 2019/2072	Thông báo G/SPS/N/GBR/78 ngày 18/12/2024 đã thông báo về các sửa đổi dự kiến đối với luật định áp dụng tại Anh, Scotland và Wales (Vương quốc Anh) tương thích với Quy định Thi hành của Ủy ban châu Âu (EU) 2019/2072, dự kiến có hiệu lực từ ngày 30/5/2025.

						Theo khuyến nghị của dự thảo Phân tích Rủi ro Dịch hại của Vương quốc Anh, loài <i>Pochazia shantungensis</i> sẽ không được bổ sung vào danh sách dịch hại kiểm dịch tạm thời của Vương quốc Anh (Anh, Scotland và Wales) trong quy định tương thích với Quy định (EU) 2019/2072.
49	G/SPS/N/TPKM/638 /Add.1	ATTP, TTBVT	Đài Loan (Trung Quốc)	22/5/2025	Sửa đổi Tiêu chuẩn kỹ thuật về đặc điểm, phạm vi, ứng dụng và giới hạn phụ gia thực phẩm	Sửa đổi cuối cùng của Tiêu chuẩn kỹ thuật về đặc điểm, phạm vi, ứng dụng và giới hạn phụ gia thực phẩm (G/SPS/N/TPKM/638) sẽ được thực hiện kể từ ngày 01/7/2027, trừ các nội dung sau được áp dụng ngay từ ngày ban hành: Phụ lục 1, mục 07 “Cải thiện chất lượng thực phẩm, men và chế biến thực phẩm”, mục 07071 “Sáp Carnauba dùng cho trái cây có múi, dưa hấu, táo, lê, đào, dứa, lựu, xoài, bơ và đu đủ”, mục 08 “Phụ gia dinh dưỡng”, mục 08109 “Natri selenit”, mục 08260 “Magie Citrat dùng cho thực phẩm dành cho trẻ sinh non”, sửa đổi Tiêu chuẩn mục 10 “Chất tạo hương”.
50	G/SPS/N/BRA/2374 /Add.1	ATTP	Bra-xin	21/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1309, ngày 24/01/2025	Dự thảo Nghị quyết 1309, ngày 24/01/2025 đã được thông báo số G/SPS/N/BRA/2374 bởi Hướng dẫn Quy phạm 365, ngày 16/5/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất T78 - trichoderma viride vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
51	G/SPS/N/BRA/2373 /Add.1	ATTP	Bra-xin	21/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1308, ngày 24/01/2025	Dự thảo Nghị quyết 1308, ngày 24/01/2025 đã được thông báo số G/SPS/N/BRA/2373 bởi Hướng dẫn Quy phạm 366, ngày 16/5/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất P76 - pseudomonas glycinis vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
52	G/SPS/N/BRA/2372 /Add.1	ATTP	Bra-xin	21/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1307, ngày 24/01/2025	Dự thảo Nghị quyết 1307, ngày 24/01/2025 đã được thông báo số G/SPS/N/BRA/2372 bởi Hướng dẫn Quy phạm 363, ngày 16/5/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất M47.2 – chiết xuất malaleuca alternifolia vào danh mục M47 - malaleuca alternifolia vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh

						gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
53	G/SPS/N/BRA/2371 /Add.1	ATTP	Bra-xin	21/5/2025	Dự thảo Nghị quyết 1306, ngày 24/01/2025	Dự thảo Nghị quyết 1306, ngày 24/01/2025 đã được thông báo G/SPS/N/BRA/2371 bởi Hướng dẫn Quy định 364, ngày 16/5/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất F82 - fluoxastrobin vào Danh mục về các hoạt chất Thuốc trừ sâu, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy phạm 103 trên Công báo Bra-xin.
54	G/SPS/N/TUR/94 /Add.1	BCT	Thổ Nhĩ Kỳ	20/5/2025	Thông báo về việc sửa đổi Thông báo của Tiêu chuẩn thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về rượu pha hương liệu, đồ uống có cồn pha từ rượu có hương liệu và Cocktail từ sản phẩm rượu có hương liệu	Thông báo của Tiêu chuẩn thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về việc sửa đổi nội dung Rượu pha hương liệu, đồ uống có cồn pha từ rượu pha hương liệu và Cocktail từ sản phẩm rượu pha hương liệu, đã được thông báo tại WTO tại thông báo số G/SPS/N/TUR/94 ngày 11/10/2017. Quy định này sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 24 tháng 10 năm 2025 với thời gian chuyển tiếp đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026.
55	G/SPS/N/USA/3448 /Add.1	ATTP, CT	Hoa Kỳ	16/5/2025	Danh mục phụ gia màu không cần chứng nhận; Chiết xuất hoa đậu biếc; Sửa đổi cuối cùng;	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) sửa đổi quy định về chất màu thực phẩm để mở rộng phạm vi sử dụng an toàn chiết xuất hoa đậu biếc làm chất tạo màu trong các sản phẩm ngũ cốc ăn liền, bánh quy giòn, hỗn hợp đồ ăn nhẹ, bánh quy que, khoai tây chiên nguyên chất (dạng ép hoặc nướng), bánh ngô, bánh tortilla và bánh đa hạt, với mức sử dụng phù hợp theo Thực hành Sản xuất Tốt (GMP). Quyết định này được đưa ra nhằm đáp ứng đơn đề nghị về chất màu thực phẩm (CAP) do Công ty Sensient Colors, LLC (Sensient) đệ trình. Hiệu lực từ ngày 26/6/2025.
56	G/SPS/N/USA/3370 /Add.1	ATTP, CT	Hoa Kỳ	16/5/2025	Danh mục phụ gia màu không cần chứng nhận; Canxi Photphat; Sửa đổi cuối cùng; Ban hành	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) sửa đổi quy định về chất màu thực phẩm để cho phép sử dụng an toàn canxi photphat làm chất tạo màu trong các sản phẩm thịt gà ăn liền, kẹo trắng dễ chảy, đường phủ bánh vòng và đường dùng cho kẹo bọc. Quyết định này được đưa ra nhằm đáp ứng đơn đề nghị về chất màu thực phẩm (CAP) do Công ty Innophos, Inc. (Innophos) đệ trình. Hiệu lực từ ngày 26/6/2025.

57	G/SPS/N/USA/3273 /Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	16/5/2025	Danh mục phụ gia màu không cần chứng nhận; Chiết xuất Galdieria Blue; Sửa đổi cuối cùng; Ban hành	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) sửa đổi quy định về chất màu thực phẩm để cho phép sử dụng an toàn chiết xuất Galdieria Blue, có nguồn gốc từ tảo đỏ đơn bào (Galdieria sulphuraria), trong nhiều loại thực phẩm ở mức độ phù hợp với thông lệ sản xuất tốt (GMP). Quyết định được đưa ra nhằm đáp ứng đơn đề nghị về chất tạo màu thực phẩm (CAP) do Công ty Innophos, Inc. (Innophos) đệ trình. Hiệu lực từ ngày 26/6/2025.
58	G/SPS/N/UKR/238 /Add.1	ATTP, CNTY, TTBVTV, CLCB	Ucraina	14/5/2025	Dự thảo Quyết định của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina về việc sửa đổi Quyết định của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina số 159 ngày 26 tháng 3 năm 2018	Ucraina thông báo ban hành Quyết định số 1455 ngày 14/3/2025 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina về việc sửa đổi Quyết định của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina số 159 ngày 26 tháng 3 năm 2018". Quyết định đã được đăng ký tại Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, và đã được công bố và có hiệu lực vào ngày 7 tháng 5 năm 2025.
59	G/SPS/N/UKR/234 /Add.1	ATTP	Ucraina	15/5/2025	Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng Ucraina về việc “Phê duyệt Quy trình phân loại nước uống là nước khoáng tự nhiên”	Ucraina thông báo việc ban hành Nghị định số 542 của Hội đồng Bộ trưởng Ucraina về việc “Phê duyệt quy trình phân loại nước uống là nước khoáng tự nhiên” vào ngày 09/5/2025. Nghị định đã được công bố và có hiệu lực từ ngày 14/5/2025.
60	G/SPS/N/FRA/21	TTBVTV	Pháp	05/5/2025	Quy định ngày 15/4/2025 về việc tạm ngừng nhập khẩu và lưu thông trên thị trường Pháp thực phẩm bổ sung có chứa cây Garcinia cambogia Desr. và các chế phẩm từ các bộ phận của cây này	Lệnh được thông báo quy định tạm ngừng một năm, việc nhập khẩu/đưa vào lãnh thổ/lưu thông tại Pháp (dù miễn phí hay có thu phí) các sản phẩm thực phẩm bổ sung có chứa cây Garcinia cambogia Desr, cũng như mọi chế phẩm có nguồn gốc từ bất kỳ bộ phận nào của cây này. Các sản phẩm hiện đang lưu thông trên thị trường phải được thu hồi. Quy định có hiệu lực từ ngày 16/4/2025.
61	G/SPS/N/EU/791 /Add.1	ATTP, CNTY	Liên minh châu Âu	01/5/2025	Yêu cầu nhập khẩu đối với một số sản phẩm từ sữa, một số phụ gia thực phẩm có nguồn gốc từ động vật, vỏ collagen, thịt băm, chế phẩm từ thịt, thịt tách cơ học và các sản phẩm tổng hợp có chứa viên nang gelatin.	Thông báo G/SPS/N/EU/791 (ngày 22/8/2024) về Quy định (EU) 2025/637 ngày 29/01/2025 sửa đổi Quy định (EU) 2022/2292 "yêu cầu nhập khẩu đối với một số sản phẩm từ sữa, một số phụ gia thực phẩm có nguồn gốc từ động vật, vỏ collagen, thịt băm, chế phẩm từ thịt, thịt tách cơ học và các sản phẩm tổng hợp có chứa viên nang gelatin" hiện đã được thông qua. Quy định này có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày công bố trên Công báo của Liên minh Châu Âu.

62	G/SPS/N/JPN/1332 /Add.1	CNTY	Nhật Bản	30/4/2025	Đề xuất sửa đổi Nghị định về Đặc điểm và Tiêu chuẩn của Thức ăn và Phụ gia Thức ăn	Việc chỉ định dầu từ vỏ hạt điều làm phụ gia thức ăn và thiết lập các tiêu chuẩn và đặc điểm cho thức ăn và phụ gia thức ăn, đã được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1332 (08/4/2025), sẽ có hiệu lực từ ngày 01/5/2025.
63	G/SPS/N/CHL/819 /Add.1	TTBVT	Chi Lê	29/4/2025	Nghị quyết miễn trừ số 2.450/2025 sửa đổi Nghị quyết số 7.424 năm 2013 thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nấm để nhân giống và tiêu thụ, bất kể nguồn gốc nào	Chi Lê thông báo Nghị quyết miễn trừ số 2.450/2025 sửa đổi Nghị quyết số 7.424 năm 2013 thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nấm để nhân giống và tiêu thụ, đã được công bố trên Công báo vào ngày 17/4/2025 và có hiệu lực kể từ ngày đó.
64	G/SPS/N/UKR/235 /Add.1	ATTP	Ucraina	24/4/2025	Dự thảo Sắc lệnh của Bộ Y tế Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với hương liệu tạo khói"	Ucraina thông báo về việc thông qua dự thảo Sắc lệnh của Bộ Y tế Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với hương liệu tạo khói" ngày 28/02/2025. Sắc lệnh đã được đăng ký vào ngày 14/3/2025 và được công bố vào ngày 15/4/2025. Có hiệu lực vào ngày 15/10/2025.
65	G/SPS/N/CAN/1506 /Add.1/Corr.1	TTBVT	Canada	23/4/2025	D-22-03 Yêu cầu đối với việc nhập khẩu và di chuyển trong nước của vật liệu nho để nhân giống hoặc sử dụng trang trí dưới dạng dây nho tươi	Thông báo này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng thông báo G/SPS/N/CAN/1506/Add.1 đã được sửa đổi. Xin lưu ý rằng chỉ thị D-22-03 đã có hiệu lực kể từ ngày 17/4/2025.
66	G/SPS/N/UKR/203 /Add.1	TTBVT	Ucraina	22/4/2025	Dự thảo Luật Ucraina “Cây hoa bia và các sản phẩm từ hoa bia”	Ucraina thông báo về việc ban hành Luật số 4341 “Cây hoa bia và các sản phẩm từ hoa bia” thông báo ngày 27/3/2025, công bố ngày 18/4/2025 và có hiệu lực từ ngày 18/4/2027, ngoại trừ Khoản 2 và Khoản 3 của Phần IX sẽ có hiệu lực từ ngày 19/4/2025. Phần IX của Luật quy định về hiệu lực thi hành của Luật và việc sửa đổi các văn bản pháp luật hiện hành của Ucraina nhằm hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là các lĩnh vực như giống cây trồng, kiểm dịch thực vật, trồng hoa bia, thú y, trồng nho và các lĩnh vực liên quan khác.
67	G/SPS/N/SGP/78 /Add.1	BCT, ATTP,	Singapore	22/4/2025	Dự thảo Quy định Thực phẩm (Sửa đổi số X) năm 2022 (Yêu cầu ghi	Ngày 30/9/2022, Cơ quan Thực phẩm Singapore (SFA) đã thông báo với WTO qua thông báo số G/SPS/N/SGP/78 về dự thảo sửa

		TTBVTV, CNTY, CLCB			nhân đối với thực phẩm đóng gói sẵn) – Quy định Thực phẩm (Sửa đổi) năm 2025	đổi Quy định Thực phẩm, có tiêu đề là “Dự thảo Quy định Thực phẩm (Sửa đổi số X) năm 2022”, liên quan đến các yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm đóng gói sẵn. Dựa trên các ý kiến góp ý nhận được trong thời gian tham vấn, các sửa đổi nhằm tạo thuận lợi thương mại đã được thực hiện như sau: 1. Miễn yêu cầu ghi thông tin nhận diện lô hàng trên nhãn đối với trái cây và rau quả tươi, nguyên vẹn, chưa bóc vỏ được đóng gói sẵn; 2. Bỏ quy định mới được đề xuất – Điều 12A – thực phẩm được quảng cáo hoặc bán trên các nền tảng thương mại điện tử, yêu cầu hiển thị các thông tin ghi nhãn bắt buộc đối với thực phẩm đóng gói sẵn được bán trực tuyến. Quy định hoàn chỉnh đã được công bố chính thức dưới tên Quy định Thực phẩm (Sửa đổi) năm 2025 vào ngày 31/01/2025 và sẽ có hiệu lực từ ngày 30/01/2026.
68	G/SPS/N/CAN/1506 /Add.1	TTBVTV	Canada	17/4/2025	Chỉ thị D-22-03: Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu và vận chuyển nội địa vật liệu từ cây nho dùng để nhân giống hoặc cành tươi để trang trí.	Yêu cầu kiểm dịch thực vật trong thông báo số G/SPS/CAN/1506 (ngày 16/5/2023) đã chính thức có hiệu lực kể từ ngày 16/4/2025. Yêu cầu này đã được cập nhật trong Hệ thống nhập khẩu (AIRS) của Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) tại địa chỉ: https://inspection.canada.ca/en/importing-food-plants-animals/airs Giấy phép nhập khẩu được cấp trước thời điểm các yêu cầu mới có hiệu lực sẽ không được sửa đổi, và những tuyên bố trước đây vẫn được tiếp tục được CFIA chấp nhận trong suốt thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ thị D-94-34: về yêu cầu nhập khẩu đối với vật liệu nhân giống cây nho sẽ bị bãi bỏ ngay lập tức.
69	G/SPS/N/USA/3381 /Add.4	CNTY	Hoa Kỳ	14/4/2025	Hoãn lấy mẫu xác minh đối với sản phẩm gà tấm bột không ăn liền	Cơ quan kiểm dịch và An toàn thực phẩm (FSIS) thông báo hoãn ngày bắt đầu lấy mẫu sản phẩm gà tấm bột không ăn liền (NRTE) để kiểm tra Salmonella, thời hạn các cơ sở sản xuất phải đánh giá lại kế hoạch phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) đối với các sản phẩm này được chuyển từ ngày 01/5/2025 sang ngày 03/11/2025.

						Trong thời gian này, FSIS sẽ hoàn thiện hướng dẫn cho các thanh tra viên và chuẩn bị nhân sự cho chương trình thanh tra (IPP) cùng các phòng thí nghiệm đối với quy trình lấy mẫu và kiểm nghiệm mới. Ngoài ra, FSIS sẽ cung cấp hướng dẫn cho ngành công nghiệp thực phẩm các hướng dẫn liên quan đến việc lưu giữ và kiểm soát sản phẩm trong khi chờ kết quả lấy mẫu của FSIS.
70	G/SPS/N/UKR/229/Add.1	CNTY	Ucraina	10/4/2025	Dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 537 ngày 07/5/2022	Ucraina thông qua dự thảo sửa đổi Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraina số 537 ngày 28/3/2025 về "Một số vấn đề kiểm soát của nhà nước nhằm kiểm tra việc tuân thủ luật về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm phụ từ động vật, sức khỏe và phúc lợi của động vật, kiểm soát thú y và vệ sinh của nhà nước về nhập khẩu hàng hóa vào Ukraine trong thời gian thiết chặt kỷ luật". Trong đó xác định những đặc thù của kiểm soát nhà nước đối với việc tuân thủ luật về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và sản phẩm phụ từ động vật trong thời gian thiết quân luật. . Nghị quyết này sẽ có hiệu lực từ ngày 02/6/2025.
71	G/SPS/N/TUR/88/Rev.1/Add.1	ATTP	Thổ Nhĩ Kỳ	09/4/2025	Thông tư của Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về các phương pháp lấy mẫu và phân tích để kiểm soát chính thức mức độ độc tố nấm mốc trong thực phẩm	Thông tư của Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về phương pháp lấy mẫu và phân tích để kiểm soát chính thức mức độ độc tố nấm mốc trong thực phẩm (Thông tư số 2025/7, được thông báo qua G/SPS/N/TUR/88/Rev.1 ngày 05/6/2024), hiện đã được thông qua và công bố trên Công báo ngày 27/3/2025 và được đánh số 32853. Quy định này có hiệu lực từ ngày 12/12/2025.
72	G/SPS/N/AUS/376/Add.8	TTBVTV	Úc	09/4/2025	Biện pháp khẩn cấp đối với cây giống và nuôi cấy mô nhằm ngăn ngừa vi khuẩn Xylella fastidiosa và các loài Xylella liên quan	Ngày 09/11/2015, Úc đã thông báo việc thực hiện các biện pháp khẩn cấp đối với việc nhập khẩu cây giống, mô nuôi cấy, cành ghép, cây có rễ, củ và hành giống nhằm ngăn ngừa dịch hại thực vật Xylella fastidiosa và các loài Xylella liên quan. - Từ ngày 11/4/2025, các biện pháp khẩn cấp sẽ được mở rộng áp dụng đối với tất cả các loài thuộc chi Cannabis (cây gai dầu, cây cần sa). - Từ ngày 28/4/2025, Úc sẽ áp dụng các biện pháp quản lý nghiêm ngặt hơn đối với cây giống ký chủ xuất khẩu từ Iraq.

						Những thay đổi này nhằm đảm bảo điều kiện nhập khẩu của Úc tiếp tục có hiệu quả trong việc giảm thiểu nguy cơ xâm nhập của Xylella. Các điều kiện nhập khẩu sửa đổi sẽ được công bố trên hệ thống BICON (Biosecurity Import Conditions) tại: https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/
73	G/SPS/N/EU/741/Add.1	ATTP, BCT, TTBVTV, CNTY, CLCB	Liên minh Châu Âu	02/4/2025	Quy định (EU) 2025/351 ngày 21/02/2025 sửa đổi Quy định (EU) số 10/2011 về vật liệu và sản phẩm nhựa dự kiến tiếp xúc với thực phẩm, sửa đổi Quy định (EU) 2022/1616 về vật liệu và sản phẩm nhựa tái chế dự kiến tiếp xúc với thực phẩm, bãi bỏ Quy định (EC) số 282/2008, và sửa đổi Quy định (EC) số 2023/2006 về thực hành sản xuất tốt và kiểm soát chất lượng đối với vật liệu, sản phẩm nhựa và nhựa tái chế tiếp xúc với thực phẩm.	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/741 (ngày 25/3/2024) đã được thông qua bởi Quy định (EU) 2025/351 ngày 21/02/2025 về việc EU sửa đổi Quy định (EU) số 10/2011 Quy định vật liệu nhựa, các vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm và sửa đổi Quy định (EC) số 2023/2006 về thực hành sản xuất tốt đối với các vật liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm liên quan đến nhựa tái chế, kiểm soát chất lượng, sản xuất vật liệu nhựa và các sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm. Nội dung được sửa đổi như sau: - Đảm bảo phù hợp với Quy định (EU) 2022/1616 về nhựa tái chế và Quy định (EU) số 528/2012 về các sản phẩm diệt khuẩn; - Đưa ra các yêu cầu về độ tinh khiết đối với các chất thu được từ chất thải và nguyên liệu tự nhiên, và; - Đáp ứng thử nghiệm di chuyển của vật liệu nhiều lớp và lặp lại thử nghiệm nhiều lần. - Bổ sung các quy tắc kiểm soát chất lượng vào Quy định (EC) số 2023/2006 về thực hành sản xuất tốt. Quy định này có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi kể từ ngày công bố trên Công báo chính thức của Liên minh châu Âu.
74	G/SPS/N/BRA/2361/Add.1	ATTP, TTBVTV	Bra xin	01/4/2025	Dự thảo Nghị quyết 1298, ngày 06/12/2024	Dự thảo Nghị quyết 1298, ngày 06/12/2024 thông báo trong G/SPS/N/BRA/2361 đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm số 354, ngày 26/3/2025. Quy định cập nhật các chuyên khảo về thành phần hoạt chất A29 - Acetamiprid, B26 - Bifentrin, B59 - Benalaxyl - M, C07 - Kasugamycin, C09 - Cymonaxil, C35 - Clomazone, C63 - Lambda -Cyhalothrin, C74 - Ciantraniliprole, D55 - Dinotefurano, F42 - Methyl Fluroxypyr, F46 - Flumioxazine, F47 - Fluazinam, F68 - Fluxapirroxade, G01 - Glyphosate, G05 - Glufosinate - Ammonium, L05 - Lufeniurum,

						M24 - Msma, M45 - Mandipropamid, P13 - Profenofós, S09 - Sulfentrazona, S13 - S -Metolachlor, T81 - Tolpiralate Và Z04 - Zoxamida trong Danh mục chuyên khảo về thành phần hoạt chất của thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ
75	G/SPS/N/UKR/224 /Add.1	ATTP	Ucraina	28/3/2025	Dự thảo “Về việc sửa đổi một số luật của Ucraina nhằm cải thiện quy định về sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung”	Ucraina thông báo việc thông qua dự thảo “Về việc sửa đổi một số luật của Ucraina nhằm cải thiện quy định về sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung” thành Luật của Ucraina số 4122-IX với tên đầy đủ: " Sửa đổi một số luật của Ucraina nhằm cải thiện quy định về sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung, và quy định về các vấn đề khác trong phạm vi chăm sóc sức khỏe", dự thảo ban hành ngày 05/12/2024. Luật được công bố vào ngày 26/3/2025 và có hiệu lực từ ngày 27/3/2025. Các quy định của Luật sẽ được áp dụng từ ngày 27/9/2025, ngoại trừ các khoản 1 và 5 của Mục I, khoản 3 của Mục II được áp dụng từ ngày 27/3/2025.
76	G/SPS/N/BRA/2360 /Add.1	ATTP, TTBVT	Bra xin	28/3/2025	Dự thảo Nghị quyết 1296, ngày 29/11/2024	Dự thảo Nghị quyết 1296, ngày 29/11/2024 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2360 đã được thông qua dưới dạng Hướng dẫn quy phạm số 349, ngày 18/3/2025 về việc đưa thành phần B70 - Baculovirus Erinnyis Ello vào Danh mục thành phần hoạt chất của thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ
77	G/SPS/N/BRA/2359 /Add.1	ATTP, TTBVT	Bra xin	28/3/2025	Nghị quyết dự thảo số 1295, ngày 29/11/2024	Dự thảo Nghị quyết số 1295, ngày 29/11/2024 được thông báo trong (G/SPS/N/BRA/2359) đã được ban hành bởi Hướng dẫn quy phạm số 348 vào ngày 18/3/2025 về việc bổ sung C92 – Chromobacterium subtsugae vào Danh mục chuyên khảo các hoạt chất dùng trong thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ.
78	G/SPS/N/BRA/2321 /Add.1	ATTP, TTBVT	Bra xin	28/3/2025	Dự thảo Nghị quyết 1271, ngày 05/8/2024	Dự thảo Nghị quyết 1271, ban hành ngày 05/8/2024 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2321 đã được thông qua dưới dạng Hướng dẫn quy phạm số 350, ngày 18/3/2025 về việc cập nhật các hoạt chất P06 - Permethrin và P34 - Pyriproxifem trong Danh mục

						chuyên khảo về hoạt chất sử dụng trong thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ.
79	G/SPS/N/SAU/528 /Add.2	CNTY	Vương quốc A-rập Xê-út	25/3/2025	Tiêu chuẩn chăn nuôi động vật - Thực hành nông nghiệp tốt của Vương quốc A-rập Xê-út	Bộ Môi trường, Nước và Nông nghiệp (MEWA) công bố các văn bản mới liên quan đến thông báo trước đó: 1. Tiêu chuẩn chăn nuôi gia cầm; https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/SAU/25_0234_2_00_e.pdf 2. Các bước đăng ký và chứng nhận các cơ sở gia cầm theo Thực hành nông nghiệp tốt của Vương quốc A-rập Xê-út (SAUDI GAP). https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/SAU/25_0234_2_00_x.pdf Ngày thông báo có hiệu lực đã được gia hạn thêm sáu tháng, cho đến ngày 17/9/2025.
80	G/SPS/N/NZL/776 /Add.1	TTBVTV	Niu Di-lân	21/3/2025	Ban hành tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu sửa đổi đối với hạt giống dùng để gieo trồng	Thông báo bổ sung liên quan đến việc sửa đổi “Tiêu chuẩn Sức khỏe Nhập khẩu hạt giống dùng để gieo trồng (155.02.05)” do Bộ Các ngành công nghiệp Cơ bản Niu Di-lân (MPI) ban hành. Nội dung sửa đổi đã được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/NZL/776 ngày 28/11/2024. Quá trình tham vấn đã kết thúc. Ngày 14/3/2025, MPI chính thức ban hành tiêu chuẩn sửa đổi đối với hạt giống dùng để gieo trồng – mã số 155.02.05. Tiêu chuẩn sửa đổi đã được công bố và có hiệu lực từ ngày 14/3/2025. Tất cả các nội dung thay đổi được đề xuất trong thông báo G/SPS/N/NZL/776 đều đã được chấp thuận và áp dụng chính thức trong phiên bản mới này.
81	G/SPS/N/FRA/20 /Add.1	TTBVTV	Pháp	13/3/2025	Lệnh ngày 23/02/2024 về việc đình chỉ nhập khẩu vào lãnh thổ Pháp và lưu hành trên thị trường Pháp sản phẩm trái cây và rau quả tươi từ các nước ngoài Liên minh châu Âu đã sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất thiacloprid	Lệnh NOR: AGRG2405380A ngày 23/2/2024 đình chỉ việc nhập khẩu và đưa ra thị trường tại Pháp (dù miễn phí hay phải trả tiền) các loại trái cây và rau quả tươi đã xử lý bằng sản phẩm bảo vệ thực vật có hoạt chất thiacloprid từ các quốc gia ngoài Liên minh châu Âu. Do những rủi ro nghiêm trọng đối với sức khỏe con người có thể xảy ra do tiếp xúc với hoạt chất thiacloprid qua chế độ ăn uống,

						chính quyền Pháp gia hạn cho đến khi các quy định MRL mới của châu Âu có hiệu lực vào ngày 12/5/2025.
82	G/SPS/N/TPKM/639 /Add.1	ATTP, TTBVT	Đài Loan (Trung Quốc)	12/3/2025	Tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm	Tiêu chuẩn Giới hạn Dư lượng Thuốc bảo vệ thực vật trong Thực phẩm được thông báo trong G/SPS/N/TPKM/639 ngày 13/12/2024 đã được thông qua và hiệu lực từ ngày 11/3/2025, cụ thể: - Xóa mức dư lượng tối đa (MRL) các hoạt chất 2,4-D và Captan đối với trái cây, rau, ngũ cốc và chè. - Sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) của 32 hoạt chất tồn dư trong trái cây, rau, ngũ cốc, đậu khô, hạt cây, thảo mộc, hoa bia và trà. - Thêm Prothiofos vào danh sách thuốc trừ sâu bị cấm sử dụng. (Chi tiết các mức MRL tại Tiểu mục III kèm theo)
83	G/SPS/N/ZAF/33 /Add.1	TTBVT	Nam Phi	10/3/2025	Luật An toàn thực vật (Kiểm dịch thực vật) số 35 năm 2024	Tổng thống Nam Phi đã phê duyệt Dự thảo "Đạo luật An toàn thực vật (Kiểm dịch thực vật) số 35 năm 2024". Đạo luật được công bố trên Công báo Chính phủ số 51806 vào ngày 20/12/2024. Đạo luật An toàn thực vật sẽ thay thế Đạo luật Sâu bệnh nông nghiệp số 36 năm 1983. Ngày áp dụng/thi hành vẫn chưa được xác định và sẽ do Tổng thống Nam Phi công bố.
84	G/SPS/N/TUR/132 /Add.1	ATTP, CNTY, TTBVT, CLCB, BCT	Thổ Nhĩ Kỳ	06/3/2025	Quy định về Tiêu chuẩn Vi sinh vật trong Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ	Quy định về Tiêu chuẩn vi sinh vật trong Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ, được thông báo qua G/SPS/N/TUR/132 (ngày 10/01/2023), đã được thông qua và công bố trên Công báo chính thức vào ngày 13/02/2025 với số hiệu 32812. Theo đó, các vi sinh vật như <i>Enterobacteriaceae</i> , <i>E. coli</i> trong một số nhóm sản phẩm đã bị loại bỏ khỏi dự thảo trước đó. Thay vào đó, các vi sinh vật gây bệnh như <i>Salmonella</i> , <i>E. coli</i> O157, <i>Listeria monocytogenes</i> đã được bổ sung nhằm tăng cường kiểm soát an toàn thực phẩm.
85	G/SPS/N/TUR/114 /Add.2	ATTP, TTBVT, CNTY	Thổ Nhĩ Kỳ	04/3/2025	Quy định của bộ luật thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về mức dư lượng tối đa của thuốc trừ sâu	Quy định của bộ luật thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về mức dư lượng tối đa (MRLs) của thuốc trừ sâu, được thông báo qua G/SPS/N/TUR/114 (ngày 08/7/2020) và được sửa đổi, bổ sung trong G/SPS/N/TUR/114/Add.1 (ngày 28/02/2024), đã được thông qua và công bố trên Công báo số 32775 ngày 07/01/2025.

						Quy định có hiệu lực từ ngày 07/4/2025. MRL đối với thực phẩm nhập khẩu được nêu tại Phụ lục 3 (Ek-3) của quy định.
86	G/SPS/N/TUR/79/Rev.1/Add.1	ATTP, TTbVTV, CNTY	Thổ Nhĩ Kỳ	04/3/2025	Thông cáo của bộ luật thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về phương pháp lấy mẫu và phân tích để kiểm soát mức độ nguyên tố vi lượng và chất gây ô nhiễm trong chế biến thực phẩm (Thông cáo số: 2024/10)	Thông cáo của bộ luật thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về phương pháp lấy mẫu và phân tích để kiểm soát mức độ nguyên tố vi lượng và chất gây ô nhiễm trong chế biến thực phẩm (thông cáo số: 2024/10), được thông báo trong G/SPS/N/TUR/79/Rev.1 (ngày 16/5/2024), đã được thông qua và công bố trên Công báo số 32811 ngày 12/02/2025. Quy định có hiệu lực từ ngày 12/12/2025.
87	G/SPS/N/TPKM/637/Add.1	CNTY	Đài Loan (Trung Quốc)	28/02/2025	Dự thảo sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu vắc-xin động vật”	Thông báo số G/SPS/N/TPKM/637 ngày 8/11/2024 về việc Đài Loan dự thảo sửa đổi "Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu vắc-xin động vật" liên quan đến Điều 18 (Phụ lục 16-2) của "Quy định về việc nhập khẩu các đối tượng phải kiểm dịch động vật" đã được ban hành và có hiệu lực vào ngày 07/2/2025.
88	G/SPS/N/TPKM/635/Add.1	CLCB, CNTY	Đài Loan (Trung Quốc)	28/02/2025	Sửa đổi Quy định kiểm dịch đối với nhập khẩu động vật giáp xác và thân mềm sống	Thông báo số G/SPS/N/TPKM/635 ngày 8/11/2024 về việc Đài Loan dự thảo sửa đổi "Quy định Kiểm dịch đối với Nhập khẩu Động vật Giáp xác và Thân mềm Sống", Điều 10 (Phụ lục 8-4) của "Quy định về Nhập khẩu Đối tượng thuộc Diện Kiểm dịch Động vật" đã được công bố và có hiệu lực từ ngày 7/2/2025.
89	G/SPS/N/TPKM/634/Add.1	CNTY, CLCB, BCT	Đài Loan (Trung Quốc)	28/02/2025	Sửa đổi Điều 15 của "Quy định nhập khẩu các mặt hàng phải kiểm dịch động vật" và các yêu cầu kiểm dịch liên quan	Thông báo số G/SPS/N/TPKM/634 ngày 8/11/2024 về việc Đài Loan dự thảo sửa đổi các quy và yêu cầu kiểm dịch, mô tả tóm tắt như sau: 1. Điều 15 của Quy định: A. Các sản phẩm động vật bị cấm nhập khẩu có thể được phép nhập khẩu từ các quốc gia (khu vực) có bệnh truyền nhiễm ở động vật được liệt kê trong khoản 1 Điều 15 của Quy định, nếu quy trình sản xuất và các biện pháp kiểm soát rủi ro của nước xuất khẩu được đánh giá và chứng minh là có khả năng ngăn chặn sự xâm nhập của các bệnh truyền nhiễm ở động vật, không gây ra nguy cơ lây truyền bệnh và được thiết lập các yêu cầu kiểm dịch. Các yêu cầu kiểm dịch nêu trên bao gồm các yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thịt gia cầm, các sản phẩm chế biến có chứa thịt, các sản phẩm động vật khô và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật, v.v..

						B. Do chưa có yêu cầu rõ ràng về khử trùng đối với thực phẩm đóng hộp có tính axit và xét đến việc thực phẩm đóng hộp chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật chủ yếu là thực phẩm đóng hộp có tính axit thấp, nên việc tham chiếu đến thực phẩm đóng hộp có tính axit đã bị loại bỏ. 2. Sản phẩm động vật khô và sản phẩm cá đông lạnh/làm lạnh chưa làm sạch nội tạng: Văn bản được sửa đổi để thay đổi chữ viết tắt của OIE thành WOAHO và việc cơ quan BAPHI, COA đã được tái cơ cấu thành APHIS, MOA. Do vậy không có thay đổi về nội dung. Quy định có hiệu lực từ ngày 07/2/2025.
90	G/SPS/N/BRA/2349 /Add.1	ATTP, TTBTVT	Bra-xin	28/02/2025	Dự thảo Nghị quyết 1287, ngày 11/10/2024	Dự thảo Nghị quyết 1287, ngày 11/10/2024 trong thông báo số G/SPS/N/BRA/2349 đề xuất thay đổi Danh mục chuyên khảo về thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, bao gồm: A02 - Acephate, A11 - Amethrine, A12 - Asulam, A26 - Azoxystrobin, A67 - Afidopyropene, B54 - Bixafem, C10 - Cypermethrin, C18 - Chlorothalonil, C20 - Chlorpyrifos, C35 - Clomazone, C63 - Lambda-Cyhalothrin, C66 - Cyazofamide, C74 - Cyantraniliprole, D39 - Dimetomorph, F43 - Fipronil, F46 - Flumioxazine, I21 - Indoxacarb, M32 - Metoxyfenozide, M55 - Metarylpicoxamide, Hoặc P23 - Propamocarb (Chlorhydrate), P50 - Picoxistrobin và P69 – Pinoxadem. <u>Đã được thông qua, ngày có hiệu lực 29/4/2025</u>
91	G/SPS/N/BRA/2229 /Add.1	ATTP, TTBTVT, CNTY, CLCB	Bra-xin	28/02/2025	Dự thảo Nghị quyết 1217, ngày 23/11/2023	Dự thảo Nghị quyết 1217, ngày 23/11/2023 đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2229 đã được thông qua bởi Hướng dẫn 344, ngày 20/02/2025 về quy định đặt ra các tiêu chí nhằm tối ưu hóa quy trình xét duyệt đơn xin đánh giá thực phẩm thông qua việc chấp nhận tài liệu giới thiệu được cấp bởi đối tác là cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.
92	G/SPS/N/CAN/1582 /Add.1	ATTP, TTBTVT	Canada	26/02/2025	Thiết lập mức dư lượng tối đa đối với florylpicoxamid	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đề xuất cho florylpicoxamid được thông báo tại G/SPS/N/CAN/1582 (ngày 27/11/2024) đã

						được thông qua vào ngày 24/02/2025. MRL được cập nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa như sau: <table><tr><td>MRL (ppm)</td><td colspan="2">Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến</td></tr><tr><td>0,03</td><td colspan="2">Lúa mạch (nhóm cây trồng phụ 15-21B)</td></tr></table>	MRL (ppm)	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến		0,03	Lúa mạch (nhóm cây trồng phụ 15-21B)	
MRL (ppm)	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến											
0,03	Lúa mạch (nhóm cây trồng phụ 15-21B)											
93	G/SPS/N/CAN/1575 /Add.1	ATTP, TTbVTV	Canada	26/02/2025	Thiết lập mức dư lượng tối đa đối với clethodim	Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đề xuất cho clethodim được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1575 (ngày 04/10/2024) đã được thông qua vào ngày 21/02/2025. MRL được cập nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa như sau: <table><tr><td>MRL (ppm)</td><td colspan="2">Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến</td></tr><tr><td>0,5</td><td colspan="2">Quả việt quất bụi thấp</td></tr></table>	MRL (ppm)	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến		0,5	Quả việt quất bụi thấp	
MRL (ppm)	Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến											
0,5	Quả việt quất bụi thấp											
94	G/SPS/N/THA/237 /Add.2	TTbVTV	Thái Lan	20/02/2025	Tiêu chuẩn Nông nghiệp Thái Lan: "Bộ quy tắc thực hành nuôi trồng nấm"	Rút lại dự thảo đã được thông báo trước đó về thiết lập tiêu chuẩn Nông nghiệp Thái Lan về quy tắc thực hành nuôi trồng nấm theo Tiêu chuẩn BE 2560 (2017), BE 2568 (2025).						
95	G/SPS/N/GBR/78 /Add.1	TTbVTV	Vương quốc Anh	20/02/2025	Sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072	Thông báo số G/SPS/N/GBR/78 ngày 18/12/2024 công bố kế hoạch sửa đổi luật đồng bộ của Vương quốc Anh (bao gồm Scotland, xứ Wales và nước Anh) theo Quy định (EU) 2019/2072 về cập nhật tần suất kiểm tra các sản phẩm thực vật rủi ro nhập khẩu từ một số quốc gia nhất định. https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/GBR/25_0155_0_00_e.pdf Các biện pháp này sẽ có hiệu lực vào ngày 30/5/2025.						
96	G/SPS/N/EU/780 /Add.1	TTbVTV, ATTP, CNTY	Liên minh châu Âu	20/02/2025	Mức dư lượng tối đa của fenbuconazole và penconazole trong và trên một số sản phẩm nhất định	Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/EU/780 (ngày 02/7/2024) đã được thông qua bởi Quy định (EU) 2025/195 ngày 03/02/2025 về sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa đối với enbuconazole và penconazole trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định đã được thông qua. Mức dư lượng tối đa của 02 chất này chủ yếu được điều chỉnh giảm ở một số hàng hóa, cụ thể trên một số sản phẩm như sau: <table><tr><td>Sản phẩm</td><td>fenbuconazole mới (ppm)</td><td>penconazole mới (ppm)</td></tr></table>	Sản phẩm	fenbuconazole mới (ppm)	penconazole mới (ppm)			
Sản phẩm	fenbuconazole mới (ppm)	penconazole mới (ppm)										

						<table><tr><td>Nhóm quả có mùi</td><td>0,5-1</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)</td><td>0,01</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm quả đang táo</td><td>0,5</td><td>0,01-0,3</td></tr><tr><td>Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêngvà các loại quả khác)</td><td>0,01</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh</td><td>0,01</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)</td><td>0,01</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Cà chua, dưa chuột .v.v..</td><td>0,01</td><td>0,06</td></tr><tr><td>Đậu bắp</td><td>0,01</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)</td><td>0,01</td><td>0,15</td></tr><tr><td>Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)</td><td>0,6</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm ngũ cốc (gao.v.v..)</td><td>0,01</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Trà</td><td>30</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Cà phê</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Mật ong</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>.....</td><td></td><td></td></tr></table> Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 24/8/2025.	Nhóm quả có mùi	0,5-1	0,01	Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,01	0,01	Nhóm quả đang táo	0,5	0,01-0,3	Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêngvà các loại quả khác)	0,01	0,01	Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,01	0,01	Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)	0,01	0,01	Cà chua, dưa chuột .v.v..	0,01	0,06	Đậu bắp	0,01	0,01	Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,01	0,15	Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01	Nhóm ngũ cốc (gao.v.v..)	0,01	0,01	Trà	30	0,05	Cà phê	0,05	0,05	Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)	0,05	0,05	Mật ong	0,05	0,05			
Nhóm quả có mùi	0,5-1	0,01																																																				
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,01	0,01																																																				
Nhóm quả đang táo	0,5	0,01-0,3																																																				
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêngvà các loại quả khác)	0,01	0,01																																																				
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,01	0,01																																																				
Nhóm rau dạng củ (hành, tỏi.v.v..)	0,01	0,01																																																				
Cà chua, dưa chuột .v.v..	0,01	0,06																																																				
Đậu bắp	0,01	0,01																																																				
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	0,01	0,15																																																				
Nhóm rau cải (Rau cải bó xôi)	0,6	0,01																																																				
Nhóm ngũ cốc (gao.v.v..)	0,01	0,01																																																				
Trà	30	0,05																																																				
Cà phê	0,05	0,05																																																				
Nhóm gia vị (hạt tiêu.v.v..)	0,05	0,05																																																				
Mật ong	0,05	0,05																																																				
.....																																																						
97	G/SPS/N/CHL/820 /Add.2	TTBVTV	Chi Lê	19/02/2025	Sửa đổi các nghị quyết về việc thiết lập yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với hạt giống, bổ sung các	Chilê thông báo rút lại dự thảo Nghị quyết về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với hạt giống, bao gồm các biện pháp kiểm soát cỏ																																																

					yêu cầu kiểm dịch thực vật để kiểm soát cỏ dại.	dại, được thông báo vào ngày 08/01/2025 trong G/SPS/N/CHL/820.		
98	G/SPS/N/CAN/1579 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Canada	17/02/2025	Mức giới hạn dư lượng tối đa đã thiết lập: Flonicamid	Mức giới hạn dư lượng tối đa đề xuất cho flonicamid được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1579 (ngày 18/11/2024) đã được thông qua vào ngày 12/02/2025. Các MRL đã được cập nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa như sau:		
						MRL đề xuất (ppm)	Sản phẩm	Ghi chú
						50	Cải thìa, cải xoong	
						40	Lá thảo mộc khô (nhóm cây trồng phụ 25B)	Các MRL đã thiết lập là 7,0 ppm đối với lá bạc hà khô được thay thế bằng MRL 40 ppm đối với lá thảo mộc khô (nhóm cây trồng phụ 25B)
						16	Củ cải (họ Maca), lá củ cải xanh	
						8,0	Lá rau diếp	
						7,0	Lá thảo mộc tươi (nhóm cây trồng phụ 25A)	MRL đã thiết lập là 7,0 ppm đối với lá bạc hà tươi được thay thế bằng MRL 7,0 ppm đối với lá thảo mộc tươi (nhóm cây trồng phụ 25A)
						1,4	Nhóm quả cây bụi thấp (nhóm cây trồng phụ 13-07B)	MRL đã thiết lập là 1,5 ppm đối với quả việt quất và quả nam việt quất được thay thế bằng MRL 1,5 ppm đối với nhóm quả mọng theo bụi rậm (nhóm cây trồng phụ 13-07B)
						0,4	Ngô ngọt (nhóm cây trồng phụ 15-21D)	

						Các sản phẩm bao gồm trong các nhóm/phân nhóm cây trồng được liệt kê có thể được tìm thấy trên trang web Dự lượng thuốc trừ sâu trên nhóm cây trồng.
99	G/SPS/N/BRA/2175 /Add.2	TTBVT	Bra-xin	17/02/2025	Nghị định SDA/MAPA số 1.237, ngày 28/01/2025 - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống của cây cảnh.	Sắc lệnh/MAP số SDA 1.237, ngày 28/01/2025 thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống của cây cảnh
100	G/SPS/N/TPKM/632 /Add.1	ATTP	Đài Loan (Trung Quốc)	13/02/2025	Quy định về hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với Axit γ -Aminobutyric được sản xuất bằng lên men vi sinh trong thực phẩm	"Quy định về hạn chế sử dụng và ghi nhãn đối với Axit γ -Aminobutyric sản xuất bằng lên men vi sinh trong thực phẩm", theo thông báo G/SPS/N/TPKM/632 ngày 27/08/2024, đã chính thức được ban hành vào ngày 13/02/2025. Ngoại trừ Điều 4 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, các điều khoản còn lại sẽ được áp dụng ngay từ ngày ban hành.
101	G/SPS/N/CAN/1544 /Add.1	ATTP, CNTY	Canada	13/02/2025	Lệnh bãi bỏ một số giấy phép tiếp thị đã được cấp phép theo Đạo luật Thực phẩm và Dược phẩm	Đề xuất "Bãi bỏ một số Giấy phép tiếp thị được cấp phép theo Đạo luật Thực phẩm và Dược phẩm" trong G/SPS/N/CAN/1544 (ngày 02/02/2024) đã được thông qua vào ngày 31/01/2025 và được công bố trên Công báo Canada, Phần II vào ngày 12/02/2025. Trong đó bãi bỏ 16 giấy phép tiếp thị đối với thực phẩm trùng lặp; 15 trong số đó liên quan đến các chất phụ gia thực phẩm được phép và 1 liên quan đến việc tăng cường vitamin D trong sữa, sữa dê và bơ thực vật.
102	G/SPS/N/CAN/1459 /Add.1	TTBVT	Canada	13/02/2025	Sửa đổi danh sách các thành phần bổ sung cho phép sử dụng chiết xuất hạt cây kế sữa <i>Silybum marianum</i> (L.)	Hệ thống thực phẩm và dinh dưỡng của Bộ Y tế Canada đã hoàn tất đánh giá an toàn đối với chiết xuất hạt kế sữa. Sau đánh giá này, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng chiết xuất hạt kế sữa có nguồn gốc từ hạt của cây kế sữa, <i>Silybum marianum</i> (L.) Gaertn., và được chuẩn hóa theo hàm lượng silymarin. Việc sử dụng an toàn chiết xuất hạt kế sữa như một thành phần bổ sung cho người trưởng thành, với liều lượng tương đương 600 mg silymarin mỗi ngày.. Sửa đổi trên có hiệu lực vào ngày 30/01/2025, ngày được công bố trong Danh sách các thành phần bổ sung được cấp phép.

103	G/SPS/N/CAN/1578 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Canada	11/02/2025	Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Spinosad	Mức giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho spinosad được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1578 (ngày 15/ 11/2024) đã được thông qua vào ngày 05/02/2025. MRL đã cập nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa như sau: <table><tr><td>MRL đề xuất (ppm)</td><td>Sản phẩm</td></tr><tr><td>0,07</td><td>Quả nam việt quất</td></tr></table> ¹ppm= một phần triệu	MRL đề xuất (ppm)	Sản phẩm	0,07	Quả nam việt quất																																		
MRL đề xuất (ppm)	Sản phẩm																																											
0,07	Quả nam việt quất																																											
104	G/SPS/N/EU/787 /Add.1	ATTP, TTBVTV, CNTY	Liên minh châu Âu	05/02/2025	Mức dư lượng tối đa của acetamiprid trong hoặc trên 1 số sản phẩm nhất định <table><tr><td>Sản phẩm</td><td>Mức MRL cũ (ppm)</td><td>Mức MRL mới (ppm)</td></tr><tr><td>Chuối</td><td>0,4</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Dưa chuột</td><td>0,3</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Bí xanh</td><td>0,3</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Dưa (Melons)</td><td>0,2</td><td>0,08</td></tr><tr><td>Bí ngô</td><td>0,2</td><td>0,08</td></tr><tr><td>Dưa hấu</td><td>0,2</td><td>0,08</td></tr><tr><td>Súp lơ (trắng, xanh)</td><td>0,4</td><td>0,06</td></tr><tr><td>Cải bắp</td><td>0,4</td><td>0,03</td></tr><tr><td>Rau cải bó xôi</td><td>0,6</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Măng tây</td><td>0,8</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Cà chua</td><td>0,5</td><td>0,06</td></tr><tr><td>Ớt chuông/ ớt ngọt</td><td>0,3</td><td>0,09</td></tr></table> Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 19/8/2025.	Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Chuối	0,4	0,01	Dưa chuột	0,3	0,05	Bí xanh	0,3	0,05	Dưa (Melons)	0,2	0,08	Bí ngô	0,2	0,08	Dưa hấu	0,2	0,08	Súp lơ (trắng, xanh)	0,4	0,06	Cải bắp	0,4	0,03	Rau cải bó xôi	0,6	0,01	Măng tây	0,8	0,01	Cà chua	0,5	0,06	Ớt chuông/ ớt ngọt	0,3	0,09
Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)																																										
Chuối	0,4	0,01																																										
Dưa chuột	0,3	0,05																																										
Bí xanh	0,3	0,05																																										
Dưa (Melons)	0,2	0,08																																										
Bí ngô	0,2	0,08																																										
Dưa hấu	0,2	0,08																																										
Súp lơ (trắng, xanh)	0,4	0,06																																										
Cải bắp	0,4	0,03																																										
Rau cải bó xôi	0,6	0,01																																										
Măng tây	0,8	0,01																																										
Cà chua	0,5	0,06																																										
Ớt chuông/ ớt ngọt	0,3	0,09																																										
105	G/SPS/N/EU/775 /Add.1	ATTP, TTBVTV, CNTY	Liên minh châu Âu	05/02/2025	Mức dư lượng tối đa của zoxamide trong hoặc trên 1 số sản phẩm nhất định G/SPS/N/EU/775 (ngày 26/6/2024) thông báo Quy định (EU) 2025/146 ngày 29/01/2025 sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa đối với zoxamide trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định đã được thông qua. Cụ thể mức MRL được điều chỉnh như sau:																																							

						<table><tr><th>Sản phẩm</th><th>Mức MRL cũ (ppm)</th><th>Mức MRL mới (ppm)</th></tr><tr><td>Nhóm quả có múi</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm quả đang táo</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêngvà các loại quả khác)</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Hành, tỏi</td><td>0,02</td><td>0,7</td></tr><tr><td>Cà chua</td><td>0,5</td><td>2</td></tr><tr><td>Ớt chuông</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Đậu bắp</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Dưa chuột</td><td>2</td><td>2</td></tr><tr><td>Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)</td><td>2</td><td>2</td></tr><tr><td>Cải bắp</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Rau diếp, xà lách, cải bó xôi</td><td>30</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Trà, cà phê</td><td>0,05</td><td>0,01</td></tr><tr><td>Hạt tiêu</td><td>0,05</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr><tr><td>.....</td><td></td><td></td></tr></table> Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 19/8/2025.	Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)	Nhóm quả có múi	0,02	0,01	Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,02	0,01	Nhóm quả đang táo	0,02	0,01	Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêngvà các loại quả khác)	0,02	0,01	Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01	Hành, tỏi	0,02	0,7	Cà chua	0,5	2	Ớt chuông	0,02	0,01	Đậu bắp	0,02	0,01	Dưa chuột	2	2	Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	2	2	Cải bắp	0,02	0,01	Rau diếp, xà lách, cải bó xôi	30	0,01	Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01	Trà, cà phê	0,05	0,01	Hạt tiêu	0,05	0,05	Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01			
Sản phẩm	Mức MRL cũ (ppm)	Mức MRL mới (ppm)																																																													
Nhóm quả có múi	0,02	0,01																																																													
Nhóm hạt (bao gồm lạc, hạt điều, maca.v.v..)	0,02	0,01																																																													
Nhóm quả đang táo	0,02	0,01																																																													
Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài, đu đủ, dứa, ổi, sầu riêngvà các loại quả khác)	0,02	0,01																																																													
Nhóm rau tươi hoặc đông lạnh	0,02	0,01																																																													
Hành, tỏi	0,02	0,7																																																													
Cà chua	0,5	2																																																													
Ớt chuông	0,02	0,01																																																													
Đậu bắp	0,02	0,01																																																													
Dưa chuột	2	2																																																													
Nhóm dưa (dưa hấu, bí ngô.v.v..)	2	2																																																													
Cải bắp	0,02	0,01																																																													
Rau diếp, xà lách, cải bó xôi	30	0,01																																																													
Nhóm ngũ cốc (gạo.v.v..)	0,02	0,01																																																													
Trà, cà phê	0,05	0,01																																																													
Hạt tiêu	0,05	0,05																																																													
Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật	0,02	0,01																																																													
.....																																																															
	G/SPS/N/EU/793 /Add.1	ATTP	Liên minh châu Âu	31/01/2025	Loại bỏ chất tạo hương vị 4-Methyl-2-phenylpent-2-enal (FL số 05.100) khỏi danh sách của Liên minh châu Âu	Dự thảo trong thông báo số G/SPS/N/EU/793 (ngày 04/9/2024) đã được thông qua bởi Quy định (EU) 2025/147 ngày 29/01/2025 sửa đổi Phụ lục I của Quy định (EC) số 1334/2008 về việc loại bỏ chất tạo hương vị 4-Methyl-2-phenylpent-2-enal (FL số 05.100) khỏi danh sách của Liên minh đã được thông qua.																																																									

						Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu.
	G/SPS/N/JPN/1307 /Add.1	ATTP	Nhật Bản	30/01/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật về sinh thực phẩm (quy định cuối cùng)	Thông báo trong G/SPS/N/JPN/1307 (5/11/2024), thiết lập các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho sản phẩm phản ứng cao su và axit amin-đường, cũng như việc sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho tá được cyclodextrin đã có hiệu lực vào ngày 23/1/2025.
	G/SPS/N/CAN/1452 /Add.1	ATTP, TTBVT	Canada	30/01/2025	Sửa đổi Danh sách các thành phần bổ sung trong sử dụng chiết xuất hạt nho (<i>Oligomeric proanthocyanidins</i>)	Bộ Y tế Canada đã hoàn tất đánh giá an toàn đối với chiết xuất hạt nho.. Các bằng chứng cho thấy việc sử dụng an toàn chiết xuất hạt nho với liều lượng tương đương 100 mg oligomeric proanthocyanidins mỗi ngày dành cho người trưởng thành. Bộ Y tế Canada đã kết luận rằng chiết xuất hạt nho (oligomeric proanthocyanidins) khi được sử dụng như một thành phần bổ sung theo các điều kiện sử dụng được nêu trong Phần IV của Danh sách các thành phần bổ sung được phép, không gây ra bất kỳ mối lo ngại nào về độc tính, dinh dưỡng hoặc dị ứng. Sửa đổi trên có hiệu lực vào ngày 16/1/2025. Cục Thực phẩm và Dinh dưỡng của Bộ Y tế Canada cam kết xem xét thông tin khoa học mới về tính an toàn của các thành phần bổ sung được phép, bao gồm chiết xuất hạt nho (<i>Oligomeric proanthocyanidins</i>).
	G/SPS/N/CHN/1300 /Add.1	TTBVT	Trung Quốc	23/01/2025	Yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với giá thể trồng trọt hữu cơ	Các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với môi trường trồng trọt hữu cơ được Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông báo trong G/SPS/N/CHN/1300 có hiệu lực, Quy định này sẽ được áp dụng từ ngày 1/7/2025.

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú: chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVT: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Cục Xuất nhập khẩu
- Bộ Công Thương. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện

Tiểu mục I
ĐÀI LOAN ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI MỨC MRL ĐỐI MỘT SỐ HÓA CHẤT
NÔNG NGHIỆP TRONG THỰC PHẨM

Điều 3

Phụ lục Bảng 1

Giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm

STT	Tên thuốc trừ sâu	Loại thực phẩm	Giới hạn Dư lượng tối đa (ppm)	Ghi chú
1.	2,4-D	Các loại thực phẩm (rau và trái cây)*	0,02*	Thuốc diệt cỏ
2.	2,4-D	Các loại thực phẩm (Hạt ngũ cốc)*	0,02*	Thuốc diệt cỏ
3.	2,4-D	Các loại thực phẩm (trà)*	0,1*	Thuốc diệt cỏ
4.	Acrinathrin	Quả táo	0,5	Thuốc diệt ve
5.	Bifenthrin	Các loại thực phẩm (trà)*	0,03*	Thuốc trừ sâu
6.	Butachlor	Các loại thực phẩm (trà)*	0,03*	Thuốc diệt cỏ
7.	Captan	Các loại thực phẩm (múc và trái cây)*	0,01*	Thuốc diệt nấm
8.	Captan	Các loại thực phẩm (ngũ cốc hạt)*	0,01*	Thuốc diệt nấm
9.	Captan	Các loại thực phẩm (trà)*	0,05*	Thuốc diệt nấm
10.	Cloranthraniliprole	Các loại thực phẩm (trà)*	0,03*	Thuốc trừ sâu
11.	Clorua	Quả nho	0,6	Chất điều hòa sinh trưởng
12.	Cyflumetofen	Các loại thực phẩm (hạt ngũ cốc)*	0,01*	Thuốc diệt ve
13.	Cyfluthrin	Các loại thực phẩm (hạt ngũ cốc)*	0,01*	Thuốc trừ sâu
14.	Cyfluthrin	Các loại thực phẩm (trà)*	0,03*	Thuốc trừ sâu
15.	Cyhalothrin	Các loại thực phẩm (hạt ngũ cốc)*	0,01*	Thuốc trừ sâu
16.	Cyhalothrin	Các loại thực phẩm (trà)*	0,03*	Thuốc trừ sâu
17.	Cypermethrin	Các loại thực phẩm (trà)*	0,03*	Thuốc trừ sâu
18.	Deltamethrin	Các loại thực phẩm (trà)*	0,03*	Thuốc trừ sâu
19.	Dimethenamid	Các loại thực phẩm (hạt ngũ cốc)*	0,01*	Thuốc diệt cỏ
20.	Etoxazol	Hạt bông	0,02	Thuốc diệt ve
21.	Etoxazol	Các loại thực phẩm (hạt ngũ cốc)*	0,01*	Thuốc diệt ve
22.	Etridiazol	Lá rau mùi	0,02	Thuốc diệt nấm
23.	Etridiazol	Ngải cứu	0,02	Thuốc diệt nấm

24.	Etridiazol	Lá cây thì là	0,02	Thuốc diệt nấm
25.	Fenbuconazol	Các loại thực phẩm (hạt ngũ cốc)*	0,01*	Thuốc diệt nấm
26.	Fenvalerate	Các loại thực phẩm (trà)*	0,03*	Thuốc trừ sâu
27.	Fluazaindolizin	Cà chua	0,01	Thuốc diệt tuyến trùng
28.	Fluopicolide	Các loại thực phẩm (trà)*	0,03*	Thuốc diệt nấm
29.	Flutriafol	Lúa mạch	1.0	Thuốc diệt nấm
30.	Flutriafol	Hoa bia	10.0	Thuốc diệt nấm
31.	Fosthiazate	Ồi	0,02	Thuốc diệt tuyến trùng
32.	Glufosinate-amoni	Khoai lang	0,03	Thuốc diệt cỏ
33.	Heptenophos	Các loại thực phẩm (hạt ngũ cốc)*	0,02*	Thuốc trừ sâu
34.	Hymexazol	Cải bẹ dưa	0,01	Thuốc diệt nấm
35.	Hymexazol	Cải dầu	0,01	Thuốc diệt nấm
36.	Hymexazol	Thanh-giang- cai	0,01	Thuốc diệt nấm
37.	Hymexazol	Cải xoăn	0,01	Thuốc diệt nấm
38.	Hymexazol	Cải bi	0,01	Thuốc diệt nấm
39.	Hymexazol	Củ cải đường	0,01	Thuốc diệt nấm
40.	Hymexazol	Cải mù tạt xanh	0,01	Thuốc diệt nấm
41.	Hymexazol	Cây rau tề	0,01	Thuốc diệt nấm
42.	Hymexazol	Cải xoăn	0,01	Thuốc diệt nấm
43.	Hymexazol	Cải mù tạt bi	0,01	Thuốc diệt nấm
44.	Hymexazol	Mâm súp lơ xanh	0,01	Thuốc diệt nấm
45.	Hymexazol	Củ cải bi	0,01	Thuốc diệt nấm
46.	Hymexazol	Cải ngọt Nhật	0,01	Thuốc diệt nấm
47.	Hymexazol	Cây cải lá	0,01	Thuốc diệt nấm
48.	Hymexazol	Rau xà lách	0,01	Thuốc diệt nấm
49.	Hymexazol	Rau diếp	0,01	Thuốc diệt nấm
50.	Hymexazol	Rau cải cúc	0,01	Thuốc diệt nấm
51.	Hymexazol	Kim thất tai	0,01	Thuốc diệt nấm
52.	Hymexazol	Cây bầu đất	0,01	Thuốc diệt nấm
53.	Hymexazol	Cây bìm bịp	0,01	Thuốc diệt nấm
54.	Hymexazol	Chi cúc	0,01	Thuốc diệt nấm
55.	Hymexazol	Long não	0,01	Thuốc diệt nấm
56.	Hymexazol	Hành lá	0,01	Thuốc diệt nấm
57.	Hymexazol	Hệ Trung Quốc	0,01	Thuốc diệt nấm
58.	Hymexazol	Mâm tỏi tây	0,01	Thuốc diệt nấm
59.	Hymexazol	Hoa hẹ	0,01	Thuốc diệt nấm
60.	Hymexazol	Ngò tỏi	0,01	Thuốc diệt nấm
61.	Hymexazol	Hành tím	0,01	Thuốc diệt nấm
62.	Hymexazol	Hành lá	0,01	Thuốc diệt nấm
63.	Hymexazol	Cần tây	0,01	Thuốc diệt nấm
64.	Hymexazol	Rau muống	0,01	Thuốc diệt nấm
65.	Hymexazol	Rau chân vịt	0,01	Thuốc diệt nấm
66.	Hymexazol	Cải cầu vồng	0,01	Thuốc diệt nấm
67.	Hymexazol	Lá lang	0,01	Thuốc diệt nấm
68.	Hymexazol	Cây rau dền	0,01	Thuốc diệt nấm
69.	Hymexazol	Lá diếp	0,01	Thuốc diệt nấm
70.	Hymexazol	Ngò tây Nhật	0,01	Thuốc diệt nấm

71.	Hymexazol	Rau mùi	0,01	Thuốc diệt nấm
72.	Hymexazol	Cây ngải cứu	0,01	Thuốc diệt nấm
73.	Hymexazol	Rau thì là	0,01	Thuốc diệt nấm
74.	Imidacloprid	Các loại thực phẩm (hạt ngũ cốc)*	0,01*	Thuốc trừ sâu
75.	Isocycloseram	Cam quýt	0,07	Thuốc trừ sâu
76.	Isocycloseram	Họ cải rau lá cuộn	0,6	Thuốc trừ sâu
77.	Isocycloseram	Cà chua	1.0	Thuốc trừ sâu
78.	Isocycloseram	Cà tím	1.0	Thuốc trừ sâu
79.	Isocycloseram	Ớt ngọt	1.0	Thuốc trừ sâu
80.	Isocycloseram	Ớt cay	1.0	Thuốc trừ sâu
81.	Isocycloseram	Kỷ tử	1.0	Thuốc trừ sâu
82.	Isocycloseram	Dưa vàng Nam Mỹ	1.0	Thuốc trừ sâu
83.	Isocycloseram	Cà chua Mỹ	1.0	Thuốc trừ sâu
84.	Mefentrifluconazol	Quả xoài	0,12	Thuốc diệt nấm
85.	Mefentrifluconazol	Ớt ngọt	0,4	Thuốc diệt nấm
86.	Oxathiapiprolin	Cà chua	0,15	Thuốc diệt nấm
87.	Penthiopyrad	Quả việt quất	5.0	Thuốc diệt nấm
88.	Pydiflumetofen	Mận khô	0,15	Thuốc diệt nấm
89.	Pyrimethanil	Quả lê	6.0	Thuốc diệt nấm
90.	Quinoxifen	Các loại thực phẩm (hạt ngũ cốc)*	0,01*	Thuốc diệt nấm
91.	Spiropidion	Đu đủ	0,3	Thuốc trừ sâu
92.	Spiropidion	Quả dâu	1.0	Thuốc trừ sâu
93.	Spiropidion	Quả nho	1,5	Thuốc trừ sâu
94.	Tetraniliprole	Hạnh nhân	0,03	Thuốc trừ sâu
95.	Tetraniliprole	Quả hồ đào	0,02	Thuốc trừ sâu
96.	Tetraniliprole	Quả táo	0,4	Thuốc trừ sâu
97.	Tetraniliprole	Quả cherry	1.0	Thuốc trừ sâu
98.	Tetraniliprole	Quả đào	0,6	Thuốc trừ sâu
99.	Tetraniliprole	Quả lê	0,4	Thuốc trừ sâu
100.	Tetraniliprole	Mận	0,3	Thuốc trừ sâu
101.	Tetraniliprole	Quả nho	1,5	Thuốc trừ sâu
102.	Tetraniliprole	Bưởi	0,3	Thuốc trừ sâu
103.	Tetraniliprole	Chanh vàng	0,4	Thuốc trừ sâu
104.	Tetraniliprole	Quả cam	0,7	Thuốc trừ sâu
105.	Tetraniliprole	Ngô	0,02	Thuốc trừ sâu
106.	Tetraniliprole	Đậu nành	0,2	Thuốc trừ sâu

「 * 」 không có nghĩa là các loại cây trồng được chấp thuận sử dụng thuốc trừ sâu, mà được thiết lập theo giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp phân tích. Tiêu chuẩn này áp dụng cho các loại cây trồng trừ loại được liệt kê trong ngoặc và các loại cây trồng có cùng giới hạn định lượng của phương pháp phân tích.

Điều 5

Phụ lục Bảng 4

Thuốc trừ sâu cấm sử dụng

Tên	Ngày cấm sản xuất và nhập khẩu	Ngày cấm bán và sử dụng
Prothiofos	09/01/2018	02/01/2019

Tiểu mục II
QUY ĐỊNH CỦA ỦY BAN (EU) .../...
Sửa đổi Quy định (EU) 2023/915 thiết lập mức dư lượng tối đa (MRLs)
của asen vô cơ trong cá và các loại hải sản khác.
(Bản dịch không chính thức)

PHỤ LỤC

Sửa đổi tiểu mục 3.4 (Asen), mục 3 (Kim loại và các nguyên tố khác), Phụ lục I như sau:

(1) Sửa đổi hàng 2 thành nội dung sau:

		Arsenic vô cơ (tổng của As ^(III) và As ^(V))	Mức dư lượng tối đa của asen vô cơ áp dụng cho tất cả các loại sản phẩm được liệt kê từ điểm 3.4.1 đến điểm 3.4.8.
--	--	--	--

(2) Sửa đổi, bổ sung mục 3.4.5 và hàng trên thành nội dung sau:

3.4	Sản phẩm	Dư lượng tối đa (mg/kg)	Ghi chú
3.4.5	Thịt cơ của các loại cá:		Áp dụng mức dư lượng tối đa cho trọng lượng ướt. Trường hợp cá ăn nguyên con, áp dụng mức dư lượng tối đa cho toàn bộ con cá. Trong trường hợp thực phẩm khô, sản phẩm có bổ sung nước hoặc thành phần nguyên liệu khác (diluted), chế biến và/hoặc là sản phẩm hỗn hợp, áp dụng Điều 3(1) và (2).
3.4.5.1	Các loài khác không được liệt kê trong điểm 3.4.5.2	0,10	
3.4.5.2	Cá lồng đèn, cá mặt quỷ và cá sao không lồ (loài <i>Lophius</i> ; <i>Kathetostoma giganteum</i>), cá bơn (loài <i>Pleuronetiformes</i>), cá tuyết chấm đen (<i>Melanogrammus aeglefinus</i>), cá trích (loài <i>Clupea</i>), cá đuối (loài <i>Rajidae</i>) và cá mập (bao gồm tất cả các loài).	0,50	
3.4.6	Động vật giáp xác		Áp dụng mức dư lượng tối đa cho trọng lượng ướt. Áp dụng mức dư lượng tối đa cho thịt cơ từ các phần phụ và vùng bụng, nghĩa là phần đầu ngực được loại trừ. Đối với cua và loại giáp xác thuộc giống cua (<i>Brachyura</i> và <i>Anomura</i>), áp dụng mức dư lượng tối đa cho thịt cơ từ các phần phụ. Trong trường hợp thực phẩm khô, sản phẩm có bổ sung nước hoặc thành phần nguyên liệu khác (diluted), chế biến và/hoặc là sản phẩm hỗn hợp, áp dụng điều 3(1) và (2).

3.4.6.1	Cua và các loài giáp xác thuộc giống cua (<i>Brachyura</i> và <i>Anomura</i>), tôm (tất cả các loài).	0,10	
3.4.6.2	Động vật giáp xác không được liệt kê trong điểm 3.4.6.1 và 3.4.6.3.	0,20	
3.4.6.3	Tôm hùm Na Uy (<i>Nephrops norvegicus</i>) và tôm hùm bông (thuộc giống <i>Jasus</i>)	1,5	
3.4.7	Động vật thân mềm hai mảnh vỏ		Áp dụng mức dư lượng tối đa cho trọng lượng ướt. Đối với loài sò điệp lớn (<i>Pecten maximus</i>) mức dư lượng tối đa chỉ áp dụng cho cơ khép và tuyến sinh dục. Trong trường hợp thực phẩm khô, sản phẩm có bổ sung nước hoặc thành phần nguyên liệu khác (diluted), chế biến và/hoặc là sản phẩm hỗn hợp, áp dụng điều 3(1) và (2).
3.4.7.1	Sò điệp	0,10	
3.4.7.2	Động vật thân mềm hai vỏ khác không được liệt kê trong điểm 3.4.7.1	0,50	
3.4.8	Động vật chân đầu	0,050	Áp dụng mức dư lượng tối đa cho trọng lượng ướt. Áp dụng mức dư lượng tối đa cho động vật sau khi loại bỏ nội tạng. Trong trường hợp thực phẩm khô, sản phẩm có bổ sung nước hoặc thành phần nguyên liệu khác (diluted), chế biến và/hoặc là sản phẩm hỗn hợp, áp dụng điều 3(1) và (2).

Tiểu mục III

(Kèm theo công văn số: /SPS-BNNVN, ngày tháng 4 năm 2025)

**VƯƠNG QUỐC ANH ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI MỨC MRL
ĐỐI VỚI HOẠT CHẤT HALOXY-P**

STT	Tên sản phẩm	Mức MRL cũ (mg/kg)	Mức MRL đề xuất (mg/kg)
1.	Nhóm quả có múi (bưởi, cam, chanh, quýt)	0,01	0,02
2.	Táo, lê, hồng xiêm, đào, mận, nho, chuối	0,01	0,02
3.	Cà rốt	0,09	0,01
4.	Rễ mùi tây	0,09	0,01
5.	Lúa mì	0,08	0,01
6.	Đậu (có vỏ)	0,01	0,5
7.	Đậu Hà Lan (có vỏ)	0,01	0,7
8.	Hẹ	0,09	0,01
9.	Đậu khô	0,15	0,01
10.	Đậu Hà Lan khô	0,015	0,2
11.	Hạt hướng dương	0,4	0,3
12.	Đậu nành	0,5	2
13.	Rễ cây củ cải đường	0,2	0,4
14.	...		

Phụ lục VI
LIÊN MINH CHÂU ÂU ĐỀ XUẤT
THAY ĐỔI MRLs ĐỐI VỚI HOẠT CHẤT
BENFLURALIN VÀ BENTHIAVALICARB-ISOPROPYL
(Kèm theo công văn số: /SPS-BNNMT, ngày tháng 5 năm 2025)

1. Benfluralin

STT	Tên sản phẩm	Mức MRLs cũ (ppm)	Mức MRLs đề xuất (ppm)
15.	Nhóm quả có múi (bưởi, cam, chanh, quýt)	0,02	0,01
16.	Nhóm trái cây (táo, lê, đào, sầu riêng, dứa, xoài, thanh long, ...)	0,02	0,01
17.	Nhóm quả mọng	0,02	0,01
18.	Nhóm rau ăn củ (Khoai tây, khoai lang, cà rốt, ...)	0,02	0,01
19.	Nhóm rau ăn quả (Cà chua, ớt chuông, dưa chuột, dưa hấu,...)	0,02	0,01
20.	Nhóm rau ăn lá	0,02	0,01
21.	Nhóm ngũ cốc (gạo, lúa mì,...)	0,02	0,01
22.	Nhóm các loại hạt (hạt điều, hạnh nhân,...)	0,02	0,01
23.	Trà, cà phê, ca cao	0,1	0,05
24.	Nhóm thảo mộc	0,05	0,02
25.	Nhóm cây gia vị	0,1	0,05
26.	Cây họ đậu (đậu Hà Lan, đậu lăng,...)	0,02	0,01
27.	Hạt có dầu và trái cây có dầu	0,02	0,01
28.	Sản phẩm nguồn gốc động vật (lợn, bò, cừu, dê, gia súc,...)	0,02	0,01
29.	...		

2. Benthiavalicarb-isopropyl

STT	Tên sản phẩm	Mức MRLs cũ (ppm)	Mức MRLs đề xuất (ppm)
1.	Nho	0,3	0,01
2.	Hạt điều	0,02	0,01
3.	Hành nhân	0,02	0,01
4.	Hạt dẻ	0,02	0,01
5.	Dừa	0,02	0,01
6.	Hạt thông	0,02	0,01
7.	Khoai tây	0,02	0,01
8.	Cà chua	0,3	0,01
9.	Cây họ đậu (đậu Hà Lan, đậu lăng,...)	0,02	0,01
10.	Hạt lanh	0,02	0,01
11.	Lạc	0,02	0,01
12.	Hạt vừng	0,02	0,01
13.	Đậu nành	0,02	0,01
14.	Hạt thầu dầu	0,02	0,01
15.	Gạo, ngô, lúa mạch, lúa mì	0,02	0,01
16.	Hành tây	0,02	0,01
17.	Hành tím	0,02	0,01
18.	Tỏi	0,02	0,01
19.	...		